

THƯ QUÁN BẢN THẢO

Giới thiệu tạp chí Hiện Đại



• *Vai trò tạp chí trong văn chương VN*

• *Thơ văn Hiện Đại*

• *Saigon nhiều người viết*

*NHẬT KÝ TỪ MỘT
NURSING HOME*

*15 năm ngày
sinh của TQBT*



Phố Saigon - Tranh Đinh Cường



SỐ 66 THÁNG 10- 2015

Thư Quán Bản Thảo - Tạp chí văn học nghệ thuật

TẬP 66, THÁNG 10, NĂM 2015

Chủ đề: Giới thiệu tạp chí Hiện Đại

Thư Tòa Soạn / 3

Sống và Viết

● Trần Hoài Thư (4) ● Phạm văn Nhân (22)

Chủ đề Tạp chí Hiện Đại

● **Hành trình của tạp chí Hiện Đại (25)**

● **Những chủ đề Hiện Đại (28)**

● **Trích từ Hiện Đại**

- **Nhiều người viết** : vai trò tạp chí trong văn chương VN (31)

- **Thơ Hiện Đại** : Nguyên Sa (66), Đinh Hùng (70), Hoàng Anh Tuấn (82)

- **Văn Hiện Đại** :

Doãn Quốc Sỹ : Con chuột chù (91)

Song Linh : Thức giấc nửa khuya (101)

Nguyên sa : Mây bay đi (113)

Mặc Đỗ : Con muỗi (120)

Mục thường xuyên

● **Văn** :

Khuất Đầu : *Quốc khánh chuột* (134)

Lê Ký Thương : *Saigon, nhớ ...* (134)

Cao Kim : *Về thu xếp lại* (142)

Huyền Chiêu : *Saigon vui trong phút giây thôi* (146)

Đinh Cường : *Nhớ Xóm Lách và Saigon hồi nhỏ khi ở Thủ dầu một về* (150)

Trần thị Nguyệt Mai : *Saigon thương nhớ không nguôi* (152)

Cam Li Nguyễn thị Mỹ Thanh: *Saigon tôi, những ngày còn mang tên* (161)

Lê sa : *Nhập nhà bóng đổ* (170)

Trang Luân : *đêm* (177)

Nguyễn Lê Uyên: *Thằng chả* (195)

Nguyễn Âu Hồng : *Tổn thất của thường dân trong chiến*

tranh VN... (208)

Phạm văn Nhân : *Hai bài viết cho hai người bạn* (218)

Thơ : Cái Trọng Ty (144), Lưu Trọng Tường (175), Nguyễn Thanh Châu (176), Duyên (204), Lê văn Trung (206)

Phụ trang: Thư mục sách xuất bản (243)

Giữa Tòa soạn và thân hữu (247)

Trình bày bìa, nội dung : THT

Liên lạc :

Trần Hoài Thu

719 Coolidge Street

Plainfield, NJ 07062

Email : tranhoaitu16@gmail.com

THƯ TÒA SOẠN

Tạp chí Thư Quán Bản Thảo số 66 đánh dấu 15 năm ngày ra đời của một tạp chí văn học hải ngoại được thực hiện hoàn toàn bằng phương pháp thủ công nghệ.

Số báo 66 này chúng tôi dành nhiều trang cho việc giới thiệu tạp chí Hiện Đại do nhà thơ Nguyễn Sa chủ trương vào năm 1960. Dù tạp chí này chỉ hiện diện trong vòng một năm ngắn ngủi (1960) với 9 số nhưng nó đã để lại một kho tàng di sản văn chương miền Nam quý giá, nhất là những chủ đề do tạp chí đã thực hiện mà chúng tôi sao chụp và từ từ đăng lại trên TQBT số này và số kế tiếp.

Đồng thời chúng tôi cũng sao chụp tập Hiện Đại số 4 chủ đề “Saigon ban đêm” phát hành tháng 7-1960 (giấy khổ lớn) hầu góp vào một Saigon được viết bởi nhiều tác giả trong số này. Nếu bạn muốn có tập báo giá trị và quý hiếm này, xin vui lòng cho chúng tôi biết.

Cuối cùng thay mặt nhóm chủ trương, chúng tôi xin gửi đến quý bạn những lời chúc tốt đẹp nhất của chúng tôi.

Trân trọng,

Trần Hoài Thu

Chủ trương Tạp chí TQBT

SÔNG VÀ VIẾT

Trần Hoài Thư

Thư Quán Bản Thảo lên 15 tuổi...

TQBT số 66 này đánh dấu 15 năm ngày sinh của một tạp-chí mà tòa soạn được đặt dưới hầm nhà cách Nữ Uớc khoảng 35 phút xe chạy.

Nó ra đời khi đất Mỹ còn đang trong cơn kinh hoàng vì biển cổ 911. Nó đã dính đầy bụi xi măng từ bên kia bờ Hudson theo gió tạt về bên này bờ. Và nó đau đớn như chúng tôi, trên trang đầu tiên của số đầu tiên:

*Ta đứng bên này bờ Nữ Uớc
Bên kia thành phố khói che trời
Dưới đồng hoang tàn thê thảm ấy
Xin tìm dùm anh em mất tích:
Twin towers*

Nó có nhà in riêng nhưng sự thật nhà in của nó không giống bất cứ một nhà in nào trên quả đất này:

Không giống bởi vì máy móc in ấn toàn là những đồ sắp phế thải, cho không ai nhận, mang về để chôn nhà. Cái dao cắt giấy thì phải đu như Tarzan đu mới có thể cắt một cuốn báo dày 400 trang !.

Nó là một tạp chí văn học thuần túy nhưng sự thật không giống bất cứ một tạp chí văn học nào:

Không giống vì nó dám thực hiện những chủ đề chưa có tờ báo nào, dù mạng hay đất dám thực hiện. Ví dụ chủ đề về Phùng Thăng, Nguyễn thị Thanh Sâm, Hoàng Ngọc Hiền, tạp chí Sáng Tạo, Khởi Hành, Văn Đề, Trình Bày, Thời tập và giờ đây là Hiện Đại..

Không giống vì nó nghèo rớt mồng tơi mà lại chơi sang, chơi đẹp hơn ai. Mỗi kỳ báo thường kèm theo những phụ tập. Ví dụ số chủ đề Sáng Tạo kèm theo Thơ ST, tuyển truyện ST, Thảo Luận ST. Riêng số này kèm theo Hiện Đại tập 4 chủ đề Saigon Ban Đêm...với phụ bản tranh Tạ Ty in màu trên giấy láng !

Không giống vì nó chưa bao giờ ghi giá tiền, không một trang quảng cáo, in chỉ biểu tặng. Độc giả tùy tâm tùy hi cho tem.

15 năm trôi qua. Một tập ra đời đã là niềm vui, hướng hồ đến 66 tập. Chúng tôi nhân ngày sinh của tạp chí này, xin được gửi đến quý bạn hữu những lời cảm ơn chân thành và trân trọng nhất của chúng tôi.

Bởi nó được may mắn có quý bạn xem nó như đứa con chung, yêu thương nó, và hết lòng đùm bọc nó.

Những đoạn nhật ký rời ở nursing home

Ngày 1 tháng 2 năm 2013

(Viết sau khi Y. bị đột quỵ lần thứ nhất)

1. Mới từ nhà dưỡng lão trở về. Sáng nay đến trễ vì cả đêm cứ chập chờn giấc ngủ. Đến gần sáng mới thiếp đi. Bất dậy, thì mang hai bộ quần áo bỏ vào máy giặt. Y. cần có quần áo để thay khi làm *rehab*. (*Physical Therapy*).

Nhà dưỡng lão cách nhà 10 phút. Bây giờ nó chính là mái nhà thứ hai. Bà trực ở phòng khách đã quá quen nên khỏi cần nhắc bảo mình ký tên vào cuốn sổ khách viếng thăm. Quá quen với những căn phòng mở cửa, và những người có mặt. Mỗi phòng hai người già. Có phòng một người. Tự hỏi, họ sẽ kéo cuộc đời này đến bao lâu nữa. Chẳng lẽ sống để cứ nằm chờ đợi như thế này. Vẫn bà lão Mỹ đen, ngồi trên

xe lăn, ở một góc phòng. Vẫn ông lão Mỹ trắng, mắt nhắm nghiền trên giường. Vẫn bà lão giữ một căn phòng bẽ bộn sách báo. Họ có mặt để níu kéo cuộc đời, hay họ có mặt để chịu một hình phạt ?.

Vào phòng số 10, phòng của Y. Thêm một bạn-phòng (roommate) bên cạnh. Một bà lão Mỹ trắng, trên 80 có lẽ. Y. kể cả đêm cả khu dưỡng lão bị đánh thức bởi bà thổi còi tu huyết inh ỏi. Thột đầu bà nhờ Y. giúp bà cái gì đó, nhưng Y. bảo tôi bị stroke làm sao ngồi dậy được, sau đó bà bấm cái nút điện dành để gọi người giúp. Chẳng ai đến. Cuối cùng bà lấy cái còi, và thổi.

Y. vừa kể vừa cười khúc khích. Xem Y. vui. Như hôm kia, Y. kể Y. đã dạy tiếng Việt cho đám phụ trách về tập luyện therapy. Crazy là điên, thêm một nghĩa nữa là khủng. Đến nỗi, gặp ai, cậu thanh niên phụ trách cứ nói: you điên, you khủng rồi cười hô hô.

Vâng, ít ra đó là một chút lạc quan để mà kéo dài những ngày tháng quá sức buồn thảm như thế này. Với tôi, chắc tôi chịu không nổi. Nhất là bên cạnh là bà lão tu huyết, tánh tình rất khó khăn. Tôi đã cự lại bà ta, khi bà bảo tôi *quiet*, dù tôi hết sức nói rất nhỏ, và là giờ thăm nuôi (8:30 AM). Ngay cả người phụ việc, mang khay đồ ăn sáng đến bà cũng la: *Get out of here*.

Viết ra những chi tiết như vậy, để bạn hiểu về hoàn cảnh của người bị buộc vào nhà nursing home như Y. May mà Y. có tánh hay thích khôi hài. Dù là chuyện cười trong nước mắt.

**

Hôm qua, nhận thư của TH, người độc giả kỳ cựu của tạp chí TQBT. Kèm theo thư là bài viết. Không ngờ TH viết hay quá. Vây mà cô lại dấu.

Một từ mà TH dùng rất hay, lại dí dỏm. Thay vì nói bán thân bất toại, nửa phần thân thể bị liệt, không thể chủ động được, cô lại dùng hai chữ đình công. Rõ ràng tiếng Việt quá chừng phong phú.

Hy vọng, khi TQBT ra lại, sẽ mời cô cộng tác. TH. Em không được quyền thoái thác nhé.

Ngày 3 tháng 2 năm 2013

Blue Cross & Blue Shield mới cho biết là đã trả một số tiền khổng lồ. Đó chỉ là Medigap tức là Medicare supplement. Còn Medicare thì chắc chắn là khủng khiếp hơn. Phải gấp 4 lần hay hơn thế nữa.

Có thực mới vực được đạo. Có ở trong hoàn cảnh của chúng tôi mới hiểu được tại sao medicare là một vấn nạn từ thời tổng thống này qua tổng thống khác. Một đảng tìm mọi cách moi tiền của chánh phủ. Một đảng thì tìm mọi cách hạn chế sự chi tiêu. Đó là lý do tại sao Y. lại được chuyển đến nursing home sau 3 tuần nằm ở bệnh viện.

Bởi vì medicare chỉ cho phép nằm trong bệnh viện tối đa là 3 tuần, với số tiền cho phép là khoảng cả ngàn đô la một ngày. Sau ba tuần, phải tìm chỗ nào rẻ hơn, để tiếp tục thêm một hai tháng nữa. Sau đó là trả bệnh nhân về nhà, với một chương trình khác là home care (săn sóc tại gia), dĩ nhiên là việc trả chi phí phải hạn chế hơn.

Họ đã cho tôi một danh sách khoảng vài chục nursing home để chọn. Tôi chọn một chỗ gần nhà. Chỉ 10 phút lái xe. Tôi chọn sự tiện lợi cho tôi. Nhưng tôi không thể chọn được sự bình yên cho Y.

Bởi nursing home là một cõi mớ dành cho những người không còn hy vọng nữa. Nói nôm na là bị xã hội chê bỏ, gạt ra ngoài lề, cố bám vào cuộc sống được ngày nào hay ngày nấy. Nhưng Y. thì khác. Chưa đến lúc nhưng phải có mặt. Để mỗi ngày một lần, ngồi trên xe lăn và được đẩy vào căn phòng rộng, với những dụng cụ dành cho việc trị liệu, rồi sau đó, được đẩy về lại cùng căn phòng, mà người roommate 88 tuổi, nằm chờ thân nhân, hay cau có cùng người giúp việc. Để nhận cùng một số phận như những người xung quanh.

Tôi nhìn Y. tập. Người phụ trách đỡ nâng chân trái, tay trái

lên cao và luôn luôn khuyến khích để Y. gắng tự làm một mình. Mỗi lần làm như vậy là Y. nhắm mắt, nhắm mắt, chắc đau lắm, hay khó khăn lắm. Rồi đến lượt tập quay tay. Buộc nguyên cả bàn tay trái vào *pedal*, mở máy chạy. Trục quay từ từ. Hai cánh tay cũng quay theo trục. Chân cũng vậy. Rồi nâng tạ. Rồi bóp ngón tay. Người tập thông thả, ung dung, cười giòn. Họ làm sao biết là lòng tôi cảm động biết bao. Y. bây giờ như một em bé tập đi, tập đứng, tập cầm, tập vịn.

Biết đến bao giờ thì có thể cầm vịn vào chiếc xe *walker* để mà đẩy một mình. Tôi hỏi người tập cho Y. Anh ta nói anh không biết. *Take time*. Nhưng mà vợ ông là người có ý chí. Xem mỗi lần bà nhắc tay, nhắc chân lên thì biết. Đau lắm...

Ngày 20 tháng 2 năm 2013

Có lẽ tôi sẽ không còn tiếp tục nhật ký này nữa. Tôi đã đuối sức. Tôi không thể làm gì hơn để cứu Y. ra khỏi địa ngục. Đêm qua, Y. trắng mắt vì bà lão cùng phòng cứ nói chuyện với người chết, dù y tá và phụ *nurse* đã nhiều lần dọa dẫm, nạt nộ. Rồi một lúc nào đó Y. cảm thấy đau nhói ở ngực, khó thở. Y. kêu cứu. Y tá báo động, cố tìm một chỗ trống khác cho Y. lánh tạm. Nhưng tất cả phòng đều đầy. Y tá hoảng hốt, nói là phải gọi tôi vào gấp. Họ sợ Y. có mệnh hệ gì không. Nhưng Y. khi nghe nói gọi chồng, thì tự nhiên cơn đau nhói khó thở chợt biến mất, Y. nói với họ là đã khỏe lại. Họ khỏi cần gọi tôi nữa.

Như vậy, ai còn biện hộ cho sự tốt đẹp của nursing home không. Nursing home là nhà dành cho người già, mà bệnh tình họ xem như bất trị, hay những người lớn tuổi mà thân nhân cần có một chỗ để thay mặt họ chăm sóc. Nó không thể là một trung tâm rehab để bắt người bình thường ở chung phòng với người bị bệnh tâm thần hay bệnh già... Trường hợp may mắn là người già ấy không bị bệnh tâm thần, không phá phách, không la gào tru tréo, không nói với người chết, hay không đòi về nhà, để bắt người bệnh stroke phải trắng mắt, phải chịu chung hình phạt như Y.

Như vậy, chỉ có cách là xin dời sang phòng khác. Và Y. đã dời đến lần thứ ba. Giờ là hết cách. Không còn phòng trống

nữa để mà dời. Mà nếu có một chỗ trống nữa thì liệu có khá hơn không, hay là tệ hơn trước ?

Tôi là người không bệnh mà còn muốn bề cả cái đầu, khi ngồi bên Y. để nghe bà lão nằm giường bên cạnh lâm nhảm một mình. Bà nói bất tận. Nói với người chết, với con cháu, với những nhân vật vô hình. Bà không chịu thay quần áo bệnh nhân, đòi phải mặc quần áo đẹp để về nhà. Trong khi ấy cá thân hình bà bị nhóp nhép bởi phân và nước tiểu. Tôi muốn ọe mửa vì cái mùi thúi tha kinh tởm ấy.

Như vậy mà Y. con mèo của tôi như Maica của cháu QT đã phải chịu đựng từ ngày này sang ngày khác.

Như vậy chỉ còn một cách là mang người bệnh về nhà để tự săn sóc và nhờ vào chương trình home care (săn sóc tại gia) của Medicare.

Nhưng mà chuyện mang về không phải là chuyện dân dị.

Biết bao nhiêu thủ tục giấy tờ để xin home care, giường bệnh, xe lăn, walker...

Nói thì dễ, nhưng thật tế thì không dân dị như mình tưởng.

Bao nhiêu việc phải làm.

Có người sẽ thắc mắc tại sao tôi không chịu chuẩn bị ?

Vâng, tôi đã chuẩn bị tất cả. Trừ những gì mà người ta nói là medicare sẽ giúp sau khi xuất viện như giường, xe lăn, xe đẩy v.v...

Cái đầu gối của tôi vẫn còn sưng vù vì sự chuẩn bị này.

Tôi đã gặp bà *Social worker* phụ trách để nói rõ chuyện xảy ra hồi đêm và nhờ bà ta giúp cứu Y. Nhưng mà bà ta cũng lắc đầu. Bà nói phải nhẫn nại. Nơi này là vậy. Bà nhà đã đổi chỗ ba lần rồi. Không còn chỗ nào cho bà nữa, ngoài trừ private room, nhưng private room cũng đã đầy.

Bây giờ, cách cuối cùng là xin Y. được về nhà càng sớm càng tốt. Trong lúc chờ đợi, tạm thời gặng an ủi Y. Tìm mọi cách để giảm độ nghe bằng cách khuyên Y. dùng headphone khi nghe nhạc. Và nhờ earplug (đồ nhét tai để tránh âm thanh) có bán ở cửa tiệm pharmacy. Riêng về mùi thúi thì dùng dầu thơm xịt quanh.

Đáng lẽ tôi đã viết những thảm kịch này trong những bài trước đây. Nhưng tôi không muốn người đọc, nhất là những bạn bè thân hữu của Y. phải vì bài viết mà lo âu. Và Y. cũng

muốn như vậy. Qua điện thoại với bạn bè, Y. luôn luôn kể về sự tiến triển chứ không bao giờ than thân trách phận. Chúng tôi muốn mang màu xanh để thay vào màu xám âm đạm. Bây giờ, tôi không thể che giấu được nữa. Phải nói hết. Nói về cái bất lực mà một thằng chồng phải nhìn vợ mình chịu đựng hằng đêm. Có nghĩa lý gì khi cứ theo em để thiên hạ đọc, hả. Có ích gì khi mang bài học cho kẻ khác mà chính mình là nạn nhân. Mình đâu phải là bậc vĩ đại, một vị chân tu, để chịu tự chấp nhận khổ nạn cho người khác. Những lần miệt mài bắt Y. đưa chân lên, chân xuống, bóp những ngón tay, hay xoa bóp bằng loại dầu mà Y. cứ xem là thần dược có giúp gì khi đầu óc muốn nổ tung. Nhất là hồi đêm khuya, y tá trực muốn gọi tôi vào vì sợ Y bị mệnh hệ gì chẳng?

Trời ơi. Tôi phải làm gì. Người ta nói hãy cầu nguyện. Để quá má. Cứ nhắm mắt. Cứ thắm thì. Cứ van vái. Để quá mà. Không có việc gì dễ hơn là việc cầu nguyện. Một phút dành cho người đã khuất những anh linh tử sĩ. Và một phút bắt đầu. Để rồi nhắm mắt im lặng. Không đòi hỏi một sự tổn công, tổn sức suy nghĩ. Như tôi bây giờ. Tôi mất niềm tin chẳng. Dĩ nhiên. Nhưng mà tôi vẫn chiến đấu. Ngày xưa, tôi mang đôi kính dày nặng độ làm lính thám kích, chuyên đột nhập mật khu, chuyên đi đầu, hung hăng con bọ xít, lý tưởng kiểu anh hùng rơm, thì bây giờ tôi trở thành một lão già mềm mỏng, dịu dàng, dút đồ ăn cho vợ, chăm sóc vợ, nâng khăn sửa túi cho vợ, ngay cả lúc vợ đi cầu cũng vẫn đứng trực bên cạnh sợ vợ bị té ngã. Đừng thương hại tôi. Cứ xem như một cái job thom nhất mà tôi được làm và hãnh diện được làm, dù trước đây, luôn luôn mang cà vạt áo ôm hành trình của một cổ trắng lương tiền hậu hình...

Hôm nay tôi đã làm một chuyện khá táo bạo. Khi đẩy xe đến nhà khách, tôi bảo Y, đứng dậy tập bước. Công việc này đòi hỏi phải hai người. Tôi học điều này ở bệnh viện JFK trước khi Y. được chuyển đến đây. Tay phải Y. vịn vào cái thanh vịn bắt ở hông vách. Chân phải (chân không bị ảnh hưởng) thì đứng làm trụ. Từ từ nương theo thanh vịn, mà

bước. Đáng lẽ đằng sau luôn luôn có người đẩy xe đến gần, phòng người bệnh bị té mà đổ vào xe. Nhưng không có người, tôi đành bỏ chiếc xe càng xa vị trí. Nhưng mà không sao. Y. đứng và vịn rất vững, để tôi có thể bỏ Y vài mươi giây hầu chạy và mang xe lăn đến bên Y. Y. vui. Y. khoe đó ông thấy không, tôi có thể đi được mà. Cứ từ từ mà tập trước sau gì mình cũng đi được mà ông. Còn tôi vui vì niềm tự tin đến với tôi, là tôi có thể tự mình giúp Y. trong công việc đầy gay go cam khổ. Tôi nghĩ là tôi sẽ làm được. Nếu một ngày nào không xa, Y. trở lại nhà, được bước trên nền gạch bông quen thuộc. Chứ ở đây, thì biết đến bao giờ ? Càng ở lâu, thì họ càng lấy tiền nhiều của chánh phủ. Có phải vậy không ?

Bạn thấy không. Luôn luôn ở cuối bài viết của tôi là sự hy vọng, là nghị lực. Có nghĩa là tôi vẫn còn tiếp tục chiến đấu, lưng vẫn thẳng, như một thời chơi với Sao Vàng Bình Định:

*Thì đi đột kích trong lòng địch
Chạm tiếp nồi cơm họ Bắc quân
Cơm nóng thầy trò ăn đỡ đói
Ha hả cười cơm của nhân dân...*

.....

Ngày 23 tháng 2 năm 2013

Một điều tôi đề ý là ý thức độc lập rất mạnh trong người Y. Y. tin là sẽ trở lại bình thường. Những lần trò chuyện với bạn bè qua điện thoại, Y luôn luôn nói về sự tiến triển đầy lạc quan, khiến người bên kia đầu giây phải vui mừng không xiết.

Hôm qua giúp Y. đi cầu trong nhà vệ sinh. Khi Y. cầm tay vịn, đứng dậy để chờ tôi kéo quần xuống, thì Y. bỗng nhiên buông tay và sắp ngã. Tôi hoảng hồn ôm vào thân và đỡ Y. trở vào xe lăn. Khoảng trống rất chật nên rất khó khăn. Y. ngã trên người tôi. Tôi cũng muốn té theo. May mà sau đó mọi sự trở lại bình thường. Y. nói là tại chỗ quá chật, bị trượt.

Bởi vậy, việc đòi hỏi trước khi người bệnh được trở về nhà là phải tự mình có khả năng đi cầu một mình. Tôi đồng ý điều này khi một người có thẩm quyền cho tôi biết về điều kiện xuất viện. .

Nhưng mà, tôi biết ở đây, Y. sẽ không bao giờ Y. có khả năng ấy, khi mà tinh thần Y. bị khủng hoảng trầm trọng, vì phải chịu đựng những nhát búa, những cây đinh vô hình đóng vào thân kinh hệ ngày và đêm. Bà lão nằm bên cạnh, rất hiền từ, nhưng căn bệnh của bà thì không hiền từ chút nào. Bà như một kẻ đồng thiếp làm nhảm một mình, nói chuyện liên tu bất tận. Không phải nói nhỏ mà nói lớn.

Bởi vậy, bằng mọi giá phải mang Y. về nhà. Và tôi đã viết thư gọi ban giám đốc. Một lá thư sao sẽ gửi cho vị bác sĩ gia đình phụ trách, khi có dịp ông đến thăm Y.

Dù biết sẽ gặp khó khăn gấp trăm ngàn lần, nhưng tôi tin với không khí gia đình, với trí não thanh thần, và với sự tập luyện, nhất là với ý thức độc lập rất mạnh trong người, Y. sẽ hồi phục.

Chỉ mong Ông Trên thương cho tôi được mạnh khỏe để tôi giúp Y. Tuổi đã thất thập rồi còn gì. Hơn nữa, tôi lại mang bệnh Gout khá lâu. Khi thì phát khi thì lắng, không biết chừng.

Cũng xin đừng thương hại tôi. Tôi không cần ai thương hại. Đây là cái job thom nhất mà tôi được nhận trong suốt cuộc đời mình. Cái job giúp tôi hôn lên bàn chân khổ nạn của Y. để càng hiểu tại sao Chúa Jesus lại hôn lên bàn chân của môn đồ Ngài, dù trong số môn đồ ấy có kẻ phản trắc.

Cái job tôi biết là cuộc đời là sinh lão bệnh tử, nó quá phù du và mong manh.

Mới vui đó, giờ là khóc đó.

Mới hạnh phúc đó, giờ là đau khổ đó.

Cái job làm tôi gần gũi hơn với người bạn đời, biết nhẫn nhục, biết tha thứ, biết thương yêu. Cái tay này khi đưa lên trên gối là phải đưa lên rất nhẹ, là phải nắm lấy thật dịu dàng, như muốn chuyễn vào tất cả lời cầu nguyện, phép lạ sẽ đến, tự nhiên những ngón tay này sẽ chuyễn dịch...

Cái job làm tôi càng thương yêu đến bản thân mình hơn.

Bởi vì tôi may mắn vẫn còn khỏe mạnh. Biết bao nhiêu người bất hạnh hơn tôi ?

Hôm qua, vào giờ ăn trưa, một bà tìm đến bàn Y. Bà ta xưng là người ở văn phòng *home care*. Bà cho biết giấy tờ thủ tục về săn sóc tại gia xem như đã xong. Một tuần, người của *home care* sẽ đến hai hoặc ba lần, *medicare* sẽ trả 100%, ông bà đừng lo lắng gì cả. Tôi hỏi bà chừng nào Y. rời đây bà rất lịch sự *I am very sorry*, bà không biết. Ông nên hỏi ở ban giám đốc, *social worker* ở đây.

Tôi đã nghe cái từ *I am very sorry* nhiều lần. Nó nói lên tấm lòng thành hay là một lời giả ngụy ?

Nhớ lại ngày đầu tiên khi vào văn phòng ký xấp giấy tờ, người đàn bà phụ trách cũng một mực *I am very...* Thái độ thật nhún nhường. Lời nói rất lịch sự. Nhưng sau đó, sau khi ký giấy tờ xong, thì mọi sự đổi khác. Cô ta lạnh lùng khi giáp mặt, nếu lịch sự thì giờ tay và *hi*, rồi đi nhanh.

Nhưng mà không sao. Đây là một dấu hiệu tốt. Bà ta trước khi ra về, nhắc hễ mà bà nhà về nhà, gọi chúng tôi, chúng tôi sẽ cử người đến nhà...

*

Bây giờ những người phụ nurse xem như tôi là một phần tử của viện. Tôi giúp họ đỡ một gánh nặng như mang Y. vào xe lăn, hay mang từ xe lăn trở lại giường, giúp người bệnh đi đại tiện hay tiểu tiện. Tôi như một nhà tâm lý học, giúp Y. quên đi thực tại bằng cách đẩy xe đưa Y. đến nhà ăn sáng, trưa và chiều. Ít ra nơi này cũng giúp người bệnh được sống lại trong một xã hội thu nhỏ, với những cảnh tượng sinh động. Từ những người phục vụ, bận rộn cùng với những khay đồ ăn, hay bình cà phê. Từ những người phụ nurse giúp đẩy xe chở người bệnh đến bàn, ngồi bên cạnh, kiên nhẫn với từng muỗng cháo, muỗng súp đút vào miệng người bệnh. Cái bàn chúng tôi mang số 18. Bàn 17 có một bà lão 79 tuổi, hai bàn tay xem như co quắp lại. Bà ta nói

liên miên. Phê bình người này. Nhận xét người khác. Không ai dám nói chuyện với bà. Và bà tìm đến chúng tôi mà nói.

Dù chỉ ở một tháng nhưng hầu như bà biết rõ tánh tình của hầu hết những người xung quanh. Chẳng hạn khi bà nhắc đến bà lão ở bàn 21 đằng sau chúng tôi, bà bảo bà ta là mẫu người không bao giờ nở nụ cười, chẳng bao giờ mở ra một lời cảm ơn, và ưa gây chiến với kẻ khác. Y. bảo Y. sợ hạng người này. Bà hỏi lại: “Tại sao lại sợ?” “Sợ có ngày bà ấy đánh tôi”. Y. trả lời. “Sao lại đánh? Hai tay bà ta bị liệt rồi làm sao mà đánh chứ?”.

Chúng tôi đã cười như pháo nổ. Ít ra nơi này cũng giúp cho người bệnh quên được một phần nào ở phía trong căn phòng đầy ảm đạm kia.

.....

Ngày 13 tháng 10 năm 2013

(viết trong thời gian Y. về lại nhà)

Suốt ngày hôm qua, Y. cứ nằng nặc đòi vào lại Nursing home. Tôi đã tốn bao nhiêu nước miếng, có khi giận, có khi an ủi, có khi vuốt ve, để cố thuyết phục Y. rằng ở đó là địa ngục. Là ngôi nhà mồ chưa đóng cửa... Tôi đã chở Y. vào đây, chỉ những chiếc giường mà những người già nằm đấy, như những thầy ma, hay chỉ cho Y. những người ngồi trên xe lăn, đôi mắt trắng dã, vô hồn, hay gương mặt ánh lên một vẻ gì khác lạ của người bị bệnh lẫn. Vậy mà Y. lại đòi vào. Tôi hiểu tại sao. Tại sao rồi. Bởi vì Y. không muốn tôi khổ.

Ông cực vì tôi quá sức. Ông phải được nghỉ ngơi. Ông phải lo sức khỏe cho ông. Tôi đã như vậy rồi, còn lại ông, ông cũng muốn như tôi sao? Tôi biện bạch là chuyện chăm sóc bà là chuyện nhỏ. Ngày đi lính tôi cực khổ trăm bề.

Ngày trong tù thì vạn lần hơn bây giờ. Nhưng tôi đã dối lòng. Tôi dối giọt lệ thầm. Khi lái xe đi mua đồ ăn hôm qua, tôi lái mà không biết đi đâu. Phải. Rồi một ngày, phải có một ngày tôi sẽ ngã xuống. Y. thì chắc chắn không bao giờ trở lại như một người bình thường. May lắm là đi được.

May lắm là cầm được. Nhưng chuyện đó chỉ là xa vời. Thì cứ cho là thật đi, chắc chắn Y. không thể lo cho tôi như tôi đang lo cho Y. như bây giờ. Nghĩ đến điều đó, tôi yếu mềm,

muốn bỏ cuộc.

Một lý do nữa là Y. đã bắt đầu cảm thấy mệt, muốn buông xuôi. Tập. Tập ngày này ngày sang ngày khác. Mỗi ngày tôi đã dẫn Y. đi, từ nhà trong ra nhà ngoài ít nhất là bốn lần, chưa kể từ giường vào nhà vệ sinh, hay từ trong nhà ra driveway. Tập lên tam cấp. Tập xuống bậc thềm. Nhưng mỗi ngày tôi chứng kiến càng lúc bước chân càng yếu hơn, và càng khó khăn hơn khi di chuyển. Đó có phải bởi vì tuổi già hay bởi vì những biến chứng hậu stroke gây nên ? Tôi đã chảy cả nước mắt để nhìn Y. thỉnh thoảng ngã nghiêng xiêu đổ. Nhưng mà, chúng tôi vẫn hy vọng. Y. cứ nói về một ngày sẽ được hồi phục để thăm bạn bè. Còn tôi thì nghĩ đến cái câu: Cờ công mài sắt có ngày nên kim... Vậy mà, giờ đây Y. lại muốn tôi đưa vào nursing home một lần thứ hai.

Thằng con tôi sau khi nghe mẹ nó nói lên cái ý định đã trách mẹ dữ dội. Y. nói với tôi: Nó hòa vào phía ba nó. Nó trách tôi. Nó bảo mẹ nên từ bỏ cái ý định điên rồ ấy đi. Đừng làm khổ ba nữa. Có ai như ba không?

– Rồi bà trả lời sao ?

– I am só – ó – ó – ri. Y. nhấn ở chữ sorry và kéo dài như để bốn cột. Thì ra tiếng nói của con mạnh hơn tiếng nói của chồng. Tôi nghiệm ra vậy. Có phải vậy không ?

.....

(Viết sau khi Y. bị đột quỵ lần thứ ba)

Ngày 10 tháng 9 năm 2015

Cứ mỗi lần mở cánh cửa của nursing home là mỗi lần tìm tôi như nhói. Ai mang tôi đến chốn này? Ai mang Y. đến chốn này thêm một lần nữa? Hay là cái con tàu định mệnh, mà nursing home này là một trong những trạm

cuối đời mình ?.

Tôi làm bài thơ này ở nursing home, viết ra để chia sẻ với anh:

*Trong nursing home này tôi có hai người bạn già
Một người Mỹ đen ngồi xe lăn mà cứ cúi đầu nhìn xuống
Một người Mỹ trắng râu tóc trắng phơ
Tôi xem họ là bạn cố tri
Gặp họ từ xa tôi chụm chân đứng nghiêm chào tay
Tôi thấy đôi mắt lão già Mỹ đen sáng như hỏa châu
Giữa màu da đen như đêm địa ngục
Tôi thấy cả nụ cười của lão
Với hàm răng thật trắng
Đầu lão ngẩng lên,
như một người chẳng có gì bệnh hoạn*

*Còn lão Mỹ trắng thì ngồi trên xe lăn nhìn tôi và hô lên
(Dĩ nhiên bằng tiếng Mỹ)
Nghiêm !
Nghĩ !
Tôi làm theo lệnh hô của lão ta
như một chú lính trong quân trường
Tôi thấy lão rất hân hoan
Mắt sang ngời*

*Rõ ràng, máu nóng chảy lại trong người chúng tôi
Giữa một nơi ảm đạm
Vậy mà máu không nóng khi tôi vào phòng 31
Tôi không thể đứng thẳng
chào tay định mệnh em
Tôi không thể thao diễn nghĩ
Trước thân cây sắp hết nhựa đời màu xanh của em*

*Tôi không thể nhìn thẳng
Khi chiếc đầu em cứ ngoẻo qua bên phải
Khi đôi mắt em thất thần
không phải long lanh như ánh hỏa châu*

Mà như ánh đèn cây leo lét .

*leo lét để che hết màu cỏ xanh của bãi sân viện và ánh nắng
vàng rọi qua khung cửa kính
Khi mùa hè sắp rụng.*

*“Tôi đâu có buồn có giận bà đâu. Bà chửi tôi nát nước, tôi
vẫn đứng yên, vẫn cầm đĩa cầm muỗng, vẫn năn nỉ bà ăn đi,
ăn để mà sống dù bà không thích đồ ăn Mỹ... Tôi hiểu đôi
mắt cảm hờn long lên sòng sọc với hai ngọn đèn cây leo lét
chập chờn. Hậu chứng của stroke tác hại mà. Nay bà
không thích pasta tôi đến nhà ăn xem có món gì khác để đổi
cho bà ăn...”*

*Tại sao bà lại giựt phăng cái khăn choàng cổ để đồ ăn khỏi
vương vãi lên áo, hay cầm cái nĩa mà điên cuồng đâm
xuống cái khay ăn túi bụi ? Nó có tội gì chứ ?”*

*Tôi cắn răng, im lặng, nhiều khi ngồi trên chiếc xe lăn bên
cạnh giường nhìn hoài ra ngoài cửa kính. Sắp đến mùa thu
nên lá thấy hơi nhạt màu. Mùa chuyển thu nhưng lòng tôi
thì tràn ngập giá băng.*

Bây giờ tôi thấy an tâm rồi anh ạ. Y. đã có chỗ để mà lỡ
tôi không còn sức để chăm sóc Y, hay có mệnh hệ gì đi
nữa, tôi vẫn an tâm “tiêu diêu miền cực lạc”.

Ngày xưa nói đến cái chữ chết chóc ấy mình còn ngần
ngại, bây giờ thì khác. Tôi đã mang tâm trạng bi quan này
từ ngày Y. bị khổ nạn. Nào ai biết những bất trắc xảy ra
bất cứ lúc nào. Một người mạnh khỏe, yêu đời như Y.
Một người cử kiêng, không dám ăn miếng bánh ngọt,
uống cốc coca, một người tối nào cũng đọc kinh, một
người ngày nào cũng tập khí công, vậy mà ngã lăn ra, để

giờ đây phải nằm mê nằm mệt trên giường bệnh tháng này qua tháng khác, thì chuyện bắt trắc là chuyện có thể có. Dĩ nhiên.

Trở về nhà, bắt đầu công việc “tẩy trần”: thu dọn đồ đạc và từ từ mang đến các cơ quan từ thiện hay gọi họ mang xe truck đến nhà mà hốt. Chẳng cần biết món đồ ấy là món đồ gì. Cứ bỏ vào thùng, cứ bỏ vào bao... Cứ chất vào xe. Tôi đã thấy rõ buổi xế tàn của chúng tôi rồi. Giờ là lúc dọn mình cho nhẹ tênh. Cần gì đôi giày. Cần gì chiếc áo veston. Cần gì cà vạt. Hơn hai năm rồi tôi không tham dự bất cứ một cuộc vui nào: đám hỏi, đám cưới, ngay cả lễ lạc trong dịp Tết...

Vậy mà khi dọn những ống mực, những thùng giấy trắng, hay những bao keo nóng (hot melt glue) tôi lại không nổi. Tôi nghĩ nếu mà vất chúng đi, thì tôi phải làm gì để mà sống sót trong ngôi nhà hiu quạnh rợn người như thế này

Đó là lý do giải thích tại sao TQBT lại tiếp tục ra đời. Và để hóa giải những ý tưởng ái ngại thương hại của thân hữu không muốn thấy tôi cực khổ vất vả đề nghị tôi nên đình bản TQBT.

Vâng, tôi biết tôi phải cực, phải vất vả cả trăm ngàn lần hơn trước. Nhưng mà tôi không thể uống rượu để quên hay tàn nhẫn bỏ bê Y cho nursing home chăm sóc... Vì vậy tôi phải lao vào bể khổ để tìm quên. Vậy thì, nếu mà thương tôi thì xin đừng khóa tay tôi, khóa chân tôi như định mệnh đã khóa chân khóa tay Y.

Ngày 15 tháng 9 năm 2015

Lúc này, Y. rất khó ăn, bảo rằng không cảm thấy đói. Ngày nào cũng vậy, khay đồ ăn luôn luôn còn đầy, Và tôi nhận phần "vết". Bởi tôi không muốn thấy đồ ăn bị phí phạm.

Rõ ràng, hậu stroke đã âm thầm gây ra những biến chứng không thể ngờ. Từ chân tay càng lúc càng teo lại, đến miệng lưỡi đắng, làm người bệnh biếng ăn, hay ăn không

còn ngon miệng nữa. Lại thêm những lần giận dữ vô cớ. Đôi mắt thì mất hết màu linh động như trước.

Sự từ từ biến đổi xoi mòn âm i này tôi đã chứng kiến mỗi ngày. Mầm xanh hy vọng bây giờ trở thành màu úa héo. Giọng nói có ngày rõ, có ngày thều thào, khiến tôi phải áp tai mới nghe Y. nói gì.

Ở Y. bây giờ mới hiểu thế nào là nỗi bất hạnh quá nặng. Đa số những người ở đây phần lớn là người già, mắc bệnh lú lẫn. Họ không còn ý thức sự hiện hữu của họ. Rất ít người bị stroke như Y. Còn Y. thì ngược lại hoàn toàn. Phải chấp nhận hot dog thay vì cơm cá kho, thịt kho tàu. Phải chấp nhận spaghetti, pasta thay món cơm canh cải... TV ở ngay trước mắt nhưng không thể coi nó như một phương tiện để giải trí. Với đôi vai gầy guộc của một người già Á Đông sao có thể chịu nổi những gánh nặng bất hạnh này đến bất hạnh khác. Đôi khi những cái bất hạnh ấy đã khiến người bệnh quẫn trí. Và cái khay đồ ăn chính là nạn nhân. Nó để trước mắt người bệnh. Nó thách thức người bệnh. Đây là đĩa spaghetti sauce cà chua mà Y. rất kị. Đây là hot dog, hamburger mà Y. không bao giờ đụng vào. Đây là pasta... Đây là gà tây, thịt truffle, meatball, đây là pizza...

Có khi Y. không ăn. Có khi Y. dùng nĩa muổng đâm xuống cái khay túi bụi. Tôi biết stroke làm chứ không phải Y. làm. Và tôi chỉ biết cúi đầu, lòng buồn xa xót.

Bây giờ tôi chỉ còn cách là cố tìm một món ăn mà Y. thích. Tôi ra tiệm Tàu, mua cơm rang và mấy cánh gà chiên (Fried rice and fried chicken wings) mà lúc còn mạnh, Y. vẫn thích. Buổi trưa tôi mang đến, dọn cơm cho Y. Tưởng là Y. thích, nhưng Y. nhìn hoài vào cơm, vào mấy cái cánh gà, rồi nói: Tôi không thấy đói, ông à.

Rõ ràng chúng tôi đang ở vào một thời mà nỗi buồn như che lấp cả một màu xanh của niềm vui. Chúng tôi đang bầu vút với nhau bằng hai trái tim và đôi tay bất lực.

Thôi thì được gần nhau ngày nào hay ngày này.

Y. thích nhạc nên tôi bảo thằng con mua một cái máy "DVD player" cho mẹ. Tôi hay để máy trên bàn ăn cạnh giường để Y. vừa thấy hình vừa nghe nhạc. Bàn tay phải Y. vẫn còn quá khó khăn để bấm nút play hay để điều chỉnh âm thanh.

Âm nhạc đã giúp tôi rất nhiều trong khi tôi không biết làm sao để an ủi Y. Hồn Vọng Phu. Thiên Thai. Khổ Tình Trương Chi. Bạch Đằng Giang. Y. lim dim mắt. Tôi cũng ngồi mà mắt lim dim. Căn phòng nhỏ nên âm thanh dội rõ. Rồi Y. ngủ quên. Thấy Y. ngủ tôi từ từ rút lui bước ra khỏi phòng.

Nhưng tại sao tôi lại muốn choáng váng khi ra xe. Hình như ngực tôi nhói. Triệu chứng gì đây. Tôi đứng yên. Thế nào cũng đi check up bác sĩ. Tôi nhủ thầm. Thì ra tôi biết lo rồi. Dù trong hay dù ngoài nursing home. Ở trong là quan tài chưa đầy nắp, còn ở ngoài là gì? Có miễn trừ bạn ra khỏi vòng quay của định mệnh ?

Ngày 18 tháng 9 năm 2015

Hôm nay ngày thứ tư, ngày dành cho *recycle*. Tôi lại mang một số vật dụng nữa ra lề đường, chờ xe tới xúc mang đi. Dù buồn lắm. Gia sản mình bỏ ra để gầy dựng sao mà không buồn. Nhưng mà, thân mình, mình không giữ được huống gì mấy cái vật dụng của cái phù du?

Y. càng lúc càng yếu thấy rõ. Biếng ăn, biếng nói, biếng cười. Suốt ngày nằm trên giường. Muốn đi mà chân đình công. Muốn cầm nắm mà tay thì bải thị.

Mỗi ngày tôi vào với Y., chăm sóc Y. Đây là cái job tự nguyện. Không ai bắt tôi phải vào để đút đồ ăn, xẻ miếng thịt, bóc khui cái nắp nhựa khỏi cốc juice cho Y. uống. Không ai bắt tôi phải bưng khay đồ để cho ngay ngắn, lấy nĩa, muỗng cho người bệnh. Không ai bắt tôi phải đứng chịu trận khi người bệnh lên cơn cuồng.

Hậu stroke thứ ba quả là tai nghiệt. Stroke 1, stroke 2, chân phải còn đi, tay phải còn cầm, giọng nói còn rõ, Nhưng stroke thứ ba, dù tha cho cái chết, hay khỏi biến con người thành loài thực vật, nhưng đã để lại bao nhiêu biến chứng, mỗi ngày mỗi hé lộ ra. Đó là độ đường tăng cao đến mức đáng ngại. Đó là biếng ăn. Đó là tách tinh cau có phần nộ bất thường. Đó là thân thể người bệnh càng ngày càng héo hon gầy guộc thấy rõ.

Bây giờ tôi có thêm một job mới: Thay chỗ để người.

Bởi Y. đi vệ sinh trên giường. Phụ nurse (Nurse Aid) thay quần, thay tả. Bỏ đồ dơ vào bọc nylon để tôi mang về nhà giặt.

Và mỗi lần mang quần mang áo dơ về là mỗi lần tôi cảm lên để người xem có mùi uest phần dính quần dính áo hay không.

Nếu nghe mùi thú tôi phải để riêng, hầu xả giặt riêng. Nếu không, giặt chung cả đồng quần áo phải hôi thú lây !

Cứ mỗi lần xả chiếc quần dính phân ấy, tôi vừa bịt mũi, vừa cầm thanh gỗ mà đập chiếc quần túi bụi . Tôi phải mở vòi nước xối tối đa. Có khi bịt mũi cả một phút, muốn nghẹt thở.

Nhưng mà không sao. Chỉ cần 10, 15 phút là xong ngay. Tôi lại bắt đầu vào việc in ấn hay viết lách. Mấy ngày nay, Gout hành đau không thể tả. Phải lết, phải cò cò, phải rên. Chỉ ngồi hay nằm là không đau. Vậy mà tôi vẫn đến Y. mỗi ngày. Tôi vẫn đóng sách mỗi ngày. Công việc làm tôi quên đau. Và đến ngày hôm nay, cơn đau đã bay ra hải phận. Dù nó vẫn còn âm ỉ ngấm ngấm. Rõ ràng, việc làm là phương thuốc hiệu nghiệm nhất.



PHẠM VĂN NHÀN

Dù gì tôi cũng có lời cảm ơn

Ngày nào cũng lên blog Trần Hoài Thư để đọc những bài viết ngắn của anh mà lắng lòng nghe anh tâm sự, cũng như tìm lại những bản tin văn học mà anh có được qua công sưu tầm, sau 40 năm. Có những việc mà tôi không biết qua 20 năm văn học Miền nam.

Tôi nghĩ, có lẽ cũng ít người biết đến. Chỉ có anh bỏ công tìm kiếm và, qua những người bạn của anh đã cho anh đủ

những bộ (tạp chí) văn học một thời của 20 năm văn học Miền Nam. Qua trang blog của anh tôi đọc được bài thơ anh sáng tác: *Tháng 9 này con được 15 tuổi*. Tôi hiểu anh muốn nói đến tạp chí Thư Quán Bản Thảo do anh chủ trương.

Con sinh dưới hầm lạnh

Ngày nước Mỹ thăm sâu ()*

Giờ con 15 tuổi

Ta ngỡ mình chiêm bao !!!

Nghĩ cũng lạ. Mới đó mà đã 15 năm trôi qua. Một tạp chí văn học hoàn toàn mà ít nhiều đã tạo được tiếng vang trong lòng người đọc và bạn bè anh em cầm bút trong và ngoài nước. Tôi phải nói thật lòng là " bái phục công sức " của anh. Một tạp chí bất vụ lợi.

Để rồi đọc những câu thơ kế tiếp. Anh nói đến hai tạp chí một thời gây tiếng vang trong văn học Miền Nam trước 1975; mặc dù tuổi thọ của những tạp chí này không sống lâu. Có tạp chí chỉ sống 9 tháng. Với những câu thơ anh viết:

Sáng Tạo gở bản hiệu

*Vì Mỹ không chi tài (**)*

Hiện Đại vào nghĩa địa

*Vì chính quyền đổi thay (***)*

Có tiền, có tất cả

Không tiền, đành bó tay!

Những dấu hoa thị một (*) là ngày phát hành Thư Quán Bản Thảo 11-9-2001. Dấu hoa thị thứ hai (**) là Sáng Tạo được tài trợ bởi phòng thông tin Hoa Kỳ. Và dấu hoa thị thứ ba (***) là Hiện Đại do ông Trần Kim Tuyến, giám đốc sở Nghiên Cứu Chính Trị VNCH tài trợ. Nhưng sau cuộc chính lý 1/11/1960 Hiện Đại bị bức tử; Vì không còn ai đứng ra tài trợ nữa.

Tôi nhớ vào khoảng thập niên 1960. Có ba tạp chí văn học nổi đình nổi đám đã tạo cho nền văn học Miền Nam một thời tiếng tăm lừng lẫy. Ba tạp chí đó là Sáng Tạo, Là Hiện Đại. Là Thế Kỷ Hai Mươi. Với ba tạp chí này nhìn vào cái chung (đa phần là độc giả) khó thu hút, gần gũi. Nhưng

tiếng tâm thì nổi như cồn. Sáng Tạo. Hiện Đại nổi đình nổi đám như thế mà trong thập niên 60 lại chết quá sớm . ?

Tôi cứ nghĩ những tạp chí này có lẽ vì một lý do nào đó mà đình bản. Vì chính trị ư? Hay không vừa lòng sở kiểm duyệt? Nào ngờ, qua trang blog của Trần Hoài Thư tôi mới biết thêm về hai tạp chí văn học lớn này, tại sao "chết yểu" sớm quá vậy. Sáng Tạo của ông Mai Thảo. Và Hiện Đại của ông nhà thơ Nguyên Sa. Hóa ra hai tạp chí này đều (nói theo ngữ điệu bây giờ) là có ô dù che chở. Tôi nghĩ nếu không có ô dù tài trợ thì chắc chắn không có Sáng tạo và Hiện Đại. Bởi, sau khi phòng thông tin Hoa Kỳ (đại gia) không tài trợ nữa thì Sáng Tạo không còn, Cũng như Hiện Đại nếu không có ông Trần Kim Tuyến (trùm CIA của Miền Nam) tài trợ thì cũng không có Hiện Đại. Cho nên khi Hoa Kỳ và ông TKT hết tài trợ thì, theo Trần Hoài Thư: *Sáng Tạo gở bản hiệu. Vì Mỹ không chi tài. Hiện Đại vào nghĩa địa. Vì chính quyền đổi thay...*

Nhưng dù gì cũng phải nói, cũng nhờ có những tạp chí này, dù không gần gũi với độc giả Miền Nam là bao nhiêu. Nhưng chính có những tạp chí này đã tạo nên nền văn học Miền Nam sau năm 1954 rất nhân bản và tự do. Và cũng nhờ có những tạp chí này mà tên tuổi của những nhà văn, nhà thơ trước năm 1960 đã đi vào lòng người đọc cho mãi đến hôm nay. Như Mai Thảo, Thanh tâm Tuyền, Doãn Quốc Sỹ, Tô Thùy Yên, Đinh Hùng, Duy Thanh, Trần Thanh Hiệp...và Nhã Ca trên Hiện Đại nữa.

Có điều rất tiếc là mấy ông chủ báo này chỉ biết ăn ngày nay không biết tiết kiệm cho ngày mai, theo kiểu mấy anh nhà nghèo, cho nên cúp viện trợ là...chết. Nghĩ tới Miền Nam 20 năm cũng vì cúp viện trợ mà chúng tôi, những người lính chẳng khác nào con chột trong bàn cờ thí qua sông, để rồi...miễn bàn.

Hèn chi, cũng qua trang Blog của Trần Hoài Thư, ông nhà thơ Nguyên Sa đã bộc bạch:

"Tôi đã là một nhà văn nhà nước. Năm 1960, tôi nhận tiền viện trợ trong chín tháng ra chín số báo. Sau đó trò chơi chấm dứt. Cùng một

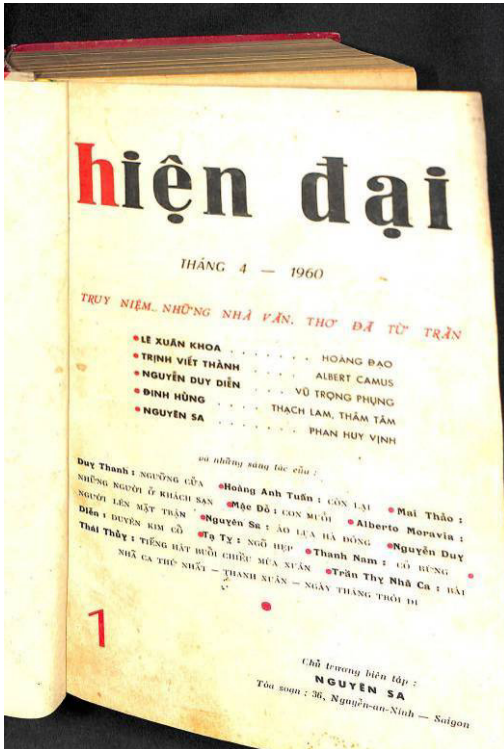
lúc với tôi, trong khoảng thời gian đó, các tạp chí Sáng Tạo và Thế Kỷ Hai Mươi cũng tồn tại nhờ chất dưỡng khí hoá học đó"

Ồ ! Hóa ra là như vậy. Cũng nhờ những chất " dưỡng khí hóa học " đó mà mới có Sáng Tạo và Hiện Đại? Dưỡng khí hóa học bốc hơi thì ...chết. Hôm nay, tôi nói hiểu. Mấy ông nhà văn nhà nước này, có tiền trợ cấp của Mỹ, của sở tình báo trung ương, cho nên rùng rình... đêm đêm ngồi phòng trà trong sự im ắng, an bình của thủ đô để mà...bàn luận văn chương bên những ly rượu mạnh. Hay ngồi la pagode để lấy cảm hứng mà sáng tác. Còn ...những người lính viết văn ngoài trận mạc thì sao?. Ôi! Đời là thế. Buồn!

\

Hành trình của tạp chí Hiện Đại

THT (đúc kết)



Tháng 9 năm 1959, Sáng Tạo đình bản. Cái chết của Sáng tạo đã tạo nên một khoảng trống khó lấp về văn học nghệ thuật bấy giờ. Nhà thơ Nguyễn Sa đã nói về hậu quả do từ cái chết ấy trong bài **Mở Cửa** đăng ở trang đầu, số đầu của tạp chí Hiện Đại (tháng 4-1960):

Văn nghệ trong những ngày tháng vừa qua năm trong một tình trạng buồn. Cuộc sinh hoạt ấy như chợt chìm xuống một vũng sâu có bong tối dày và nặng. (...). Nỗi buồn ấy hiển hiện trước mắt. Tờ báo của cuộc đời văn nghệ 57, 58, 59 đi mất. Những người văn nghệ còn đầy những buồn cũng đã ở đấy.

Ông hỏi và tự trả lời:

Có một tình trạng buồn ấy. Nhưng có phải ngọn lửa sáng

tạo toàn diện phứt tất ? Có một nỗi chán chường, chua xót xâm chiếm mắt người. Nhưng có phải sự tàn lụi thật sự của mọi sinh hoạt văn nghệ đã bủa lưới bốn phía ? Tôi trả lời: không phải.

Và ông chứng minh bằng sự ra đời của tạp chí Hiện Đại.

Hiện Đại là một tạp chí văn học, xuất bản hàng tháng. Chủ trương: Nguyên Sa. Bài vở: Thanh Nam, Trĩ sự: Phạm Thái Thủy.

Số 1 được phát hành vào tháng 4-1960 và số cuối cùng là số 9 phát hành vào tháng 12-1960.

Là một tạp chí văn học, tuy nhiên nó mang cái vóc dáng của một tờ báo không giống như các tạp chí văn học khác. Lời mở thay vì đề cập đến chủ trương, tôn chỉ và mục đích, người viết tức là thi sĩ Nguyên Sa lại “Mở Cửa” đề cập đến nỗi buồn sau khi tạp chí Sáng Tạo chết và biện giải về văn chương phòng trà, văn chương “trác táng”, đề sau đó, giải thích lý do tại sao Hiện Đại lại có mặt cũng như chủ trương “thực sự văn nghệ” của nó. Dĩ nhiên, ở bất cứ một tạp chí văn học nào, vẫn là những sáng tác thơ văn, văn biên khảo, phê bình, vẫn những trang cuối dành cho sinh hoạt văn học nghệ thuật. Hiện Đại vẫn không thoát ra khỏi những thông lệ đó. Tuy nhiên, sự khác biệt ở chỗ là Hiện Đại hay sử dụng những từ ngữ rất kêu, khó hiểu, để thay vào những tiếng quen thuộc thông thường. Chẳng hạn mục “Sinh hoạt văn học nghệ thuật” hay “thời sự và sinh hoạt văn nghệ” được thay bằng “Nhìn Bảy Chân Trời”. Chẳng hạn bài viết ở trang bìa cuối, được xem là bài tản mạn về một vấn đề văn nghệ hay thời sự văn nghệ...thì lại được dùng bốn chữ: “Khuôn mặt Thời Gian”. Có lẽ chỉ có nhà thơ Nguyên Sa hiểu, chứ những độc giả bình thường như tôi đến giờ phút này vẫn không thể hiểu “Nhìn Bảy Chân Trời” hoặc “Khuôn Mặt thời gian” là gì. Và tại sao ông lại dùng những chữ rườm rà để chỉ những mục lẽ ra dễ hiểu bớt đỡ nhức đầu cho độc giả ?

Riêng về cái nhìn về Nhân Văn Giai phẩm, Hiện Đại cũng khác với Sáng Tạo. Trong khi Sáng tạo xem vụ án Nhân Văn giai phẩm là một hiện tượng “không có gì đáng kể lắm”

khi phê bình tác phẩm “Đem Tâm tình viết Lịch Sử” của Nguyễn Mạnh Côn thì trên Hiện Đại số chủ đề “Saigon ban đêm”, Nguyên Sa ngưỡng phục Nhân Văn Giai phẩm với Trần Dần, Phùng Quán, trách SG vô tâm chỉ biết đêm với điệu kèn trompette và giọng hát Bích Chiêu:

*Ta nghe ở đây hồn ta cất lên tiếng nói:
Sao không mang nặng cặp mắt Trần Dần,
cánh tay Phùng Quán với thân hình vạm vỡ tình yêu?
Sao chỉ về đây nằm gối đầu lên giường sông lớn,
giang tay dài dài lộ mà nghe kinh thành
thổi hơi buồn trompette ban đêm
Nghe dài lộ nói dài bằng giọng hát Bích Chiêu
(Hịch, Hiện Đại số 4)*

Dù chỉ một năm hiện diện, nhưng Hiện Đại đã tạo một chỗ đứng trong giòng sinh hoạt văn học nghệ thuật miền Nam. Những bài thơ được nhắc nhở nhiều trong văn học miền Nam như “Áo lụa Hà Đông” (Nguyên Sa), “Đường vào Tình sử” (Đinh Hùng) hay “Một nửa” (Hoàng Anh Tuấn) đều bắt nguồn từ Hiện Đại. (Xin mời đọc ở phần :”Thơ văn Hiện Đại” với tất cả bài thơ của Nguyên Sa, Đinh Hùng, Hoàng Anh Tuấn do chúng tôi sưu tầm và đánh máy lại, từ bản gốc). Mặt khác hai người viết trẻ mà Hiện Đại có công khai phá là nhà thơ Trần Thy Nhã Ca và nhà văn Song Linh. Họ được liệt vào danh sách thành phần Ban Biên Tập của Hiện Đại.

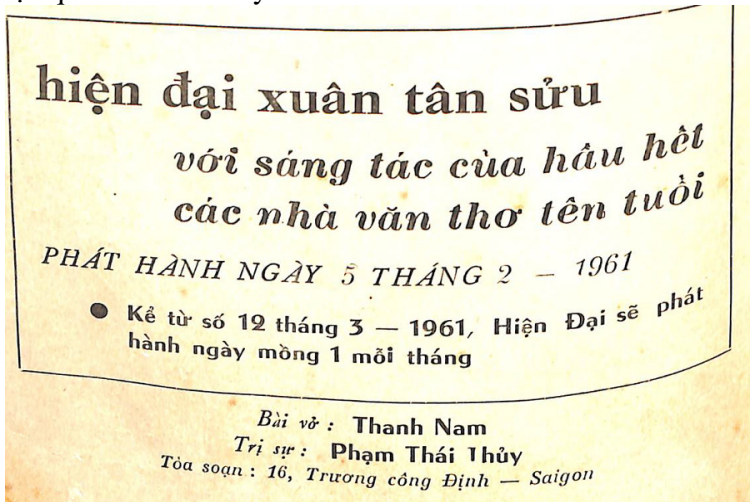
Lý do tại sao Hiện Đại chết

Với Sáng Tạo, chúng ta có thể hiểu phần nào lý do tờ báo lại chết (Xin mời đọc TQBT số đặc biệt về ST), nhưng với Hiện Đại, thật khó mà tin được. Hiện Đại không chửi bới hay đụng chạm ai. Hiện Đại chẳng ra tuyên ngôn như Sáng Tạo. Hiện Đại không đòi thanh toán với quá khứ như Sáng Tạo. Hiện Đại không bị vây khốn từ tứ phía: Hết chánh quyền đến những nhóm mà Mai Thảo gọi là “bọn bảo thủ phản tiến hóa”.

Nếu thật sự làm mất lòng thì có lẽ làm mất lòng những nhà thơ như Viên Linh, Sao Trên Rừng (tức Nguyễn Đức Sơn) mà Nguyên Sa giới thiệu là “tài năng mới”. (Chúng tôi đã

post trên Internet bài :” Viên Linh, Nguyễn Đức Sơn: hai “tài năng mới” của Hiện Đại”)

Vậy thì tại sao Hiện Đại lại chết, trong khi Hiện Đại số 9 đăng mầu quảng cáo ở bìa trong báo hiệu một tương lai đầy lạc quan như thế này:



Trong bài tiểu luận “Nguyên Sa: Nhà báo, nhà thơ” của Nguyễn Vy Khanh được post trên nhiều trang văn học trên NET , chúng ta có thể hiểu lý do tại sao:

“ Tháng 4 năm 1960, Nguyên Sa đã nhận trợ cấp để ra báo Hiện Đại trong 9 tháng như chính ông đã kể : "Tôi đã là một nhà văn nhà nước. Năm 1960, tôi nhận tiền viện trợ trong chín tháng ra chín số báo. Sau đó trò chơi chấm dứt. Cùng một lúc với tôi, trong khoảng thời gian đó, các tạp chí Sáng Tạo và Thế Kỷ Hai Mươi cũng tồn tại nhờ chất dưỡng khí hoá học đó"

NHỮNG CHỦ ĐỀ HIỆN ĐẠI THỰC HIỆN

Một điểm son cho Hiện Đại là mỗi số báo đều thực hiện một chủ đề qui tụ những cây viết thời danh bấy giờ. Nó giúp ích người đọc mở rộng thêm kiến thức và tầm nhìn về văn học trong và ngoài nước. Đây là một việc làm công phu đòi hỏi thời gian chuẩn bị.

Số 1: Những người không chết.

Số 2: “Những cánh cửa mở vào văn chương”.

Số 3: “Những khuôn mặt đàn bà trong văn chương”.

Số 4: Đêm Saigon,

Số 5: Những tác giả được giải thưởng Nobel văn chương.

Số 6: vai trò tạp chí trong văn chương Việt Nam.

Số 7 : vài nét về nghệ thuật hiện đại.

Số 8: Văn học Việt Nam thế kỷ 19.

Số 9: Những trường phái trong văn học Pháp.

Vì trang báo có hạn chúng tôi không thể nào đăng hết những chủ đề do Hiện Đại thực hiện. Tạm thời, chúng tôi chọn đăng chủ đề: **vai trò tạp chí trong văn chương VN (số 6).**

Riêng chủ đề **Đêm Saigon** (tập 4 phát hành tháng 7-1960) chúng tôi sẽ in lại toàn tập 4 như là phụ tập đi kèm.

Tại sao chúng tôi lại chọn tập 4 với chủ đề “Saigon ban đêm” làm phụ tập cho Thư Quán Bản Thảo kỳ này ? Xin trích đoạn giới thiệu chủ đề này của Nguyên Sa trên Hiện Đại tập 4:

Thủ đô của một thành phố bao giờ cũng hiện ra trong tâm tưởng những con người ngang dọc trên khắp các nẻo đường đất nước với hình ảnh của một viên ngọc quý. Nó chói sáng, nó có một hào quang, một sức điện hấp dẫn ghê gớm. Người đi trong cuộc đời quay cuồng trong không gian thành phố với những con đường lớn, bé dựa vào nhau, những âm thanh, những sinh hoạt, đổi thay liên tục, cũng như người

đứng nhìn thành phố ấy từ đồng rộng, núi cao đều dành cho thành phố này những tình cảm than yêu, sâu mạnh. Chính vì lý do đó mà chúng tôi chọn “Saigòn ban đêm” cho Hiện Đại 4.

Đoạn văn trên dành cho Saigon thời bình. Đó là Saigon của “Áo Lụa Hà Đông”. Một Saigon mà những nhà văn nhà thơ thường lấy nhà nháy, quán nhạc, nhà hàng làm cứ điểm văn nghệ như Nguyễn Sa viết trong bài Mở Cửa của tập 1 Hiện Đại. Một Saigon mà người làm văn nghệ được trọng nể mời mọc như tấm hình dưới đây:



Một buổi sinh hoạt tại Câu Lạc Bộ Văn Hóa đường Tự Do của BS Phạm Xuân Thái Sài Gòn 1960.

(trong hình có thể nhìn ra: Phạm Công Thiệp, Nhưong Sao, ..., Viên Linh, Mỹ Tín, Hoài Khanh, Định Giang, Kim Tuấn, Lam Thiên Hương, Tô Kiều Ngân, Phạm Việt Tuyền, Trịnh Cung, Đinh Cường... ở góc mặt cuối phòng) (ảnh tư liệu ĐC)

hiện đại

THÁNG BẢY — 1960

SAIGON BAN ĐÊM

- BÌNH NGUYỄN LỘC QUẢ ĐÊM TRÊN RẠCH TÀU HỦ
- GRAHAM GREENE PHƯỢNG
- HOÀNG ANH TUẤN VŨ QUÂN
- MẶC ĐỎ «SẦU RIÊNG»
- NGUYỄN SA BÓNG TỐI
- NGUYỄN DUY DIỄN . . . DƯỚI CHÂN SAIGON
- NGUYỄN THỨC BAN ĐÊM THÀNH PHỐ
- TẠ TỶ MÀU SẮC SAIGON
- THANH NAM ĐÊM DÀI THÀNH PHỐ CŨ

với những bài của :

Đinh Hùng : CHỚP BÈ MUA NGUỒN • Mặc Thu : CỎ BA • Huy Quang :
MỘT ĐÊM VUI • Lưu Trung Khảo : BÀ HUYỆN THANH QUAN • Song Linh :
MUA VỀ CHIỀU • Thái Thủy : BUỒN PHỐ RỘNG • Thái Khương : TÌM
HIỂU LỊCH SỬ SÂN KHẤU • Trường Dục : MÂY TRẮNG • Vũ Hoàng
Chương : MỘNG NGÀY XƯA • Hoàng Anh Tuấn : NHỮNG MẮT TRONG ĐÊM

PHỤ BẢN : Tạ Tỵ

4

Chủ trương biên tập :

NGUYỄN SA

Tòa soạn : 16, Trường Công Định — Saigon

Bìa Hiện Đại tập 4 chủ đề “Saigon Ban đêm”

Vai trò tạp chí trong văn chương Việt Nam

LƯU TRUNG KHẢO — NGUYỄN XUÂN HIẾU
NGUYỄN DUY DIỄN — NGUYỄN THỨC

Sự có mặt của những tạp chí và tuần báo văn nghệ hàm chứa nhiều ý nghĩa khác nhau. Những cơ quan văn học sinh hoạt liên tục ấy hoặc được dùng làm diễn đàn phổ biến một quan niệm nghệ thuật mới hoặc chiếm giữ vai trò tấm gương phản chiếu những khía cạnh khác nhau của cuộc đời văn nghệ sống động.

Do đó, nhận định về những người đi lớp trước, tìm hiểu vai trò của những tạp chí tuần báo văn nghệ đã có mặt trong dĩ vãng với chúng tôi, là một việc làm cần thiết để có thể hy vọng tìm được phương hướng phải tiến tới.

Những tạp chí và tuần báo đó có mặt trong cuộc phát huy văn chương nước ta những năm tháng vừa qua không phải chỉ có Đông Dương tạp chí, Nam Phong, Phong Hóa, Ngày Nay, Tri Tân, Thanh Nghị. Chúng tôi nghĩ rằng vai trò của những tờ báo An Nam tạp chí, Hữu Thanh. Tiếng Dân, Trung Bắc tân văn, Nam Kỳ tuần báo, Nông công mìn đàm, Phụ nữ Tân văn không phải là không đáng kể. Nhưng vấn đề tài liệu thiếu sót, khuôn khổ hạn định của H. Đ. chỉ cho phép chúng tôi trình bày trong số này vai trò của Đông Dương tạp chí, Nam Phong, Phong hóa Ngày nay, Tri tân Thanh Nghị.

H. Đ.

THÁNG 7 năm 1858, 14 chiếc tàu chiến chở hơn 3000 lính Pháp và Tây-ban-nha nổ súng bắn phá hai thành An-hải và Tôn-hải ở Đà-nẵng mở màn cho cuộc chiến-tranh chiếm đất ở Việt-Nam. Tháng 1 năm 1859, liên-quân Pháp — Tây kéo vào Gia-định bắn phá và chiếm được thành Gia-định. Các tỉnh Định-tường, Biên-hòa, Vĩnh-long lần lượt lọt vào tay người Pháp. Ngày 9-5-1862 Pháp và Việt-nam ký một tờ hòa-ước gồm 12 khoản. Theo hòa-ước Pháp được triều-đình Việt-nam nhường đứt cho ba tỉnh Biên-hòa, Gia-định và Định-tường. Hòa-ước 1862 vừa ráo mực, người Pháp sau khi bình trị xong ba tỉnh đó, tiến quân chiếm luôn ba tỉnh miền Tây Nam-kỳ: Vĩnh-long, An-giang và Hà-tiên (1867) Chính-quyền của vua Tự-Đức một sớm một chiều tan rã. Việc học-hành thi-cử theo chế-độ cũ bị bãi bỏ để thay-thế bằng một nền học mới. Chữ quốc-ngữ ban đầu chỉ dùng để in những sách truyền-giáo trong nhà chung, tuy cũng có những dịch-phẩm, sáng-tác, nghiên-cứu song không được phổ-biến lắm — giờ đây đã vượt khỏi ngưỡng cửa nhà thờ. *Gia-định báo*, tờ báo đầu tiên của nước ta xuất-hiện năm 1867. Không cần phải thông-minh lắm, ai cũng có thể suy đoán mà không sợ sai lầm rằng tờ báo đó còn ấu trĩ lắm. Cách trình-bày đã vụng về, nội-dung lại nghèo-nàn và vắn từ dĩ-nhiên còn lồi-thô lắm. Ta hãy xem bài của Paulus Huỳnh-Tĩnh-Cử viết trong *Gia-định-báo* (số 4, ngày 15-4-1867) đề mừng Đốc-phủ Ba Tường, khi ông này khánh-thành nhà mới :

« ... Người ta thấy người ấy (*Tôn-Thọ-Tường*) làm việc quan đã lâu, tưởng theo như kẻ khác thì đã có nhà cửa nghênh-ngang, mà bấy lâu chịu cực ở đạm-bạc, nay chỗ này, mai chỗ kia, lượt này mới được một cái nhà riêng sạch-sẽ thì người ta mừng cho người ấy, cũng lấy làm phước-đức lắm.

Có kẻ hỏi người ấy sao không làm theo nhà Tây mà ở, người ấy nói phải, cách nhà An-nam xấu thì có khi cũng nên bỏ đi mà đi theo cách nhà Tây, song le người ấy cũng muốn làm gương cho người ta biết không can gi bỏ dấu tích An-nam.

Người ấy xét lại có nhiều người giàu có, ước sức cất nổi nhiều cái nhà tốt hơn nữa, mà những người ấy ăn ở sơ-sài, nhà cửa tranh-lá, cũng có kẻ bán nhà tốt đi, cất lại nhà xấu mà ở, làm ra việc *xáp* (?) thì *quá một* (?) thì chẳng những là trái ý người lớp trước, mà lại nghịch cùng người ấy nữa .»

Sau *Gia-định-báo*, những báo-chí về sau cũng không hơn gì. Hoặc chỉ đăng thông-cáo của chính-quyền, hoặc tin vật, hoặc những bài diễn

thuyết, của những nhân-vật quan-trọng trong chính-giới đương thời, những tờ báo đó — *Đại-nam đăng cổ tùng-báo*, *Đại-Việt tân-báo*, *Nông-cổ Min đàm* — chỉ có giá-trị về phương-diện tài-liệu. Ta hãy đọc một đoạn trong bài *Đại-Pháp văn chương* :

« Bài ngụ-ngôn của ông La Fontaine ở bên Tây có một quyển sách mà lớn bé già trẻ ai cũng thích, không bao giờ chán là quyển thơ nhỏ mà ông Tây thông-thái đã làm ra khi ông ấy đi dạo chơi sơn-thủy. Những người nói ở trong truyện là mượn những thú-vật, song người ta cũng đoán được rằng những giống ấy cũng như người đời bây giờ.

Người làm sách giỏi lắm vì nói được sự hay dở người ta mà không phạm đến ai... »

(*Đại Việt tân báo số 7 ngày 18 juin 1903*)

Báo chí hồi đó của nước ta hãy còn thấp kém như vậy, cho nên kể đến vai trò báo-chí của nước nhà, chúng ta không thể kể đến viên gạch xây nền đắp móng : *Đồng Dương tạp chí*.

Đồng dương tạp chí là một tờ tạp chí xuất hàng tuần vào mỗi ngày thứ năm. Số đầu tiên ra ngày 15 Mai 1913. Người chủ trương Đồng dương tạp chí là *Nguyễn văn Vĩnh*. (1)

(1) Nguyễn văn Vĩnh sinh ngày 30-4-1882, quán làng Phượng-dực, tổng Phượng dực, phủ Thường-tín, tỉnh Hà-dông. Năm 14 tuổi đậu tốt nghiệp trường thông ngôn (Collège des Interprètes). Ban đầu ông giữ chức Thư ký tòa sứ ở các tỉnh Lao-kay, Kiến-an, Bắc-ninh và Hà-nội, rồi được cử đi dự cuộc đấu xảo ở Marseille (1906). Trở về ông xin từ chức và chuyên lo về đường doanh nghiệp : cùng Dufour, mở nhà in thứ nhất ở ngoài Bắc và cho in bản dịch *Tam-quốc-chí* cùng *Kim-vân-kiều*.

Năm 1907, làm chủ bút *Đăng cổ tùng báo*. Năm 1908 mở tờ báo chữ Pháp : *Notre Journal*. Năm 1909 làm chủ nhiệm kiêm chủ bút tờ báo chữ Pháp thứ hai : *Notre Revue*. Năm 1910, vào Nam làm chủ bút tờ *Lục tỉnh tân văn*. Năm 1913 ông đứng chủ trương *Đồng dương tạp chí*. Năm 1919 thay F.H Schneider làm chủ nhiệm tờ báo hàng ngày đầu tiên ở Bắc : *Trung bắc tân văn*. Năm 1931 ông cùng mấy người bạn mở tờ báo *Annam Nouveau*.

Về chính trị, Nguyễn văn Vĩnh đã bước chân vào trường hoạt động từ năm 25 tuổi. Ông từng làm Hội viên Hội đồng thành phố Hà-nội, phòng Tư vấn Bắc kỳ và Đồng dương Đại hội nghị. Theo lời Nguyễn Quyền, một yếu nhân trong Đồng kinh nghĩa thực thì Nguyễn văn Vĩnh đã giúp nghĩa thực rất nhiều trong việc diễn thuyết và giảng dạy Pháp văn. Nhiều người ngờ ông tham gia vào tổ chức để làm mật thám cho Pháp nhưng Nguyễn Quyền cho là không đúng.

Ông mất ngày 2-5-1936 ở Tchépone Ai-lao trong khi đi tìm vàng cùng với một người Pháp.

(Theo tài liệu của Nguyễn đức Thông
trong *Quốc văn sơ học* độc bản 1927)

Đồng dương tạp chí đã quy tụ được nhiều cây bút đứng đắn, có thực học, thiện chí muốn phổ thông phát triển quốc văn để xây dựng một nền quốc học. Về phía tân học, những người xuất sắc nhất là : Nguyễn văn Vĩnh, Phạm Quỳnh, Nguyễn văn Tố, Phạm duy Tố. Bốn nhà văn này được coi như tứ trụ của ngôi nhà văn học và thời đó câu «*Quỳnh Vĩnh, Tố, Tố*» được truyền tụng không kém gì câu «*Tùng, Tụy, Siêu, Quát*» đời Tự Đức. Bên phía cựu học phải kể Phan kể Bình và Nguyễn đồ Mục.

Xuất hiện vào giữa lúc mới cũ chưa phân, Đồng dương tạp chí đã phản ánh được sự giao động của nền văn học Việt Nam thời đó. Lúc đó người Việt Nam vẫn còn dùng chữ Hán và chữ nôm nhiều hơn chữ quốc-ngữ. Chẳng những các chiếu biểu làm bằng chữ Hán cho đến những thư từ giao dịch hàng ngày cũng đều viết bằng Hán văn cả. Kỳ thi Hương cuối cùng được bãi bỏ vào năm 1915 (Bắc kỳ) và 1918 (Trung kỳ), chữ Hán và chữ nôm đã bước sang thời kỳ tàn lụi để nhường vai trò lãnh đạo cho chữ quốc ngữ. Nhưng chữ quốc ngữ là một thứ chữ mới, nhiều nhà cựu học bảo thủ chê là «*thứ chữ rỗng rần không thể dùng để viết văn được*». Gia dĩ thứ chữ này không có thành tích về quá khứ như chữ Hán chữ nôm mặc dù có những áng văn chương trác tuyệt như vậy vẫn còn bị các nhà nho chế riếu «*nôm na là cha mách què*» nên các cụ không tin tưởng vào nó. Ở những gia đình khoa giáp, người ta vẫn cho con em học chữ Hán như thường. Những nhà tân học thì lại cho con em học Pháp ngữ. Thành ra phần đông bên cựu học cũng như bên tân học đều nhìn chữ quốc ngữ bằng cặp mắt khinh thị. Riêng Nguyễn văn Vĩnh và những nhà văn biên tập Đồng dương tạp chí không quan niệm như vậy. Nguyễn văn Vĩnh trong bài tựa bản dịch Tam quốc chí của Phan kể Bình đã viết một câu bất hủ : «*Nước Nam ta sau này hay dở cũng là nhờ ở chữ quốc ngữ*». Ý thức được vai trò của tờ tạp chí này trong lúc giao thời, Nguyễn văn Vĩnh đã chú trọng đặc biệt về việc giúp độc giả tìm hiểu văn học chữ Hán và văn học Pháp. Chính vì vậy mà Đồng dương tạp chí chú trọng đặc biệt tới phần dịch thuật, phần khảo luận, phần phiên âm của tác phẩm bằng chữ nôm ra chữ quốc ngữ và phần phê bình các sách viết bằng chữ quốc ngữ mới xuất bản.

Các dịch giả bên phía Pháp văn có Nguyễn văn Vĩnh, Phạm Quỳnh, Phạm duy Tố, Nguyễn văn Tố. Họ dịch theo lối đối chiếu : một bên là nguyên tác bằng Pháp văn, một bên là bản văn dịch bằng chữ quốc ngữ. Những dịch phẩm này vừa giúp độc giả thường thức những tinh hoa của nền văn học Pháp lại vừa giúp độc giả trau dồi thêm kiến thức

về Pháp ngữ. Họ chọn những tác phẩm có giá trị của các tác giả hữu danh trong văn học sử Pháp : La Fontaine, Anatole France, Molière, Chateaubriand. Nguyễn văn Vĩnh còn dịch thơ nôm ra Pháp văn — *Kim Vân Kiều* — Hán văn ra Pháp văn — *Phú Tiềm* xích xích của Tô Đông pha.

Bên phía Hán học, Phan kể Bính và Nguyễn đồ Mục đã dịch những áng danh văn của Trang tử, Liệt tử, Âu dương Tu, Tô Đông pha, Đào Tiềm, ra quốc văn. Tuy mới làm quen với quốc văn, nhưng những dịch phẩm đó đủ xứng đáng với lòng tin cậy và kỳ vọng ở mọi người. Ta hãy xem bài văn dịch sau này của Phan kể Bính :

Ngồi rồi là thuốc độc (Đông lai tử)

Trong đời chết về thuốc độc, một vạn người họa là mới có một người; chứ chết vì ăn không ngồi rồi thì nhiều lắm. Cái độc ăn không ngồi rồi, rất thâm rất ác, không có sự gì nói thí dụ cho được, nhưng hãy tạm đem những sự đáng sợ hãi mà thí dụ như sau này : Xe đi trên mặt đất không chỗ nào nguy hiểm cho bằng những mặt đất phẳng phiu; thuyền đi dưới nước, không chỗ nào yên ổn cho bằng đường khuất khúc. Sao vậy ? Nghĩa là khó khăn biết giữ gìn thì hóa yên, nơi dễ dàng coi thường thì có khi nên vạ. Người trong đời thường sống vì những khi lo lắng cần khổ, mà chết về những lúc sung sướng thanh nhàn, lẽ ấy rất rõ, mà người không biết sợ là bởi không biết nghĩ đó thôi. Những lúc ngồi không, thử nghĩ mà coi : Đề cho chí khí ta sinh ra suy nhược là bởi đâu ? Đề cho công việc ta sinh ra lười nhác là bởi đâu ? Đề cho ngày tháng ta bỏ qua là bởi đâu ? Đề cho ta mai sau này cùng nát với cỏ cây là bởi đâu ? Đề cho ta sinh cái lòng muốn của ta, không biết quay đầu lại, rồi lại đeo thêm cái tiếng xấu là bởi đâu ? Đề cho ta nhác sự phòng bị, quên sự lo lường, rồi đến nỗi mắc vào tội vạ là bởi đâu ?

Ấy đó là những cảnh là bởi gốc mà ra, nghĩa là tự sự ăn không ngồi rồi gây nên cả.

Phan kể Bính diễn nôm

(Đồng đương tạp chí bộ mới số 61 trang 491 phần văn chương)

Phần khảo luận do Đoàn tình Canh, Phan duy Tổ, Phạm Quỳnh và Nguyễn văn Tố đảm nhiệm. Những bài khảo luận này bàn về những vấn đề xã hội, triết học, văn học, giáo dục . . .

Đọc những bài khảo luận này, người đọc dù bi quan đến đâu cũng phải công nhận rằng tiếng nước ta có đủ chữ dùng để bàn về những vấn đề trừu tượng và cao xa. Những bài *Gốc tích về sự tư tưởng của loài*

người (Phạm duy Tồn Đ. D. T. C. số 27 và 28) *Lòng ước muốn của loài người* (Phan kể Bình Đ. D. T. C. số 150) *Tự do bình đẳng là thế nào?* (Nguyễn văn Ngoạn Đ. D. T. C. số 42) *Cái tư tưởng của ta* (Đoàn tinh Canh Đ. D. T. C. số 105) *Lời quyền* (Đoàn tinh Canh Đ. D. T. C. số 106) và 107) *Phạm tông* (Đoàn tinh Canh Đ. D. T. C. số 120) là những thí dụ hùng hồn chứng tỏ khả năng của tiếng Việt. Cho đến ngày nay thiên *Việt Hán văn khảo* của Phan kể Bình vẫn còn là một tập tài liệu quý báu cho những ai muốn tìm hiểu và tham khảo về văn chương Trung quốc và Việt Nam. Khi một người có một sở học vững chắc tất không sao viết nổi. Đem so sánh đoạn văn sau đây của Nguyễn văn Vĩnh nói về La Fontaine với đoạn văn đăng trong *Đại Việt tân báo*, ta có thể tìm thấy sự rõ rệt:

La Fontaine.— Ông Jean de la Fontaine sinh tại Château Thierry năm 1621, chết tại Paris năm 1695. Ông thân sinh ra ngài vốn làm kiếm lâm, trước định cho ngài đi học để làm nhà thầy, song ngài không có đủ tư cách theo đạo tu hành, cho nên lại bỏ trường nhà giáo mà học hình luật. Cha thấy tính bông lộng bèn lấy vợ cho và nhường chức kiếm lâm cho, nhưng ông La Fontaine không phải là một ông quan tốt mà cũng chẳng phải là một người giữ được gia đạo. Sau bỏ cả chức và quên cả vợ. Nguyên ông La Fontaine có ba tật, khiến nên người tộc trưởng rất xấu: một là tật mê gái, hai là lười biếng, ba là tật hay làm thơ.

Thích làm thơ từ thuở 22 tuổi. Về sau gặp được quan hộ bộ Fouquet là một người quyền thế to lớn của mà lại hay hậu đãi những người hay chữ và có tài, mới cấp cho ông La Fontaine mỗi năm 1000 livres. Cứ ba tháng một kỳ lĩnh tiền bắt phải làm một bài thơ làm biên biên lai.

Từ lúc ông La Fontaine yên được nơi ăn chốn ở mới làm ra những thơ này, dị thường như trò đùa bỡn, mà xem ra nghĩa lý sâu sắc vô cùng, ngày nay ở bên đại Pháp lấy làm sách học, ai ai đều biết thuộc lòng.

(Đồng Dương tạp chí, phần văn chương, số 1 trang 4 và 5)

Đồng dương tạp chí lại sưu tầm đề đăng những áng thơ nôm cổ như thơ của Nguyễn Khuyến, Hoa tiên truyện của Nguyễn huy Tự v.v.. Phần này không được săn sóc chu đáo cho lắm nên số có số không nhiều bài lại chép sai lầm về tiểu sử tác giả cũng như văn thơ nữa. Thí dụ như bài nói về Nguyễn Khuyến sau đây:

Tam nguyên Nguyễn tất Thắng, người làng Yên đồ, huyện Nam sang tỉnh Thái bình hay chữ có tiếng ở Bắc kỳ, đỗ Tam nguyên, không xuất

chính, chỉ ngồi nhà dạy học. Thơ nôm hay lắm, nhưng tài Nôm nước Nam ngày xưa không biết trọng mà chỉ lấy làm nghề chơi, cho nên không in thành sách. Trong các nhà hay thơ Nôm họa có cụ này, là có thể cứu dần được nguyên văn, mà in thành một tập».

Ngay ở câu đầu, chúng ta có thể tìm thấy ba lỗi :

1— Nguyễn văn Thắng (sau đổi là Nguyễn Khuyến) chứ không phải Nguyễn tất Thắng.

2— Nguyễn Khuyến người làng Yên đồ, huyện Bình lục, tỉnh Hà nam chứ không phải huyện Nam sang tỉnh Thái bình.

3— Nguyễn Khuyến có xuất chính : đã từng lĩnh chức Sơn Hưng Tuyên Tổng đốc.

Dẫu vậy ta phải nhận rằng mấy chục bài thơ nôm cổ về cung oán, truyện Hoa tiên (bản chú thích của Đặng trần Tiến) Tự tình Khúc là những tài liệu văn nôm rất quý báu và có giá trị.

Thỉnh thoảng ở cuối mỗi số Đông dương tạp chí lại có mục *Bình phẩm sách mới* (Notes bibliographiques). Đọc trong mục này, ta thấy các tác phẩm hồi đó mới nghèo nàn làm sao ! Có khi hàng tháng mục này vắng bóng. Có một cuốn sách mới xuất bản thì có bốn năm bài phê bình khác nhau (mỗi kỳ một bài) Phương pháp phê bình hãy còn thô sơ và vụng về lắm. Thí dụ như bài phê bình sau đây :

«*Phép nuôi con* (1)... Nói về những cách người mẹ phải giữ gìn từ lúc có thai, cho đến lúc đẻ con ra, và nuôi con là thế nào.

Sách này bán tại nhà in Taupin, giá bán mỗi quyển chỉ có một hào (0\$10) mà nói đủ những cách thiết yếu và giản dị về việc nuôi con, ai cũng có thể theo được. Vậy thì các bà An-nam ta cùng các cô con gái sắp về nhà chồng nên cần xem quyển sách này lắm, dù chưa biết đọc chữ quốc ngữ cũng mượn người đọc lên mà nghe.

Đó thật là một quyển sách quý báu để khiến cho giống nòi con rồng cháu tiên của người An-nam ta tránh khỏi những sự khổ sở toét mắt, chốc đầu, xúi da trâu, phình bụng cóc như những đứa trẻ mà mắt ta vẫn thường trông thấy,

Ngu này thiết tưởng thời buổi ngày nay, hai chữ thể dục là cần hơn cả thì việc nuôi con này chính là một việc cải lương trước nhất của nước ta bây giờ.

Chẳng những các bà cùng các cô sắp về nhà chồng nên xem sách này mà thôi. Nếu các ông đã xem qua sách này thì có khi cũng không cần phải nghị luận đến câu : «*Vợ là vật gì ?*» mà ông nào cũng biết quý những người đàn bà đáng quý.

(Nguyễn đồ Mục, Đ.D.T.T. số 86 trang 696)

(1) Đó là tên một loạt bài diễn thuyết bằng chữ Pháp của bác sĩ R. Tardieu thâu gộp lại và dịch thành sách.

Riêng về *phần sáng tác* — tôi muốn nói tới những tác phẩm thiên về trí tưởng tượng và tình cảm — Đông dương tạp chí hầu như không có lấy một bài nào đọc được. Ta có thể giải thích sự kiện này không khó khăn lắm. Đó là tờ tạp chí xuất hiện lúc ban đầu nhằm mục đích đặt viên gạch đắp móng cho tòa lâu đài quốc văn nên phần dịch thuật, khảo luận, phê bình được coi là quan trọng hơn. Nam phong tạp chí (số đầu xuất hiện vào tháng Juillet 1917) trong những năm đầu cũng không hơn Đông dương tạp chí nhiều lắm. Ấy là Phạm Quỳnh đã thừa hưởng biết bao kinh nghiệm của Nguyễn văn Vĩnh ! Mãi sau này Nam phong tạp chí mới đăng thơ sáng tác của độc giả bốn phương — dĩ nhiên là thơ luật — truyện ngắn của Phạm duy Tồn, Nguyễn bá Học. Những sáng tác này hãy còn mắc phải khá nhiều khuyết điểm nhưng bước đầu tiên được thể cũng là khá lắm rồi.

Trên đường xây dựng tòa lâu đài quốc văn, Đông dương tạp chí đã góp vào một số lớn vật liệu. Mặc dù tờ tạp chí đó hãy còn mắc phải nhiều khiếm khuyết nhưng không ai có thể phủ nhận được vai trò lãnh đạo tiên phong của nó. Nếu người ta có vì những tức khí nhất thời mà chê Nguyễn văn Vĩnh là một nhà buôn, một tay sai của Pháp, một học phiệt, thì chúng ta đứng trên bình diện văn học, vô tư và khách quan hơn có thể nói : Nguyễn văn Vĩnh là tên linh tiên phong trong đội quân báo chí ; Đông dương tạp chí chính là viên gạch xây nền đắp móng cho tòa lâu đài quốc học Việt nam.

L.T.K.

* — VAI TRÒ NAM PHONG TẠP CHÍ

NAM Phong là một tờ tạp chí ra hàng tháng, xuất bản tại Hà nội từ tháng 7 năm 1917 đến tháng 12 năm 1934, được tất cả 210 số, 18 năm. Đó là tờ tạp chí sống lâu đời nhất và xuất bản liên tiếp nhất trong các tạp chí xuất bản tại Việt Nam từ trước tới nay. Sáng lập viên là ông Marty, một quan cai trị có thể lực ở Đông Dương hồi đó. Chủ nhiệm kiêm chủ bút là ông Phạm Quỳnh từ 1917 đến 1931. Từ 1932 trở đi, sau khi ông Phạm Quỳnh về Huế lĩnh chức Ngự tiền văn phòng Đồng lý và Học Bộ Thượng thư, thì tờ báo được giao cho các ông Nguyễn hữu Tiến, Lê văn Phúc và Nguyễn tiến Lãng. Cùng viết với ông Phạm Quỳnh có một số nhà văn nhà báo khác như Nguyễn hữu Tiến, Phan ké Bính, Nguyễn đồ Mục, Nguyễn trọng Thuật, Trần văn Ngoạn, v.v... hợp thành một nhóm mà người ta quen gọi là nhóm Nam Phong tạp chí. Tuy nhiên nói là một nhóm là do người sau đặt ra mà thôi, chứ đương

thời, những nhà văn đó chỉ là những người viết luôn luôn nhiều nhất cho báo Nam Phong và không bao giờ hề hợp thành một nhóm một văn phái có chủ trương nhất định như nhóm Tự Lực Văn Đoàn sau này. Phần lớn các bài trong Nam Phong đều do Phạm Quỳnh viết, nhất là các bài theo đúng chủ trương của Nam Phong.

Chỉ cần đỡ bất cứ một số Nam Phong nào ra, nhất là trong những năm đầu, chúng ta có một ý niệm rõ ràng về việc này. Cho nên tuy có nhiều nhà văn cùng viết, người quan trọng nhất vẫn là ông Phạm Quỳnh. Do đó trước khi xét đến Nam Phong, chúng ta cần nghiên cứu về ông này trước.

Phạm Quỳnh (1) thường gọi là Thượng Chi, còn có biệt hiệu là Hồng Vân, sinh năm 1892, quán tại làng Lương Ngọc, phủ Bình Giang tỉnh Hải Dương (Bắc-Việt Nam). Ông theo học trường thông ngôn rất sớm và đậu bằng Cao đẳng tiểu học năm 1908, mới có 16 tuổi và đậu thủ khoa. Ngay năm đó, ông được vào làm tại trường Viễn đông bác cổ tại Hà Nội.

Cuộc đời của ông từ đây có thể phân làm ba giai đoạn khác nhau.

Thời kỳ làm việc tại trường Viễn Đông Bác cổ 1908-1917. Trường này là nơi người Pháp lập ra để khảo về cổ học Việt Nam và Viễn Đông. Thời ấy, đó là nơi tương đối có nhiều sách vở nhất, đầy đủ cho việc khảo cứu. Phạm Quỳnh đã lợi dụng tình trạng đầy đủ sách vở này để học hỏi rất chuyên cần và chẳng bao lâu trở nên một người học rộng, giỏi chữ Pháp, giỏi cả chữ Hán. Điều ta cần chú ý là ngoài ông Phạm Quỳnh, trường Viễn Đông Bác Cổ còn là nơi đào tạo ra một người học rộng nữa là ông Ưng Hòe Nguyễn Văn Tố.

Thời kỳ làm báo Nam Phong (1917-1932). Năm 1917, ông Marty một quan cai trị có thế lực, có ý kiến ra một tờ báo bằng Việt ngữ và giao cho ông Phạm Quỳnh làm chủ nhiệm kiêm chủ bút. Trong thời kỳ này ông đã tỏ ra có kỹ tài về quốc văn và khảo cứu các vấn đề có liên lạc đến văn hóa. Năm 1922, được cử đi Pháp, ở tại Paris 3 tháng đã diễn thuyết tại Viện Hàn lâm và trường Thuộc địa Pháp, rất được hoan nghênh.

Thời kỳ làm quan (1932-1945). Năm 1942, Bảo Đại, sau khi về nước tổ chức lại Nội các và vời Phạm Quỳnh vào Huế cho giữ chức Ngự tiền văn phòng Đồng Lý là một chức tuy không phải là to nhất, nhưng trong thực tế là một chức quan trọng hàng đầu. Sau đó, ông được làm Thượng thư Bộ Lại, rồi Thượng thư Bộ Giáo dục. Năm 1945, Nhật đảo chính, ông bị mất chức rồi vào khoảng tháng 8-1945 bị bắn chết tại một làng gần Huế.

(1) 1892-1945

thai, và là những người có công vào bậc nhất trong việc xây dựng nền quốc văn này.

Muốn hiểu rõ sự quan trọng của tạp chí Nam Phong chúng ta cần xét lại tình trạng học thuật tư tưởng của nước nhà hồi đó. Có mấy điểm đáng chú ý :

a) Về phương diện hình thức— Sự xuất hiện và phát triển của chữ quốc ngữ.

Lịch sử văn học, đã cho ta thấy chữ quốc ngữ tuy xuất hiện từ lâu, nhưng đến đầu thế kỷ thứ XX mới tiến mạnh và luôn luôn phát triển không ngừng. Với Trương-vĩnh-Kỷ và Huỳnh-tịnh-Cửa, hai nhà văn tiên phong, chữ quốc ngữ đã bắt đầu những bước đi chập chững trong công cuộc diễn tả ý tưởng để thay thế cho chữ Nôm. Sức mạnh của Tây phương đã làm cho các nhà thức giả, cựu học cũng như tân học đồng lòng quan niệm rằng sở dĩ nước nhà kiệt quệ và đi đến chỗ mất nước là do sự sùng mộ quá đáng đối với nền cựu học, đối với chữ Hán. Ông Vũ-bội-Liên trong Đăng Cổ tùng báo đã viết : «Chữ Hán quả là một cái hàng rào hiểm chắn ngang đường văn minh, làm cho kẻ đi học phải mỗi lưng, tốn cơm gạo mới dùng được chữ, khi dùng được chữ thì trán đã dẫn, lưng đã còng vì nổi dùi mài một đời, học các điều cao xa quá. Chữ thâm, chữ hại, làm cho ai mớ đến cũng quên cả việc thương đời nay để học việc đời xưa, đời xưa thực chết rồi, thực xa rồi» (1) Cho nên mọi người đều hô hào bỏ cái học cũ, chữ cũ, theo học mới Tây phương và học chữ mới là chữ quốc ngữ. Phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục đã có công lớn trong công cuộc này. Đến năm 1913 là năm Đông-Dương Tạp Chí của Ông Nguyễn-văn-Vĩnh xuất hiện, chữ quốc ngữ đã bắt đầu làm bá chủ trên văn đàn thay thế một cách vĩnh viễn cho chữ Hán và chữ Nôm. Số người đọc chữ quốc ngữ càng ngày càng nhiều, nhất là trong giới trí thức trung lưu. Một vấn đề mới được đặt ra làm sao cung ứng cho nhu cầu học hỏi càng ngày càng lên cao này. Cho đến năm 1917, năm Nam Phong ra đời, một tờ Đông Dương Tạp Chí chưa đủ giải quyết được vấn đề.

b) Về phương diện nội dung.— Nền cựu học bắt đầu phá sản là một sự dĩ nhiên không còn ai chối cãi được. Mấy ngàn năm trau dồi nền văn hóa cũ không đủ ngăn cản sự mất nước. Sức mạnh của Tây phương đã làm cho mọi người tỉnh ngộ, không còn tin tưởng một cách mù quáng vào cái học Khổng Mạnh nữa. Nhưng bỏ cái học cũ đi là một truyện, còn phải thay thế nó bằng một thứ gì ? Nền học mới từ Tây

(1) Chép lại do Thanh Lãng (Biểu nhất Iâm văn học cận đại trg 178).

phương đem lại, cần được phổ biến là một lẽ dĩ nhiên, nhưng cái học mới này có thể hoàn toàn thay thế cái học cũ không? Phần lớn các nhà thức giả đó tin tưởng rằng chúng ta có thể tự tạo ra một nền tư tưởng học thuật mới bằng cách dung hòa những cái hay của hai nền văn hóa Đông phương và Tây phương. Muốn đạt được mục đích đó họ quan niệm, cần phải, một đẳng phổ biến học thuật tư tưởng Tây phương sâu rộng trong xã hội, một đẳng khác, tìm cách chấn hưng nền học cũ đương bị lu mờ, lung lay đến tận gốc do trào lưu mới từ Tây phương đem lại. Cho đến năm 1917, năm Nam Phong tạp chí ra đời, chưa có một cuốn sách hay một tờ báo nào làm cái công việc phổ biến và chấn hưng đó.

Nam Phong Tạp Chí ra đời đúng lúc đề đưa ra một giải pháp cho hai vấn đề nói trên :

- 1) Cung ứng cho nhu cầu học hỏi của xã hội.
- 2) Phổ biến nền văn hóa mới và chấn hưng nền văn hóa cũ.

Tôn chỉ Nam Phong

Tôn chỉ của Nam Phong đã được trình bày rất rõ ràng trong bài «Mấy nhời nói đầu» trong số đầu tiên ra ngày 7 tháng 7 năm 1917 và các bài rải rác trong những số báo về sau như nhân dịp kỷ niệm mười năm ra đời, vào lúc thay đổi chủ nhiệm vào năm 1932 cũng như trước khi đình bản tổng kết trong số cuối cùng 210 ngày 16 tháng 12 năm 1934.

Ta thử đọc :

1) Cái mục đích của bản báo là muốn gây lấy một cái học mới để thay vào cái Nho học cũ cùng đề xướng lên một cái tư trào mới hợp với thời thế cùng trình độ dân ta. Cái tính cách của sự học vẫn mới cùng cái tư trào mới ấy là tổ thuật cái học văn tư tưởng của Thái Tây mà không quên cái quốc túy trong nước.

2) Bản báo không chú sự phổ thông mà muốn làm cái cơ quan riêng cho bọn Cao đẳng học giới của nước ta gồm cả những bậc cụ học cùng tân học mà dung hòa làm một.

3) Cái phạm vi của bản báo và gồm những sự học thuật tư tưởng đời xưa, đời nay cùng những vấn đề quan trọng trong thế giới bây giờ nhưng trong cách diễn thuật bình phẩm những học thuật tư tưởng cùng những vấn đề ấy ấy, vụ theo lấy cái phương tiện giản dị hơn nhất thích hợp với trình độ người nước ta.

(*Nam Phong* số 1 tháng 7 năm 1917)

Bản báo trước hết đem chữ quốc ngữ mà luyện tập cho thành quốc văn để làm cái lợi cái khí cho văn hóa sau này ; dùng quốc văn để truyền bá cái học thuật tư tưởng mới.

(*Nam Phong* số 119 tháng 7 năm 1932)

Sự nghiệp Nam Phong cố gắng hiến cho quốc dân là bắt đầu làm cho tăng tiến trình độ tiếng Nam... đem phát huy cái chủ nghĩa tôn sùng tiếng Nam mà mấy bậc đàn anh mới đề xướng cho truyền bá ra thành phong trào ; hiện ra thực tế... mạnh bạo đem tiếng Nam ra ứng dụng ngay vào những lối văn Cao đẳng như những văn khảo cứu, luyện thuyết, phê bình về triết học, chính trị, kinh tế, khoa học lịch sử, xã hội, tôn giáo, và dịch những văn, những sách về những môn loại trên ấy của Đông phương và Tây phương. Vừa làm vừa tìm tiếng ghép dùng dần dần, nghiệm thấy tiếng Nam có đủ tư cách đối phó và diễn tả được những tư tưởng cao thượng có thể bước chiếm dần lên cái ghế trong trường học văn.

(Nam Phong số 210 tháng 12 năm 1934)

Nói tóm lại, tôn chỉ của Nam Phong là :

1) Gây lấy một nền học mới bằng cách dung hòa tư-tưởng học thuật của Tây phương với cái học cũ cổ truyền, nhân đó đề xướng một tư trào mới hợp với thời thế cùng trình độ dân nước Việt thời đó.

2) Xây dựng một nền quốc văn mới bằng cách dùng chữ quốc ngữ diễn tả các tư tưởng cùng tình cảm về đủ các phương diện, triết học, khoa học, văn học, tôn giáo v.v... để luyện cho quốc văn càng ngày càng tiến triển hơn lên.

Nội dung Nam Phong.— Đề đạt các mục tiêu nói trên, trong suốt thời kỳ 18 năm tạp chí Nam Phong :

1) Gồm có ba phần : một bằng Việt ngữ, một bằng Hán văn và một bằng Pháp văn, mỗi phần ước độ 50, 60 trang. Sự xếp đặt này không ngoài mục đích đề cho bất cứ ai cũng có thể đọc được, dù là cựu học, hay tân học, người Việt, người pháp, người Trung Hoa. Tuy vậy phần quốc văn vẫn được coi là quan trọng hơn cả, cho nên bao giờ cũng nhiều trang, hơn hai phần chữ Pháp và chữ Hán. Các bài trong hai phần sau thường là bài dịch của hai phần trước.

2) Đã phổ biến thuật tư tưởng Tây phương bằng cách dịch thuật các sách triết học, khoa học, văn học ra tiếng Việt, hoặc đem các sách này ra phân tích, bình luận, tóm tắt bằng một lối hành văn dễ hiểu để cho người đọc có thể lĩnh hội được. Các loại dịch thuật này rất linh tinh về đủ mọi phương diện của tư tưởng học thuật Tây phương. Ví dụ về triết học có triết học là gì (N.P. số 70) triết học Âu-Châu ngày nay (N.P. số 119) Tâm lý học (N.H. số 88 và tiếp) Luân lý là gì ? (N.P. số 91)v.v. Về khoa học có Tàu ngầm tàu lặn (N.P. số 1) Sao băng (N.P. số 27) Nói về vi trùng (N.P. số 72) v.v.. Về kinh tế có khảo về tiền tệ (N.P. số 37) Khảo về ngân hàng (N.P. số 27) v.v... Về tiểu chuyện danh nhân có Thomas Edison (N.P. số 72) Pasteur (N.P. số 66) v.v... Phân tích các tiểu thuyết hay của Pháp như Nghĩa cái chết (le sens de la mort — Paul

Bourget (N.P. 1) Lỡ dở đường (l'etape) Vua bề (E. Vogue de Melchier) v.v..

3) Đã chấn hưng cổ học Đông phương bằng cách :

— khảo về các vấn đề triết học : khoa học như của Tây phương
Ví dụ : Phật giáo lược khảo (N.P. 40 và tiếp) Sự tích Khổng Phu Tử (N.P. số 38) Đạo giáo (N.P. số 67) Khảo về luân lý học sử nước Tàu (N.P. 37 và tiếp).

— sưu tầm những tài liệu về các áng văn cũ nôm hay Hán văn của văn học sử, dịch thuật các sách chữ Hán, những văn thơ cũ như của Nguyễn-Bình-Khiêm, Trần-Tế-Xương, Hoài Nam ca khúc (N.P. số 73). Truyện Sãi vãi cùng tiểu truyện tác giả là Nguyễn-cu-Trình (Nam Phong số 32) Phong dao lịch sử (N.P. số 76) Nam âm thơ văn khảo luận (N.P. 19 và tiếp) Tiểu thuyết cổ Lĩnh Nam Dật Sử. Một bộ sách có giá trị cho quốc sử (N.P. 52) v.v...

3) Đã xây dựng nền quốc văn, nhất là văn xuôi mới bằng cách khảo cứu và bình luận về các văn thơ Việt-Nam và của Trung Hoa ví dụ : Bàn về sự dùng chữ nôm trong chữ quốc ngữ (N.P. số 20) Lối tả chân trong văn chương (N.P. số 21) Bàn về tiếng Việt (N.P. số 22) Tâm lý người nhà quê qua câu hát (N.P. số 88) Bàn về truyện Kiều (N.P. số 30, 68, 72, 75, 79, 81, 82, 83, 85, 86, 87, 99, 106 v.v..) Lược sử Nguyễn-Công-Trứ (N.P. số 93) Cụ Đồ-Chiều (N.P. số 56) Việt Nam ta biết chữ Hán từ hồi nào (N.P. số 29) v.v...

4) Ngoài ra cuối mỗi số thường có một phần tự vựng, dịch các tiếng Pháp ra tiếng Việt, với mục đích làm giàu dụng ngữ.

Đề có một ý niệm về cách xếp đặt bài vở trong Nam Phong, chúng ta hãy giở một số ra xem bên trong có những gì ? và đây là số đầu :

Luận thuyết.— Bàn về văn minh nước Pháp thuật cuốn La civilisation française của Victor Giraud.

Văn học bình luận.— Thuật cuốn le sens de la mort của Paul Bourget (nghĩa cái chết).

III.— Triết học bình luận : Dịch bài diễn thuyết của một giáo sư người Ý Guglielmo Ferrero về vấn đề tiến bộ (le problème du progrès)

IV.— Khoa học bình luận : Khảo về tàu ngầm tàu lặn.

V.— Văn tuyền : Đăng thơ của Trần-Tế-Xương, Từ Diễn Đồng v.v.

VI.— Tạp trở : Khảo về hội Hàn Lâm nước Pháp.

VII.— Thời đàm : Bàn về chiến tranh thế nhất.

VIII.— Tiểu thuyết : Dịch cuốn Grandeurs et servitudes militaires của Alfred de Vigny (cái vinh cái nhục của nhà quân).

VI.— Tự vựng : Dịch các tiếng chuyên môn Pháp Việt.

Trong 17 số đầu, Nam Phong tạp chí đã theo cách xếp đặt này một cách khá đúng. Tuy nhiên ai cũng nhận thấy không thể theo mãi được bởi lẽ cách xếp đặt đều đều này sẽ làm cho người đọc chán nản nếu kéo dài mãi, hoặc nhiều khi không đủ tài liệu để viết mãi về mọi vấn

đề trong khuôn khổ này, trong khi có những tài liệu khác không thích hợp với một mục nào trong các tiêu đề trên. Do đó từ số 18 trở đi, chúng ta thấy cách xếp đặt đã thay đổi. Người ta bỏ hẳn đầu đề : Văn học hay triết học, bình luận mà in ngay đầu đề của bài báo. Ví dụ như Danh dự luận, Gia tộc luận. Phần chữ Pháp và chữ Nho bao giờ cũng đề sau phần chữ Việt. Tuy nhiên chúng ta phải công bình nhận rằng sau khi ông Phạm Quỳnh không còn chủ trương Nam Phong, Nam Phong kém hẳn về mọi phương diện và sống ngắc ngoải được thêm hai năm nữa. Và lại ngay từ khi Phạm Quỳnh còn chủ trương, bắt đầu từ 1927, 1928 trở đi Nam Phong cũng không còn giữ được cái phong độ của buổi đầu, bài vở nghèo nàn hơn, xếp đặt lung lung hơn và không còn hấp dẫn như trước nữa. Nam phong có lẽ chỉ có một thời và cái thời toàn thịnh là vào khoảng 1922 đến 1927 nghĩa là sau khi Phạm Quỳnh đi Pháp về. Sau năm 1930 trở đi, văn học Việt Nam biến chuyển theo một khuynh hướng khác, dù Phạm Quỳnh có tiếp tục chủ trương tờ Nam Phong nữa chưa chắc tạp chí đó còn có thể tồn tại được nữa, nếu không thay đổi hẳn bộ mặt.

Sau khi đã biết rõ tôn chỉ và nội dung của Nam phong, vấn đề đặt ra là xét xem Nam phong có giá trị gì đối với nền văn học nước nhà, và có đạt được mục tiêu đề ra không.

Phê bình.

Giá trị vai trò của Nam phong.

a) Những ưu điểm :

1) Trước hết tạp chí Nam phong ra đời rất đúng lúc, rất hợp thời. Tình trạng sách vở nước nhà hồi đó rất thiếu thốn. Nhu cầu học hỏi càng ngày càng tăng. Những nhà cựu học muốn thấu hiểu học thuật tư tưởng Tây phương không thể hoàn toàn trông mong vào sách Trung hoa. Các nhà tân học nhiều khi, hoặc không có thì giờ, hoặc không đủ năng lực đọc sách chữ Pháp. Cho ra đời một tạp chí như tạp chí Nam phong tức là đáp lại sự đòi hỏi của số người nói trên. Ngoài ra quốc văn cần được chau dồi. Sự chau dồi đó, mọi người đều đặt tin tưởng vào Nam phong khi tạp chí này ra đời. Sau cùng ta cần chú ý là ý kiến cho ra một tờ tạp chí thay vì tìm cách phổ biến học thuật tư tưởng bằng các cuốn sách, là một ý kiến rất hay, có lợi cho cả người viết lẫn người đọc. Người viết có thể viết lần lần từng vấn đề một, có thì giờ khảo cứu, suy ngẫm, rút kinh nghiệm vừa làm vừa tập, không phải cố gắng như khi viết một cuốn sách.

Người đọc cũng có thể đọc lần lần không chán, không mất nhiều thì giờ, không mất nhiều tiền để mua. Chính vì thế mà người ta có thể sẵn sàng để viết và để đọc hơn.

2 Giá trị của các bài khảo cứu cùng dịch thuật về học thuật tư tưởng này phương là một điều không ai chối cãi được. Về phương diện này Nam phong rất dồi dào về nội dung cũng như hình thức. Trong phần xét về nội dung Nam phong ở trên, trong lúc đưa ra các thí dụ về các bài đã viết, chúng ta đã thấy Nam phong đề cập đến đủ mọi vấn đề triết học, khoa học, tôn giáo, chánh trị, kinh tế, giáo dục, nghệ thuật v.v... nghĩa là không thiếu sót một vấn đề gì, một ngành nào cần thiết cho sự hiểu biết của độc giả. Những bài này ngày nay cũng còn giữ được tính cách hữu ích của nó đối với những người muốn biết về một vấn đề nào một cách đại cương. Ví dụ: Một người học sinh ban Tú tài Triết học có thể đọc một cách hữu ích các bài viết về Triết học như Triết học là gì? Triết học Âu châu ngày nay. Tâm lý học, Luân lý là gì? Một học sinh ban sinh ngữ có thể tìm được trong đó những bài dịch pháp văn những bài về văn chương, văn học sử Pháp. Tất nhiên là với sự biến chuyển của môn học này, những bài đó không có tính cách thời sự nữa, nhưng nó vẫn có giá trị về phương diện cho chúng ta biết về lịch trình tiến hóa của các môn học đó. Nói tóm lại, những người không thông hiểu Pháp văn một cách thấu đáo để có thể đọc ngay trong sách Pháp ví dụ như các học sinh Tú tài ngày nay — mỗi khi cần có một ý niệm đại cương về một vấn đề nào đó, ngay bây giờ nữa, cũng không thể tìm thấy ở đâu những bài viết đầy đủ như ở Nam phong. ngày nay những bài đó còn có ích như thế, hẳn ngày xưa sự ích lợi là một điều không ai có thể phủ nhận được.

3) Những bài về cổ học Đông phương còn có giá trị hơn nữa bởi lẽ cho đến bây giờ chúng ta cũng không tiến gì hơn ông Phạm Quỳnh và các văn hữu của ông. Muốn biết về Phật giáo, nếu không đọc chữ Pháp, hỏi còn có những bài nào, có thể thay thế được các bài về Phật giáo lược khảo trong Nam phong! Về đạo giáo, về nho giáo cũng vậy, tuy rằng những bài đó cũng không nhiều gì. Đó là một điều đáng tiếc và cần bổ khuyết.

4) Những thi ca cổ được sưu tầm, tất nhiên là một điều hết sức hữu ích đối với người hồi đó cũng như với người đời nay. Có những bản như Lịch triều hiến chương chỉ được in trên Nam phong là lần đầu tiên, trước đó chỉ có bản viết tay. Những bản điều trần của Nguyễn Trường-Tộ cũng thế. Ngày nay chúng ta còn giữ lại được một số các thi văn hồi trước là nhờ công sưu tập của Nam phong. Bạn muốn khảo cứu về Trần-Tế-Xương hay Hồ-Xuân-Hương, Nguyễn-Khuyến, bạn khó có thể tìm đâu được đầy đủ các bài thơ như ở trong Nam phong. Ngay cuốn Văn đàn bảo giám của ông Trần-Trung-Viên cũng dựa vào các tài liệu trong Nam phong rất nhiều. Người ta nói rằng Nam phong là một kho tài liệu quý giá về các văn thơ cổ Việt-Nam. Đó là một điều có lẽ hơi quá đáng, nhưng trong thực tế, dù muốn hay không, khi bạn muốn có

những tài liệu văn chương Việt-Nam bạn không thể nào bỏ qua Nam phong được

5) Nhưng công to nhất của Nam Phong là công cuộc xây dựng nền quốc văn. Trong tình trạng phôi thai của quốc văn thời đó, thiếu chữ dùng, cách đặt câu còn mơ hồ, chưa có căn bản gì vững chắc, công việc đem các tư tưởng triết học, khoa học ra diễn tả bằng chữ quốc ngữ quả là một công việc khó khăn và can đảm. Chúng ta có thể nhìn thấy sự khó khăn và can đảm đó khi ta thấy ngay đến năm 1960, chúng ta hãy còn lúng túng trong việc dùng Việt ngữ để giảng dạy tại trường Đại học. Ông Phạm Quỳnh và các văn hữu quả hẳn còn là tấm gương sáng cho chúng ta cùng soi. Do sự diễn tả này mà lần lần chúng ta có các danh từ mới, từ trước không hề thấy xuất hiện : ví dụ danh từ cử tri, nghị viện, dân biểu, lãng mạn, trữ kim, niên kim, ngân hàng, ngân khố v. v... Nam Phong có thể coi được là một kho danh từ mới, nhất là về phương diện chính trị và luật học. Về cách hành văn, cố nhiên là có những sự tiến bộ rất nhiều từ Đông Dương Tạp Chí đến Nam Phong Tuy nhiên trở lại nhận xét đã ghi ở trên, chúng ta phải nhận rằng vì ông Phạm Quỳnh gần như là người Tây học độc nhất trong nhóm của ông nên chỉ có những bài ông viết là có ghi sự tiến bộ rõ ràng về phương diện hành văn. Còn các nhà cựu học khác, tuy cũng có tiến bộ nhưng viết cũng hẳn còn lúng túng so với ông Phạm Quỳnh. Có một điều đáng chú ý, làm cho chúng ta mỉm cười, là khi ông Phạm Quỳnh viết về các bài khảo cứu về các môn khác như Triết học, khoa học ông đã viết bằng một lối văn gọn gàng sáng sủa nhưng khi Ông viết về văn học, hay sáng tác, nhiều khi ông lại trở lại lối văn biền ngẫu, đều đều trầm bổng như các nhà cựu học khác. Kể ra đó cũng là điều khó hiểu. Người ta thấy rõ là cách hành văn của các ông còn chịu ảnh hưởng rất nhiều của các văn xuôi cổ như phú, chiếu, biểu, văn tế v. v... Phải đợi đến lúc Phong Hóa và Tự Lực Văn Đoàn, văn quốc ngữ mới thoát khỏi cái ám ảnh biền ngẫu đó. Công cuộc xây dựng nền quốc văn còn được thể hiện ở những bài khảo cứu rất nhiều về văn chương Việt-Nam, và tiếng Việt-Nam. Ngày nay chúng ta còn thấy vui mừng khi có thể tìm thấy trong Nam Phong những bài như : Văn chương trong lối hát ả đào (N.P. 96) Khảo luận về cuộc hát ả đào (N.P. 70) Quốc văn ta hồi triều Gia Long (N.P. 80) Tiếng dùng trong quốc văn, Xét nguồn gốc chữ Tàu lúc mới phát phát âm (N.P. 55) Lược khảo về tuồng hát (N.P. 76) v. v... Tất cả những bài này; cho tới nay còn là những tài liệu quý báu cho các nhà khảo cứu về văn chương và ngữ pháp Việt-nam.

6) Ngoài ra, muốn cho đầy đủ, tưởng cũng cần ghi rằng, từ Nam Phong đã làm một cơ hội cho nhiều người có thể giúp ích được và giới thiệu tài năng của mình. Nếu không có Nam Phong có lẽ chúng ta sẽ biết rất ít đến các Ông Phan Kế Bính ; Nguyễn Trọng Thuật, Phan Khôi, Nguyễn

Hữu Tiến, v.v... Ngoài ra, có rất nhiều nhà văn nổi tiếng sau này đã bắt đầu bằng những bài viết ở Nam Phong. Ví dụ : Nguyễn Tường Tam, Lưu Trọng Lư. Hoàng Ngọc Phách, Tương Phố. v.v...

b) *Khuyết điểm.*— Họ có những khuyết điểm gì ?

1) Ngay thời Nam Phong, tờ tạp chí này tuy được hoan nghênh, nhưng cũng bị nhiều người công kích khuyết điểm lớn nhất, có lẽ là cái tính cách quá trường giả của nó. Tuy ngay trong số đầu, Nam Phong đã thẳng thắn tuyên bố rằng họ không chủ trương tính cách phổ thông mà thôi, nhưng nhiều người vẫn không tha thứ cho họ tính cách thiếu phổ thông như thế. Chứng cứ là một bài của độc giả vô danh gửi đến công kích, đã được đăng trên Nam Phong, và đã gây ra một cuộc bút chiến khá sôi nổi. Độc giả vô danh đó công kích Nam Phong đã dùng nhiều chữ Hán quá, trong khi danh từ Việt-ngữ không thiếu chữ, những bài của Nam Phong cao xa quá, không ai hiểu nổi kể cả những người có học như các tác giả bức thư đó. Nam Phong lại không đề cập đến những vấn đề khẩn thiết của dân chúng mà chỉ nói đến những vấn đề vu vơ không cần thiết. Những lời công kích đó, tuy quá đáng, nhưng cũng đã hiện được phần nào dư luận của một số người rất có lý. Cho nên chúng ta không lấy làm lạ khi thấy các cuốn sách như ông Nguyễn Văn Vĩnh trong loại Âu Tây tư tưởng được những người lớp dưới hoan nghênh hơn. Ông Vĩnh đã đề cập đến những vấn đề thiết thực hơn, ví dụ Truyện trẻ con ; Những kẻ khổ nạn ; Truyện ba người Ngự Lâm pháo thủ, những hài kịch của Molière, cung cấp những sách giải trí hợp với trình độ số đông hơn là những bài khảo cứu khô khan của Nam Phong. Lẽ tất nhiên là đối với những lời công kích này, các nhà văn trong Nam Phong có thể đưa ra nhiều lý do để bào chữa. Nhưng chúng ta cũng phải công nhận một sự thực là các sách của ông Vĩnh có ích cho nhiều người hơn là báo Nam Phong bởi vì giản dị hơn, dễ hiểu hơn, rẻ tiền hơn, đọc lý thú hơn, và tất nhiên dễ phổ biến hơn. Trong khi đó sự góp phần của ông Vĩnh vào công cuộc xây dựng nền quốc văn không phải là nhỏ.

2) Khuyết điểm thứ hai là cách trình bày khô khan quá, bài vở lúc nào cũng đúng đắn trang nghiêm không có gì làm vui cho bạn đọc. Không ai cấm ông Phạm Quỳnh và các văn hữu sen vào trong các bài khảo cứu một vài tiểu thuyết nổi tiếng khác của Tây phương, vui vẻ, giản dị dễ hiểu, cảm động để làm bớt tính cách trang nghiêm của các bài khác và làm cho người ta ham đọc hơn. Trong khi có các cuốn như David Copperfield của Ch. Dickens, Les Mystères de Paris của Eugène Sue, Les lettres de mon moulin, Tartarin de Tarascon của Alphonse Daudet, người ta không hiểu tại sao ông Phạm Quỳnh lại chỉ cố gắng cho bạn đọc những cuốn như Grandeurs et servitudes militaire, Corinne,

Tuyệt hồng lệ sử, Chồng tôi, v. v... Sự đòi hỏi của độc giả về phương diện này tưởng không có gì quá sức đối với ông Quỳnh và cũng không làm cho Nam Phong đi sai chủ trương của mình.

3) Khuyết điểm thứ ba — khuyết điểm nặng nhất là ở chỗ một số độc giả thời đó đã xa lánh Nam Phong vì tính cách tuyên truyền, quá rõ ràng cho chính sách của người Pháp và Nam Triều. Họ thấy bức độc khó chịu khi luôn luôn đọc thấy «Nước Đại Pháp» của chúng ta, chúng ta phải biết ơn nước Đại Pháp; Hoàng Thượng khả kính, v.v...» Lẽ tất nhiên, như trên đã nói, trong tình trạng chính trị thời đó, nhiều khi ông Phạm Quỳnh và các văn hữu phải tùy thời lợi dụng cái chánh sách tuyên truyền đó để cho tờ báo có thể sống lâu và phục vụ được cho nền quốc văn. Nhưng những độc giả «khó tính» đó đã thấy họ có lý khi thấy rằng thái độ của ông Phạm Quỳnh sau khi ra làm quan quả là phù hợp với cái chính sách bợ đỡ đã được thể hiện qua tờ báo Nam Phong. Chính vì thế mà chúng ta có bốn phần phải nhắc nhở các bạn đọc — nhất là các bạn học — điều đó để họ phân biệt những cái gì đáng yêu và cái gì đáng ghét trong con người ông Phạm Quỳnh, ngõ hầu tránh một vài vụ ngộ nhận có hại sau này.

N.X.H.

* — VAI TRÒ CỦA PHONG HÓA VÀ NGÀY NAY

NĂM 1932, tạp chí Nam Phong bắt đầu đi vào giai đoạn suy yếu và sắp sửa nổi hồi chuông báo hiệu giờ sinh thì, thì tờ tuần báo *Phong Hóa* do ông Nhất Linh Nguyễn tường Tam làm chủ nhiệm, với sự cộng tác của *Khái Hưng* (Trần khánh Giur), *Tú Mỡ* (Hồ trọng Hiếu) *Thế Lữ* (Nguyễn thứ Lễ), *Tứ Ly* (Nguyễn tường Long) v.v... đột nhiên xuất hiện trên văn đàn như một luồng gió mới và được đa số quốc dân đón nhận với một sự nồng nhiệt hiếm có. Năm 1935, tờ *Phong Hóa* bị đóng cửa, *Tự Lực Văn Đoàn* liền cho xuất bản tuần báo *Ngày Nay* để thay thế và để tiếp tục cái sứ mệnh thiêng liêng của mình.

Nhìn chung, ta thấy *Phong hóa* và *Ngày Nay* đã gây được nhiều ảnh hưởng quan trọng đối với xã hội Việt Nam ta hồi tiền chiến. Nhưng trong số những ảnh hưởng đó thì rõ rệt và cụ thể hơn cả là ảnh hưởng đối với sự tiến triển của văn chương mà chúng ta sẽ lần lượt đem ra phân tích và nhận định một cách khách quan ở sau đây.

Để sự tìm hiểu được rõ rệt, ta có thể chia ảnh hưởng của Văn Hóa Ngày Nay đối với văn chương ra làm ba điểm chính:

Ảnh hưởng đối với sự tiến triển của báo chí.

Ảnh hưởng đối với sự tiến triển của thơ mới.

Ảnh hưởng đối với sự tiến triển của các thể văn nhất là tiểu thuyết (1)



Ảnh hưởng của văn hóa ngày nay đối với báo chí :

Trước khi tuần báo Phong Hóa được xuất bản (12-9-1932) nước ta từ lâu đã có khá nhiều báo chí theo nhau ra mắt quốc dân tại Trung Nam Bắc như tờ *Gia Định báo* xuất bản tại Sài-gòn năm 1865; tờ *Đại Nam Đồng văn Nhật Báo* xuất bản tại Bắc kỳ năm 1892. Đó là hai tờ báo do chính quyền chủ trương. Ngoài ra, còn có những tờ báo do chủ nhân sáng lập như: *Nông cổ min đàm* và tờ *Việt Báo* xuất bản ở Nam kỳ năm 1900 và 1905. Đồng thời tờ *Đại Việt Tân Báo* cũng xuất bản tại Bắc kỳ năm 1905. Sau đó, nhiều tờ nhật báo cũng thi nhau xuất hiện như: *Lục tỉnh tân Văn* (1910) *Trung Bắc Tân văn* (1915) *Thực nghiệp Dân báo* (1920) *Trung lập báo* (1923) *Tiếng dân* (1927).

Ngoài ra cũng có nhiều tạp chí theo nhau xuất hiện như *Đông Dương tạp chí* (1913) *Nam phong tạp chí* (1917) *Hữu thanh tạp chí* (1921) *An Nam tạp chí* (1926) v.v..

Nếu nhận xét chung, ta sẽ thấy những nhật báo và những tạp chí đều thiên hoặc về phương diện thông tin tức ở trong nước, ban bố các mệnh lệnh của chính phủ hoặc thiên về phương diện nghiên cứu học thuật cổ-kim Đông Tây. Dù với mục đích thông tin hay là truyền bá học thuật, các nhật báo và tạp chí nói trên đều «sinh văn chương». Về điểm này, giáo sư Dương Quảng Hàm đã viết trong «Việt Nam Văn học sử yếu» trang 425 như sau «nhưng dù là nhật báo, dù là tạp chí, các tờ ấy đều thiên về mặt văn chương, bởi thế ngay báo hàng ngày cũng có mục Văn Uyển, dịch Pháp văn, dịch Hán văn, dịch tiểu thuyết Tàu và Pháp; lại có nhiều tờ thời thường xuất bản riêng một phụ trương về văn chương nữa. Nhưng cũng cần nói thêm: hầu hết những nhật báo và tạp chí đó đều mô phạm. Do đó, nhìn chung có vẻ khô khan nên không phổ biến được rộng rãi trong quần chúng.

Năm 1932, ông Nguyễn tường Tam đã chủ trương lại tờ *phong hóa* (2) với một thể tài hoàn toàn đổi mới. Bằng những tranh hí họa dùng

(1) Ở đây chỉ bàn tới những điểm trong phạm vi văn chương, chứ không đề cập tới những quan điểm về chính trị xã hội.

(2) Tờ Phong Hóa trước là của ông Phạm xuân Ninh cùng dạy học tại trường Thăng Long với ông Nguyễn tường Tam, nhưng tờ Phong Hóa bán không chạy vì văn theo thể tài cũ, tức là chú trọng nhiều vào nghị luận kiểu Nam Phong. Thấy ông Nguyễn tường Tam đương vận động xin xuất bản tờ báo «Cười», ông Phạm xuân Ninh mời ông Tam cộng tác để cải tổ tờ Phong Hóa. Nhưng ông Tam muốn ông Ninh nhượng hẳn lại để ông có toàn quyền hành động. Sau một ít ngày đắn đo, cuối cùng ông Ninh bằng lòng nhượng hẳn tờ Phong Hóa cho ông Nguyễn tường Tam sau khi đã xuất bản được 14 số.

đề chế diễu những nhân vật điển hình của thời đại (như các ông Phạm Quỳnh, Nguyễn công Tiễn, Vũ Thận, thi sĩ Tản Đà, ông Phạm huy Lục, ông Lê công Đắc v.v...); bằng những tranh vẽ khôi hài đề chọc cười độc giả về sự ngờ ngẩn hoặc lý sự cùn cùn của hai nhân vật chính là Lý Toét và Xã Xệ (sau cùng lại thêm một nhân vật nữa là Bang Bạnh); bằng mục « chuyện vui cười » rí rỏm; bằng những bài thơ trào phúng trong « Dòng Nước Ngược » của Tú Mỡ, bằng lối chấm biếm một cách nhẹ nhàng, ý nhị, đối với những câu văn viết sai, trong mục « *Hạt Đậu Dọn* » của Hàn đái Sạn v.v... nên Phong Hóa đã gây được một không khí hào hứng trong quần chúng ngay từ mấy số đầu. Đã thế, các bài trong Phong Hóa lại đều được diễn tả bằng một lối văn nhẹ nhàng, dễ hiểu mà vẫn không kém phần linh động, trong sáng, khác hẳn với lối văn khệnh khạng, kênh kiệu, đầy rẫy những chữ Hán, nên lại càng được hoan nghênh hơn nữa (về điểm này chúng ta sẽ nói tới kỹ hơn ở phần dưới). Cho nên nói rằng tờ Phong Hóa đã ghi được một thành tích đáng kể trong lịch trình tiến triển của báo chí Việt-Nam ta cũng không phải là ngoa vậy ít lâu sau, cùng với tờ Phong Hóa, Tự Lực Văn Đoàn còn cho ra thêm một tờ báo nữa lấy tên là *Ngày Nay* (30-1-1935). Hình thức tờ *Ngày Nay* cũng gần giống như hình thức tờ báo *Match* của Pháp, nghĩa là in trên giấy láng và tranh ảnh đều làm bằng bản kẽm. Thực là một sự cố gắng đáng kể về ấn loát. Còn thể tài của *Ngày Nay* thì hơi khác với Phong Hóa, như nhẹ về trào phúng mà nặng về phóng sự xã hội thời đại hơn, như phóng sự *Làng Chày*, *Ấn cướp*, *Củ lao yên* v.v... Ngoài phóng sự, *Ngày Nay* cũng có đăng nhiều những chuyện ngắn của Nhất Linh, Thạch Lam v.v... và một chuyện dài nhan đề là « *Dưới bóng tre xanh* » của Khải Hưng. Đồng thời, mỗi số lại còn kèm thêm một phụ trương in trên khổ nhỏ (chừng 12 trang) tả về cuộc kháng chiến của Đề Thám (Hùm thiêng Yên Thế). Nhưng sau khi ra được một ít số thì *Ngày Nay* tự tuyên bố đình bản vì tiền giấy, tiền in quá tốn kém, không sao kham nổi. Rút lại, cũng chỉ còn có tờ *Phong Hóa* tiếp tục cái sứ mệnh một cách « đơn thương độc mã ». Ba năm sau, tờ *Phong Hóa* bị thực dân và bọn quan lại phong kiến hạ lệnh đóng cửa. Tự Lực Văn Đoàn liền cho tục bản ngay tờ *Ngày Nay* để thay thế cho *Phong Hóa* (2-4-1936) Nhưng lần này, nội dung và hình thức cũng hơi giống *Phong Hóa*, nghĩa là vẫn nặng về châm biếm, trào phúng, nếu có khác chỉ là ở chỗ báo chia ra làm 3 phần rõ rệt : phần *Trào phúng*, phần *Tiền thuyết* và phần *Trống tim* (nói về khoa học). Vừa vui, vừa thiết thực, lại vừa có nhiều tính cách văn chương nghệ thuật, nên *Ngày Nay* càng ngày càng được phổ biến sâu rộng, do đó, đã tiêu biểu được cho sự phát triển báo chí hồi tiền chiến. Đi song đôi với *Phong Hóa* và sau này *Ngày Nay* có một số báo khác cũng được một số khá đông độc giả hoan nghênh như *Tiền thuyết thứ Bảy*, *Loa*, *Ích Hữu*, *Tao Đàn*, *Tri Tân*, *Thanh Nghị* v.v..

Tuy nhiên cũng cần nói thêm : Phong Hóa, Ngày Nay chú trọng nhiều về những vấn đề có liên quan trực tiếp tới thực trạng xã hội thời đại qua những bài xã thuyết đanh thép của Hoàng Đạo, qua những phóng sự sắc cạnh của Trọng Lang, hoặc qua những tiểu thuyết luận đề của Khải Hưng và Nhất Linh, ta luôn luôn bắt gặp những nổi bật khoan cùng với những tư tưởng cải tiến xã hội nói chung và dân quê nói riêng, được đem ra trình bày một cách cảm động, xác thực và có hệ thống. Vì thế, tờ Ngày Nay có thể được coi như là một trong những tên lính tiên phong đã biết thể hiện cái vai trò của báo chí, tức là tranh đấu thiết thực để xây dựng một xã hội công bình và dân chủ hơn.

Ảnh hưởng của Phong Hóa, Ngày Nay đối với phong trào thơ mới.

Tuy cuối thế kỷ thứ XIX sang đầu thế kỷ thứ XX thì ca Việt-Nam đã chuyển mình để muốn hướng tới một giai đoạn mới, nhưng vẫn chưa đem lại được một kết quả nào vẹn thề. Trong những tác phẩm thi ca của Nguyễn Khuyến, Trần tế Xương, Từ điển Đồng, Tấn Đà, Trần tuần Khải v.v... nội dung và kỹ thuật tuy có nhiều điểm mới mẻ thực, nhưng vẫn chưa thể coi đó là dấu vết của một cuộc cách mạng thi ca. Cuộc cách mạng thi ca chỉ có thể coi là bắt đầu được *thai nghén* từ bài dịch thơ ngụ ngôn La Fontaine « *con ve và con kiến* » của Nguyễn văn Vĩnh, đăng ở « Đông Dương tạp chí » năm 1914 số 40 và được *khai sinh* do bài thơ « *tình già* » của Phan Khôi đăng ở « Phụ Nữ tân văn » năm 1932 số 122. Bài đó như sau :

- « Hai mươi năm xưa, một đêm vừa gió lại vừa mưa.
- « Dưới ngọn đèn mờ, trong gian nhà nhỏ,
- « Hai cái đầu xanh kề nhau than thở :
- « Ôi đôi ta, tình thương nhau thì vẫn nặng,
- « Mà lấy nhau hẳn là khôngặng,
- « Đề đâu nổi tình trước, phụ sau,
- « Chi cho bằng sớm liệ mà buông nhau,
- « Hay ! mới bạc làm sao chớ ?
- « Buông nhau làm sao cho nữ !
- « Thương được chừng nào hay chừng nấy,
- « Chẳng qua ông trời bắt đôi ta phải vậy !
- « Ta là nhân ngãi, đâu phải vợ chồng.
- « Mà tình việc thủy chung ?
- « Hai mươi bốn năm sau. Tình cờ đất khách gặp nhau
- « Đôi cái đầu đều bạc.
- « Nếu chẳng quen lung đồ nhìn ra được

« Ôn chuyện cũ mà thôi. Liếc đưa nhau đi rồi,
« Con mắt còn có đuổi.»

Tuy những bài thơ đó có tinh cách cách mạng về phép đặt câu gieo vần và tiết tấu nhưng về cái hay của nó thì chưa đủ làm cho người ta phải công nhận. Do đó, một cuộc bút chiến đã xảy ra giữa những nhà «khai sinh» cho thơ mới với những nhà làm thơ theo lối cũ. Cuộc bút chiến kéo dài gần như là bất phân thắng bại. Những kẻ bàng quan đa số muốn nghiêng về phía các nhà thơ mới vì lý luận của họ nghe có phần hấp dẫn hơn. Nhưng khổ một nỗi, hiện tình lúc đó, chưa có một bài thơ mới nào tương đối có giá trị để cho họ đặt tin tưởng. Giữa tình trạng đó thì báo Phong Hóa, không lao mình vào cuộc bút chiến, mà chỉ trả lời gián tiếp bằng cách lần lượt cho đăng những bài thơ mới của Nguyễn văn Kiện, Vũ đình Liên và nhất là của Thế Lữ. Những bài thơ mới đó, với sự tiến triển của thi ca hiện nay thì không có giá trị nhiều lắm nhưng với thời đó thì thực là những kết quả làm cho người ta phải khâm phục. Biết bao nhiêu người của thời đại đã say sưa đọc những câu thơ uyển chuyển trong sáng như :

«Tiếng ve ran trong bóng cây râm mát,
«Giọng chim khuyên ca ánh sáng mặt trời,
«Gió nồng reo trên hồ sen rào rạt.
«Mùa xuân còn, hết? khách đa tình ơi !

(Thế Lữ, Phong Hóa số 68 trang 8)

hoặc những câu thơ du dương, réo rắt như :

«Tiếng địch thổi đầu dây,
«Cớ sao nghe réo rắt,
«Lơ lửng cao đưa tận lưng trời xanh ngắt ?
«Mây bay . . . gió quẩn mây bay . . .
«Tiếng vi vút như khuyên van, như diu dặt . . .
«Như hắt hiu cùng hơi gió heo may.

(Thế Lữ, Phong Hóa số 69 trang 3)

hoặc những vần thơ mang một nỗi ngậm ngùi bát ngát như :

«Lặng lẽ trên đường lá rụng mưa bay,
«Như khiêu gọi nỗi nhớ nhưng thương tiếc
«Những cảnh với những người đã chết,
«Tự bao giờ còn phảng phất nơi đây !

(Vũ đình Liên)

hoặc những câu thơ mạnh mẽ, trầm hùng như :

«Ta sống mãi trong tình thương nỗi nhớ.
«Thuở tung hoành, hống hách những ngày xưa.
«Nhớ cõi sơn lâm bóng cả cây già.
«Với tiếng gió gào ngàn, với giọng nguồn hét núi,

«Vội khi thét khúc trường ca dữ dội,
«Ta bước chân lên đồng dục đường hoàng.

(Thế Lữ, Phong Hóa số 95 trang 3)

Với những «bằng chứng cụ thể» như trên, Phong Hóa đã gây được thiện cảm, hay hơn nữa, lòng tin tưởng của quần chúng đối với «khả năng» có thể có được của thơ mới. Dựa một phần lớn vào những bài thơ mới đó mà cuộc bút chiến đã dành phần thắng lợi cho phe các nhà thơ cấp tiến. Sau Phong Hóa, Ngày Nay vẫn tiếp tục cho đăng những bài thơ mới có nhiều giá trị và nghệ thuật của Xuân Diệu, Huy Cận Nhờ đó mà phong trào thơ mới, được sự hòa nhịp của Lưu Trọng Lư rồi tiếp tới Hàn Mặc Tử, Vũ Hoàng Chương, Chế Lan Viên, Bằng Bá Lân, Huy Thông, Đinh Hùng v.v... trên các tờ báo khác, đã đi tới chỗ phát triển toàn diện và hoàn thành cuộc cách mạng một cách vẻ vang. Cho nên nói rằng Phong Hóa và Ngày Nay đã đóng một vai trò quan trọng trong cuộc cách mạng thi ca hồi tiền chiến cũng không phải là quá đáng vậy. Về điểm này, giáo sư Dương Quang Hàm đã đề ra một nhận định khá xác đáng như sau đây trong «Việt Nam văn Học sử yếu».

Đến năm 1932, ông Phan Khôi khởi xướng lên vấn đề thơ mới và đăng trong «Phụ Nữ Tân văn» một bài theo lối ấy nhan đề là Tình Già. Rồi từ đấy, nhất là Phong hóa tuần báo, thường đăng các bài thơ mới, và cổ võ cho lối thơ ấy, thì lối thơ mới bắt đầu thành lập và thịnh hành.

(V.N.V.H.S.Y. trang 428)

Ảnh hưởng của Văn Hóa Ngày Nay với sự tiến triển của tiểu thuyết

Hồi trước, trên các báo và tạp chí, phần nhiều chỉ có những bài xã thuyết, những thi ca (theo lối cũ) những bài nghiên cứu về học thuật cổ kim Đông, Tây, hoặc những bản dịch những tác phẩm văn chương ngoại quốc như những bản dịch của Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh, Nguyễn Đỗ Mục, Phan Kế Bính v.v..

Mãi sau này mới xuất hiện một ít chuyện của Nguyễn Bá Học, Phạm Duy Tốn (Nam Phong) hoặc một vài cuốn tiểu thuyết như Quả dưa đỏ của Nguyễn Trọng Thuật, Tố Tâm của Hoàng Ngọc Phách. Về phương diện nội dung cũng như về phương diện văn chương nghệ thuật, những chuyện ngắn và tiểu thuyết đó chưa đặt được trên những nền tảng vững chắc. Về nội dung thì khô khan vì quá thiên về luân lý (như chuyện ngắn của Nguyễn Bá Học, Phạm Duy Tốn) hoặc lãng mạn, đến độ sướt mướt (như Tố Tâm) hoặc rườm rà, huyền bí (như Quả Dưa đỏ). Về kỹ thuật thì xếp đặt lỏng lẻo, rời rạc. Về văn chương thì vẫn chưa sao thoát khỏi được lối văn kênh kiệu, thoát thai từ lối văn tứ lục hoặc lối diễn tả lòng thông, lũng củng. Ta có thể đưa ra một vài ví dụ để dẫn chứng

cho điểm nhận xét này. Ví dụ lối văn thực thà, lòng thông.

« ...Khi bấy giờ tôi mới nhìn ra thì là một ông lão đầu râu tóc bạc.
« Tôi động lòng, tôi bèn chạy đến, cầm tay mà hỏi : « — Chừ con cháu cụ
« ở đâu mà để cụ già nua tuổi tác, yếu đuối thế này, phải đi kéo xe vất vả ?
« Ông lão nhìn tôi. Anh ơi ! ông lão nhìn tôi, hai con mắt ông
« trống mờ mờ hình như ruột nhẵn, nước chảy chứa chan, mà chung quanh
« thì đỏ ửng.

« Ông lão nhìn tôi, ra ý ngập ngừng, thì tôi lại hỏi v.v... »

(Câu chuyện thương tâm — P. duy Tốn)

Ví dụ lối văn kênh kiệu kiêu từ lục :

« .. sau lưu lạc được vào vương cung, lúc việc châu chực, khi đi
« chinh thảo, lúc đi khẩn hoang, nào cái cảnh vương triều để khuyết,
« nguy nga hùng tráng, nào cái cảnh hậu cung thượng uyển, mỹ lệ huy
« hoàng, nào cảnh rừng núi, cây cao suối mát, vượn hót chim kêu v.v... »

(Quả dưa đỏ — Nguyễn trọng Thuết)

Nhưng với sự cố gắng của các nhà văn trong nhóm Phong Hóa
Ngày Nay, những chuyện ngắn và tiểu thuyết đã tiến được một bước rất
dài và đã gây được một phong trào sáng tác chuyện ngắn và tiểu thuyết
khá sôi nổi. Về phương diện nội dung, những chuyện ngắn và tiểu
thuyết đăng ở Văn Hóa, Ngày Nay thường hướng vào những điểm :

— Hoặc phân tích tâm lý một cách khá sâu sắc như phân tích
tâm lý của chú tiểu Lan trong *Hồn Bướm Mơ Tiên*, tâm lý của Loan và
Dũng trong *Đôi Bạn*, *Đoạn Tuyệt* ; tâm lý của An, Nga trong *Gia Đình*,
hoặc của Trương, Thu trong *Bướm Trắng* v.v...

— Hoặc nêu lên một số những phong tục tập quán hủ bại cần phải
phế bỏ để tiến tới một xã hội tốt đẹp hơn, như trong *Nửa Chừng Xuân*,
Đoạn Tuyệt, *Lạnh Lùng*, *Gia Đình* v.v...

— Hoặc giải bày những lý tưởng mới về cuộc sống, như lý tưởng
hy sinh và vui sống trong *Nửa Chừng Xuân* ; lý tưởng dung hòa ái tình
với tôn giáo như trong *Hồn Bướm Mơ Tiên* ; hoặc lý tưởng làm việc để
cải tiến dân quê, như lý tưởng của Duy trong *Con Đường Sáng* ; Bảo và
Hạc trong *Gia Đình* v.v...

— Hoặc dùng khoa học giải thích những điều mà từ trước đến giờ
vẫn coi là linh thiêng và huyền bí như trong *Vàng và Máu*, *Bên Đường
Thiên Lôi* v.v...

— Hoặc dùng lý luận để phân tích một sự uẩn khúc nào đó xảy ra
để tìm hiểu nguyên nhân, như trong loại chuyện trinh thám của
Thế Lữ : *Mai Hương* và *Lê Phong*, *Lê Phong phóng viên*, *Gói Thuốc Lá*,
Những Nét Chữ v.v...

— Hoặc đề miêu tả những tình cảm thầm kín trong lòng người
đọc phải rung động, như trong những chuyện ngắn của Thạch Lam :
Sợi Tóc, *Có Hàng Xén*, *Đêm Ba Mươi* v.v...

Ngoài phương diện nội dung như đã nói trên, các nhà văn viết trên tờ Phong Hóa, Ngày Nay còn chú trọng rất nhiều về kỹ thuật bố cục. Các sự việc xảy ra ở nội tâm hay ở ngoại giới đều được trình bày một cách phức tạp tinh vi, và chia thành các phần, các chương một cách chặt chẽ. Đồng thời lại khéo nêu lên những điểm *mâu thuẫn* nhất là về phương diện tâm lý hoặc lồng khung nhân vật vào những *ngịch cảnh* để gây ra những tình trạng gay go khiến cho cốt chuyện có sức hấp dẫn người đọc.

Nhưng quan trọng hơn cả là các nhà văn đó đã khéo mô tả tình cảm và những sự việc xảy ra bằng một lối văn bình dị, sáng sủa có một giá trị gọi cảm đặc biệt. Ta có thể đưa ra bằng một vài thí dụ để dẫn chứng :

« Nàng cầm quả bóng chầm nhẹ lên hai gò má rồi cởi cúc áo cánh chầm dần dần xuống cổ xuống vai. Trên da lạnh, nàng khoan khoái đưa đi đưa lại cái quả bóng êm ả. Trước mặt nàng, bụi phấn thơm tỏa ra trong ánh nắng và mờ bóng nàng trong gương ».

(Lạnh Lùng, trang 69)

« Chợ mỗi lúc một ồn ào. Người đến họp chợ đã đông. Cái đông dúc và ồn ào ấy khiến cho Tâm lịm đi. Tiếng người nói, tiếng cười đùa, chữ rửa tràn đầy cả một gian hàng. Sự hoạt động rục rĩ và nhiều màu, các hàng quả bánh, các thứ hàng rẻ tiền và vụn vặt ở thôn quê, những hoa quả chua chát hái xanh trong vườn nhà. Và bên kia đường, mùi thơm nôi cháo nóng của chị Tư bay ra ngào ngạt ».

(Sợi tóc, Cô hàng xén — Thạch Lam, trang 39)

Bình dị, sáng sủa nhưng cũng rất mực linh động, gợi hình và gợi cảm, đó là những đặc điểm về phép đặt câu và dùng chữ của các nhà văn trong nhóm Phong Hóa, Ngày Nay. Chính nhờ ở lối hành văn đó một phần lớn mà những tác phẩm đăng ở Phong Hóa, Ngày Nay đã được người đọc ham chuộng và đã gây được một tác động đáng kể đối với phong trào sáng tác hồi tiền chiến vậy.



Dịch thuật : Trước kia, ông Nguyễn văn Vĩnh và Phạm Quỳnh đã dịch rất nhiều những tác phẩm ngoại ngữ, nhưng phần nhiều các ông chú trọng dịch những tác phẩm cổ điển (thế kỷ 17) và những tác phẩm có tính cách triết học (thế kỷ 18) của Pháp (như một số tác phẩm của Corneille, Racine, Molière, La Fontaine, Voltaire, Rousseau, Diderot, Montesquieu v.v...) và những bản dịch của các ông hầu hết đều chú trọng vào sự lưu loát, dễ hiểu hơn là đúng sát nguyên bản.

Những nhà văn trong nhóm Phong Hóa, Ngày Nay hoặc những nhà văn cộng tác với Phong hóa, Ngày Nay thường dịch những truyện

ngắn nhẹ nhàng có thuần chất văn chương của thế kỷ thứ XIX và thế kỷ thứ XX, không những là của Pháp mà còn của Anh, Đức, Mỹ, Nga, Nhật v.v... nữa (như một số những tác phẩm của Alphonse Daudet, André Gide, André Maurois, Somerset Maugham, Tolstoi, Dostoievski, Nagai Kafu v.v...) Mục phiên dịch những áng văn chương ngoại quốc đó được gọi là mục «*Hương xa, Hoa lạ*» và được sự cộng tác của một số những nhà văn độc lập bên ngoài như : Vũ ngọc Phan, Vũ minh Thiều, Huyền Hà v.v... Với một nghệ thuật dịch vừa sát *nguyên văn* lại vừa nhẹ nhàng *duyên dáng*, mục «*Hương xa, Hoa lạ*» đã giới thiệu với chúng ta nhiều khuôn mẫu *quí giá* trong phạm vi sáng tác văn chương.

Một vài nhược điểm của Phong Hóa Ngày Nay :

Sau khi lướt qua những thành tích của Phong Hóa và Ngày Nay đối với sự phát triển văn chương, ta không khỏi nhận thấy Phong Hóa và Ngày Nay cũng có những nhược điểm, mà nhược điểm đáng trách nhất là *óc bè phái* và *óc trào phúng quá trớn*.

Óc bè phái.— Điều mà ai cũng phải công nhận là những nhà văn trong nhóm Phong Hóa Ngày Nay có một tinh thần kéo bè kéo cánh hẹp hòi. Rất ít khi họ khen những tác phẩm hoặc những hoạt động của các nhà văn bên ngoài nhóm mình (trừ trường hợp cuốn Vang Bóng Một Thời của Nguyễn Tuân). Những bài phê bình đối với những sách báo bên ngoài nhóm, vì vậy thường chỉ là những bài bông đùa, tàn ác có tính cách *dim người*. Hầu hết các nhà văn nhà thơ bên ngoài như Lan Khai, Lưu Trọng Lư, Ngô tất Tố, Lê văn Trương v.v... đều bị họ mang ra bêu riếu. Họ chỉ chú trọng bởi những cái dở, cái kém để riếu cợt còn cái hay thì tuyệt nhiên không đả động gì tới. Người đọc có cảm tưởng như đương xem một cuộc «*công qui rã*» thiếu lịch sự. Cho nên báo Tiểu Thuyết Thứ Bảy, Ích hữu, Loa, Hà nội báo, Tiểu Thuyết thứ Năm đã thành lập một mặt trận thống nhất để quyết liệt đả kích lại Phong hóa, Ngày Nay cũng không phải là không có lý do xác đáng vậy.

Óc châm biếm quá trớn.— Lối trào phúng của Phong Hóa, Ngày Nay tuy đậm đà ý nhị nhưng nhiều khi không khỏi đi đến chỗ quá trớn, gần như là *vô ý thức* trong ít nhiều trường hợp, như trường hợp vẽ tranh một thầy bói mù bị sa xuống giếng để khôi hài, hoặc vẽ ảnh ông Bùi xuân Học ôm cái vá rách, rồi dưới đề là «*ông Bùi xuân Học khóc Loa*» (1) hoặc chế diễu ông Nguyễn công Tiểu trong công cuộc cố gắng nghiên cứu đề gây giống Thủy tiên, hoặc vì ông Lê Thăng với «*con đĩ đánh bông*» v.v... Có lẽ vì thích diễu cợt nên có nhiều trường hợp Phong Hóa và Ngày Nay đã quên mất ý nghĩa của sự diễu cợt chăng ?

(1) Vì báo Loa đình bản mà ông Bùi xuân Học lại là chủ bút của tờ tuần báo đó.

Loại trừ một vài nhược điểm ra, Phong Hóa, Ngày Nay đã thực hiện được nhiều sự tiến bộ quan trọng về phương diện báo chí thi ca và tiểu thuyết và đã gây được một ảnh hưởng rộng lớn đối với phong trào văn chương Việt Nam ta trước đây. Do đó nói rằng: Phong Hóa Ngày Nay đã đóng một vai quan trọng trong Văn học sử Việt Nam ta hồi tiền bán thế kỷ thứ XX cũng không phải là quá đáng vậy.

N.D.D.

* — TRI TÂN, THANH NGHỊ

MỘT phần tư của đầu thế kỷ 20 này, dân tộc Việt-Nam đã dùng để tìm đến một văn tự thích nghi cho riêng ngôn ngữ của mình trong lối ghi âm bằng mẫu tự la-tinh, và ký hiệu Tây ban Nha. Những công việc dịch thuật hoặc sao chép các tinh hoa của văn hóa Đông tây sang quốc ngữ chỉ có công dụng củng cố thứ văn tự mới mẻ đó mà thôi. Cho nên phần sáng tác rất hiếm hoi trong khoảng thời gian đó, mà phần dịch thuật thì rất thịnh hành. Trái lại, bắt đầu từ năm 1925 trở đi, phần sáng tác đang đi đến một địa vị quan trọng. Ngay trên phương diện chính trị, thời gian này cũng chứng kiến những đổi mới, những sáng kiến lạ: Một tinh thần ái quốc thuần túy không nhờ vả gì đến một giòng họ vương đế nào dần dà thay thế tinh thần trung quân. Bàn đến chính trị, người Việt đã nghĩ đến nhiều hình thức chính trị khác hơn là một chế độ quân chủ. Bàn đến xã hội, người Việt bắt đầu tìm một trật tự mới và mong mỗi một thay đổi toàn diện. Những tư tưởng Tây phương nhập cảng vào đây bắt đầu được tiêu hóa và đang bồi dưỡng phần suy tư của dân tộc.

Và thế giới đi vào một chiến tranh trong đó có một cường quốc Á đông chiến thắng Tây phương. Biến cố lịch sử này có một vang động toàn diện trên thế giới: người Tây phương nhìn thất bại Trân Châu cảng như một thất bại của chính sách đế quốc Tây phương; người Á đông nghĩ đến nó như một bữa hẹn có điều kiện, và hàng hái hội đủ những điều kiện cần thiết để thực hiện hứa hẹn tốt đẹp.

Đề rào đón những trào lưu tư tưởng mà họ không tin sẽ kiềm chế và kiểm soát được, thực dân Pháp theo hiệu lệnh Pétain dùng một chính sách chụp mũ để lãnh đạo các trào lưu tư tưởng vừa mạnh nha. Đề cho mọi việc đường đường chính chính diễn ra giữa ánh sáng ban ngày, chính quyền thực dân cho phép người Việt có một chút sinh hoạt chính trị phôi thai, và đề nhiều độ lượng cho sinh hoạt văn hóa.

Chính trong không khí bao dung và cởi mở đó mà chúng ta chứng

kiến những xuất hiện của nhiều tạp chí và tác phẩm văn hóa. Nếu trước đây đã có những tạp chí và những tác phẩm văn hóa, thì phần dịch thuật và phổ biến văn hóa ngoại quốc chiếm một phần rất quan trọng ; phần sáng tác chỉ là phần sao chép và bắt chước ; chúng ta chưa giữ được ảnh hưởng nhập cảng từ ngoại quốc vào dân tộc. Nhưng sang phần thứ hai của bán thế kỷ 20 này, thì dân tộc chúng ta bắt đầu sáng tác những giá trị văn hóa và giá trị tinh thần nói chung ; tuy chất liệu vẫn có thể là chất liệu cũ, hay chất liệu nhập cảng, nhưng chúng ta đã có một cố gắng sáng tác hình hài theo thẩm quan của chúng ta. Một không khí sáng tạo nô nức xâm chiếm mọi địa hạt sinh hoạt tinh thần, và làm le đi sang địa hạt sinh hoạt vật chất, chính trị, xã hội.

Và 1930 : Yên báy.

Và đằng sau sân khấu, trong bóng tối ma quái, một Nguyễn ái Quốc và một Đông Dương Cộng sản đảng đang thành hình, và đe dọa tinh thần quốc gia Việt Nam non nớt.

Chính trong không khí phức tạp đó, những cơ quan ngôn luận và văn hóa mà chúng ta sắp bàn đến đã xuất hiện để đóng vai trò của nó ; công tội thì có ngày lịch sử sẽ luận đến. Chúng ta chỉ đi vào tác phẩm. Mà tác phẩm một khi đã được thực hiện thì có một đời sống riêng biệt của nó, tùy thuộc rất ít vào tác giả, cho đến nỗi nó sống bất chấp cái chết của tác giả. Đó là trường hợp quốc ca Pháp và Rouget de Lisle, khi sáng tác ra bài hát « La Marseillaise », người sĩ quan Pháp đó không ngờ được tầm quan trọng của nó ; và sau nó thì tác giả không làm gì hơn được. Tác giả có thể là một con người không cao thượng gì lắm, và có thể có tội với dân tộc, nhưng mà không vì thế chúng ta không tưởng thức và tìm hiểu tác phẩm của họ. Với quan niệm đó mà chúng ta đi đến Tri Tân, Thanh Nghị ; những kẻ đã góp công gầy dựng lên nó, cũng như chính nó, đã bị lợi dụng, đã bị chiếm đoạt làm một lợi khí cho Cộng sản. Nhưng tất cả đều là nạn nhân, dù cho chính bản thân vẫn tưởng mình lời lẽ rất nhiều, thì thực sự họ vẫn là những con tốt thì trên bàn cờ chính trị của Cộng sản đông dương và Cộng sản quốc tế mà thôi. Với ý nghĩ luận công tội này chúng ta vững vàng đi đến tác phẩm.

Một tờ báo, một tạp chí là một tác phẩm tự nó có giá trị, trong đó nỗ lực của mỗi cá nhân cộng tác hòa hợp vào một hình hài khuôn mẫu chung mà người chủ trương cũng như người cộng tác đã một lần thành lời hay mặc thị giao ước với nhau. Và tác phẩm, vì là của chung nhiều trí óc góp lại, nên nó không còn là của ai nữa, mà thành sản phẩm tinh thần của xã hội, của thời đại, của giai cấp ; dù cho lắm khi

những người viết thành nó không muốn thế. Đây là trường hợp thông thường con thoát khỏi sự chi phối của cha mẹ, và tác phẩm thoát khỏi quyền điều khiển của tác giả.

Cũng thế, hai tạp chí Tri Tân, Thanh Nghị đã là hai cơ quan ngôn luận văn hóa của một thời đại, một lớp người, một thế hệ.

Thời đại của những năm trước hồng thủy đại chiến, lớp người trí thức nhiều lòng tin và lạc quan vì đã nhập tâm được những học thuật cổ kim, và đang hăng hái xây dựng một trật tự xã hội mới, bắt đầu là một trật tự suy tư. Thế hệ của những người con mà ông cha đã đầu hàng thực dân và học nói mỗi tiếng «terra nostra» để chiếm đoạt công điền làm tư hữu, ngày nay mang nặng mặc cảm tội lỗi của ông cha đối với dân tộc, nên sẽ sẵn sàng làm tất cả mọi việc bị đòi hỏi nhân danh dân tộc để tự chuộc tội mình. Đó là nguyên nhân cho trí thức làm cộng sản, hay bị bắt làm cộng sản mà cứ tưởng mình làm cộng sản.

Nhưng trong tác phẩm của họ vẫn hiện lên là con người trí thức Việt Nam nhiều thiện chí nhiệt tâm. Chúng ta chỉ cần biết có thể mà không xét đến thời gian sau này họ sẽ là nạn nhân của cộng sản, hay của một lâm lạc nào khác.

Pháp quốc đầu hàng. Để làm hòa dịu tình hình chính trị, đồng thời có thể là để theo dõi những khuynh hướng tư tưởng mới của người Việt, chính phủ Vichy thi hành một chính sách có vẻ cởi mở quyến rũ hơn. Trong không khí đó, nhiều cơ quan ngôn luận và xuất bản thi nhau ra đời. Không phải họ quên mất cam bẫy của thực dân nhưng họ biết tình hình thế giới có thể giúp họ vượt qua cam bẫy đó, với tin tưởng đó họ bắt tay vào việc.

Tri tân ra đời giữa năm 1941 với một thành phần cộng tác gồm những tên tuổi như Ứng Hòa Nguyễn văn Tố, Trúc Khê, Hoa Bằng, Nhật Nham, Chu Thanh, Tiên Đàm, Dương bá Trạc, Lê văn Hòe, Lê văn Ngón, Đào duy Anh, và nhiều nhà trí thức thời bấy giờ.

Chủ trương của tờ báo, dù không nói mọi người đều biết rằng nó gồm hai phần «ôn cố» và «tri tân». Những giá trị cổ kính cần ôn luyện lại thì rộng rãi vô cùng, nhưng vẫn thiên về những kho tàng văn học Á đông, cách riêng Trung Hoa và Việt Nam. Chính vì phần ôn cố chiếm rất nhiều số trang, và được đặt lên bậc quan trọng cho nên tờ báo có giá trị của một kho tàng bảo tồn tài liệu văn chương cổ, hơn là một cơ quan văn hóa như ý muốn của kẻ chủ trương; nó không tránh được những cuộc bàn cãi rất dài dòng về một chữ chép sai, một câu in lệch, một đoạn xuất xứ, trong các tác phẩm xưa còn lại. Thỉnh thoảng chúng ta gặp một số báo mang tên là Chuyên san dành cho một đề mục sử học, như số 56, ra ngày 16-6-1942 dành cho triều Gia-Long.

Phần «tri tân» của tờ báo mang tên đó, tuy vậy không có gì hứa hẹn lắm, nhất là đối với chúng ta, những kẻ đến sau gần hai mươi năm, và được hưởng hai mươi năm kinh nghiệm và học hỏi của kẻ đi trước. Nó ít ỏi không đủ gây một trào lưu nào hào hứng, các vấn đề được đề cập đến một cách hơi hợt cũng chỉ là những vấn đề nhẹ nhàng, ít trách nhiệm : một bài khảo về bệnh sốt rét rừng, những giông phỉếm đàm về văn học hiện đại, một vài ý kiến quanh vấn đề «quốc ngữ chữ nước ta», hay là một cuộc bàn cãi có nên hay không nên cho phụ nữ theo văn minh mới ?

Đặt nó vào hoàn cảnh thời đại của những năm 1941-42-43, có thể tờ tuần báo mang danh tạp chí văn hóa hằng tuần đã có một giá trị nào đó, nhưng với chúng ta thì nó chỉ còn là một mớ tài liệu về tâm trạng của một lớp người thời bấy giờ, đang ao ước một kỷ luật và một sức mạnh tinh thần và văn hóa cũng như chính trị. Chưa tìm ra một kỷ luật và một sức mạnh nào xứng đáng và thích hợp nên họ đã làm cái công việc nhìn về lịch sử của những kỷ luật và những sức mạnh đã có giá trị một lần. Và những khía cạnh sắc thái thể hiện, của kỷ luật và sức mạnh, thì Tri tân đã đề ý nhiều đến khía cạnh văn hóa, trong lúc một đồng nghiệp khác của nó, Thanh nghị, chuyên chú hơn đến những vấn đề chính trị



Chiến tranh đã nghiêng chiều trông thấy. Những chiến công của Nhật bản, dầu về vang bao nhiêu cũng chỉ còn là một anh hùng ca ngắn hơi không làm nổi việc gì, ngoài việc xáo động tình hình chính trị Đông Nam Á, làm yếu thế thực dân Tây phương và khơi mầm cho một phong trào quốc gia mới mẻ trẻ trung. Thế thắng nghiêng hẳn về phe đồng minh. Nhưng dù thắng hay bại, thì mọi lực lượng tham chiến chắc chắn cũng yếu mệt lắm rồi và không thể nào đủ sức lập lại trật tự đẹp đẽ của những năm 1930 về trước. Nếu đệ nhất thế chiến, dù sao còn có thể xem như một chiến tranh giữa các quốc gia Tây phương (Nhật lúc bấy giờ là một đàn em, ngoan ngoãn của Anh Mỹ) để tranh giành ảnh hưởng chính trị và kinh tế; thì sang đệ nhị thế chiến, có nhiều yếu tố mới góp vào làm cho mọi người bàng hoàng mơ hồ thấy rằng đó là sự va chạm kinh khủng của hai lực lượng hoàn vũ : Tự do, và Độc tài. Trong phe tự do của Đồng minh lúc đó lại có cả Nga xô. Có lẽ đây là một nhầm lẫn lớn nhất của Tây phương : giúp đỡ Nga xô, và đường hoàng mời nó đứng dưới chiêu bài Tự do.

Các nước nhược tiểu Đông nam Á nhìn lên các cường quốc Tây phương thấy gì ? Một bên là phe phát xít mà nó biết sẽ bại trận, và nó không nghĩ đến làm gì nữa. Nhưng trong khối đồng minh tượng trưng cho lý tưởng tự do và giải phóng của con người thì có hai lực lượng

tạm thời liên kết nhưng chứa sẵn mầm mầu thuẩn ghê gớm : khối dân chủ là một lực lượng thiếu tổ chức và từ trước mang tội rất nhiều đối với các nước Đông nam á, khối cộng sản mới mẻ có rất nhiều hứa hẹn.

Trong tình trạng hoang mang tinh thần đó, Thanh nghị ra đời 1943, và mang tham vọng dọi một ánh sáng, hướng dẫn một chọn lựa. Những bằng chỉ đường vẫn dẫn về một lý tưởng dân chủ tự do mơ hồ. Nhưng khốn nỗi, trên đoạn đường đó, chính trên đoạn đường dẫn về một lý tưởng dân chủ tự do, có cộng sản lúc đó cầm cờ tự do và dân chủ núp hờ cái bẫy. Bởi đó, mà sau này, cả tờ báo và những người viết cho nó rơi vào cạm bẫy cộng sản một cách ngây thơ, cả linh hồn và thể xác, mà cứ tưởng mình cầm nắm được lực lượng cộng sản để làm lịch sử, giải phóng dân tộc, và thực hiện dân chủ, tự do, no ấm.

Chủ trương của tờ báo chỉ có một, là một chủ trương hướng dẫn toàn diện sinh hoạt tinh thần thời bấy giờ thành một lực lượng tranh đấu giải phóng hai chiều để quốc Pháp, và phong kiến xã hội.

Phương tiện là sự học hỏi những kinh nghiệm, hay những thí nghiệm của nhân loại từ trước ở khắp nơi trên địa cầu. Trọng tâm của nó nghiêng về những vấn đề dân chủ Tây phương mà nó đang mơ ước thực hiện cho dân tộc. Tất cả mọi đề tài đều có thể đem ra bàn luận trên tờ báo mang nhãn hiệu tạp chí nghị luận, văn chương khảo cứu ; ngoài trừ những vấn đề siêu hình và tôn giáo. Đây là một phong trào tương tự như phong trào Bách khoa ở Pháp thế kỷ 18 ; cả hai thẳng thắn tìm chỗ đứng vững vàng trên mặt đất, và tin tưởng ở khoa học, ở nỗ lực của con người để tự giải thoát, và mưu cầu hạnh phúc. Một không khí lạc quan tin tưởng đến ngây ngô lẫn vẩn trên tờ báo. Họ chưa ném những khủng bố, những đàn áp của những kẻ mang danh cách mạng của những tòa án nhân dân muôn thủa, của những Robespierre, những Saint Just, những Hebert lấy cách mạng dân chủ tự do làm lý tưởng nhưng lấy dao găm và máy chém làm phương tiện. Đây là một nguyên nhân đẩy họ vào cộng sản sau 1945, số đông những người làm Thanh Nghị.

Tuy nhiên trên Thanh nghị, chính họ đang lấy tâm hồn mình làm vật thí nghiệm, làm một phòng thí nghiệm cho những quyền rũ của những tư tưởng thù nghịch, và họ sẽ là những nạn nhân đầu tiên đáng thương nhất (nếu không nói là đáng khinh). Tác phẩm của họ, Thanh nghị, có giá trị vì đó. Nó đã diễn tả được nỗ lực tìm đường của lớp trí thức trước 1945, cũng như sự hoang mang băn khoăn của lớp người ấy trước hai ngõ rẽ của lịch sử.

Ở đây phần chính trị, và nghị luận, và trình bày những vấn đề chính trị chiếm một phần lớn khổ báo. Người đọc có cảm tưởng rằng khoảng đất dành cho văn chương, chỉ là một khoảng sân giải trí. Nghĩa là phần văn chương chỉ có mặt ở đó như một sự giải muộn, và tô màu

cho chủ trương chính trị mà thôi.

Chúng ta đã nói rằng lúc này cộng sản quốc tế cũng như cộng sản Đông dương chưa chiếm mặt trước sân khấu chính trị, mà còn lén lút nấp ẩn sau hậu trường. Thanh nghị, với tư cách là một tạp chí hàng tuần hoạt động trong ánh sáng đường hoàng, cũng chưa bị cộng sản chụp mũ và giết giây. Cho nên các vấn đề chính trị trên Thanh nghị cũng đồng nghĩa với những vấn đề dân chủ. Đi vào chi tiết này ta thấy những loạt bài về nguyên tắc giá trị bầu cử, ứng cử đại diện, hay về nguyên tắc phân quyền (tam quyền tây phương hay ngũ quyền Trung hoa ?) hay về các học thuyết dân chủ.

Như vậy, với một quan điểm đã được xác định, chúng ta có thể nhìn về Thanh nghị mà không ngại ngùng.

Thanh nghị, ra đời mùa xuân 1943, là việc làm của số người trí thức chịu ảnh hưởng văn minh văn hóa Tây phương rất nhiều. Những ảnh hưởng đó, họ lượm lặt được quanh một trào lưu tư tưởng trọng vật chất và thành công bề mặt. Cho nên họ đã quên rằng chiều sâu của tinh thần tây phương là một truyền thống Cơ đốc giáo; dù cho con cái của xã hội đó có lớn tiếng từ chối và phủ báng thì truyền thống Cơ đốc giáo bao giờ cũng là sự kiện tất yếu của sinh hoạt tinh thần tây phương. Nhưng ở đây, những người làm Thanh nghị phần đông quên điều đó, cho nên họ đi đến tư tưởng dân chủ tây phương bằng con đường duy vật. Chúng ta chỉ nói phần đông, bởi vì vẫn có một vài người đi vào sâu hơn bề mặt để tìm đến tinh thần. Họ là những kẻ sống sót bằng linh hồn và tác phẩm sau sự tràn ngập của cộng sản,

Một tờ báo là một lò đúc luyện, mà việc làm của cá nhân chỉ là một trong những nguyên liệu cần thiết. Ra khỏi lò đúc luyện là tờ báo, là tác phẩm. Nó không còn là của ai nữa, cũng không còn là kẻ chủ trương, của người bỏ vốn, hay của những người viết ra nó. Nó là sản phẩm tinh thần trực tiếp của một xã hội, một thời đại, một thế hệ, một khuynh hướng. Với ý nghĩ này ta nhìn đến tên của những người trong nhóm Thanh nghị, và chúng ta sẽ thấy nhiều sự mâu thuẫn kẻ bên nhau mà làm nên tờ báo.

Sự điều hành tổng quát trao về Vũ đình Hòe, và sau đó chúng ta thấy tên tuổi của Hoàng xuân Hãn, Nguyễn văn Tố, Nguyễn Tuấn, Nguyễn thiệu Lâu, Đỗ đức Dục, Đỗ đức Thu, Đặng thái Mai, Đinh gia Trinh, Vũ văn Cần, Vũ văn Hiền, Trần đăng Khoa, Trần văn Giáp, Nguyễn trọng Phấn, Xuân Diệu, Phan Anh, Nghiêm xuân Yêm... Ở đây những góc cạnh gai góc sắc nhọn của cá nhân đã tạm được xóa bỏ đi để làm nên hơn một trăm số báo Thanh nghị, góp mặt từ cuối mùa xuân 1943, đến gần ngày cách mạng 1945.

Việc làm của Thanh nghị, chính là việc làm dọn đường cho những biến động lịch sử dân tộc 1945, bằng cách phổ biến những hiểu biết và

những kinh nghiệm chính trị, xã hội, văn hóa cho dân chúng Việt Nam đang hoang mang tìm đường đi của mình.

Quân chủ đã mất hết uy thế tinh thần sau những thất bại, và lỗi lầm lịch sử của triều Nguyễn. Đứng trước mặt chỉ còn hai cái đích : dân chủ và độc tài. Mọi người mơ ước dân chủ, nhưng tin rằng tình trạng phôi thai của nước nhược tiểu cần có một giai đoạn chuyển tiếp độc tài — và độc tài thì có cộng sản — để huy động toàn lực dân tộc trong công cuộc kiến thiết toàn diện. Có kẻ còn hồ đồ mơ rằng làm giải phóng và làm dân chủ bằng cộng sản, chệch ngược cái lực lượng cộng sản trong tinh thần quốc gia và dân tộc.

Và trong tâm trạng lạc quan đó, mọi người nỗ lực làm việc.

Có những bài nghị luận, những bài khảo cứu khá công phu và đứng đắn về đủ mọi vấn đề liên quan ít nhiều đến chính trị, kinh tế, xã hội. Nhưng quan niệm của những người viết cho Thanh nghị là một quan niệm tổng quát trên các vấn đề, đồng thời một quan niệm trong tinh thần bách khoa trước kia của một Diderot.

Một phần lớn trong khuôn khổ tờ báo dành cho những bài dịch thuật hay phóng tác của những học giả tây phương về các vấn đề theo đúng chủ trương của tờ báo.

Trong đất đứng của phần văn chương cũng vẫn có hai phần sáng tác và dịch thuật. Sự chọn lựa những văn phẩm để dịch chứng tỏ rằng Thanh nghị có những trí thức rộng rãi, cởi mở. Vào thời bấy giờ, ngoài những truyện dịch từ pháp văn, Thanh nghị đã có những truyện dịch từ tiếng Ý (lớp đệ nhị B, của Pitgrilli, đăng số 63, 29-4 1944) hay tiếng Mỹ (những chuyện của Sommerset Maugham, Pearl, Buck) và tiếng Hán (kịch Lôi vũ của Tào ngưu).

Phần sáng tác ở Thanh Nghị không quan trọng, không gây được một đất đứng riêng biệt như Phong hóa và Tự lực. Nó cũng không có gì mới lạ và trỗi lên khỏi đám đông của những tác phẩm thời đại.

Đề hiệu Thanh Nghị không gì bằng lấy một số đặc san tết 1945 làm tiêu biểu đích đáng nhất cho tờ tạp chí hằng tuần. Nó là một đặc san tết, đồng thời thay thế 4 số báo của tháng tết nghỉ ngơi.

Mọi bài vở được sắp dưới 4 đề mục : « vài vấn đề đông dương » mà thực sự chỉ là vài vấn đề Việt Nam. Đó là vài vấn đề giáo dục, vài vấn đề văn hóa, vài vấn đề chính trị, vài vấn đề xã hội kinh tế.

Trong phần « vài vấn đề văn hóa » có những bài khảo về ảnh hưởng, địa vị của văn hóa Trung quốc, hay Pháp, trong văn hóa Việt Nam hiện kim, nghĩa là hai phần ảnh hưởng quan trọng nhất vậy. Bàn đến văn hóa Việt Nam hiện đại, Thanh Nghị đã nêu lên một vài nhận xét khá xác đáng rằng một số lớn tác phẩm hoặc chưa thoát được ảnh hưởng Trung quốc, hoặc chưa thoát được ảnh hưởng phong trào lãng mạn tây phương, cho nên chưa có tác phẩm nào đại diện xứng

đáng cho nền văn hóa Việt Nam hiện kim.

Trong một bài nói về « mối liên quan giữa thanh niên trí thức và dân quê », Thanh Nghị đã đưa ra một nhận định và một kết án giới trí thức thời bấy giờ, tức là gồm cả những người trong Thanh Nghị : « nhược điểm thứ nhất là ở chỗ trong vòng lý thuyết quá nhiều » và nhược điểm thứ hai là « họ đã xa dân quê », nói cách khác, trí thức Việt Nam tiền chiến đã tự trói mình trong tháp ngà lý thuyết mà quên thực tại tâm thường của đồng ruộng, của xóm nghèo, của xưởng thợ. Chúng ta có thể lấy những nhận định, và những lời kết án giới thanh niên trí thức Việt Nam tiền chiến của Thanh Nghị để gán lên Thanh Nghị và kết thúc bài tìm hiểu Thanh Nghị này.

Một khuyết điểm của con người nhìn về quá khứ, về lịch sử của mình hay của dân tộc mình là giữ một quan niệm sành sỏi chán chê của con người bây giờ, về những việc làm quá khứ. Chúng ta thường có khuynh hướng dùng con mắt hoặc đã chán chê bị quan, hay tin tưởng lạc quan, tùy theo thành quả hiện tại, trong lúc đáng lý ra chúng ta nên hiểu việc làm quá khứ bằng tâm trạng của con người quá khứ trong lúc hành động.

Với Trí Tân và Thanh Nghị, chúng ta cũng không hiểu được chúng nếu không đặt vào hoàn cảnh lịch sử phức tạp của những năm trước 1945, khi mà mọi tư tưởng, mọi khuynh hướng, mọi mơ ước mọi lực lượng tinh thần xao động, lẫn lộn, hoang mang, để cuối cùng rơi vào lỗi lầm lịch sử của 1945, của 1952, 1954.

N.T.

Thơ trích từ Hiện Đại

Nguyễn Sa ▲ Đinh Hùng ▲ Hoàng Anh Tuấn

Nguyễn Sa

Áo lụa Hà Đông

Nắng Sài Gòn anh đi mà chợt mát
Bởi vì em mặc áo lụa Hà Đông
Anh vẫn yêu màu áo ấy vô cùng
Thơ của anh vẫn còn nguyên lụa trắng

Anh vẫn nhớ em ngồi đây, tóc ngắn
Mà mua thu dài lắm ở chung quanh
Linh hồn anh vội vã về chân dung
Bày vội vã vào trong hồn mở cửa

Gặp một bữa, anh đã mừng một bữa
Gặp hai hôm thành nhị hỷ của tâm hồn
Thơ học trò anh chất lại thành non
Và đôi mắt ngất ngây thành chất rượu

Em không nói đã nghe từng giai điệu
Em chưa nhìn mà đã rộng trời xanh
Anh đã trông lên bằng đôi mắt chung tình
Vội tay trắng em vào thơ diễm tuyệt

Em chợt đến, chợt đi, anh vẫn biết
Trời chợt mưa, chợt nắng, chẳng vì đâu
Nhưng sao đi mà không bảo gì nhau
Để anh gọi, tiếng thơ buồn vọng lại

Đề anh giận, mắt anh nhìn vụng dại
Giận thơ anh đã nói chẳng nên lời
Em đi rồi, sấm hồi chạy trên môi
Những tháng ngày trên vai buồn bỗng nặng

Em ở đâu, hồi mùa thu tóc ngắn
Giữ hộ anh màu áo lụa Hà Đông
Anh vẫn yêu màu áo ấy vô cùng
Giữ hộ anh bài thơ tình lụa trắng

Nguyễn Sa
Tháng 3-1960

(Hiện Đại số 1 tháng 4-1960)

Hịch

Bằng hơi thở thiên thần
Bằng giọng nói đam mê
Bằng ngón tay màu nhiệm
Ta truyền
Hỡi Saigon ban đêm mở cửa !
Ta truyền
Hãy rộng mở bốn cửa thành Đông Tây Nam Bắc
để thơ ta ùa vào từ bốn phía chân trời
và thân thể ta ùa vào theo lối mặt trời đi.
Hỡi bóng tối hãy cất lên doanh trại,
Hãy trấn đóng những nơi hiểm yếu,
những mạch máu kinh thành, những đại lộ,
công trường, ghé đá công viên.
Ta sẽ đi thanh tra những mái tóc băng quơ,
những cánh tay buồn, những mối sầu thơ dại.
Ở trong mỗi mối sầu nhỏ bé ta sẽ nhìn thấy
hình ảnh nổi sầu địa ngục của lòng ta,
Lúc ta đi, phải tắt hết những đèn xanh đèn đỏ
trật tự cuộc đời cho rộng mở trùng trùng
cánh cửa hư vô.
Những cột đèn phải thấp lên tinh tú

Và theo những khuôn mặt bơ vơ
những mắt cô đơn
những ngón chân buồn
phải nhớ soi đường bằng mắt hải đăng.
Ta truyền:
Để cuộc nghênh đón ta được thêm phần trọng thể:
Những người con gái ngây thơ hãy trở về nhà
đi ngủ sau khi đánh răng rửa mặt chải đầu
và đọc kinh cầu nguyện ban đêm.
Những nhà phê bình văn nghệ rẻ tiền,
những thầy giáo chạy điểm trong kỳ thi
trốn ngay vào bóng tối.
Không khí ma quái hãy nhóm lên
bằng lửa kiêu sa, bằng ánh sáng vũ trường
bằng phấn son hoang dại.

Cho ta đi vào với tâm hồn đau niền kinh thành bỏ
ngỏ.
Cho ta đi giữa những phố rộn cây cao
những vườn hoa đóng cửa nhìn những lá cành run rẩy
mà nghe buồn thảo mộc thấm vào xương.
Cho giữa những nghi lễ ban đêm dành cho ta
như một đảng uy quyền tuyệt đích ở dương gian
ta nghe tiếng ta truyền sang sáng.

Ta nghe ở đây hồn ta cất lên tiếng nói:
Sao không mang nặng cặp mắt Trần Dần,
cánh tay Phùng Quán với thân hình vạm vỡ tình yêu?
Sao chỉ về đây nằm gối đầu lên giường sông lớn,
giang tay dài đại lộ mà nghe kinh thành
thổi hơi buồn trompette ban đêm
Nghe đại lộ nói dài bằng giọng hát Bích Chiêu...

Và tiếng ta truyền phụt tắt
Những xiềng xích quấn lấy thân ta
Trong bóng đêm của tâm hồn nổi loạn

(Hiện Đại 4 tháng 7-60)

Bây giờ

Thế kỷ chúng tôi chót buồn trong mắt
Dăm bảy nụ cười không đủ xóa ưu tư
Tay quờ quạng cầm tay vài tiếng hát
Lúc xòa ra chẳng có một âm thừa

Cửa địa ngục ở hai bên lồng ngực
Phải vác theo trăm tuổi đường dài
Nên có gửi cho ai vài giọng nói
Cũng nghe buồn da diết chạy trên môi

Hai mắt rỗng phải che bằng khói thuốc
Chúng tôi nằm run sợ cả chiêm bao
Mỗi buổi sáng mặt trời làm sấm sét
Nên nhìn đêm mở cửa chẳng đi vào

Năm ngón tay có bốn mùa trái đất
Chúng tôi cầm rơi mất một mùa xuân
Có cát tiếng đòi to. Tiếng đòi rơi rụng
Những âm thanh làm sẹ ở trong hồn

Chúng tôi trót ngắc đầu nhìn trước mặt
Trán mệnh mông va chạm cửa chân trời
Ngoảnh mặt lại đột nhiên thơ màu nhiệm
Tiếng hát buồn đề xuống nặng đôi vai.

(HD 5 tháng 8-60)

ĐINH HÙNG

Khi lòng đầy hương

Gần gũi nhau rồi,
Xin em cùng vui.
Thu may áo cưới
Tặng em và tôi;
Áo dệt tơ trời,
Thêu toàn nắng mới,
Thơ bay nụ cười.

Mấy ngày có hoa,
Rước em sang nhà.
Bướm vàng đưa lối,
Bốn bề chim ca.

Bên này là Thu,
Bên ấy là Thơ,
Tôi ra đón gió,
Xin em hãy chờ...

Gió ở bên nào?
Gió nhủ làm sao?
Em ra cửa nhỏ
Trông nắng hoa đào.

Rước em sang nhà,
Trời thu bao la,
Mùa thu niên thiếu
Có nắng thướt tha,
Và mây yếu điệu
Làm dáng xa xa.

Nắng cười nửa miệng,
Nắng cũng đồng tình.
Ôi phút thần linh!
Ngày đi không tiếng.

Và tôi cầu nguyện,
Cho hồn thu xanh.

Mộng xé hoàng hôn,
Xin em ngồi lại.
Mười ngón tay thon
Mở trang thân thoải
Bất ngát linh hồn.
Chiều thu tân hôn
Lùng hương nhiệt đới,
Một nét môi son
Tím màu hoa dại.

Chiều nhẹ chiêm bao
Ngập ngừng áo mỏng,
Có trăng hoài vọng
Cùng mây tiêu dao,
Có một vì sao
Ghé vào giấc mộng.
Tóc em gió lộng
Bay hương ngọt ngào.

Gió lạc theo mây
Và mây theo gió,
Ôi bóng đêm say
Thơm từng hơi thở,
Từng hơi thở dài.
Em hỡi! nghiêng vai,
Ngả đầu chút nữa,
Xát vành tóc mai,
Kề đôi lòng nhỏ,
Đôi lòng cùng bay...

Hương thâm phơ phất
Trên ngón tay ai?
Một thoáng u hoài
Nào nùng khóe mắt.
Hoa cau ngây ngất
Cười trắng đêm dài,
Mộng xóa trên vai
Là mùi thiên lý.

Linh hồn hoa huệ
Còn ở trần ai,
Tâm sự hoa nhài
Xin đừng e lệ.

Bông hồng phong nhụy
Mơ suốt canh trường.
Bóng dạ lan hương
Hiện hình tuyết thể.
Hoa ngâu thùỵ mị,
Hoa mộc hiên lương,
Ngọc lan thanh quý
Ngủ mê đầu tường.

Tàn đêm trăng xế,
Nâng tà áo sương,
Thấy hoa đầy lệ
Và lòng đầy hương.
- Hỡi em mến thương!
Có nghe trời bể
Tương tư dậm trường?
Hoa cô mệnh mang
Nói lời ước thệ
Trọn mùa yêu đương.

(*HD số 2*)

Gặp nhau lần cuối

Khi tôi ngồi xuống ở bên em,
Giở tập thư xưa đọc trước đèn.
Vẫn ngọn đèn mờ, trang giấy lạnh,
Tiếng mùa thu động, tiếng mưa đêm.

Gần nhau, còn lạ nét môi cười,
Em đến như người bạn cũ thôi.
Trận gió năm nào chưa ngớt thổi,
Mà nghe hồn gió lạc xa khơi.

Em hãy ngồi im - khuya đã lâu,
Phút giây tâm niệm tưởng như sầu.
Ngón tay nào nuốt tàn hương bướm,
Gỡ cánh hoa phai lả mái đầu.

Đèn nhỏ, sương pha lạnh mặt người,
Lạnh vương từ sợi tóc buông rơi.
Lìa vai, kỷ niệm bay mùi phấn,
Nếp mặt hờn nghiêng lá hồ người.

Mắt lặng nhìn nhau từ dĩ vãng,
Chợt xanh màu áo nhớ thương xưa.
Bóng em khoáng khắc thành hư ảo,
Buồn lướt hàng mi thấp thoáng mưa.

Từng nhớ, từng thương, từng chụm đầu,
Từng chung dòng lệ thấm vai nhau.
Mà trong mắt liếc ngờ non ái,
Nhịp thở ân tình cũng biến đâu.

Sương xuống nhiều thêm, thôi biệt ly!
Nhìn em lần cuối, tiễn em về.
Mưa buồn nở để đường thu lạnh?
- Đây áo quàng vai, em hãy che.

(HD 3)

Chớp bể mưa nguồn

Có kẻ nghe mưa, tránh mối sầu,
Vắt tay chờ mộng suốt đêm đầu.
Gió từ sông lại, mưa từ biển,
Không biết người yêu nay ở đâu ?

Tôi ngủ băng khuâng một gôi buồn,
Giường lênh đênh nổi giữa băng sơn.
Xoay mình, giận mảnh chấn hồ hững,
Tuyệt phủ, sương dâng một nửa hồn.

Người ta xa lánh cả tôi rồi !
Trở gối, nghe hồn động biển khơi,
Xa bạn, xa lòng, xa mắt đẹp,
Gió mưa dòng tóc đắng vành môi

Dĩ vãng dầm mưa lén bước về,
Áo trùng, mây tỏa, mặt sầu che
Run tay ấp nửa bàn chân lạnh,
Thương những con đường mưa cuốn đi

Gió tấp ba canh mộng thở dài,
Lùa mây bên gối, xuôi bên vai
Cô đơn, tay nín trời khung cửa,
Đèn phố nhòa trong nước mắt ai ?

Lác đác trong mê rừng tiếng đàn,
Hồn ai khóc rợn bốn giây oan ?
Gót chân thừa ấy vào mưa gió,
Còn thoảng hơi sương đậu cánh màn.

Có lẽ Tình đi lạc mất nhà,
Lặng nằm tưởng đến một tên hoa
Ngẩn ngơ thương mãi vàng trắng lặn,
Hoài vọng nghe rung một tiếng gà.

Ai đến đây buồn chơi với ta ?
Ngọn đèn tâm sự thấp trong nhà.
Trời gần mái ngói hay xa nhỉ ?
Truyện nở ân tình, đêm nở hoa

(*HD số 4*)

Lời thề trên gối

Tôi đã gục đầu trên vai em,
Tìm trong dòng lệ chút hương chìm.
Mộng in sắc trắng bàn tay nhỏ,
Hồn vẫn e dè nép cánh xiêm.

Tôi đã nhìn sâu trong mắt em,
Soi màu trắng cũ lần vào đêm.
Thương nhau, sợ thấy trắng hờn tủi,
Nước mắt không khi hết nổi niềm.

Nghi hoặc chiêm bao, đợi giấc sầu,
Bướm bay vào mộng gặp hồn nhau.
Lời thề trên gối như sao rụng,
Sao có tan trong giọt lệ đầu?

Tôi đã nghe từng thoáng giận hờn,
Nửa hàm răng thẹn lướt môi hôn.
Chiều mưa đỉnh núi, vai nào lạnh?
Sóng gió vòng tay bỗng nổi cồn.

Hơi thở gieo hoa quần gót giày,
Không gian chìm ánh mắt mây bay.
Hương thơm những nụ cười vô tội,
Còn đọng làn môi chút nắng say.

Em biết mùa hoa nở tận đâu?
Hè sang trong một chiếc hôn đầu.
Rồi mai em khóc và anh khóc,
Thu sẽ về trên mái tóc sầu.

Anh vẽ cho em những giấc mê,
Chiêm bao nho nhỏ: lối đi về.
Đường khuya thủy mặc nhòa chân bước,
Áp má chia đôi mặt gối thề.

Tâm sự đêm nào thơm tóc nhau,
Cánh tay vờn mộng gối chung đầu .
Em ơi! Mấy kiếp qua rồi nhỉ?
Tĩnh giấc, thời gian có đổi màu?

Em gọi tên anh, khấn nguyện thầm,
Nét buồn khuôn mặt tạc trăm năm.
Tương lai nín lặng, thương vắng trán,
Lời ghen trên môi, tắt vọng âm.

Từng buổi chiều đi, nắng thoát hồn,
Mắt em ngây ngất khói hoàng hôn.
Mùa thu mái tóc xa vời vợi,
E cũng hao gầy vóc áo đơn.

Khát vọng còn nguyên lửa cháy rừng,
Ôi hồn lạnh các, mắt thâm cung!
Hồn ghen, nghiêng nát môi trào hận,
Nếp bóng nghe mưa đổ trập trùng.

Tình lẫn mùi hương vạt áo đêm;
Nhớ em, nhờ cả gió giăng tìm.
Bao giờ trăng tới chia nguồn lệ?
Và gió phương nào vẫn gọi em?

(*HD số 5*)

Tình Sử

Khi tóc mùa xuân dài trước cửa,
Khi nắng chiêm bao khê chớp hàng mi,
Khi những con thuyền chở mộng ra đi,
Giấc mộng phiêu lưu như bầy hải điều,
Kỷ niệm trở về, nắm tay nhau hiền dịu,
Ngón tay thơm vàng phấn bướm đa tình,
Anh sẽ tìm em như tìm một hành tinh,
Mặc trái đất sắp tan vào mộng ảo.

Trên đường ta đi,
Những đóa hoa nở mặt trời xích đạo,
Những làn hương mang giông tố bình sa,
Những sắc cầu vồng nghiêng cánh chim sa,
Và dĩ vãng ngủ trong hồ cẩm thạch
Của đôi mắt sáng màu trắng mặc khách,
Thời gian qua trên một nét mi dài.
Núi mùa thu buồn gợn sóng đôi vai,
Dòng sông lạ trôi sâu vào tâm sự.

Chúng ta đến nghe nổi sầu tinh tú:
Những ngôi sao buồn suốt một chu kỳ,

Những đám tinh vân sắp sửa chia ly,
Và sao rụng biếc đôi tay cầu nguyện.
Ôi cặp mắt sáng trắng xưa hồ hên,
Có nghìn năm quá khứ tiễn nhau đi.
Anh vịn tay số kiếp dẫn em về,
Nhìn lửa cháy những lâu đài mặt biển.

Phơi phới thuyền ta vượt bến,
Từ đêm hồng thủy ra đi.
Lòng ta dao cắt
Chia đôi
Biên thù,
Dòng máu kinh hoàng chọt tỉnh cơn mê.

Chúng ta đi vào lá hoa Tình Sử,
Hơi thở em hòa sương khói đường thi.
Anh đọc cho em những dòng cổ tự
Ai Cập và Cổ La Hy.
Anh viết cho em bài thơ nho nhỏ
Bài thơ xanh ánh mắt hên tình cờ.
Có những chữ Hoa yếu điệu,
Không phải đại danh từ.
Nét uốn đơn sơ
Lung mềm óng ả
Những chữ hoa không theo phù hiệu,
Những chữ hoa không biết phát cỡ.
Một bài thơ
Có tiếng thở dài đôi hồn tình tự,
Vần điệu dịu nhau đi trong giấc mơ,
Sông núi trập trùng lượn theo nét chữ,
Những chữ thương yêu,
Những chữ đợi chờ,
Đẹp như
Dáng em e lệ chiều xưa.

Anh sẽ tìm em, chiều nào tận thế
Khi những sầu thương cất cánh xa bay.
Khi những giận hờn, khi những mê say,
Khi tất cả hiện nguyên hình ảo mộng:
Giọt lệ hoa niên, cung đàn hoài vọng,
Và những hương thơm tình ái trao duyên.

Những không gian thăm thẳm mắt u huyền,
Những vật áo bông trở màu sông biển.
Chúng ta đến, mùa xuân thay sắc diện,
Chúng ta đi, mùa hạ vụt phai nhòa,
Gương mặt mùa thu phút chốc phai pha,
Ta dừng gót, chợt mùa đông tàn phé.

Em hát mong manh bài ca Tuổi Trẻ,
Bướm bay đây một âm giai.
Khúc nhạc lang thang như hồn Do Thái,
Đại dương còn sóng gọi tên ai?
Vội vội tiếng em lướt qua Hồng hải,
Tiếng hát nhân ngư tuyệt vọng than dài.

Chúng ta thở những hơi nồng nhiệt đời,
Nghe mùa xuân nẩy lộc rợn trên vai.
Có những giấc mơ lên vào quá khứ,
Có những chiêm bao đi về tương lai.
Anh gặp em anh từ thửa nào?
Mênh mang sóng mắt
Ngờ biển dẫu.
Núi non nhìn ta vừa nghiêng đầu
Hình như hội ngộ
Từ ngàn thu.
Ta tỉnh hay mơ? Chiều nay trăng khép
Hàng mi sâu
Hay tà dương thu
Mưa rơi mau?

Em ơi! Vệt nắng phù kiều uốn mình ô thước,
Ta, suốt đời ngư phủ,
Thả con thuyền trên mái tóc em buồn lênh
đênh.
Ồi chao dĩ vãng, Dĩ Vãng thần linh!
Một phút, một giây, nhìn ta ngàn kiếp!
Thầm gọi cỏ hoa sang tự tình.
Lời nói băng khuâng, bàn tay duyên nghiệp.
Anh nhìn em như chiêm ngưỡng một hành
tinh.

(HD 6)

Những dòng chữ lạ

Em tự ngàn xưa chuyển bước về
Thuyền trao sóng mắt dẫn trăng đi.
Những dòng chữ lạ buồn không nói,
Nét lửa bay dài giấc ngủ mê.

Em đến, mong manh vóc ngọc chìm,
Tàn canh hồn nhập bóng trăng im.
Ta van từng đoá sao thủy lệ,
Nghe ý thơ sâu vút cánh chim.

Mười ngón tay dâng lửa nguyện cầu,
Hỡi ơi! Hồn chuyển kiếp về đâu ?
Ta xin giữ trọn lòng trinh bạch,
Ngưỡng vọng Em như Nữ Chúa Sầu.

Em đến từ trong giấc hồn mang,
Lời ca không mở cửa thiên đường.
Thời gian bốn phía nhòa gương mặt,
Ảo tưởng nghiêng vàng trán khói sương.

Em với ta chung một hạn kỳ,
Hoá thân vào nét chữ cuồng si
Chiêm bao động gót giày mê hoặc,
Trang giấy bay mùi tóc ái phi

Net chữ hoang sơ hiện dáng người,
Ta ngừng hơi gọi: Diệu Huyền ơi!
Mắt ai tinh lạc xanh vằn điệu
Tuyết gợn làn da bóng nguyệt trôi

(HĐ số 7)

Hồn giận

Em đến hôm nào như hoa bay,
Tình không độc được mà đắng cay.
Mùa thu tàn nhẩn từ đôi mắt.

Mùi hương sát nhân từng ngón tay.

Em đến hôm nào như mây bay,
Gió mưa triền miên từ nét mây.
Đường vào lòng nhau toàn sạn đạo,
Bước chân tha hương từ dấu giày.

Anh rõ đôi dòng nước mắt say,
Trao em, không ướt trọn lòng tay.
Chiều đi, vai thấm đầy sương núi,
Lệ cũng phai hương tự lúc này.

Anh tiễn em sang giấc mộng nào?
Giận lây tà áo cưới chiêm bao.
Lời nguyện không buộc vào mây sớm,
Em có nghe tình khóc dưới sao?

Em đến, trắng rằm xanh bóng mây,
Em đi, trắng hờn cong nét mây.
Chiều qua, má hồng còn thơ ngây,
Chiều nay, hàng mi sương xuống đầy
Thương nhau, gói trọn hồn trong áo,
Mất nhau từ trong tà lụa bay.

Mắt ngại nhìn nhau từng đêm dài,
Nhòa hương kỷ niệm, tóc thu phai.
Dòng sông bơ vơ tìm dĩ vãng,
Thuyền trôi băng khuâng về tương lai.

Anh hận bình minh, ngờ nắng hồng,
Hòn ghen bao nhiêu hoa mùa xuân.
Sánh vai nhưng không là vợ chồng,
Kề môi vẫn không là tình nhân.
Cười vỡ giấc mê đêm hợp cấn,
Vò nhàu mái tóc đêm tân hôn.
Sính lễ không hòa đôi linh hồn,
Đính ước không chung lòng cô đơn.

Thăm trách vàng trắng không biết sâu,
Ngàn sao theo em bay về đâu?
Oán cả không gian, thù cả mộng,

Ghen cả trời xanh trong mắt nhau.

Em đến hôm nào, mưa trên vai,
Chiều thu, sương đượm nét mi dài.
Nụ cười rung cánh hoa hồn giân,
Trong mắt em còn bóng dáng ai?

(HD 8)

VÀO THU

Giữa đêm lòng bỗng hoang vu
Gối chăn nghe cũng tình cờ quan san
Bước thu chừng sớm lìa ngàn
Nhớ giây nguyệt lạnh, cung đàn thương hoa
Em về rũ tóc mưa sa
Năm canh chuốt ngón tì bà khói sương
Rời tay nhịp phách đoạn trường
Hồn đêm nay thấm mùi hương năm nào?
Sầu che nửa mặt chiêm bao
Dòng mưa thu lệ chìm vào phấn son
Nét mày cong vút núi non
Mông mênh xiêm trắng linh hồn vào thu

(HD 9)

HOÀNG ANH TUẤN

Còn lại

Bước rất nhẹ như mây mềm dưới gót
E nặng buồn làm rối tóc mưa ngâu
Em tìm anh nước uốn nhịp ven cầu
Năm tháng cũ rợn tình xưa tỉnh thức
Em vẫn bé, anh vẫn còn ngây ngất
Màu áo hương còn gợn bóng âm thanh
Mất thuyền qua nên nón vẫn nghiêng vành
Chân cuống quýt nên guốc ròn gõ cửa
Anh mở vội cả nghìn lần hờn hờ
Cho hồn nhiên, mắc cỡ với hoài nghi
Em cúi đầu và lặng lẽ bước đi
Từ hôm ấy cửa nhà anh bỏ ngõ

Bước rất nhẹ như hương qua sắc đỏ
N như màu trời len lén bước vào xanh
N như thời gian vò nát lá thư tình
Bước rất nhẹ như vẫn còn đứng lại

Bước rất nhẹ như mùa thu con gái
N như bàn tay khê hái tiếng đàn tranh
N như chưa lần nào em nói: yêu anh
N như mãi mãi anh còn nguyên thương nhớ
Bước nhẹ như bóp mềm hơi thở
N như ngập ngừng chưa nở xé chiêm bao
Em có về ăn cưới những vì sao
Để chân bước trên giòng sông loáng bạc

Ở một chỗ tường chừng như đi lạc
Yêu một người mà cảm thấy mệnh mỏng
Em đi ngang nhịp bước có lạnh lòng
Mà sao vẫn y nguyên bài thơ cũ?

Vẫn lặng lẽ để anh nghe vừa đủ
Vẫn thờ ơ cho rủ hết màn the

Vẫn mỉm cười rồi vẫn lấy tay che
Cho cặp mắt bỗng nhiên mười sáu tuổi
Tay vụng quá nên thư không viết nổi
Mực trong bình như cảm thạch ngăn ngơ
Giấy trắng tinh đem bóc nhẹ từng tờ
Tàu bay giấy ngưng ngừng bay qua cửa!

Em nguyên vẹn là bài thơ bé nhỏ
Anh còn nguyên là một kẻ yêu em
Em đi ngang xin ráng bước cho êm
Đừng đánh thức thời gian đang ngủ kỹ
Đừng đẹp quá để anh đừng rồi chỉ
Lấy gì đây khâu vá lại tình xưa/?
Có đi ngang xin chọn lúc bất ngờ
Đừng nói trước để anh buồn vợ vẫn

Có đi qua xin em đừng đánh phấn
Tóc buông rèm lúa tuổi thích ô mai
Mắt vương tơ của những phút học bài
Tay khéo léo khi đánh chuyện với bạn

Em dấu đi những nỗi lòng vỡ rạn
Anh cũng thề dấu hết gió mưa đi
Bao nhiêu ánh đèn rũ rượi tái tê
Những ngõ vắng, tối tăm anh dấu hết.

(HD 1)

Một nửa

Tôi nói: màu son của móng tay,
Tôi nói: màu xanh của áo bay,
Tôi nói: tôi còn chưa bán hết,
Một phần thơ đại tuổi hai mươi

Tôi nói: mắt em còn nũng nịu,
Tôi nói: mắt em còn của tôi,

Tôi nói: -Thở dài không nói nữa
E mình đồng lõa với xa xôi

E có tiếng đàn vỡ làm hai,
E mỗi câu thơ có then cài,
E thấy linh hồn mình mắc cạn
E mình đâm ghét tuổi hai mươi

Trời có mưa đâu mà nhìn mây ?
Trời có nắng đâu mà nhìn cây?
Tóc có dài đâu mà ước hẹn ?
Tóc có dài đâu mà lạnh vai ?

Ngày có buynh-đình ngăn mặt trời
Lấy nắng đâu để nói nhạt phai ?
Đêm có ánh đèn tranh nhau sáng
Lấy đâu bóng tối hẹn ngày mai ?

Mà ngày mai mình vẫn còn say
vẫn tưởng yêu em là yêu ai
Mà ngày mai vẫn quên ngày tháng
Vẫn nhầm chủ nhật là thứ hai

Vẫn hẹn về thăm tuổi hai mươi
- thăm một lần, chỉ một lần thôi –
Để vẫn mang theo nhiều thắm thiết
Rồi bỏ vương như ống sấp môi

Để em làm biếng, không tìm nữa
Mua màu đỏ khác – màu đỏ tươi -
Để tôi nói khề: thôi đành vậy.
Bữa nào mình viếng tuổi hai mươi.

(HĐ 2)

M.

Trời mưa ướt cả lòng đêm và ướt cả tình anh yêu em
Anh ngồi đây nghe mặt trời lên giây đàn
Anh ngồi đây nghe giọng hát đu bay
Anh ngồi đây nhìn em nhỏ đi và lấp lánh
Chưa bao giờ muốn hôn lên vai em như đêm nay
Anh vẫn ngồi đây
Anh còn ngồi đây cho đến lúc em đi
Cho đến lúc tắt đèn
Ngụi tanh linh hồn và nửa tách cà phê
Anh sẽ bảo anh: em đi rồi sao mắt em còn chứa mãi
khăn tang ?
Áo vàng còn là màu cúi đầu nhìn xuống
Tóc đen còn là vòm trời đêm bé nhỏ của những vì sao
hay khóc trong thơ anh.
Anh trả lại cho những tiếng vỗ tay
Giọng ca nụ cười em đi vay đi mượn
Anh dành cho anh con đường mặc áo trời mưa
Và em
Anh bảo anh: rồi đến gì từ nhau trên kệ một nhà ga
tĩnh nhỏ
Nhìn nhau như soi gương
Em đi rồi
Anh gọi gió mưa ngày xưa cho ướt hết linh hồn và
tình anh yêu em
Em đi vào trời mưa như đi vào bài thơ
Anh biết từ nay anh có em để đếm những tiếng giày
lên xuống cầu thang
Để yêu em hơn chiếc áo vàng em đang mặc và bài thơ
anh đang làm
Để anh tìm thấy vết gió đi ngang ở chỗ em nhìn lơ lửng
Để lúc em cười anh bắt được linh hồn từng cánh cửa
trên những tầng lầu rất cao
Sao anh buồn như có khói trong tim
Sao anh buồn như làm xong bài thơ nhỏ nói đến em .
Em nhìn anh mắt không còn là mắt nữa
Là bàn tay mà mỗi ngón tay là một tiếng thở dài
Anh gọi gió mưa mười phương phủ khắp Sài Gòn để
chúng mình chia ánh đèn cho hai mái tóc góp nhau
vào học bài trên trang giấy trắng.
Trên con đường đất về đâu như xóm đạo

Ai đọc kinh cầu nguyện cho đừng bao giờ anh phải
kêu người nào ngoài em
Anh gọi em trở lại
Anh gọi em trở lại
Ánh đèn gục xuống trên mái nhà lợp bằng trời mưa
Anh gọi em trở lại
Anh còn muốn hôn lên vai em.

(HĐ 3)

Những Mắt Trong Đêm

Em về đi, trời sửa soạn mưa đêm
Lưu luyến mãi e hàng mi sẽ ướt
Em ở lại? - Thôi để anh về trước
Tình của ai giữ lấy vốn tư riêng
Có sợ buồn gội biếc tóc nhòa đen
Anh cho mượn những ngày xưa tiểu thuyết
Thôi đừng khóc. Đây bàn tay tiên kiếp
Lau mắt đi cho ướt ngón vụng về
Rồi khi nào bỗng nhớ thươ xưa kia

Anh cũng vậy, dùng tay này lau mắt
Em đừng khóc! Thôi em đừng khóc
Kéo rồi anh cũng hờn tủi rung rung
Kéo rồi anh cũng thấy ngón tay chùng
Mềm như lụa của khăn mềm trao tặng

Từ thươ ấy đến giờ môi vẫn mặm
Nên anh quên có phút lặng nhìn nhau
Nên anh quên còn những phút thương đau
Cùng ước hẹn về thăm đường kỷ niệm
Em ở lại, anh đi cho đúng hẹn
Bài thơ khuya đang thấp nền chờ anh

Nhạc đỏ, xanh rồi điệu nhạc tắt đèn

Hoài Phương, khóc bằng những dòng tóc rối
Rượu đã cạn, lòng chưa vơi giả dối
Màu áo vàng chưa cời hết bờ vờ
Bước chân nghiêng rớt xuống nhạc tình cờ
Một bóng tối ôm lấy cảnh ánh sáng
Ngực đã ấm nhưng tình còn lẻ bạn
Vòng tay ôm dư một quãng gần nhau
Hoài Phương ơi! Sao chẳng mỗi tình đầu
Cho điên loạn mang thêm màu êm dịu
Sao câu nói khàn khàn và nũng nịu
Vẫn vương vương nhiều quá vũ trường đêm
Đến tìm em như kiếm bản thân mình
Để trao hết ngàn lần say đắm
Anh vẫn nói: Hoài ơi! Yêu em lắm
Em cười buồn gởi gắm trọn đôi môi
Chúng mình đi như hai đứa mỗi cô
Mà hạnh phúc vẫn nửa chừng đau đớn
Ly rượu đầy/. Mong nghe chừng đang lớn:
Chuyến tàu đêm sẽ chở chúng mình đi
Phúc và tôi không tâm sự xẻ chia
Không xây đắp bằng lâu đài cát biển
Chỉ một đêm những nhà ga ẩn hiện
Phúc ngã đầu thiếp ngủ trên vai tôi
(Tôi chỉ cần gặp Phúc một đêm thôi
Để đeo nhẫn cho bài thơ gởi tặng)
Sao ở đây chẳng bao giờ thật vắng
Để tôi yêu qua ly rượu gần say
Để ban đêm tôi yêu Phúc ban ngày
Để buổi sáng tôi mê người buổi tối
Để gần nhau không lo giờ quá vội
Để xa nhau không đợi lúc xa nhau
Để bài thơ đừng chua chát ghen ngào
Để vũ quán thành ngân hàng có nhạc
Để gởi gắm những đề dành, đổi chác
Mang tình yêu cân nhắc với tình yêu
Cho tới khi thơ phung phí quá nhiều
Ký âu yếm không ân tình bảo chứng

Đã bắt đầu mắt nhìn xanh từng vũng
Tôi mê em qua những vì sao đêm
Tóc em nhưng vì gội mãi ánh đèn

Chân em điệu vì trèo lên đêm tối
Ngón tay cong như lưng người phạm tội
Chưa gần anh đã vội bỏ đi xa
Gọi tên em trắng lạnh thủa hôm qua
Tuyết đan áo cho ngàn pho tượng rét
Paris đẹp với tên em từng nét
Anh nghe buồn thành chuỗi nhớ Pigalle
Tuyết có rơi ướt đầm tấm khăn choàng
Những cô gái dựa cột đèn châm thuốc

Em Sài Gòn vẫn chờ anh như trước?
Vẫn yêu anh trong mỗi bước mưa rơi ?
Vâng! Chiều em anh kể chuyện ngày xưa
Có một thủa hai người yêu nhau lắm...

(HD 4)

Điệu xưa

Ý qua

Lá vườn mướt cạn hồn đêm
Trắng ôm tường nhớ, gió chuyên cảm thông
Môi say gói lấy môi buồn
Đôi bàn tay úp lên cón bơ vơ
Gió từ kẽ lưa, khe tơ
Ban đi ngàn rộng cõi bờ dặm khơi
Kề yêu loãng nét lông mày
Đục lờ mỗi nhịp thở dài gởi trao
Sóng đàn gợi ngón tay phao
Tóc mềm chột thấy lá vào dư hương

Im vắng

Nhớ từ cuối gót chân xanh
Vẫn vơ mắt gởi trong vành nón hoa
Trưa mòn phẳng bóng cây thưa
Thoảng nghe áo trắng vờn qua sân trường
Gọi tên e nắng động vàng

Ý mây gỡ đẹp hai hàng mi cong

Nhớ xuống

Nước xuôi buồn lả mái chèo
Hai hàng mi gọi đìu hiu cuối ngày
Nhớ gần buộc gót chân mây
Ngẩn-ngơ vạt áo chiều dài khẽ xanh
Buồn theo mộng nhỏ đi quanh
Nắng trăm lối rộng độc hành về khơi

Tóc thôi lưu bước sông dài
Thuyền xưa chót lạc ra ngoài mắt xưa
Tuy còn nguyên điệu chèo thơ
Khoang tình đã lặng cơn mưa gói đầu

(HD 5)

Bài Ca Dao Sau Đây

Buồn lên thêm đá
Lạnh hai bàn chân
Buồn lên bậc đá
Mỏi hai bàn chân

Buồn ôm cành gai
Ngón tay có sương
Buồn ôm cành gai
Bàn tay có sương

Buồn xuống đáy hồ
Cay hai hàng mi
Buồn dưới đáy hồ
Uớt hai hàng mi

Con chim khung cửa
Buồn từng câu thơ
Con chim khung cửa
Buồn cả bài thơ

Buồn trên giấy thép
Nhớ theo chiều dài
Buồn nơi môi em
Buồn trên tay anh

Bốn bàn chân buồn
Leo từng bậc thang.

(HD 6)

TRUYỆN NGẮN HIỆN ĐẠI

Con chuột chù

DOÃN QUỐC SỸ

Một tiếng động làm Kha thức tỉnh. Chàng đã ngủ được một giấc dài rồi thì phải. Tiếng động đó kèm theo với tiếng kêu - nói là tiếng thở thì đúng hơn - “hức hức” rất đều. Lại con chuột chù quanh quẩn dưới gầm giường ! Căn nhà xinh xắn của Kha, Miên mới mua đều được các bạn bè khen là ngăn nắp và thoáng, thoáng vì có ba bề cửa. Hai phòng và một gác xép để ở (con bé ở ngủ trên gác xép) bếp nước phòng tắm riêng biệt. Miên ngủ phòng trong, Kha làm việc phòng ngoài. Viết xong, hoặc khảo cứu xong hoặc đọc xong Miên trở vào phòng trong ngủ. Nhưng cũng nhiều khi Kha ngủ luôn ở chiếc sập gỗ phòng ngoài (chàng vẫn gọi đùa là chiếc divan local). Những buổi tối có bạn ngồi nói chuyện lâu, khi bạn ra về bao giờ Miên cũng mắc màn trước trên chiếc divan local ấy. Miên biết những hôm đó Kha phải làm việc khuya để đuổi kịp thì giờ. Từ lúc thức dậy Kha lắng nghe... Con chuột vẫn luẩn quẩn dưới gầm giường, tiếng thở nhẹ hơn nghe như tiếng thút thít.

Hàng tuần Miên cho rửa nhà vào sáng thứ bảy. Những viên gạch tàu sạch bóng và đỏ ửng làm Kha nhớ đến màu nước sông Hồng miền Bắc và những lò gạch Bát Tràng ngay sát bờ sông. Kha không khỏi không khó chịu khi nghĩ đến cái khối nhỏ hôi ăm ăm là thân hình con chuột chù đang lê sát trên những phiến gạch thơm mát đó. Kha ôn lại mấy tháng trước, khi Kha Miên vừa dọn đến căn nhà mới mua này. Thoạt là một con chuột chù nhỏ dài, lúc nó bò luồn vào gầm tủ trông như một con sâu lớn biết chạy, thực ghê tởm ! Kha, Miên cho quét vôi, sơn cửa lại. Trong khi khiêng tủ ra người thợ quét vôi đã nhanh tay dùng cán chổi kẹp được đầu con

chuột vào chân tủ. Nhà cửa sơn quét lại phong quang hẳn trông như rộng ra, con chuột chù thanh toán xong, Kha thấy nhẹ người. Chẳng hai tuần lễ sau: đương đêm ngủ Kha nghe có tiếng chít chít bên dưới gầm giường : lại một con chuột chù khác không biết từ đâu xuất hiện ! Kha nghe tiếng nó tha giấy về phía cầu thang. Chiếc thang lên gác xép này được đặt trên cái hộp gỗ như hình cái bục nhỏ. Kha đoán là con chuột chù mới định làm tổ bên trong khoảng hộp kín đó. Trời ơi, chỉ một con thì thọt trong nhà đủ làm Kha bứt rứt khó chịu như bị râm tay mà chưa nhổ ra được, nay nó lại định thiết lập cả một tổ chuột chù trong nhà ! May sao chừng ba, bốn hôm sau, con bé ở đương ngồi giặt quần áo ở khoảng sân nhỏ gần bếp thì con chuột chù tự phòng nhà trên lao xuống. Mặc dầu không có ai đuổi, nó cũng kêu “chít chít” rồi cuống quít chúi đầu lần sau thùng dầu. Con bé ở bỏ giặt, tay cầm chiếc guốc tới kéo mạnh thùng dầu sang bên. “Con sâu” dài ngoằng, đen chũi và có đuôi đó lần này thì cuống cuống thật sự, nó chạy bỏ trở lại đường cũ, con bé dùng chiếc guốc đập chặn nhưng không trúng, con chó lớn nhà hàng xóm từ cửa bên hông xô tới húc đầu vào con chuột. Thế là con chuột quay đơ, rầy đành đập mấy cái rồi chết. Cái cách cuống quít của nó khi chạy tựa hồ như cách nói lấp bắp của một người thiếu thông minh không biết ứng đối ra sao với lời người khác riễu mình, rồi khi bị mồm chó vừa đụng vào đã chết thực y hệt cái chết của hạng người dấn dộn, dấn dộn thương thay đến mức sống và chết hầu như không còn ranh giới nữa. Con chó ngẩng đầu lên rồi lẳng lặng quay ra cửa bên hông (nó cũng biết khinh giống chuột chù), con bé ở chỉ việc xách đuôi con vật nhỏ, nát nhèo vứt vào thùng rác.

Miên nói với Kha :

- Còn cống rãnh khó lòng nhà thoát được chuột chù vào như vậy anh ạ.

Nghĩ một lát Miên tiếp :

- Hình như giống chuột chù chỉ từ cống ngoi lên đến mặt đất là tối cao độ của chúng.

Dù sao thì Kha cũng thoát cái ám ảnh chuột chù trong một thời gian và chưa biết tìm cách đối phó với những con sau ra sao. Đêm ngủ Kha lắng nghe tiếng chuột rúc trên trần nhà

bên hàng xóm. (Thành thử Kha bây giờ lại hay để ý đến chuột !)

Nhà bên là cửa hàng tạp hóa của một người Tàu đã nhập Việt tịch. Một cửa hàng tạp hóa có lẽ phải do người Tàu chủ trương mới lột được hết tinh thần của hai chữ “tạp hóa”. Ngoài hiên dưới mái vẩy bằng tôn là chiếc tủ đóng đơn giản, chia ra từng kệ, trên để từng chồng chậu sành bát sứ loại rẻ tiền. Dưới gầm tủ ngổn ngang những tỉnh nước mắm Phú Quốc, Phan Thiết. Trên nóc tủ là những thùng tôn lớn nhỏ đủ các cỡ, lớn là những thùng gánh nước, nhỏ là những thùng vục nước. Sát tủ dựng những chổi đốt, chổi cọ. Treo lủng lẳng bên trên là những chổi nhỏ bằng rễ tre, những bàn chải lớn cũng bằng rễ tre. Góc hiên đối diện với tủ là chiếc xe ba-gác dùng để đi lấy hàng. Phía trong, ba bề tường là ba chiếc tủ cao sát trần nhà bày những lọ trà, những chai la-de, nước cam, nước suối Vĩnh Hảo... ngăn thấp bày rau, củ cải, cà rốt... Ấy là chưa kể một quầy bằng gỗ tạp kê cao khoảng gần giữa nhà làm nơi thu tiền và để sổ sách... Ấy là chưa kể còn mảng tường trống bên trong, đóng nhô ra một ban thờ cũng bằng gỗ, thờ Quan Công. Mười một giờ khuya, giờ đóng cửa, chiếc xe ba-gác được đẩy vào, rồi những thùng tôn, những tỉnh nước mắm, những chậu sành bát sứ, chổi đốt chổi cọ... được chất đóng dưới sàn, trên xe. Như thế thì quả thực chuột cũng không còn chỗ chen nữa. Phải chăng vì vậy mà chúng kéo nhau lên trần. Và đêm nằm chú ý phân tích tiếng kêu của chúng Kha thấy cũng thú. Có lúc hai con cắn nhau rồi chí choé cả lũ y như một gia đình vợ chồng đánh nhau, đàn con khóc bù lu bù loa bên ngoài. Có khi đó là tiếng kêu của con chuột trườn mình ra cửa tổ, các con khác vừa né mình nhường lối vừa như cầu nhau. Cứ nghe cái điệu trườn mình Kha cũng hình dung được thân hình chắc nịch của con chuột. Có lúc tiếng kêu thiêm thiếp như con nọ làm nũng con kia, đó là lúc cả gia đình nhà chuột đã yên tề yên tắt con nào chỗ nấy. - Những con chuột này - lẽ có nhiên không phải là chuột chù - chúng bạo và khôn, đã có lần qua hiệu tạp hóa vào lúc vắng khách, Kha chứng kiến cảnh một con từ trên trần tuột theo chiếc giầy thùng xuống ăn cắp một củ cà-rốt lớn rồi lại leo ngược lên. Kha liên tưởng lại hồi nhỏ chàng bấy chuột nhắt ở bếp bằng cách chống cái rá lên bằng một chiếc que có giầy buộc, dưới rá rắc gạo. Khi chuột nhắt vào ăn gạo Kha rút giầy cho rá ụp

xuống. Thường thì chỉ lừa được một con đầu, con thứ hai đã biết ra phía sau ẩn cho rá ụp lệch xuống, rồi đành hoang bỏ quanh lại nhặt những hột gạo. Trông con chuột nhất lúc đó sao mà hóm hỉnh. Về sau này Kha vẫn thường có ý ví những con chuột nhất đó với người dân quê nghèo nhưng tinh khôn trong việc sinh nhai độ nhật.’ Nhưng còn giống chuột chù biết ví với gì bây giờ? Cả một vùng hôi hám nó tỏa ra để tự vây bọc như thế thì làm sao nó chẳng yếu đuối về thể chất và ngu độn về tinh thần? Kha nhớ lại lời các cụ xưa : những nhà ăn ở thất đức, giàu sang bất nghĩa thường hay sinh ra lũ hậu duệ đàn độn, dở hơi như vậy.

Mới tối hôm qua đây và có lẽ cũng vào giờ này, con chuột chù mới - con thứ ba - xuất hiện. Con này lẩn thẩn hơn hai con trước, đã dám leo lên đầu giường Kha khiến chàng phải vùng dậy rồi vớ lấy chiếc then cửa định đập chết, nhưng nó nhanh chân chạy vào buồng trong - buồng Miên - buồng này nhiều đồ đạc nên Kha đành chịu. Mùi hôi của con chuột đó còn vương vất mãi ở khoảng màn chiếu nó vừa bò qua. Cho nên đêm nay nghe con chuột luẩn quẩn bên dưới, Kha e rằng nó sẽ leo lên đầu giường như đêm qua, chàng cương quyết vùng dậy, bật đèn sáng trưng, đóng cánh cửa thông vào buồng trong. Căn phòng kín, chỉ còn hai cửa sổ mở. Một tay lăm lăm cầm chiếc then cửa dài, một tay cầm chiếc guốc. Biết thế nguy con chuột chạy luôn dưới tủ sách, qua gầm bàn định vào buồng trong. Thấy cửa đóng, nó lúi ẩn dưới gầm tủ đứng lỳ, chén và không quên kêu lên mấy tiếng chút chút mà Kha cho là tiếng kêu ngạc nhiên. Kha khua chiếc then gõ xuống gầm tủ đứng lỳ chén, con chuột kêu lên một tiếng lầy đà chạy ngược trở lại tủ sách và chui vào gầm sập. Kha kéo chiếc sập ra một chút rồi ấn mạnh vào, những móng chân sập sẽ kẹp chết con chuột vào tường. Lại một tiếng kêu và bóng đen chũi của nó chạy chéo qua gầm bàn. Trong khi nó quanh quẩn trước cánh cửa đóng chưa biết tìm lối thoát bằng cách nào Kha đã chạy tới đập chiếc then cửa xuống. Con chuột không bị trúng vào đầu gậy chỉ bị kẹp một chút. Nó kêu “choé”, quẩy mạnh rồi vùng ra được để chui vào gầm tủ đứng lỳ chén, mẩu bánh mì ngậm ở miệng rơi ra. Nó đã kiếm được một mẩu bánh mì !

Con này khá mạnh - Kha nghĩ thầm - chắc là “chuột thanh niên” đây, cứ nát nhều như hai con trước thì một cái đập

vừa rồi đủ quay đơ. Có tiếng động, Kha quay nhìn đã thấy nó lủi lủi luồn qua tủ sách để trở về “an toàn khu” là gầm giường. Kha cúi xuống không nhìn thấy nó đâu. Nó đã kiếm được chỗ lẩn riêng biệt nào đó phía trong cùng.

Vẫn lăm lăm tay then tay guốc Kha đứng rình ở góc cửa ra vào ngoài cùng. Nếu được nhìn hình mình trong gương lúc đó Kha hẳn phải buồn cười và ngạc nhiên. Sát khí đằng đằng ! Có tiếng cựa mình phòng trong. Miên đã dậy và biết chàng đương rình đánh chuột. Nàng không , hỏi gì. Có tới ba phút qua, con chuột không nhúc nhích. Sự yên lặng trong căn phòng xúc động từ tâm của Kha, sự yên lặng của Tử thần mà chàng là đại diện ! Kha nghĩ vậy rồi chui vào màn nằm xuống, vẫn để đèn bên ngoài. Chàng lắng nghe, bên dưới không cả tiếng thở của con chuột. “Con chuột thanh niên” này không những vừa mạnh lại vừa thông minh nữa, thực là vào hạng ưu tú của giống chuột chù. Kha nhắm mắt. Chàng có thể chợp ngủ và thậm chí mong con chuột nên biết lợi dụng lúc đó mà leo lên chiếc ghế dựa vào tường kia thoát ra ngoài bằng cửa sổ. Chàng đã chợp ngủ thật ! Khi chàng mở mắt ra, con chuột chù đương tìm lối thoát qua khe cửa vào phòng trong và khe cửa bên hông ngay gần đây (hai cửa này hợp thành hình thước thợ). Nó cố bò dẹp người những muốn mỏng như tấm “cát” để có thể chui qua nhưng không được, nó bèn nhảy cao mấy cái chạm vào cửa rồi rơi xuống. Bản năng giết chóc thức dậy trong Kha và chàng vùng dậy tay then tay guốc tiến lại, chàng đập khá mạnh chiếc then, tiếng kêu khô khan vang trong đêm khuya (chắc Miên bên trong đương mỉm cười). Thanh gỗ thì cứng quá, tay chàng thì vụng - xưa nay chàng vẫn vụng - chàng đập trượt, con chuột chui kịp vào gầm tủ ly chén. Mẩu bánh mì vẫn còn lẩn lóc đó, nó chỉ nghĩ đến cách thoát thân không buồn nhặt lại nữa.

Kha vừa luồn then xuống gầm con chuột đã kêu lên một tiếng rồi như một con chó cùng đường liều nhảy xổ ra định cắn người đánh mình, Kha luống cuống tránh sang một bên. Sự thực nó cũng chỉ cuống quýt chạy liều như vậy, Giờ đây nó đã trở về “an toàn khu”. Kha kéo cái sập ra một chút và trông thấy bóng nó ở góc trong cùng chân sập. Rón rén trèo lên sập, gạt màn chiếu sang một bên, Kha lao chiếc then xuống, chiếc then bị mắc lưng chừng vì khoảng trống giữa tường và sập quá hẹp, con chuột chạy lại phía cửa cũ nhảy

lên cao mấy cái, đáng thật tuyệt vọng, Kha đã chạy tới và tay then lần này có đập trúng nhưng không được mạnh lắm, con chuột rúc lên một tiếng oằn mình lại và vẫn chui thoát vào gầm tủ ly chén như thường, lần này vì sợ quá nó “bình” ra một cục xinh ngay gần mẩu bánh mì. Kha khẽ lắc đầu thương hại nhưng chàng vẫn tiếp tục khua then xuống gầm tủ. Không thấy động tĩnh chàng đứng dậy nhìn xuống góc, đuôi con chuột thò ra ngoài quá nửa. Với những người bạo tay thì chỉ việc chop đuôi đó nhấc bổng lên quật mạnh xuống là xong, nhưng Kha vốn ghê những cái gì nát nhèo động dậy như đĩa và chuột, nhất đây lại là chuột chù, chàng chỉ khẽ đập chiếc then... Như lần trước con chuột kêu lên một tiếng rồi nhảy sỏ ra tiến về phía cửa ra vào, dẹp mình xuống nhưng không chui nổi đành rẽ vào “an toàn khu”. Thế là con chuột khám phá thêm một cửa lớn nữa, nhưng cửa đó cũng kín như hai cửa kia chẳng giúp ích gì cho nó. Bị đập trúng hai lần bộ lông nó có sơ xác và đáng chạy hoảng hốt nhiều tựa như vừa chạy vừa run lập cập.

Kha chống then, đứng nguyên chỗ cũ thần người suy nghĩ. Chàng nghĩ lại mười năm trước đây hồi còn kháng chiến chàng được cử đến mấy trại tù binh người da trắng để hỏi khẩu cung, khai thác tài liệu. Phần nhiều họ thuộc đoàn Lê dương nên gồm gần đủ quốc tịch Âu châu: Pháp, Ý, Tây Ban Nha, Hung, Đức, Áo .. (không có Anh). Mấy người lính Tây Ban Nha có vẻ cần cù, thật thà đôi khi thô lỗ, họ là dân những miền núi hẻo lánh phía Bắc : Andorre, Pampelune. Cantabres... và đã từng tham gia cách mạng chống Franco, bị truy tầm riết đành phải bán sớ quê hương đăng vào đội Lê dương. Mấy tù binh Pháp, Ý, có vẻ tinh quái lém lỉnh riêng của họ, tựa như gặp cảnh nào họ thích ứng để vui với cảnh đó. Mấy người Đức trầm lặng hơn, hình như trước họ thuộc đoàn thanh niên Quốc xã của Hitler. Mấy người Hung luôn luôn khoe kinh thành Budapest của họ thơ mộng hơn Paris; họ đã từng theo phe Tiểu-tư-sản Địa-chủ chống nhau với Cộng sản cho đến khi Cộng sản hoàn toàn thắng thế, họ phải chạy ra nước ngoài rồi gia nhập đoàn Lê dương Pháp. Một số bạn Kha khi hỏi cung tù binh da trắng thường có tình hỏi mĩa họ hoặc thực sự làm nhục họ. Một số khác đồng hơn đồng ý với Kha là nhục mạ tù binh không làm đẹp thêm chiến thắng của mình, trái lại nữa. Riêng với Kha, đã từ ngày ấy chàng có quan niệm siêu hình làm nhục người

khác là làm nhục chính mình, nhìn người khác quy lụy - nhất là về miếng ăn - chàng có cảm tưởng như chính nhân phẩm mình bị sa sút. Bất cứ một cá nhân nào, theo ý Kha, đều mang trọn vẹn hình ảnh của nhân loại nói chung. Tước đoạt nhân phẩm của một cá nhân là làm thương tổn đến nhân phẩm của cả nhân loại. Mặc dầu cán bộ kháng chiến trong quân đội không hề đeo phù hiệu nhưng tù binh thường thừa với người hỏi cung mình bằng câu : Mon Lieutenant (Thưa Thiếu Úy). Thoạt cách xưng hô đó có chủ tâm tăng bốc, nhưng nói chuyện với Kha được một lúc thì chủ tâm tăng bốc không còn, chỉ còn một tình cảm gần gũi, thân mật rất nhân đạo giữa hai người đối thoại. Kha vẫn ôm mộng giang hồ bốn bể, đặt chân khắp năm châu để mở rộng kiến thức, nên hề đọc được tài liệu nào về danh lam thắng cảnh quốc tế, danh nhân quốc tế chàng nhớ rất kỹ và rất lâu. Nói chuyện với tù binh Hung chàng nói về thành phố Budapest, bên Buda có gì đặc biệt, bên Pest có gì đặc biệt, quãng nào con sông Danube có đảo nhỏ, nơi nào có xưởng đúc kim loại, nơi nào có xưởng dệt, nơi nào có nhà máy giấy, da, nơi nào là trung tâm sản xuất đồ hộp... Xen vào những câu chuyện thân mật đó chàng hỏi về quân số, về tên người chỉ huy, tổng số súng lớn nhỏ có trong đồn và số đã bị phá hủy. Tài liệu khẩu cung tù binh của chàng vì vậy bao giờ cũng ròi rào đầy đủ và chính xác. Đó là tự nhiên như vậy, chàng không hề cố tâm dùng phương pháp đó làm thủ đoạn. Một tù binh Đức có cùng Kha đem vấn đề phong trào lãng mạn Đức ra thảo luận. Đây là một vấn đề rộng lớn mà một số tác giả nổi danh đã viết thành tập bài khảo luận, in dưới nhan đề “Le romantisme allemande”. Kha đọc rất kỹ quyển này ở cơ quan (cuốn sách này tịch thu được cùng với các tài liệu khác trong chiến dịch Cao Bắc Lạng). Người tù binh biết phái lãng mạn Đức có một điều khác căn bản với” phái lãng mạn Pháp. Phái lãng mạn Pháp phản đối phái cổ điển và lý tưởng thơ của họ, ở Đức trái lại, Lãng mạn và Cổ điển sát cánh nhau để phỉ báng cái ngạo mạn của thứ duy lý ngỡ mình là vạn năng. Lãng mạn không phủ nhận những thành công của duy lý, họ chỉ có tham vọng tiếp tục công việc của duy lý với một phương pháp hoàn bị hơn, còn cổ điển của Goethe chính là một tham vọng vĩ đại muốn hoà hợp cân đối tất cả những yếu tố tinh thần của con người.

Câu chuyện với người tù binh Áo nhẹ nhàng hơn. Kha nói

Kha mến tâm hồn nghệ sĩ của người Áo. Kha nhắc đến tấm ảnh bìa của tờ Paris-Match thi phải, bà mẹ Áo giờ tay ra đón đứa con tù binh trở về. Người con hỏi : “Vienne hiện nay ra sao hở mẹ ?” Và người mẹ trả lời : “Vienne vẫn khiêu vũ như bao giờ con ạ !” Kha nhắc đến bữa ăn điểm tâm ở Vienne với chiếc bánh sữa tròn như trái cam lớn, tách cà phê sữa cũng tròn bằng sứ trắng và dày, một đĩa nhỏ mạ kền trên có miếng bơ xinh, và một ly pha lê nước lạnh trong veo.

Kha nói bằng một giọng say mê hấp dẫn, chính những người đã từng qua thăm Vienne chưa chắc đã hiểu Vienne bằng Kha. Có lẽ chính anh tù binh người Áo tới lúc đó càng cảm thấy yêu quê hương xứ sở, anh thần người giây lâu rồi mới nói : “Thiếu ứy đi nhiều lắm nhĩ ?” Sự thực Kha chỉ tả theo những bức ảnh, nhưng chàng không cải chính. Bên những chiến công của người Việt chàng muốn hoàn toàn chinh phục tù binh bằng tinh thần hiểu biết cởi mở của mình. Chàng không cho là mình đã nói dối bởi chàng yêu Vienne như thế thật. Chàng yêu Vienne ở chỗ mỗi một đường phố - như lời chỉ dẫn bên dưới tấm ảnh - là một công trình nghệ thuật; nhưng chàng yêu Vienne nhất ở chỗ cứ nhìn vào tấm hình thì người bồi bàn cũng có vẻ trí thức và giữ được nhân phẩm riêng của họ. Lúc đó - lúc nói chuyện với người tù binh Áo - chàng mong sao kháng chiến sớm thành công để mọi người nỗ lực gây dựng kiến thức cho nhau, gây dựng nhân phẩm cho nhau, tôn trọng nhân phẩm của nhau. Nhân phẩm theo Kha, là một cái gì tự *trong tỏa ra*

chứ không phải tự ngoài đắp vào. Kha lại nghĩ chàng bắt đầu xây dựng nhân phẩm của chàng bằng cách tôn trọng nhân phẩm của kẻ khác (của tù binh chẳng hạn). Sau này chàng còn nghĩ rộng : mọi chính thể chỉ có một con đường duy nhất là minh chứng sự hiện diện của mình bằng hành động gây dựng và tôn trọng nhân phẩm của toàn dân. Hành động ngược lại thì dù lời hoa ý gấm đắp vào thân thể cũng không che nổi sự nghèo nàn của tâm hồn, nghèo nàn vì trước dối mình sau dối người, đã tự dối mình, tự phủ nhận mình như vậy, làm sao tìm nổi chân lý ? Sau đó Kha cùng Hiền bàn mưu dời khỏi Phụng Minh Thôn (bên Tàu) về nước, cương quyết bỏ vùng kháng chiến sang vùng quốc gia chính vì chàng hoàn toàn hết tin tưởng ở chính sách gây dựng nhân phẩm của già Hồ.

Tay chống then cửa, dưới căn phòng sáng trưng, bên ngoài có lẽ trời đã sắp sáng, con chuột chù vẫn nín thin thút dưới gầm “an toàn khu”, cả một khối dĩ vãng ùa về với những kỷ niệm về tù binh, như vậy có liên lạc gì với hiện tại ? Kha hiểu ngay : liên lạc ở chỗ chàng không sung sướng gì trước cảnh những người hay những vật gặp bước đường cùng. Chàng chạy lại kéo chiếc sập ra một chút nữa : tấn bi kịch giữa người và vật cần kết liễu sớm, nhẹ cho con chuột, nhẹ cho chàng. Bóng con chuột thờ hờn hờn ở góc trong cùng kia bây giờ trông khá rõ. Kha trèo lên tường phóng đầu gây xuống. Tuy không trúng nhưng con chuột cũng kêu lên một tiếng thất thanh và chạy ra phía cửa ra vào. Lông nó sơ sác lắm rồi, dáng bò khập khểnh lật đật, nó quay đi quay lại trước cửa ra vào, nhảy lên mấy cái vô cùng tuyệt vọng, Kha đã nhảy xuống đập được một gây và đè trúng ngang lưng, con vật khốn nạn cố vùng vẫy thành nằm lật ngửa, Kha ép mạnh chiếc gây, nó chỉ kêu được một tiếng nhỏ nữa rồi mõm há và ộc ra một ngụm máu, hai chân trước bị chặn dưới gây, hai chân sau tiếp tục rẩy. Nó nằm tênh hênh, Kha nhận ra đó là con chuột cái. Nhịp rẩy của hai chân thưa dần, nó ngáp, miệng tiếp tục rỏ thêm mấy giọt máu đen quánh : sự sống đang tan rã trong nó. Sau cùng nó thôi rẩy, hai chân buông ngật ra, đồng thời nơi hạ thể rên lên một chút hức lấp lánh dưới ánh đèn. Người ta thường bảo những người bắt đặc kỳ tử trong khi cổ rầy rụa với cái chết, sau cùng thường xuất tinh khí, con chuột này cùng một trường hợp đó chăng ? Thế là sau một tiếng đồng hồ săn đuổi, Kha đã đoạt được sự sống của con vật. Hối chuông nhất vang lên tự nhà thờ gần đấy (vào lúc bốn giờ rưỡi sáng) nghe như báo khúc tang ai.

Kha dùng chiếc kim cặp đuôi con vật mang ra bỏ vào thùng rác trước cửa, dùng guốc xoa khoảng máu nhỏ để lại, rồi chẳng buồn kê lại giường, chàng mở cửa trong tắt đèn chui vào màn ngủ.

Khi chuông đồng hồ hàng xóm gõ năm giờ, chàng sức dậy tưởng như có nghe tiếng động dưới giường. Chàng nghĩ thầm nếu quả có con chuột khác xuất hiện thì lần này với kinh nghiệm sốt rỏ chàng có thể thanh toán nó xong ngay. Nhưng không phải, Sáng dậy Miên tự phòng trong ra hỏi : “Anh đánh chết được con chuột rồi ?”. Kha gật đầu đáp :

“Anh đã vắt vào thùng rác !” Vệt máu đen trước cửa ra vào, mẩu bánh mì và cục phân nhỏ trước cửa vào buồng trong là những di tích. Hôm đó là thứ bảy. Miên cho rửa nhà. Con bé ở cho xối nước vào chân thang gác, ba con chuột nhỏ tự bên trong hộp gỗ trôi ra qua lỗ hổng và bị con bé đập chết tức khắc. Kha hiểu tại sao con chuột mẹ định tha mẩu bánh mì vào và tại sao mấy lần nó nhảy chồm lên cao một cách tuyệt vọng trước cửa đó. Lý trí nói: Kha đã thanh ' toán được cả ổ chuột chù trong nhà. Bệnh dịch hạch chớm phát ở một tỉnh duyên hải, sự thanh toán đó càng đúng lúc.

Nhưng nhìn đứa trẻ con hàng xóm ngáp, rồi liên tưởng đến con chuột ngáp và ứa máu dưới thanh gỗ chặn ngang ngực, Kha thấy ngậm ngùi và như bị chìm ngập trong một tình cảm tội lỗi.

(Hiện Đại số 3)

Thức giấc nửa khuya

SONG LINH

Người vợ có tội gì ? Tại sao lại thiết thòi hơn những người tình nhân. Mưa chợt đổ trên mái tôn. Thuận có cảm tưởng mơ hồ rằng mình vừa nói câu ấy giữa lúc anh thức giấc. Thuận nằm im, mắt mở rộng trong đêm tối. Màu trắng mờ của tấm đỉnh màn trũng xuống mắt anh. Hoa ngủ say bên cạnh, mặt nàng quay vào tường. Mái tóc thả ra, vắt qua tay anh, chảy rẽ thành nhiều ngả trên mặt gối. Chiếc áo lụa trắng cộc bung hết cúc ở phía dưới, vén lên, để hở một mảng da bụng trắng. Bàn tay phải của nàng đặt hờ ngang lưng quần. Tay kia để dài dưới cằm, những ngón duỗi ra sát làn tuyền của màn. Thuận thấy vợ ngủ thật ngon lòng anh bỗng thương yêu rào rạt. Từ ngày Hoa lấy anh, tính ra mới được bốn tháng mười sáu ngày. Hai người không hề có cười hỏi gì. Đó là chuyện không vui cho gia đình anh. Nhưng cả hai cùng thấy sự nương tựa vào nhau mà sống này, thật trọn vẹn tình thương và sâu đậm ý nghĩa. Hoa không hề đòi hỏi gì ở anh. Nàng chỉ sống lầm lũi bên cạnh chồng, và chiều chồng từng ly từng tí. Nhiều khi Thuận có cảm tưởng Hoa đã bỏ quên nàng, mà chỉ miệt mài theo đuổi những điều nhỏ bé trong công việc săn sóc chồng. Hình như niềm vui của nàng được tạo ra ở đây. Có lần vì quá bận việc, anh quên cả gọi đầu. Nàng phải kéo anh ra nhà tắm, đổ nước và xoa xà-phòng cho anh. Anh cười khô khốc :

- Lần nào em cũng cứ coi anh như là con em không bằng.

Hoa bật cười, cùng khẽ lên đầu anh.

- Khốn nhưng anh lười như hủi ấy cơ.

Mấy hôm nay chuyển mùa. Trời thật nóng. Căn nhà mái tôn thấp nhỏ, hầm hập như nồi nước sôi dậy vung kín. Vừa trưa, sức nóng lại càng tăng lên dữ dội. Mái tôn hình như nê ra, tiếng chuyển mình ròn tựa tàu lá chuối khô bị gió đập. Hoa phải cầm cùi lau bóng sàn si-măng cho anh nằm. Thuận nhìn những giọt mồ hôi long lanh trên trán và những sợi tóc

dính sát hai bên má vợ, anh tự nhiên bắt mặn cái số phận mình - có ai bằng lòng số phận mình đâu. Thuận giằng lấy tấm bao tải trên tay vợ. Anh muốn than van sự nghèo túng với nàng. Nhưng không hiểu sao anh lại nói một câu cộc lốc, gay gắt :

- Thôi đưa đây

Hoa ngẩng lên, hai mắt ngạc nhiên. Những giọt mồ hôi bò từng dòng ở cổ nàng, và thấm ướt cả một khoảng ngực áo. Thuận hơi thấy mình vô lý, nhưng đã chót sảng giọng, anh đâm tự ngượng và nói vu vơ:

- Trời thì nóng . . . -

Thuận ném tấm bao tải vào góc nhà. Anh ngại ngừng chưa dám nằm vì sàn còn ẩm nước. Hoa đứng im, lưng dựa vào tường, môi mím lại, nét buồn giận còn nấn ná trên khuôn mặt lấm tấm mồ hôi và tóc rối. Chân nàng trắng, đi trần, bần nước đất. Thuận thở dài, lưng anh mỏi nhừ. Thử ngao ngán của một tờ giấy hoang sa mạc, đợi nét mực thể hiện tư tưởng của người viết hàng giờ, hơn thế nữa, mà chủ nó vẫn loay hoay nhào nặn với bao thuốc vơi già nửa, kéo rộng như mảnh vải liệm người chết trong óc Thuận. Anh bảo vợ, giọng trống không :

- Không ra rửa mặt mũi đi còn đứng đây làm gì?

Hoa cúi thúi ra phôn nước. Thuận ái ngại nhìn theo qua cửa sổ. Anh thấy Hoa cầm khăn úp lên mặt, và cô nàng ngửa cao. Thuận biết nàng đang tủi thân khóc thầm. Anh vội quay đi. Hoa vào ngồi ngoan ngoãn dưới chân bàn, mắt nàng còn hoe đỏ. Thuận muốn ngả lưng cho đỡ mệt. Nhưng anh không sao tìm được giấc ngủ. Nó lờn vờn như cái bóng làm Thuận lừa bắt đến mỗi óc. Anh thiếp đi trong cái nóng hun lò. Tiếng những trang sách lật đều đặn, rã rời của Hoa dần mất hẳn. Thuận thức dậy sau giấc ngủ nặng nề. Hoa ngồi đọc sách mà như ngủ. Lại một trang giấy qua đi, như những ngày tháng buồn lười về đằng sau cuộc đời. Ý tưởng thu lượm được ít nhiều trong đó, chỉ nổi thêm toa cho con tàu dĩ vãng, lèo đẽo, bám sát từng giây phút hôm nay. Người ta chạy; nó đuổi theo cướp giật từng mẩu đường, từng mẩu thời gian để làm giàu hiện tại của nó, và quá khứ của mình. Cho đến khi người mệt quá vấp ngã, thì nó đè theo. Cá nhân chìm vào quên lãng. Thuận nghĩ đến cuộc sống vô lý của

chàng và Hoa, với những ràng buộc không còn vô tình được gói ghém, đùm bọc để cùng nhận lãnh những vui buồn lẫn lộn trong hạnh phúc hàng ngày. Không ai ca thán, vì tình thương đã thắng. Thuận chột hời hợt mình đã gắt nằng không đâu lúc này. Bây giờ trông dáng điệu nằng hiên ngoan mết mỗi anh bỗng thấy thương xót. Thuận ngồi dậy, hỏi nằng giọng yêu mến:

- Em không ngủ à?

Hoa ngược lên, trang sách gấp lại tự nhiên. Nằng lắc đầu không nói. Thuận ngượng nghịu, ngồi sát cạnh nằng.

- Em giận anh đấy à? Thôi anh xin lỗi. Lúc này anh hơi điên. Hoa phụng phịu, rồi phân trần :

- Em có làm gì anh đâu ? Tại ông trời nóng chứ. Sao anh lại gắt em ?

Thuận cười gật gật đầu :

- Anh điên thật. Thôi hòa em nhé.

Hoa bật cười, lườm anh khéo mắt mũi tên.

- Anh chỉ được bộ nịnh là tài.

Tuy vậy nằng cũng vẫn cầm quạt, quạt cho anh. Hai vợ chồng anh cảm thấy thương nhau hơn bao giờ hết. Buổi tối, sau khi đi dạo phố về, Hoa còn chong đèn ngồi khâu nốt cho anh cái quần đùi. Thuận lên giường nằm. Lá cây bên ngoài không hề lay động. Trời tĩnh gió và oi bức đều đặn. Anh thiếp đi vô cớ. Lúc thức giấc thì mưa rồi. Hoa ngủ mê mết không biết gì. Trận mưa đầu mùa thật to, nhưng ngắn. Tiếng nước dội mạnh như gạch vụn ném xuống mái tôn. Hơi đất xông lên ngai ngái. Sấm chớp đánh liên hồi. Mưa đêm mới chớm không đem lại cho người ta sự thoải mái dễ chịu. Dầu sao nó cũng đáp đúng lúc mong đợi của mọi người. Nhất là vợ chồng anh trong căn nhà chật hẹp này. Thuận khẽ nâng vầng tóc Hoa lên, kéo tay về. Anh nhẹ lay vai vợ. Nằng giơ mình quàng tay qua lưng anh, hai chân thu vào lòng chồng. Thuận âu yếm hôn phớt môi nằng. . .

- Hoa ơi! - Anh gọi nhỏ.

Hoa thức lờ mờ, mắt vẫn nhắm :

- Gì anh ?

- Dậy anh bảo cái này.

Hoa ôm chặt anh, nũng nịu :

- Tối mai cơ mà.

Thuận đẩy lên :

- O kìa, không mà.

Anh tiếp :

- Trời mưa, nhà dột hay sao ấy em ạ.

Hoa mở mắt. Hai tia nhìn sát nhau. Nàng hỏi :

- Lâu chưa anh ?

- Mới lúc này.

- Sao em không biết.

- Tại em mãi ngủ.

Hoa cười chúi đầu vào cổ anh :

- Em rõ thật hư anh nhỉ ?

Thuận định nói một câu rất yêu. Nhưng bỗng một tia chớp lóe sáng từ ngoài cửa, Hoa sợ hãi áp mặt vào ngực anh. Nàng vừa kịp nói: “có sét” thì tiếng nổ đã xé lên kéo lê như một chuỗi mìn dây. Thuận ôm vợ im lặng. Anh nghĩ tới những năm chiến loạn đã qua trên quê hương mình. Con đường Hà Nội – Hải phòng mìn chôn la liệt như dưa hấu. Đạn đại bác của giặc từ đâu dội về làng anh, phá nát cả hàng tre, bãi sắn. Người ta bỏ nhà cửa, bỏ vườn ruộng tản mác đi tha phương cầu thực. Gia đình anh hồi cư về thành sớm, nên tránh được cảnh xây đàn tan ghé của phần lớn các gia đình thời loạn khác. Tiếng nói của Hoa đắp bờ tư tưởng anh:

- Anh ngủ đây à ? - Thuận không trả lời, khẽ dấu tiếng thở dài. Mưa ngớt hạt, chỉ còn lộp độp trên mái nhà, và tí tách rơi xa vắng. Đã có gió phây phẩy mát da. Nửa đêm về sáng đang hồi lại cái sinh hoạt ban ngày. Một vài tiếng động cơ nắc nhen còi cút. Tiếng chân ngựa kéo xe chạy đơn lẻ trên mặt đường. Gà gáy đầu canh yếu hơi gió, rền rền điệu kèn đưa đám. Buồn thứ buồn ngậm ngùi mà ngóng đợi.

Thuận hỏi vợ :

- Em có đóng cửa, sổ không ?

- Có anh ạ.

Và nàng nói :

- Mai anh đi làm muộn mất thôi.

Cái hình ảnh lý tưởng mà bấy lâu Thuận điêu khắc rất tinh vi trong óc hôm nay đã bị phá hủy bởi thực tại. Thuận trở về. Lòng anh đậm sâu ảm mốc. Cái sung sướng no đủ của tâm hồn tạo dựng trong suy tư đã sụp đổ trước đối tượng hiện hữu. Hoa không được như lời bạn anh nói. Nàng là một người đàn bà thường. Thoạt nhìn cũng biết ngay người thù mị đến chỗ mộc mạc. Nét mặt kém vẻ linh động mặn mà. Thân hình và dáng đi không được uyển diệu trí thức. Giọng nói thiếu nhanh nhẹn thanh tao, đôi khi lạc vài tiếng ngọng. Tuy nhiên ở Hoa còn giữ lại rất nhiều sự thuần hậu của lớp người trước. Mái tóc búi tròng ngang vai của nàng, khiến Thuận nhớ đến những cặp vợ chồng công tư chức còn trẻ thời tiền chiến - Những người vợ chỉ biết chiều chồng và chất chiu, chịu đựng. Ngày nay cái đẹp tốt cũ trở nên lỗi thời. Trách nhiệm không ở ai. Thời đại chứng nhận sự đào thải ấy. Hướng đi lên nhằm lẫn tốt xấu chẳng ai buồn để ý. Người ta sống vội vàng, xao xuyến. Tình cảm chạy theo bề mặt, và lý trí mất thăng bằng Tương lai là vô lý, ngày nay, hôm qua cũng chẳng hơn. Thuận muốn đứng lại như con thuyền cắm sào đợi khách, suốt đời trung thành với cái bến lạnh lung và cái quán lá tiêu sơ. Nhưng sông cứ xâm thực, đổi dòng. Thuyền ừa theo nước lũ. Bến xưa, quán lá trở vơ rồi mất hẳn. Người ta biến nó thành một danh từ để nhắc nhở. Nhưng không ai thiết tha tìm về với nó. Thuận là con thuyền ấy. Anh bị cuộc sống nước lụt cuốn theo, để rồi quen dần với những hải cảng rộng lớn, xầm uất. Đôi khi nhớ lại cảnh cũ, dòng sông, bóng tre, anh thấy lòng nuối tiếc, nhưng không đắm thắm nhiệt thành. Thứ nuối tiếc của anh bắt nguồn từ một thời đại chuyển hướng. Nó là tâm tình của những người yêu cũ gặp nhau mà không muốn chấp nối lại. Thuận nhớ chiều hôm ấy, anh theo người bạn dẫn về nhà Hoa. Nơi Hoa ở nằm bên con đường xe chạy ra ngoại ô của một tỉnh lỵ nhỏ nhoi, cổ điển - Cổ điển như những chiếc xe đồ cộc cạnh, thường chạy qua nhà nàng, và im lìm mực

thước như cuộc sống một công chức về già. Đời Hoa chìm vào đó từ ngày còn nhỏ. Lúc lớn lên thì bám chặt vào nếp sống phẳng lặng ao tù như những chiếc xe đồ kia kiên nhẫn bám chặt lấy mặt đường để bòn tiền cho chủ. Vì hoàn cảnh túng thiếu sau ngày người cha mất, Hoa phải bỏ học khi bắt đầu lên lớp nhất. Nàng ở nhà làm thân với chiếc máy khâu. Lúc thành thạo thì may thuê vá mướn kiếm tiền giúp mẹ, nuôi anh ăn học. Người anh được gửi về thủ đô trọ học. Song vì có máu ngậm nga, viết lách nên thuộc bài thì ít mà thơ văn lêu lổng lại thuộc nhiều. Kết quả thi hỏng nhiều năm, cuối cùng giải thoát bằng cách quay về lấy vợ. Cô em hy vọng nhờ vả anh sau này, bây giờ được thêm bà chị dâu hợp lực bên chiếc máy khâu. Hai chị em cặm cũi với đường kim mũi chỉ. Người anh thân nhiên làm công việc sưu tầm thơ phú. Bà mẹ đi sớm về trưa, nhặt nhạnh từng đồng, từng cắc trên mẹt khoai, sắn hoặc ngô luộc. Mực sống đã eo hẹp, lại càng eo hẹp chặt vật hơn khi thêm một đứa bé ra đời. Người chị dâu mới đẻ chưa làm gì được. Hoa phải gánh vác vất vả hơn. Cả ngày, nàng làm lụng không ngừng tay. Hết may thuê, giặt quần áo cho chị dâu, cho mẹ, cho anh và tã lót cho cháu, rồi thổi cơm nấu nước, đi chợ. Không việc gì không qua tay Hoa. Nhưng cái cùm quẫn cứ nứu miết lấy gia đình nàng, như những mũi kim máy chạy tùn mùn, nứu lấy hai mảnh vải nàng vẫn may.

Hôm về xem mặt nàng, Thuận chỉ uống vội chén nước nàng rót mời và thăm hỏi vài câu xã giao qua loa. Rồi anh cáo từ ra về, lấy cớ bận. Thực ra anh không vui gì. Cô Hoa đứng trước mặt anh trái ngược hẳn với cô Hoa được đọc tôn trong tiềm thức. Thuận thất vọng và giận mình quá bồng bột. Trên đường về, anh chỉ nhớ được cái cổ tay tròn trắng của nàng. Đó là một ưu điểm anh tạm công nhận sau khi gạn lọc kỹ lưỡng. Thuận giữ cái ưu điểm ấy để an ủi mình. Anh nghĩ đến một mẫu áo cộc sát nách đang thịnh hành trong giới phụ nữ tân tiến. Cánh tay Hoa đều đặn, tròn nảy và trắng muốt sẽ lộ ra khi nàng mặc áo ấy. Rồi mái tóc búi cũng sẽ được cắt ngắn, uốn theo kiểu mới nhất. Hoa hẳn phải đẹp hơn. Trong giây lát Thuận lại tô điểm được một tác phẩm mới, thay vào chỗ trống vắng mà hình ảnh lý tưởng trước vừa mất đi. Thuận đem chuyện mình nghĩ nói cho người bạn

nghe. Hấn cười bảo rằng:

- Cậu không còn yêu nữa, mà cậu đã thương hại người ta.

Thuận không phản đối, anh phân vân lý luận rồi cuối cùng gật đầu công nhận. Người bạn xác định:

- Tốt hơn hết, cậu không nên đến nhà người ta nữa. Mặc dù thế là hàm xúc một hành động thí nghiệm trẻ con. Nhưng đời này ai là người lớn ? Cái lớn đây không ý niệm thể xác. Còn tinh thần thì muôn mặt. Nó không chấp nhận toàn diện cho một người nào.

Hấn ngừng giọng, rồi kết luận: - Tôi bảo cậu không đến như thế lại hơn. Họ sẽ tự hiểu mà thay đổi lập trường.

Xe vào bến. Thuận chia tay người bạn. Anh ra ga mua vé tàu đi Huế. Quảng đường này hình ảnh Hoa mờ hấn. Thuận nao nức nghĩ đến cô người yêu cũ. Thủy năm nào với dáng đi chênh vênh trên phố vắng hao gầy. Lá mùa đông rụng ngập ngừng. Hai người gặp nhau. Mắt nàng sầm em bóng tối, và thoáng giây vẩn vương lưu luyến. Tình yêu chợt đến rồi chợt đi như bóng mây chiều. Không ai phiên hà trách giận ai, mà vẫn nghĩ đến nhau. Thuận đặt chân xuống thành phố vào một đêm giáp tết. Con đường về nhà anh, vắng hun hút. Mua bụi bay nhiều. Cỏ dưới chân đầm nước. Bóng dòng sông Hương mờ sương khói, như trong truyện thần thoại. Những chấm sáng đèn dầu nhoe yếu lay lắt trên những con thuyền yên giấc. Thủy lấy chồng ngày hôm trước. My, em gái anh, kể chuyện lại ngày hôm sau. Anh cười nhếch môi. Lòng không nứu kéo, nhưng buồn đầu đầu. Thuận nghĩ đến một sự hiến dâng vào giữa đêm mùa đông của cặp vợ chồng mới cưới. Anh cảm thấy mình sợ vợ. Hình ảnh Hoa được tiếp nhận lại tạm thời, để bù đắp cái hao hụt gọi là trong anh. Ngày mùng hai tết anh gặp Thủy khoác tay chồng dạo phố. Bờ vai nương tựa của nàng nép hẳn bên sự che chở sẵn đón của người chồng; nói cho Thuận biết : anh đã mất sự hiện hữu ở nàng từ lâu. . Thuận buông lỏng tia nhìn, rồi ngược qua vợ chồng Thủy. Anh nện gót giày đều và mạnh hơn. Cái đông đảo mùa xuân : màu áo, tiếng cười, vỏ dừa, xác pháo chỉ còn là hư vị trong anh. Hoa hiện sáng giữa tâm tình cõi mở của anh.

Thuận rời Huế ngay sáng mồng ba. Những kỷ niệm căn nguyên được trút bỏ ở đây. Tình yêu vót vát thả lên mây núi Ngự. Đáy sông chiếm phần dư ảnh. Trôi đi. Chiều chiều nắng xé hoa đèn. Thuận ra đi không còn ai trông vời. Đêm mất Thủy xưa kia ngược lên nhẩn nhủ. Bây giờ vắng rồi. Nàng sống yên phận, như cái buồn cố đô. Thuận đi xa, niềm vui phần khởi đem theo. Tiếng còi tàu lê thê chỉ để lại cho người tiễn đưa những trùng héo tâm hồn. Thuận quyết định một thái độ thẳng, rõ. Anh trở lại thật sự với Hoa. Tình yêu chưa bén rễ, nhưng anh nghĩ hạnh phúc sẽ đến bằng hôn nhân. Lần này mọi thắc mắc ngại ngùng đã ổn định, Thuận bình tĩnh bước lên thăm nhà Hoa. Trong câu chuyện trao đổi giữa anh và nàng. Anh đã mất phần chủ động không ngờ. Hoa thật thông minh từng nước bước mà giữ giá trị mình. Lời người bạn anh nói hôm nào, bây giờ đã vượt khỏi mô vô ý thức để biến thành thứ khí cụ chiến thắng anh. Hoa nói rằng : Nàng không yêu anh.

Người nữ y-tá già, có nét mặt hao hao giống Hoa, đem thuốc vào tiêm cho Thuận. Anh nằm bất động trên giường, lắng nghe cái cảm giác ê-chề và chai sạn luân lỏi trong cơ thể. Những mũi kim lách vào gân, vào thịt đã trở nên quen thuộc với sự đau đớn của anh. Anh không ca thán gì, mà nhẩn nại chịu đựng. Sự nghỉ dưỡng của anh cần ngang với số thuốc thường nhật trong người anh. Thuận vào nằm đây gần nửa năm rồi. Tháng ngày và ký vãng đứng chờ anh ngoài cửa bệnh viện. Nó chỉ có nghĩa khi cái sinh hoạt ràng buộc con người, ở đây thời gian không kể nữa. Chị Hạnh - tên cô y-tá luống tuổi - cầm miếng bông ấn vào chỗ mũi kim vừa rút ra khỏi tay Thuận. Chị nhìn anh, cười khen :

- Trông ông độ này khá lắm rồi,

Thuận vui nhẹ :

- Vâng !

Chị Hạnh đi ra, tiếng nói hắt trở vào.

- Ngày mai bác sĩ cho ông chụp phim lại rồi đấy.

Tấm blouse trắng của chị thoáng khuất sau cánh cửa lay động. Chiếc quạt trần vo vo buồn ngủ. Thuận nhìn dán lấy nó, mắt anh mờ dần. Những năm vừa qua quay tròn trong

đó. Đầu tiên lời nói của Hoa, người đàn bà biết mình bị tổn thương, đã đuổi bỏ một dịp may tình duyên để bảo vệ tinh thần mình. Thuận thăm phục, và cho đó là một sự hy sinh cao đẹp. Tuy nhiên tự ái đã bắt anh chấm dứt hẳn. Anh trở lại thủ đô kéo lê cái chán chường trên hè phố : những tiệm nháy, tiệm ăn. Rồi bệnh tật khởi đầu từ nhiều đêm vô vị. Hình ảnh những ngọn đèn dầu tù mù, khu nhà lá lụp sụp hơi hám buồn nôn, nhắc anh nhớ đến những con đàn bà vô hồn trần trụi và trơ trẽn. Thuận nghĩ đến cuộc sống bệ rạc của họ. Những con chuột chui rúc dưới cống rãnh thổi tha nhầy nhụa không khác gì. Bệnh tật gieo đi nhiều hơn cả bệnh dịch hạch. Anh đi vào bằng sinh lực hăm hở, lúc ra rước lấy vi trùng lao. Hôm vào nằm nhà thương, Thuận được chị Hạnh dẫn xuống khu bài lao. Những người đồng bệnh thu nhận anh thân mật, ở đây rất dễ quen nhau. Họ nói cho anh biết, giường anh hiện nằm là của một người chết mới đem xuống nhà xác. Người còn trẻ, có vợ nhưng ở xa không đến kịp. Thuận chán nản nghĩ đến sự lỏng khùng của định mệnh. Tự nhiên anh thấy ngực mình nhói đau, rồi cơn ho bật lên hẳn học. Thuận vượt ngực, mặt mày choáng váng. Anh nằm xuống giường, giọng bình thản, bảo với mấy bạn rằng:

- Đã có một thời gian không có ta trên trái đất, thì một ngày kia trái đất cũng sẽ vắng ta. Thuận có tật thức giấc vào khoảng hai giờ đêm. Hình ảnh người đàn bà búi tóc chiều chiều đứng ngoài hàng cây gai vọng mắt vào bệnh viện ám ảnh Thuận miệt mài. Không hiểu do cái linh cảm nào xui khiến mà Thuận cứ nhất định cho rằng người đàn bà ấy phải là vợ người đàn ông đã chết ở giường anh. Thuận bỗng thấy thương nàng thật nhiều. Nỗi buồn của anh ôm ấp nàng, như nắng hoàng hôn ôm ấp bóng lá, bờ gai-chỗ nàng đứng đợi từng chiều. Thuận chợt liên tưởng tới Hoa, với buổi chiều anh đến nhà nàng. Con đường Đà Nẵng-Hội An trơn nhựa và uốn khúc. Những dãy nhà mới lợp còn vàng mái rạ, san sát trong vườn sắn lá xanh chạy ven dọc đường. Một đoạn đường xe lửa chết, còn trơ hai thanh sắt nâu rỉ song song quặt về phía làng mạc xa tắp. Đường ô tô chạy rẽ sang tay trái, qua những nhíp cầu, trại lính, cánh đồng và xa xa núi đứng dăng hàng. Thuận xuống bến thì trời mưa tự bao giờ. Anh thu mình trong áo lạnh, đi men theo lề phố. Khi đến nhà Hoa thì áo anh đã trắng nước mưa. Hoa đang chăm chú ngồi máy. Nàng tiếp anh trong lúc mặc vội tấm áo len.

Thành phố nhỏ bé xum họp bằng những nóc nhà thấp xám rêu, ngày mỏng ba còn đậm đà hương vị tết. Thuận ra đi lần ấy, nhớ thêm được đôi môi đỏ phẩm hạt dưa của nàng và cái lạnh thiếu vắng của quê hương. Từ đó tới nay - hai năm qua rồi - vì sinh kế bận bịu, Thuận không có dịp nào về thăm nhà nữa. Anh đã để mất hai mùa xuân ở Huế. Hình ảnh Thủy, các em anh, nhiều người trong gia đình thương nhớ anh, như anh vẫn ao ước một mùa xuân trở về.

Thuận ra nhà thương được hai tuần thì gặp Hoa. Buổi đi chơi thường trực của anh, với mục đích kiếm việc làm, đã đưa anh đến dịp may. Hôm đó anh tìm được việc, lúc về gặp Hoa. Hoa đi bên lề đường, dưới bóng những cây me xanh lá, Chiếc nón ngả màu xỉn, che khuất mặt nàng. Nàng cúi đầu đi, dáng tư lự. Lúc ngược lên thì vừa gặp anh. Hai người cùng dừng chân nhìn nhau. Thoáng giây Thuận nhận ra nàng và cất giọng trước.

- Kìa cô Hoa, cô vào đây bao giờ thế?

Hoa ngập ngừng mãi mới nói được một câu :

\ i. - Ông Thuận.

Thuận hỏi lại:

- Cô vào đây lâu chưa ? Có việc gì hay . . .

Anh buông lửng câu nói, Hoa chớp mắt:

- Tôi theo nhà tôi vào đây lâu rồi. Thuận khẽ gật đầu.

- À, ra cô đã lập gia đình.

- Vâng.

- Thế anh nhà làm gì ở đây ?

- Thư ký phù động. Nhưng mất rồi.

Thuận chưa tin ở sự ghi nhận của mình. Anh hỏi lại: - Cô nói sao ? Anh ấy mất rồi à ?

- Vâng, nhà tôi mất hơn sáu tháng nay rồi.

- Bệnh gì ?

- Thưa, lao.

Thuận nhìn giải khăn trắng buộc sau mái tóc búi tròn của

Hoa. Anh bỗng nhớ tới người đàn bà búi tóc đứng ngoài bờ cây nhìn vào bệnh viện ngày anh còn nằm ở đấy. Thuận lựa lời hỏi tiếp:

- Bây giờ cô làm gì để sống ? . . - Tôi làm thuê cho một tiệm may. Nhưng cũng sắp thôi. Tôi định về với bà cụ và anh chị tôi ở ngoài ấy.

Tự nhiên thấy lòng xót xa. Anh ái ngại nhìn xuống quần áo mình chếp miệng :

- Tôi bây giờ cũng “ tang thương” lắm rồi !

Hoa nhìn nhanh lại anh. Nàng nói :

- Ông bây giờ béo hơn trước chứ ?

- Vâng, nhưng có lẽ mập thuốc thôi cô ạ.

Không đợi Hoa hỏi gì thêm, Thuận kể :

- Tôi cũng mới ở nhà thương ra nửa tháng nay.

Hoa mở to mắt ngạc nhiên.

- Ông bệnh ?

- Vâng, lao - nhưng mới chớm.

Hoa thở dài cảm xúc. Thuận cũng buồn rầu nhắc nhở :

- Chớ thật, mới ngày nào. Thế mà cô đã đi ở riêng. Còn tôi vẫn cứ thế. •

Hoa nói nhẹ : - Tại ông muốn vậy chớ ai bắt.

Thuận vắn vê cổ áo :

- Giá ngày ấy cô nhận lời, thì tôi đâu đến nỗi...

Hoa di chân trên mặt đất : -

- Ngày ấy ông giàu. Ông tự phụ, tôi không dám với cao.

Thuận ngửa bàn tay :

- Bây giờ thì nghèo rồi. Thất nghiệp và vừa kiếm được việc làm lương đủ sống thôi. . . Thuận bảo Hoa bước chậm chậm bên anh. Anh chần chừ khá lâu, rồi nói thẳng với Hoa rằng :

- Đời tôi thua lỗ nhiều quá. Giá bây giờ có Hoa thì tôi đỡ khổ phần nào.

Hoa vẫn đi bên cạnh anh im lặng. Thuận nhìn nàng hỏi tiếp :

- Hoa nghĩ sao? Liệu như thế có được không? Tôi muốn chúng ta chấp nối, xây dựng lại, Hoa bằng lòng chứ ?

Hoa không nói gì. Thuận thấy mắt nàng long lanh. Anh hỏi dồn :

- Sao ? Hoa không ưng ư ? Hoa lắc đầu, mãi sau mới nhìn anh nói qua giọng nước mắt :

- Giá như ngày xưa thì em không lấy anh đâu. Nhưng bây giờ thì em bằng lòng.

Thuận sung sướng cầm chặt tay nàng. Nắng buổi trưa rừng rực. Anh nghĩ tới một phần cơm chia làm đôi, của những bữa ăn đầu, khi lương chưa có. Hai vợ chồng dựa vào nhau mà sống, mà an ủi, thương yêu nhau trong cảnh huống bần hàn. Thế lại, đẹp cuộc đời. Chẳng bù cái lúc anh hoang toàng, quăng tiền ra sấm sủa, chiều chuộng những cô tình nhân, mà rồi chẳng ra sao cả. - Người vợ đến sau phải nhận lĩnh những thiệt thòi quá đáng. Thì ra tình yêu cảm thông tạo dựng hạnh phúc, đã khởi đầu từ những sự kém, hèn.

(Hiện Đại 3)

Mây bay đi

NGUYỄN SA

Bây giờ mỗi lần Vân đi qua tôi vẫn buồn. Tôi vẫn nhìn vào năm ngón của bàn tay trái mà nghĩ: những giọt nước mắt ấy bây giờ ở đâu? Không còn gì trên những ngón gầy, đen này cả. Như thế, chúng đã bay đi hay đã lẫn trốn vào chiều sâu của từng huyết quản? Nhìn năm ngón tay tôi vẫn thấy hình ảnh Vân khóc và con đường Phan Đình Phùng nằm im lặng ở đây với những giọt mưa đầu mùa nhẹ, mát. Không phải con đường Phan Đình Phùng phía trên này. Vân không thích chúng tôi gặp nhau ở gần những ngôi nhà có vườn rộng, ở những khu phố sang trọng. Vân bảo: ở những ngôi nhà mái tôn thấp bé, nóng bức, ở giữa những đường phố chật hẹp, ồn ào có một sức hấp dẫn lạ. Gặp nhau phía trên kia tiện hơn, kín đáo hơn. Nhưng ở giữa khu Chợ Vườn Chuối này thích hơn. Có lẽ ở giữa sự tầm thường, sự gian khổ vật chất này có phảng phất cuộc đời. Tôi cho rằng ý nghĩ của Vân phản ánh một quan niệm lãng mạn, một quan niệm cách mạng có nhiều tính chất lãng mạn. Nhưng tôi không cãi lại. Vân thường trách sự im lặng của tôi. Nàng cho rằng tôi có những phản ứng chậm trong việc ứng đối. Nhưng bây giờ phân tích lại trạng thái tâm lý bất động của tôi lúc ấy liên đới với sự sinh hoạt tâm lý chung của con người tôi, tôi không cho rằng tôi là người có phản ứng chậm trong việc ứng đối. Khả năng ứng đối của tôi thật ra chỉ bị tê liệt những khi ở gần Vân. Thiếu kinh nghiệm đối với đàn bà? Không phải. Vân không phải người con gái đầu tiên tôi yêu. Cũng không phải người yêu thứ nhì hoặc thứ ba. Thứ sáu. Chính tôi đã giữ vai trò chủ động trong việc làm quen với Vân. Tôi đã tấn công đầu tiên, đã đặt những kế hoạch một cách tuyệt đối khoa học để đạt tới đối tượng ấy. Gặp Vân một tháng thì tôi chợt nhận thấy một biến chuyển lớn nơi Vân: nàng đã cắt ngắn móng tóc rất dài.

Tôi biết rằng người con gái có móng tóc dài thế cắt ngắn đi thường sống trong tình cảm hối tiếc (không hiểu việc cắt tóc như thế có sai lầm không, cắt ngắn thế này trông có xấu đi

nhieu không v.v...) và tôi liền nắm lấy cơ hội làm quen ấy. Giữ Vân lại ở đường Phan Đình Phùng vào một buổi tối tôi hỏi :

- Mới cắt tóc ?

Vân nhìn khuôn mặt quen thuộc của tôi - chúng tôi học cùng lớp - rồi trả lời e thẹn :

— Dạ.

Tôi cười cợt hỏi tiếp :

- Tại sao lại cắt đi ?

Không đợi Vân trả lời tôi nghiêm nét mặt với một vẻ nghiêm nghị kịch :

- Sao cắt đi mà không xin phép trước ?

Nhưng tôi chỉ giữ vai trò chủ động trong việc đối thoại tình cảm như thế trong một quãng thời gian ngắn. Tôi chìm dần vào sự im lặng mỗi khi gần Vân - sự im lặng mà Vân gọi là thiếu phản ứng trong việc ứng đối - và biện minh cho sự im lặng ấy bằng lý luận lãng mạn đượm màu sắc bi kịch : lâu lắm, hằng tháng chúng tôi mới gặp nhau một lần. Và cuộc gặp gỡ thường chỉ dài mười lăm phút. Tôi chỉ có đủ thời giờ để nhìn nụ cười, mái tóc ngắn và khuôn cổ trắng, những ngón tay có móng dài tô đỏ, đôi mắt buồn, tà áo dài đến gót chân (Vân người miền Nam, quê ở Vĩnh Long và mặc áo dài rất dài theo kiểu miền Nam) và gò má đỏ của Vân. Không có đủ thời giờ để sống với nhau còn lấy đâu ra thời gian mà bàn cãi - dù là bàn cãi về cuộc đời.

Tại sao có sự im lặng tê liệt ấy ? Bây giờ tôi vẫn đặt câu nói ấy nhưng lại thấy rằng nó gần như vô nghĩa, không đáng tìm hiểu, trả lời bởi trăm nghìn câu hỏi khác bốc lửa trong mắt tôi. Và hỏa ngục nằm trong câu hỏi lớn : tại sao tôi không nói với Vân là tôi yêu nàng. Tại sao không nói một cách thật thà đơn giản. Có gì khó khăn đâu? *Chắc Vân biết những ý nghĩ mà anh vẫn nuôi giữ về Vân ? Chúng mình có thể gần nhau mãi mãi được không hả Vân ?* Tôi nhắc lại một mình những câu ngớ ớ chuẩn bị đã từ lâu ấy. Có gì khó khăn đâu? Tôi đã có thể nói một cách vô cùng đơn giản : anh yêu Vân. Anh yêu Vân. Có ba chữ. Tôi có thể nói một hơi thật nhanh

bất cứ lúc nào trong những lần gặp gỡ ấy. Tôi đã nói những lời tương tự - có thể là anh , yêu Mai, anh yêu Đạm... - trong một hơi thở thoáng qua. Với người con gái Trung hoa gặp gỡ thoáng trước tôi còn sử dụng được một cách thông thạo cái ngôn ngữ ái tình ấy trong trường hợp không cần thiết.

Sầu - người con gái Trung hoa ấy - bảo tôi :

- Anh cho em ba nghìn thì tiền ăn và tiền nhà cũng không đủ, làm thế nào em sống với anh được.

Tôi đã dành bằng một giọng đau khổ :

- Lương anh có năm nghìn. Anh làm thế nào cho em hơn được. Còn bạn bè, sắm sửa, thuốc lá...

- Hay là anh cho em ba nghìn, tiền nhà anh bao...

Và tôi nói những lời đáng lẽ không cần nói :

- Anh yêu em. Nếu em cũng yêu anh thì em cố thu xếp. Sự gần nhau là cần thiết dù thiếu thốn về tiền tài...

Tôi đã nói anh yêu em chỉ vì một lý do chiến thuật trong việc mặc cả một cuộc sống gần gũi hữu hạn. Tại sao những lời nói dễ dàng như hơi thở ấy bị bóp nghẹt trong những lúc gặp Vân. Tất cả khung cảnh của những cuộc gặp gỡ đều giúp đỡ thúc đẩy tôi nói điều cần phải nói với Vân. Những cuộc gặp gỡ giữa chúng tôi là những cuộc gặp gỡ lén lút. Tôi ở Tân Định, Vân ở Lê Lợi. Và chúng tôi gặp nhau ở Bàn Cờ, Chợ vườn chuối. Chúng tôi đi xi-nê với nhau trong Chợ Lớn dù phim nói tiếng Anh (tôi không biết tiếng Anh) và phụ đề chữ Hán. Lần đầu tiên tôi lau nước mắt Vân - lau bằng tay trái bởi vì tôi vẫn sợ bàn tay phải của tôi thiếu sự mềm mại, âu yếm cần thiết - Vân đã nhìn tôi bằng đôi mắt mà trong sự tưởng nghĩ chủ quan bây giờ tôi gọi là chờ đợi.

Vân đến tìm tôi sau ngày cuối cùng của kỳ thi Tú tài II, ở địa điểm hò hẹn cũ. Vân bảo đã làm sai bài toán-lý-hóa rồi khóc. Tôi an ủi Vân bằng những lời vụng về, đứt quãng. Hình như tôi nói về sự không cần thiết của văn bằng, về sự may rủi của khoa cử (có khi tưởng là trượt mà hóa ra đỗ, tưởng đỗ mà hóa ra trượt), về một người tôi quen làm giám khảo kỳ thi này v.v... Sau cùng tôi gọi xích-lô và Vân bước lên. Lúc Vân bước lên tôi cầm tay Vân để đỡ. Khi đã ngồi yên trên xe Vân rút tay lại và nói :

- Vân làm sai là tại anh.

- Làm sao tại anh ?

Đôi mắt Vân nhìn vào tôi. Tia mắt ấy đi suốt vào tôi như một mũi nhọn :

- Tại hôm sinh nhật Vân (17-4) anh cho Vân một đĩa hát buồn. (tôi tặng Vân đĩa “Les Feuilles mortes”, Juliette Gréco hát.) Rồi Vân im lặng, cúi mặt, chờ đợi. Tôi, với bàn tay trái, lau những giọt nước mắt còn đọng ở gò má, ở đuôi mắt Vân. Lúc ấy tôi không nói điều muốn nói, điều cần phải nói. Tôi chỉ im lặng nhìn Vân cúi đầu để người đạp xe đạp chiếc xe đi.

Có những lúc tôi nghĩ đến những bài học về phân-tâm-lý của Freud và những người kế tiếp mà tôi đã nghe được ở giảng đường và đọc trong sách vở. Áp dụng lối phân tách ấy vào trường hợp tôi, tôi thấy rằng đã có một sự di chuyển, một sự phối hợp, lẫn lộn con người Vân và những hình ảnh, thần tượng của tôi trong thời thơ ấu.

Lần ấy tôi đi về Hà đông với Thủy. Thủy là đứa con gái mười ba tuổi và tôi lên mười. Tôi nhớ mang máng rằng nó đẹp. Và chắc chắn là má nó đỏ lúm. Mẹ nó khi đến nhà tôi chơi hay đi với nó và thường nói là gả con Thủy cho thằng Lan (tên tôi). Tôi mới mười tuổi cũng thấy thẹn thẹn và thích thích lời nói có vẻ trêu chọc ấy dù không biết rõ tại sao lại thẹn và thích.

Cuộc hành trình từ Hà nội đến Hà đông (đi tàu điện, chuyển tàu rất đông và đậu rất lâu ở Ngã tư sở) đã làm tôi bị lên một cơn sốt nhẹ. Tôi nằm ngủ thiếp đi vào buổi trưa. Lúc tỉnh dậy tôi có cảm tưởng có một cái gì vương vীu trên cơ thể tôi và vật ấy có một mùi thơm là lạ. Mở mắt ra tôi thấy Thủy ngồi ở bên cạnh nhìn tôi. Nó nói :

- Lan ngủ lâu quá.

Tôi không trả lời vì nghĩ tới sự kiện vương vীu trên cơ thể tôi. Tôi nhìn cánh tay tôi và tức khắc ngược mắt lên nhìn Thủy. Nó mặc áo cánh cụt tay. Má nó đỏ ửng. Và chiếc áo dài mà tôi không còn nhớ là màu gì đắp trên cơ thể tôi.

Thủy nhìn tôi mỉm cười. Tôi cũng mỉm cười nhìn Thủy. Tôi nhắm mắt lại. Đầu gối co lên, tôi có cảm tưởng là chiếc áo

dài của Thủy che đắp trên tôi rộng lớn lắm. Cả tay, cả bàn chân, cả đầu tôi nằm gọn trong tà áo ấy. Rồi tôi ngủ thiếp đi, rất an tâm và thích thú, dưới sự dịu nhẹ của lớp vải mỏng và mùi thơm mà tôi chưa chú ý đến bao giờ.

Có phải vì sự thích thú gây ra bởi sự va chạm lần đầu tiên với vật dụng của người khác phái đã sống lại trong sự nhìn ngắm Vân hay không? Có thể. Tôi thích Vân có lẽ không phải vì mớ tóc dài, vì nước da trắng, những ngón tay đẹp. Tôi chú ý tức khắc đến gò má Vân. Gò má rất đỏ, không phải sắc đỏ của sự e thẹn hay sức khỏe dồi dào. Vân rất yếu, gầy và xanh. Cổ tay nàng bé đến nỗi tôi thường xuyên thèm muốn nâng niu thật nhẹ và thật lâu.

Má Vân đỏ ửng vì nàng đánh phấn hồng quá độ. Khuôn mặt Vân vì sự trang điểm thái quá ấy mang hai sắc thái. Về gầy yếu, đôi mắt buồn của Vân vẽ nên niềm trong sáng thần tiên. Sự nguy trang kia là dấu hiệu đàn bà. Nói một cách triết lý: người đàn bà ấy nấu hình trong thiên thần này hay ở trong vẻ thiên thần của Vân đã ngầm chứa vẻ đàn bà kia. Gò má đỏ và tính chất độc đáo ấy làm tôi tức khắc thích thú (có liên hệ với sự xúc động đầu tiên khi nhìn gò má Thủy ?) và tôi liền chú ý tiếp theo đến áo dài của Vân. (Tôi đã nói là Vân mặc áo dài rất dài, kiểu miền Nam) Tà áo dài sát gót chân ấy thường thu hút đôi mắt tôi. Những lúc gần Vân có lẽ vì thế sự sinh hoạt tâm lý của tôi gần như bị tê liệt. Tôi im lặng nghe Vân nói. Rồi trả lời vu vơ (phản ánh sự không chú ý vào câu chuyện). Có phải gò má ấy, tà áo ấy đã làm sống lại hình ảnh của tiềm thức tôi và gây ra một sự thèm muốn nào đó mà tôi không ý thức được (có thể là thèm muốn được tà áo dài, rộng, thơm kia chùng đắp lên cơ thể...) nên tôi bị chìm đắm trong tình trạng tê liệt tâm lý ? Có điều chắc chắn là sau khi Vân lên xe đi thi chúng tôi xa nhau nhiều tháng. Vân thi trượt và trở về quê. Ngày khai trường nàng cũng không trở lên Sài Gòn có lẽ vì không muốn theo học lại chương trình đã học qua. Chúng tôi không viết thư cho nhau một phần vì tôi lười viết và một phần (phần cốt yếu) vì ở dưới ấy - chỗ Vân ở - chúng tôi không có địa điểm nào để làm hộp thư.

Sáu tháng sau Vân trở về Sài Gòn mà không báo cho tôi biết. Chúng tôi gặp nhau ở đại lộ Lê Lợi, gần hiệu sách Khai Trí. Tôi sững sờ nhìn Vân. Bây giờ Vân để tóc dài (kiểu Pier Angeli). Những tia mắt chúng tôi gặp nhau và tôi chợt nhận

thấy sự bối rối nơi Vân. Khi chúng tôi cùng dừng lại nhìn Vân tôi hỏi :

- Vân mới về ?

Vân cười gật đầu. Về bối rối như chưa tan biến mà còn chạy vào nụ cười ấy.

Chỉ sự đi lại tấp nập, xô đẩy của những người đi đường tôi bảo Vân .:

- Chúng mình tìm một chỗ nào ngồi nói chuyện đi. Hiệu kem, Vân bằng lòng không ?

Vân lắc đầu. Tôi lại đề nghị :

- Hay đi bộ một quãng vậy. Vân cũng lắc đầu. “Vân phải đi ngay”, nàng sẽ trả lời tôi gọn gàng như thế. Và nàng đi. Tôi đứng ở đấy, gần hiệu sách Khai Trí, mà nhìn Vân chìm dần vào lớp người đi dạo buổi chiều trên đại lộ Lê Lợi. Tôi đã định viết thư ngay cho Vân để hẹn gặp buổi tối ở địa điểm cố hữu. Nhưng tôi chỉ viết cho Vân một mảnh giấy nhỏ.
“Đừng để tóc kiểu Pier Angeli. Không thích, nhớ cắt ngắn. Phải đi Đà Lạt cuối tháng về sẽ gặp. Và sẽ đem nhiều mận về.” Sáng hôm sau tôi phải đi Đà Lạt. Tôi muốn ở nhà thu dọn hành lý và thảo luận với Khoa, người bạn đồng hành, về chuyến đi chung. Tất nhiên, tôi có thể tìm gặp Vân ngay buổi tối hôm ấy nếu tôi hiểu rõ sự bối rối trong đôi mắt, nụ cười của Vân. Lúc về nhà tôi phân tích và cho rằng Vân bối rối là vì gặp tôi ở đại lộ Lê Lợi, chỗ đông người. Thứ nhất : chỗ ấy gần nhà Vân. Thứ hai : Vân sợ gặp người quen. Và nhất là đàn bà thường có mặc cảm tội lỗi, xét theo phân tâm học (ôi phân tâm học!). Người con gái đi cùng với người đàn ông một quãng đường, ngồi uống cùng trong một tiệm nước thường sợ người quen bắt gặp và cho rằng có tình ý gì. Sợ sự cho rằng của người khác mặc dầu mình không có tội gì tức là sợ mặc dầu không có tội. Tôi lý luận như thế và kết luận : Vân bị mặc cảm tội lỗi. Lý luận ấy đã giúp tôi đi Đà Lạt yên tâm. Nhưng lúc ở Đà Lạt về thì sự yên tâm ấy đã phải nhường chỗ cho sự hoang mang, hỗn loạn. Lúc tôi về, Thường đợi tôi ở ga và nói ngay :

- Này, Vân sắp lấy chồng đấy. Tôi cười vì cho rằng Thường trêu tôi. Nó nhắc lại lời nói trên một cách nghiêm trang kèm theo lời thề thốt. Lúc ấy tôi muốn bóp cổ thẳng bạn vì yêu

tôi mà báo tin ấy cho tôi. Tôi vùng đi tìm Vân.

Thế rồi chúng tôi đi với nhau lần chót ở đường Phan Đình Phùng, khu Chợ vườn chuối, bởi vì như Vân nói : ở đây có cuộc đời. Chúng tôi đi bên nhau im lặng. Sự im lặng mang nặng dấu hiệu giống bão tương lai đè trên mỗi bước đi chậm của hai đứa. Có một lúc tôi nói :

- Tại sao Vân làm vội thế ?

- Má quyết định.

Chúng tôi dừng lại ở ngã tư đèn đỏ. Tôi nhìn Vân :

- Tại sao Vân không bảo gì anh ?

Vân ngược mắt nhìn tôi. Tôi nhớ đôi mắt ngây dại của Vân lúc ấy đục mờ vì nước mắt. Vân không trả lời câu hỏi mà hỏi tôi :

- Tại sao anh không nói gì cả ? Chúng tôi im lặng nhìn nhau. Tôi lau nhẹ những giọt nước mắt đầm trên gò má Vân rồi cầm lấy tay Vân và chúng tôi lại bước đi trong bóng tối. Một lúc tôi nói :

- Bây giờ có thể thay đổi gì được không ?

Vân lắc đầu. Đôi vai gầy và mớ tóc Vân rung nhẹ trong đêm. Tôi chợt nhận thấy tóc Vân đã cắt ngắn. Vân cho tôi biết rằng những sự kiện không thể đổi thay được ấy đã có thể thay đổi được trong lúc tôi đi Đà Lạt với sự bình thản, vững tâm ngu dại.

Lúc Vân đi về - khuya lắm - tôi cũng gọi xích-lô cho Vân. Khi những ngón tay chúng tôi rời biệt nhau Vân quay đầu đi mà để lại lời nói cuối cùng :

- Tại sao anh không nói gì cả ? Tại sao không nói ? Tôi vẫn tiếp tục hỏi tôi như thế mỗi khi nhìn Vân đi qua (cùng một người đàn ông) hiệu kem trên bờ đường Lê Lợi mà tôi thường ngồi. Tại sao tôi không nói? Tôi vẫn hỏi như thế mặc dầu tôi vẫn tiếp tục lý luận, biện minh, phân tách tâm lý học. Và mỗi khi tôi hỏi tôi như thế thì hình ảnh con đường Phan Đình Phùng, chiếc xe xích-lô và Vân khốc lại trở về. Những câu hỏi khác cũng rù nhau trở về : Những giọt nước mắt ấy bây giờ ở đâu ? Chúng đã lẫn trốn vào chiều sâu của huyết quản hay đã tan biến thành mây bay đi... ?

(Hiện Đại số 2)

MẶC ĐỒ

Con Muỗi

Tặng Kính

Loan chợt cảm tưởng như ai đương chăm chú ngó mình. Ngẩng lên, Loan nhận thấy trên tấm kính cửa hàng phản chiếu lại hai con mắt tròn và to long lanh sáng. Ngó kỹ khuôn mặt: thấp thoáng một vài nét quen quen... Loan bất giác quay hẳn người lại: khuôn mặt quen quen đặt trên một bộ áo chùng thâm.

Vị tu sĩ trẻ tuổi vẫn mở to đôi mắt ngó Loan. Sau một thoáng giây tìm tòi trong những ngăn kỷ niệm trong đầu, Loan bỗng nói, tiếng nói thốt ra, đượm đôi chút e dè, không hẳn tin ở trí nhớ của mình:

- Anh Thiện?

Gương mặt sáng sủa với hai con mắt rất trong của vị tu sĩ trẻ tuổi bùng lên một nụ cười cõi mờ. Tu sĩ nói rất từ tốn:

- Đúng là chị Loan. Khi nãy mới trông thấy chị, tôi cứ ngỡ ngờ không tin rằng có phải là chị không. Đến khi chị cất tiếng nói thì nhất định không thể lầm được... Đã lâu lắm rồi tôi mới gặp lại chị...

Loan đã trở lại bình tĩnh và nhanh nhẩu như hồi nào, vội cái chính:

- Cũng không lâu lắm. Tôi còn gặp anh một lần ở Ba-lê, trung tâm sinh viên đường Soufflot...

Sau câu nói, Loan cũng vừa nhận thấy rằng xưng hô như vậy không biết có phải hay không. Loan e ngại ngó bộ áo trùng đen của vị tu sĩ đứng trước mặt, phân vân không biết xử đối ra sao với một anh bạn học cũ, khá thân, nay gặp lại bỗng thấy thay đổi nhiều quá, xa cách bởi cả một hàng rào tín ngưỡng. Nếu Loan cũng như Sương, như Hạnh, Loan sẽ dễ dàng gọi Thiện bằng Cha và xưng con rất ngon lành. Loan tự nghĩ không thể bắt chước như mấy người bạn kia: một người ngoại đạo mà xưng hô như vậy, không những thấy vô lý với chính mình mà còn e rằng bất kính ngay cả với người đứng trước mặt. Loan cảm thấy cần phải trọng bộ áo tu hành của người bạn ngày xưa, thành ra cũng thấy không tiện cứ coi Thiện như một người bạn cũ, chẳng hạn

như lần gặp ở Ba-lê.

Đường như không nhận thấy nổi bối rối của Loan vì chuyện xưng hô, vị tu sĩ trẻ tuổi tươi tắn đứng ngó Loan bằng hai con mắt sáng, rồi ông ta nói, vẫn một giọng khoan thai mà ấm:

- Lần gặp chị ở đường Soufflot tôi vừa tốt nghiệp đại học. Nửa năm sau tôi bắt đầu tu đạo. Tôi được thụ phong linh mục đã hai năm nay. Về đây chưa được bốn tháng. Tính từ ngày ở Hà Nội tới nay cũng đã lâu lắm rồi đấy.

Loan ngập ngừng đến một phút rồi mới đáp, thử dùng một cách xưng hô tạm cho là ổn:

- Tôi vẫn cho là không lâu lắm, vì tôi thấy không thay đổi chút nào, chỉ trừ...

Tu sĩ cả cười, ngắt lời Loan, một tay kéo mảnh áo ở trước ngực:

- Chỉ trừ bộ áo đen này?

Rồi tu sĩ lại từ tốn nói tiếp, hai con mắt ngó lên:

- Trong gia đình tôi, được Chúa gọi tới là một ơn huệ lớn lắm.

Loan nhớ có một lần gặp My ở trước Chợ, hôm đó cả hai người đều bận rộn, vội vã, nhưng My cũng cố gọi Loan cho bằng được. Loan phải vội ghé xe vào một bên hè, không kịp ra đầu cho những xe khác khiến lắm người cầu nhàu.

My hốt hải tới bên cửa xe của Loan để báo một cái tin không thể không nói ra:

- Chị Loan ạ, anh Thiện được thụ phong linh mục rồi. Em đang phải tít tít đi mua sắm các thứ, sửa soạn bữa tiệc mừng. Bạn quá chị ạ.

Loan đang bực mình vì những lời cầu nhàu của đám người lái xe cắt ngang, đáp hai tiếng gọn:

- Thế hả?

Thật tình, Loan không ý thức được nổi vui mừng của My. Thái độ hờ hững của Loan khiến cho My có điều chưng hửng.

Loan đáp lời vị tu sĩ trẻ tuổi:

- Vâng, hồi đó tôi có được My báo tin cho biết. Tôi ngu quá không biết chia sự vui mừng thế nào với My cả (Loan cười hóm hỉnh nói tiếp). Nhưng tôi vẫn đợi xem anh

Thiện nghịch ngợm ngày xưa, bây giờ hóa thành tu sĩ, sẽ biến đổi đến thế nào (Loan lừ đôi mắt ngó tu sĩ một lượt, rồi kết luận). Ngắm kỹ thì... Cha vẫn không thay đổi chút nào,

chỉ trừ...

Tu sĩ nhắc lại câu nói trước:

- Chỉ trừ bộ áo đen này...

Hai người cũng cười và cảm thấy đã lấy lại được phần nào cái không khí bạn hữu ngày xưa. Tu sĩ tiếp:

- Cứ nhắc chuyện đã qua mãi, quên mất hiện tại. Tôi chưa hỏi thăm chị về gia đình. Hai cụ vẫn mạnh chứ và còn chị, những thay đổi của chị trong bao năm nay?

- Thầy tôi mất đã mãn tang, bây giờ còn Mẹ tôi, cùng ở với tôi, Mẹ tôi vẫn mạnh. Còn tôi, chỉ có một sự thay đổi là đã thành bà Khánh, thế thôi.

Tu sĩ đáp:

- Anh Khánh, tôi còn nhớ lắm.

Loan ngắt:

- Hình như cũng là bạn... nghịch của anh Thiện?

Tu sĩ gật đầu, ngó xuống:

- Nhắc đến tên những bạn cũ, tôi hồi tưởng được rõ hết những kỷ niệm đã qua. Thế nào tôi cũng phải lại thăm chị và gặp lại anh Khánh. Cũng phải lại đề chào cụ nữa chứ.

- Vâng. Mẹ tôi vẫn thường nhắc tới Cha, Mẹ tôi cũng biết anh Thiện đã trở thành linh mục. Cha tôi chơi chắc Mẹ tôi mừng lắm.

Tu sĩ lấy trong bọc ra một cuốn sổ nhỏ và một mẫu bút chì ghi địa chỉ của Loạn, rồi cáo từ. Loạn còn ngó theo vị tu sĩ trẻ tuổi đáng đi vừng vàng, lanh lẹ, giữa đám đông trên đường.

Ở Hà nội, hồi cả bọn mấy người còn là học sinh trung học, mấy gia đình quây quần trong một khu phố. Hơn nữa, họ lại cùng học một trường. Gia đình bác sĩ Hoàng, ông thân của Loạn, tương đối là một gia đình tân tiến hơn hết. Cả bọn đều coi nhà Loạn như một nơi thường hội họp. Bà mẹ của Loạn, vì yêu đám tuổi trẻ này, luôn luôn gây cho họ một không khí thân mật, đầm ấm. Khi Loạn đã lớn, đã trở thành một thiếu nữ đang độ, sự giao du giữa Loạn và mấy người bạn trai vẫn không hề kém hồn nhiên, thân mật. Chính Loạn nhiều khi cũng tỏ ra nghịch ngợm không kém bọn con trai, tuy vẫn có thể rất thấm thiết với những bạn gái thùy mị như My, em gái Thiện.

Trong số bạn trai của Loạn, nếu một người đứng ngoài mà

quan sát và có lúc nghĩ rằng bọn tuổi trẻ này không thể cứ như thế mãi, chẳng hạn như bà mẹ của Loan, Thiện tỏ ra là người có nhiều khả năng và hi vọng mai ngày trở nên cậu giai tử của nhà họ Hoàng hơn hết. Có lẽ cũng linh cảm thấy như vậy nên Thiện, tuy đã bắt đầu yêu Loan, vẫn yên lặng giữ riêng cảm tình đó cho mình, không dám phá không khí tự nhiên, cởi mở, mà cả bọn đang chung hưởng. Thiện giữ không hé bàn chuyện muốn độc chiếm Loan với một ai, kể cả bà mẹ của Loan là người mà Thiện rất có thể gửi gắm tâm sự. Thiện kín đáo như vậy cho đến khi lên đại học được gia đình thu xếp cho xuất dương du học. Rồi sau đó, trong những thư từ Loan và Thiện thỉnh thoảng gửi cho nhau, không một dịp nào Thiện đề cho tình ý tràn lấn quá cái mức mà chàng đã giữ được khi còn ở gần Loan.

Có một lần, trong một bức thư Thiện viết cho My, nhân một câu hỏi thăm tin tức Loan, Thiện có tỏ lộ đôi chút tâm sự. Ý hẳn mùa Thu đó, bữa Thiện ngồi bên cửa sổ viết thư cho em, lá vàng có rụng nhiều trên vai những pho tượng trong công viên. My đã tình quá mang bức thư đến cho Loan đọc, với dụng ý tỏ cho Loan rõ rằng mình đã « biết hết » rồi, Loan đừng khéo giả vờ mãi. Loan thật tình cũng chỉ biết vậy mà thôi. Loan sẽ không chê Thiện nếu Thiện ngổ lờ; nhưng ít nhất cũng cần tìm hiểu nhau hơn nữa, nếu hai người định đời bình diện bạn hữu để cùng nhau đi tìm một chân trời khác. Thời gian qua đi, Loan cũng không hề đợi, mà Thiện cũng tiếp tục im lặng mãi.

Rồi bao nhiêu biến cố xảy tới, nhóm bạn thường tụ hội ở nhà Loan tản mác mỗi người một phương. Còn lại có Khánh. Anh chàng này có một đặc điểm là mặc dầu bao nhiêu sự đổi thay ở chung quanh vẫn luôn luôn có dịp ở gần Loan: cùng tiếp tục một môn đại học, cùng tản cư ở một nơi, cùng trở lại Hà Nội và sau hết lại tình cờ đồng ý xuất ngoại để thi nốt một bằng cấp đại học. Bấy nhiêu ngẫu nhiên kết thúc bằng sự chung sống của hai người. Bữa gặp Thiện ở đường Soufflot Loan đã đính ước với Khánh. Loan cũng quên không báo tin đó với Thiện nữa.

Trưa hôm đó, ngồi ăn cơm với mẹ, chợt nhớ tới người bạn tu sĩ, Loan khoe với mẹ:

- Ban sáng con vừa gặp anh Thiện, mới về đây đầu được

bốn tháng.

- Cậu Thiện sau thành linh mục ấy, phải không ? Sao con không mời về chơi? Nhớ đến cậu ấy mẹ lại nhớ hồi ngày xưa, nhà mình đông mà vui quá, con nhỉ?

Loan cảm thấy ánh sáng chung quanh mình như bỗng lu mờ bớt, vội đáp:

- Con có hẹn, thế nào anh ấy cũng lại chào mẹ. Gặp anh Thiện con thấy mừng ghê đi, mừng được độ mười phút! Trông anh ấy không khác ngày xưa mấy. Mẹ nhỉ, ngày xưa vui bao nhiêu thì bây giờ đáng chán bấy nhiêu... Thà rằng đi tu như anh Thiện, làm cách mạng rồi chết như anh Thái, anh Quang, mỗi lúc nhắc đến tên hay gặp lại còn giữ được chút kỷ niệm!

Bà cụ vội vàng đứng lên, không muốn con gái có dịp khơi nỗi buồn chưa hề nguôi. Và bà cụ bắt đầu mong người bạn trai của con hồi xưa, với hi vọng tìm lại được một chút gì đã mất.

Khi Thiện tìm tới thăm bà mẹ Loạn, thoát bước vào căn phòng khách rộng, một cảm giác trống trải, tịch mịch khiến cho Thiện muốn chùn bước lại. Thiện không thể nào ngờ rằng sau một thời gian có thể thay đổi như vậy được. Loạn hôm trước có thay đổi bao nhiêu đâu. Mà cả Thiện cũng thấy rất ít thay đổi nữa, mặc dầu bộ áo đen. Thiện cứ đinh ninh rằng thêm vào không khí vui tươi của gia đình bác sĩ Hoàng ngày xưa còn những tiếng riu rít, đôi ba hình ảnh đặc biệt do sự có mặt trong nhà của đám trẻ con của Khánh và Loạn. Cứ nguyên cái viễn tượng được trông thấy bây con của Loạn cũng đã đủ vui cho Thiện trong bao ngày, trước khi có thì giờ tới thăm nhà Loạn. Đã không có bóng dáng một đứa nhỏ nào, căn phòng khách rộng trang trí lịch sự và nhã nhặn càng thấy lạnh lẽo vì ngăn nắp quá. Thiện cũng còn kịp nghĩ: nếu Loạn cũng mắc cái bệnh dịch màu sắc đang lan tràn giữa đám những người mới giàu có lẽ căn phòng đỡ trống trải hơn.

Bà cụ ngồi một mình trên một chiếc ghế bành bằng mây đan, ở bên khung cửa sổ lớn mở ra vườn. Trông thấy Thiện bước tới, bà cụ mừng rỡ đứng lên, đưa tay ra nắm hai vai Thiện. Thiện ngó thấy một giọt nước mắt tràn trên gò má bà cụ. Giọng nói của bà cụ như thấm ướt:

- Gặp nhau lại nhớ Hà Nội ngày xưa quá ! Xa mất rồi, nhỉ? Bà cụ ngồi phịch xuống ghế và ngó ngáy người bạn cũ của con. Bao nhiêu ngày cứ ngồi bên khung cửa thương nhớ một thời đã xa, hôm đó bà cụ mới thấy rằng mình không vô lý. Thời đã xa thật ra vẫn chưa chết hẳn, vì còn có Thiện trở lại đây.

Thiện kiểm một chiếc ghế nhỏ kéo lại bên bà cụ và ngồi xuống, Bà cụ vội xin lỗi:

- Gặp cậu tôi mừng quá, quên cả mời ngồi. Bây giờ các cậu đã lớn, có địa vị rồi, tôi cứ quen như ngày xưa. Ừ, phải thay đổi cả cách xưng hô nữa đây, gọi cậu Thiện ngày xưa là gì nhỉ cho phải?

Thiện tìm lại được rất dễ giọng nói thân mật hồi trước:

- Bác cứ coi cháu như hồi đó, tình cảm có thay đổi gì đâu.

Bà cụ ngó Thiện trân trân:

- Thế ư? Bác thấy mọi sự chung quanh thay đổi nhiều quá, nên bác sợ.

Thiện quay lại ngó gian phòng lặng lẽ rộng, rồi hỏi :

- Loan đi vắng hả bác ? Loan được mấy con rồi? Từ hồi đó cháu chưa hề gặp lại anh Khánh.

Một chút kinh ngạc khiến tia mắt của bà cụ đen láy.

- Thế Loan không nói chuyện với cậu ư ? Loan làm luật sư ở tòa đã lâu rồi, từ hồi chưa vào đây. Đã có cháu nào đâu.

(Bà cụ bỗng thở dài). Nhắc chuyện Loan, buồn chết!

Thiện vội hỏi:

- Sao lại buồn, hả bác ? Hôm gặp Loan mới nói được mấy câu. Loan có cho biết đã thành bà Khánh rồi. Cháu cứ đinh ninh hôm nay lại được gặp một lũ con của Loan khá đông. Ngày xưa chính Loan vẫn chủ trương sự đông con vì Loan chỉ có một mình.

Giọng nói của bà cụ đều đều và buồn, dường như không trả lời câu nói của Thiện.

- Thành bà Khánh, nhưng lại không là bà Khánh, thế mới ngán!

Thiện bắt đầu ngạc nhiên rõ rệt:

- Đầu đuôi ra sao bác có thể cho cháu biết được không? Cháu không ngờ Loan lại gặp những chuyện phải buồn.

- Ban đầu có ai mà ngờ được. Sau khi hai người đã đính ước với nhau, Loan có nói chuyện với tôi. Tôi rất đồng ý vì Loan nói rằng có yêu cậu Khánh và đã suy xét kỹ. Thế

mà chưa được một năm sau đã sinh sự ! Khổ tâm hơn nữa là gia đình cả hai bên đều quen biết nhau quá, chỉ vì muốn bầu vút lấy tình quen cũ, và cũng hi vọng rằng hai người rồi ra có thể thương yêu nhau lại chỉ vì thế mà cứ để cho câu chuyện dây dưa kéo dài mãi. Đến nay thì lỡ hết cả rồi...

Câu chuyện bà cụ kể chỉ có ngọn, quên mất đoạn gốc, khiến cho vị tu sĩ trẻ tuổi không giữ nổi sự bình tĩnh thường nhật, ông ta vội ngắt:

- Nhưng bác không cho cháu biết những nguyên nhân tại sao lại có chuyện xảy ra như vậy, đã xảy ra làm sao. Thế bây giờ Khánh ở đâu?

Bà cụ thở dài, chưa bao giờ Thiện được nghe một tiếng thốt ra nặng nề, ảo não như vậy.

- Nếu tôi được biết đầu đuôi thì còn nói gì. Họ có cho tôi rõ sự tình đâu. Loan có nói với một cô bạn rằng không muốn làm cho tôi buồn thêm nếu nó kể hết câu chuyện cho tôi nghe, nó sợ rằng tôi già yếu rồi. Khổ quá, cậu ạ, thà rằng cho tôi hiểu rõ còn nhẹ nhõm cho tôi hơn là cứ bung bít như thế này. Gặp cậu, tôi mừng lắm, mừng nhất là có cậu, là chỗ thân tình cũ, may ra Loan nó có tiện thổ lộ, rồi cậu liệu xem có thể thu xếp giùm Loan được phần nào chăng.

Thiện lại ngắt:

- Nhưng bác vẫn chưa cho cháu biết hiện Khánh ở đâu. Cháu cần gặp cả hai người mới hiểu rõ được mọi sự.

Bà cụ lại bắt đầu câu nói bằng một tiếng thở dài:

- Hiện ở Pháp. Đi đã lâu, từ khi chưa bỏ Hà-nội. Bắt đầu lục đục với nhau một thời gian thì bỗng cậu ấy báo tin có việc phải đi Ba-lê. Loan không phản đối gì cả. Sau đó chừng vài tháng thì một hôm Loan nó cho tôi biết rằng cậu Khánh sẽ không về nữa; hai người nhất định xa nhau. Tôi chỉ biết có thế. Năn nỉ thế nào Loan nó cũng không nói, bảo rằng mẹ đã già, con cũng đã đủ khôn lớn rồi, nói ra chỉ thêm mẹ buồn phiền vô ích. Sau này, tôi cũng tránh không dấn động tới chuyện đó nữa vì xem ra mỗi khi nhắc tới, chính Loan nó còn tỏ ra buồn khổ hơn tôi nữa. Tôi chỉ nghĩ mà thắc mắc mãi vì chính tôi có lỗi để xảy ra tình trạng ngày nay. Hồi đó, Loan nó bao nhiêu lần đòi dứt khoát với Khánh, một mặt thì tôi, một mặt bên gia đình cậu Khánh, hai bên đều ngăn cản, hi vọng sẽ dần xếp được. Chần chờ mãi đến bây giờ thì đã quá muộn, mà chẳng hi vọng gì họ thương yêu nhau trở lại. Tôi cứ hối hận quá, thà để cho họ dứt khoát với

nhau cho xong đi.

Thiện tránh không muốn bàn vào một vấn đề mà chính mình bắt buộc phải có thiên kiến, tuy rằng lần đầu tiên, vì cảm tình riêng với Loan và bà mẹ Loan, Thiện muốn đem tình cảm để tìm hiểu trường hợp của Loan hơn là cứ tiện tay sử dụng đường lối suy luận đã vạch sẵn. Thiện nhận thấy không có cách nào hơn là im lặng trong giây lát, rồi sửa soạn đứng lên cáo từ, sau một lời hứa:

- Cháu cần phải gặp Loan đã, cháu sẽ gọi đây nói tới văn phòng hẹn với Loan. Cháu cũng cần viết thư cho anh Khánh nữa. Cháu xin hứa với bác sẽ hết sức cố gắng tìm cách hiểu tâm s của Loan và Khánh, may ra nhờ ơn Thiên Chúa sẽ giúp Loan tìm lại được hạnh phúc.

Sau khi Thiện ra về, hi vọng hạnh phúc cho Loan trở lại tràn trề trong tâm tư bà cụ, rào rạt như một cơn mưa hè. Nhưng một lúc sau, cơn mưa đã tan biến hết, còn lại bốn bề vuông vức của một niềm mong ước, lâu dần thu gọn lại vừa một gian phòng này, êm tịnh, mòn mỏi. Cho đến trưa, khi Loan trở về, chuỗi ngày của hai mẹ con lại đều đều nhịp cũ.

Sau bữa cơm, bà cụ cáo từ đi nghỉ trưa, để cho Loan và anh bạn cũ tiện nói chuyện dài. Hai người ngồi ở một góc phòng khách vắng và mát. Loan yên lặng ngồi đợi Thiện hỏi trước. Hôm Thiện gọi đây nói lại văn phòng ngỏ ý muốn gặp để được nói chuyện nhiều, Loan đã hiểu ngay rằng Thiện có ý mong biết rõ câu chuyện giữa Loan và Khánh. Có Thiện đề trút bớt những u ất, Loan thấy cũng là một dịp hay, tuy hoàn toàn không chờ đợi một sự giải quyết nào. Với Khánh, thật đã hết từ lâu. Làm lại cuộc đời thì Loan dường như không còn can đảm nữa. Không chờ đợi giải quyết, nhưng có dịp tâm sự với một người bạn thân, Loan tin rằng cũng sẽ nhẹ nhõm bớt.

Thiện cũng yên lặng ngồi ngó Loan, loay loay mãi với một điều thắc mắc: Loan vẫn như xưa, mà Loan như ngày xưa thì sao lại có thể khổ được? Trước khi tu đạo, Thiện đã nhiều lần lật đi lật lại vấn đề hạnh phúc của Loan. Thiện đã yêu Loan ghê gớm đến nỗi kết luận rằng bao nhiêu cố gắng của mình cũng sẽ không làm cho Loan sung sướng hơn, hay ít nhất cũng bằng với cái hiện tại hồi đó của Loan. Yêu Loan mà không đem lại nhiều hạnh phúc cho Loan như ý muốn thì tốt hơn hết là giữ nguyên mối tình để làm một kỷ niệm riêng còn hơn. Không muốn kết thúc, hay khởi sự, với

Loan, ít lâu sau Thiện đi tu, với một ý thức hết sức sáng suốt rằng không phải vì thất vọng. Đến bữa gặp lại Loan, được tin Loan đã lấy chồng, Thiện nảy ra ý tò mò muốn chứng xác lại những nhận định của mình hồi trước qua hạnh phúc hiện tại của Loan. Được bà cụ nói sơ qua cho hay nông nổi của Loan, Thiện đã nghĩ ngay rằng những dè dặt của mình hồi đó không phải là vô lý. Muốn vào sâu tâm sự của Loan, Thiện vì thương Loan nhiều hơn là vì muốn tìm hiểu. Thiện chợt nhận xét và khám phá thấy khỏe nhìn của Loan hiện giờ có lạnh và sắc hơn trước, quầng mắt sâu hơn và có hai đường nhăn ở đuôi mắt. Thiện tự nhủ: "Nhan sắc suy tàn từ đó chứ đâu!" và Thiện bắt đầu:

- Tôi muốn nói chuyện dài với chị không phải vì lâu không gặp. Tôi có một mục đích: Hôm nọ hầu chuyện cụ, được biết chị có nhiều nỗi buồn trong gia đình...

Loan chợt có tia mắt lạnh và sắc như Thiện vừa thoáng nhận thấy. Loan thản nhiên ngắt:

- Mẹ tôi vẫn hay buồn phiền lồi thoi. Tôi không yêu Khánh nữa, hai người không thể chung sống với nhau thì bỏ nhau, có gì mà phải buồn. Một mình tôi, tôi dư sức nuôi thân và nuôi mẹ tôi cơ mà. Liệu anh có sắp gia nhập cái đám người cứ bận thương vay cho tôi không đấy?

Thiện tự nhủ: "Có thay đổi thật." rồi mới tìm câu trả lời Loan. Thiện đáp, rất ôn tồn, bình tĩnh:

- Bộ áo này không cho phép tôi gia nhập một thứ gì hết. Tôi ngồi trước mặt chị với tư cách một người bạn cũ, một người bạn thân thiết trong bao nhiêu năm tuổi nhỏ, có một điều khá rõ rệt là tôi đã thành một nhà tu. Dù chị không cho phép, tôi vẫn có bốn phận phải săn sóc tới một người bạn đang ở một tình trạng tâm lý bất an, gờ rõi cho chị được phần nào là tôi mừng lắm. Tôi biết chị có nhiều tự ái, nhưng tôi nghĩ rằng chị còn giữ đôi chút tin cậy ở tôi.

Loan cười lớn, tiếng cười rung động cả căn phòng vắng.

Thiện lại nghĩ: "Tiếng cười cũng thay đổi nữa." Loan nói trong tiếng cười không dứt:

- Tôi sợ nhất là cứ làm cho to chuyện. Anh cần gì phải gọi tới sự tin cậy ở tôi, nhất định là vẫn tin cậy rồi. Nhưng, bận tâm tới một câu chuyện mà chính người trong cuộc là tôi, tôi thấy không đáng quan tâm nữa, anh bảo như thế không gọi là thương vay thì còn gọi là gì?

Thiện không tỏ ra công nhận hay phản đối lý luận Loan vừa

đưa ra, nhưng chậm rãi chưa đáp, yên lặng ngồi ngó Loan. Loan với hộp thuốc lá, lấy một điều thảo nhiên đốt, Loan cũng đợi xem Thiện còn cố xoi mói trong câu chuyện riêng của mình tới đâu. Loan chỉ bức rức rằng Thiện đã quan trọng hóa câu chuyện quá. Thật tình Loan cũng định có dịp sẽ trút hết những u ầu của mình với Thiện là người trong số bạn cũ, Loan thấy đáng tin cậy hơn hết. Thấy Thiện có bộ mặt quan trọng, Loan đâm ra cáu. Cứ bình thường Loan sợ gì mà không kể hết chuyện, nhưng Loan nhất định không hé răng nếu câu chuyện có hình dáng một cuộc thổ lộ can tràng.

Thiện tưởng rằng cứ khoác bộ áo đen là hóa thành xuất phàm rồi ư?

Trong không gian, Thiện xem ra đã quá xa thời bè bạn cũ. Thiện đã quên đi phần nào cá tính của Loan, chỉ nghĩ rằng Loan nhiều tự ái. Loan không cảm thấy phải tự ái đối với Thiện. Loan muốn chọc Thiện mà Thiện không biết. Thiện nói:

- Ai mà chẳng kiêu hãnh rằng tâm sự của mình chồng chất, bề bộn, thiên hạ giỏi lắm chỉ nhìn thấy một khía cạnh nào. Nghĩ rằng mọi người không hiểu mình mà thấy họ cứ bần khoản vì mình thì nhất định phải cho rằng họ thương vay. Tôi gọi tới sự tin cậy của chị là có ý muốn nhắc chị trình độ thân tình giữa mấy anh em hồi xưa. Không lẽ chị cũng cho rằng tôi chỉ có thể hiểu chị hơi hợt như bất kỳ ai hay sao? Trong câu chuyện tình duyên của chị tôi thú thật rằng đến phút này tôi chưa hề hiểu một mảy may. Bởi thế cho nên tôi mới phải hỏi chị ; chị nói cho nghe; khi đó, với bao nhiêu thâm tình cũ, biết đâu tôi sẽ không hiểu được thấu đáo và có những ý kiến khả dĩ gỡ rối được cho chị.

- Khô quá ! Anh cứ la rằng hiểu tôi mà không nghe thấu chỉ một câu nói của tôi. Trước kia, chuyện tình duyên của tôi quả có làm cho tôi rối ruột lên thật. Nhưng bây giờ, bây giờ, tôi đã nói với anh rằng tôi không thấy đáng quan tâm nữa. Thế mà anh cứ đòi gỡ rối cho tôi thì đào đâu ra tơ rối cho anh gỡ cơ chứ.

Rốt cuộc, Thiện thấy cần chờ một dịp khác vì Thiện cũng chợt nghĩ ra không chừng Loan thêm một giấc ngủ trưa, cho nên khó tính, tuy Loan đã hẹn dành buổi chiều thứ bảy này để nói chuyện dài với Thiện.

Tiến Thiện ra về, trở vào, Loan còn mỉm cười một mình vì đã chọc anh bạn cũ được một trận. Nhưng Loan chỉ "khó tính" được một lát ngắn. Sau khi tắm nước lạnh xong, trở ra phòng khách vắng lặng và nhiều bóng tối, nằm dài trên

chiếc ghế bành bằng mây đan ở bên cửa sổ, Loan thốt lên khóc, khóc cho những năm tháng dang dở ở trước mặt. Ngày mai đối với Loan sao mà đáng ngán, nhất là từ bữa gặp Thiện, xui nhớ lại ngày xưa.

Từ bữa nói chuyện với Loan ra về, Thiện không ngớt lưu tâm tới trường hợp của Loan. Chính tự ái của Thiện cũng có tổn thương: tại sao Loan lại từ chối không muốn ngỏ tâm sự với mình? Nhiều lần sau Thiện đến thăm Loan và tha thiết nhắc lại mãi câu chuyện bỏ dở bữa chiều thứ bảy. Lần nào Loan cũng bức mình thấy Thiện giữ bộ mặt nghiêm trọng, không để cho Loan tìm lại được vẻ thân mật ngày xưa, thuận lợi cho câu chuyện tâm tình. Có bữa Loan đã phải than phiền với bà mẹ: "Anh Thiện bây giờ thay đổi nhiều quá. Lúc nào nói chuyện cũng như toan cứu vớt linh hồn người ta ấy!"

Ngoài đôi chút tự ái bị tổn thương, Thiện cảm thấy có bổn phận phải lưu tâm tới cô bạn cũ đang ở một tình trạng khủng hoảng đáng ngại. Thiện cho rằng vì thiếu người thân tín cho Loan có thể tâm sự được - bà cụ dù sao, với tuổi tác, cũng không còn là một người bạn của Loan được nữa - Loan cứ một mình loay hoay với vấn đề nan giải trong bao lâu nên đâm ra lảng tránh hết mọi người. Thiện nhất định phải thắng trở lực tâm lý đó để mau mau giúp Loan tìm lại sự tươi sáng trong tâm hồn và trong cuộc đời. Nếu không có bộ áo chùng thâm có lẽ Thiện tìm được nhiều kẻ hở để đột nhập thành trì cô độc của Loan. Nhưng Thiện chỉ có thể thành tâm cầu nguyện cho Loan, ước mong sớm có cơ hội dắt dẫn Loan ra khỏi hoàn cảnh hiện tại và tìm thấy hạnh phúc.

Thiện cũng có nghĩ viết thư cho Khánh. Một lần đã động tới chuyện đó - Thiện hỏi Loan địa chỉ của Khánh ở Pháp -

Loan nổi xung lên, thiếu chút nữa đã mất hẳn cảm tình với Thiện. Loan câu cũng có lý: Những can thiệp không đúng chỗ như vậy của Thiện, biết đâu chẳng cho Khánh vội nghĩ rằng Loan đã chịu thua và cầu cứu tới Thiện để mong nối lại

chắc?

Trước thái độ khăng khăng của Loan, ý chí sửa chữa, hàn gắn của Thiện lại càng mãnh liệt. Cho đến khi, vì một nhiệm vụ phải dời lên vùng cao nguyên trong ít lâu, Thiện phải tạm ngưng những cuộc thăm dò tâm sự Loan, tuy vẫn chưa tìm được chút ánh sáng nào. Thiện vẫn không ngớt đem tâm thành cầu xin một sự ứng nghiệm trong việc đang theo đuổi. Hết nhiệm vụ trên cao nguyên, Thiện trở về vội tới thăm Loan ngay. Không khí bồi dưỡng trên núi đã giúp Thiện thêm phần chần. Chị ở cho biết rằng Loan đau phải nằm trong buồng. Thiện ngồi đợi ở phòng khách. Loan ngần ngại trong giây lát rồi bảo chị ở ra mời Thiện vào chơi trong phòng riêng của Loan. Loan nghĩ rằng tiếp Thiện ở ngay trong phòng ngủ có lẽ đỡ bị Thiện ngồi lâu và quấy rầy mãi về chuyện chồng con dở dang của mình như mọi bận. Chị ở bắc một chiếc ghế mời Thiện ngồi kế bên giường bệnh của Loan. Loan nói:

- Tôi bị sốt nóng đã hai hôm nay, y sĩ vẫn chưa tìm ra bệnh gì, có lẽ chỉ cảm xoàng. Vì sốt nhiều nên mệt quá, không thể ngồi dậy ra phòng khách được.

Thiện ngó gương mặt của Loan: cơn sốt làm đỏ hồng hai má Loan, hai con mắt sáng hẳn lên, những sợi tóc không chải vào nếp quần lụa thưa trên trán. Đúng là Loan ngày xưa, không một chút thay đổi. Thiện cứ ngồi yên lặng ngó Loan, Loan cũng ngó lại Thiện không muốn chỉ nói vài câu thăm hỏi băng quơ. Trông nét mặt của Thiện ngồi ngây ra đó, không có cái vẻ hăng hái cứu vớt như những lần trước, Loan cũng chợt tìm lại được Thiện của hồi còn cùng đi học với nhau. Sự im lặng của cả hai người không nặng nề, ngưng đọng: im lặng để giữ cho cái không khí chợt tìm thấy đừng vội tan biến. Rồi Loan nói trước:

- Anh có biết tôi vừa nhận thấy gì không ? Tôi tưởng như trở lại hồi nào còn ở Hà-nội. Từ bữa gặp lại anh, hôm nay tôi mới thật tìm thấy anh của ngày trước.

Thiện tròn hai mắt to và sáng, hỏi lại:

- Thật thế ư ? Tôi cũng vừa nhìn thấy chị giống hệt như hình ảnh của chị ngày xưa, không khác một chút nào. Tôi nhớ đến những bữa ở đằng nhà bác, chúng mình gọi cả một gánh bánh tôm vào trong sân...

Mắt Loan cũng vui hẳn lên:

- Rồi có mấy người tranh nhau ăn hết cả gánh. Ừ, thích thật!

Bác hàng bánh rán không kịp, tôi chanh bị mờ
bắn phồng cả tay...

- Còn tôi thì vội ăn, phồng cả miệng, về nhà phải tạ sự là
ôm không dám ra ngồi ở bàn ăn cơm, sợ xa xít bà cụ
hỏi không biết trả lời ra làm sao.

Loan nằm ngửa mặt lên, hai con mắt long lanh ngó trên trần
nhà, vui theo chút kỷ niệm vừa nhắc. Rồi Loan quay lại tìm
Thiện. Thiện cảm thấy rõ ràng có một ánh sương vừa trôi
tới trên gương mặt Loan, hai con mắt không còn long
lanh nữa. Loan nói:

- Thế mà đã xa rồi nhỉ? Bây giờ tôi đâu còn cái vui
hồn nhiên nhẹ nhàng của hồi đó nữa...

Lần này Thiện có đủ bình tĩnh, để im lặng ngồi nghe, không
vội đưa cái về "hăng hái cứu vớt" ra. Loan nói tiếp:

- Tôi đã thành một người đàn bà cô độc, chứng kiến cái vui
của thiên hạ nhiều hơn là hòa trộn vào. Anh cứ hỏi thăm mãi
về chuyện chồng con của tôi. Tôi không muốn nói vì thấy
anh lần nào cũng như sắp sửa ra tay cứu vãn, đưa đường, chỉ
nẻo, làm như tôi tìm lại hạnh phúc được ngay tức khắc ấy...
Thiện đã hiểu tại sao và biết khôn khéo ngồi im.

- Thật tình tôi cũng định có dịp nào, chẳng hạn như hôm
nay, nói chuyện đó với anh một lần. Nói mà không hi vọng
gì cứu vãn cả. Vì tôi biết không tài nào cứu vãn được nữa.
Quả thật hồi đó tôi không yêu Khánh đến độ muốn
lấy Khánh. Tôi nhận lời lấy Khánh chỉ vì thấy thương cái
công theo đuổi của Khánh và cũng muốn thành gia thất cho
xong

đi. Cứ thấy mẹ tôi thấp thòm trông đợi tôi sốt ruột quá,
anh ạ. Tôi chỉ lỡ dại đã chọn một người chồng cùng nghề.
Cuộc sống đôi cặp nào mà chẳng có những lúc va chạm
nhưng nghề nghiệp sẽ giúp những cơn giông mau tan đi.
Đằng này hai đứa tôi lại đem chồng chắt những va chạm
nghề nghiệp vào những va chạm gia đình. Địa ngục, anh ạ.
Tôi cũng có thể bỏ nghề, cho bớt một phần, nhưng tôi lại
thích tự do, không muốn chỉ là một người nội trợ sống vào
những lợi tức của chồng. Cũng cần phải nói rằng tôi cũng
yêu nghề nữa. Sau một năm trời sống chung, bao nhiêu
những va chạm cộng lại, trong mắt tôi Khánh đã hóa thành
một thứ thù nghịch, và tất nhiên Khánh nhìn tôi chắc cũng
chẳng còn đẹp để gì. Thế rồi Khánh đi, cả hai cùng thấy
thoát nợ. Chitiếc rằng vì muốn chiều ý gia đình, tội tôi chưa

hề dứt khoát với nhau ngay từ hồi đó. Đến nay thì lỡ dở mất cả. Cũng may là cách biệt hẳn, ở gần, biết đâu chẳng kiếm dịp mà giết nhau cho khuất mắt. Gia sản cả hai bên cũng chẳng còn gì mà phải bận tâm vì những trói buộc vô lý. Đó, anh đã thấy rõ ràng tôi không nói ngoa khi tôi bảo rằng câu chuyện không đáng quan tâm nữa. Anh thì cứ đòi thu xếp, cứu vãn mãi.

Nghe Loan nói một thôi, Thiện đã lường được bề rộng của cái hố ngăn cách giữa Loan với Khánh. Thiện nén được không cãi với Loan về sợi dây ràng buộc thiêng liêng, và tê tái nghĩ rằng vô phương cứu vãn hạnh phúc cho Loan. Thiện ngó Loan và day dứt tự hỏi: Loan cứ phải khổ mãi như thế sao? Ngoài cái việc mà Thiện dự định: hàn gắn cuộc tình duyên giữa Loan và Khánh, không một giải pháp nào ở trong phạm vi khả năng của Thiện cả. Loan còn trẻ quá, tương lai còn dài mà đành để phí hoài sao. Lần đầu tiên trong đời, Thiện nhận thấy riêng mình không đủ giải quyết những khúc mắc.

Loan cười tinh nghịch, nói một câu mà thêm bao nhiêu bối rối cho Thiện:

- Tôi chỉ còn trách anh tại sao bỏ đi tu. Hồi đó nghe My kể chuyện anh cũng yêu tôi ghê lắm. Với anh không chừng đã chẳng nên nổi...

Thiện bất chợt chăm chú ngó một con muỗi khá to đậu từ lúc nào trên cánh tay của Loan để trần, duỗi dài trên mép giường. Cánh tay của Loan nẩy nả như nặn bằng mỡ sữa, con muỗi thì no tròn mà còn cổ cong cái đít mọng lên, chúi đầu xuống hút máu. Thiện giơ tay đập mạnh con muỗi trên cánh tay Loan. Độ nóng của cơn sốt của Loan qua lòng bàn tay Thiện như một luồng điện mạnh. Con muỗi chết bẹp còn dính trên tay Thiện với một vệt máu đỏ tươi. Vệt máu đỏ gây một xúc động mãnh liệt trong đầu vị tu sĩ trẻ tuổi. Thiện vụt xô ghế đứng lên, chẳng kịp chào hỏi Loan, hốt hải chạy ra cửa. Ra tới sân, Thiện đưa bàn tay có dính con muỗi và vệt máu chùi vào vạt áo. Nghĩ sao Thiện lại vội túm lấy một chùm lá ở gốc cây trứng cá bên cổng hốt hoảng chùi tay. Rồi Thiện đi miết ra tận đầu phố, một tay cứ phủi mãi vạt áo không biết có dính chút máu nào không.

(Hiện Đại số 1)



tranh Đông Hồ

QUỐC KHÁNH CHUỘT Khuất Đầu

Kính tặng một độc giả ẩn danh

...Rồi đó phân hạng chuột, phong quan chức. Chẳng mấy chốc đã lập nên nhà nước chuột...

(trích Vua Chuột của KD)

...Giờ là mùa thu, nhà nước chuột bèn tổ chức ăn mừng ngày lập nước thật to, trước là để khoe cái công lớn ăn cướp kho thóc, rồi công đánh thắng thẳng giặc mèo, sau là để chuẩn bị tôn vua mới.

Cả vạn lính chuột từ các xó nhà, hốc tủ, gầm giường, chuồng heo, chuồng bò, các ống cống thúi ỉnh, từ những con chuột nhắt bé loắt choắt đến những con chuột cống to kênh ghè chóc lờ lỏi đầy mình, tất cả đều rầm rập nghe hiệu lệnh.

Bọn chúng được ăn no, vỗ béo. Chỉ trong ít lâu con nào cũng tròn trĩnh trục, mỡ má căng phồng, áo mao tinh tươm chứ không ốm đói rách rưới như ông cha của chúng. Suốt mấy đêm, chúng phải tập đi bằng hai chân sau, ngực ưỡn cao, đuôi vung vẩy hết sang phải lại sang trái theo điệu trống quân hành.

Rồi ngày quốc khánh chuột về vang đã đến với cờ xí rợp trời.

Ngát ngưỡng trên lễ đài cao to, là tập thể vua chuột, con nào cũng mập ú, bốn chân ngắn ngủn, mắt lim dim như đang mơ ngủ. Những con sắp lên ngôi cửu ngũ, mỏ chuột đã nhọn càng nhọn thêm, ra cái điều tự đắc. Những con sắp xuống ngôi, mỏ vẫn cứ nhọn vì đầu sao cũng đã từng được ngồi trên chiếc ngai chạm đầu rồng.

Bên cạnh lễ đài là vua chuột đã chết nhưng chưa chôn.

Tiếng nói năm xưa của Thử hoàng đế được máy phóng thanh phát ra nghèn nghẹn: *“Mọi con chuột sinh ra đều có quyền bình đẳng, đó là quyền được sống, được đi lại hủ hủ với vợ con. Thế giới chuột là thế giới đại đồng, không làm cũng có ăn. Muốn ăn gì cứ ăn, muốn phá gì cứ phá! Chít chít”*. Rồi 21 phát đại bác bắn bằng ống thụt nước, kêu phẹt phẹt. Tiếp đến là đại tướng chuột chỉ huy lễ diễu binh oai phong phát lệnh: *chít! chít!*

Đi đầu là đại kỳ bằng lá chuối rách te tua, chúng tỏ đã trải qua trăm trận trăm thắng.

Tiếp đến là các binh chủng chuột, xếp thành từng khối vuông vức. Chuột lục quân tức là lính chuột đánh trên đất liền, đồng phục màu lông chuột xám tro nổi tiếng. Chuột đánh dưới nước, tuyển lựa toàn chuột bạch nên trắng như tuyết. Đen nhem như lọ nồi là chuột biệt kích. Rồi chuột truyền tin râu dài cả tắc dùi làm cần ăng-ten, chuột dân phòng, chuột công an, với roi tre và dùi đục. Lại có cả chuột du côn chuyên đánh hội đồng, chuột răng to lưỡi dài chuyên môn chữi.

Đó là chuột đực. Còn chuột cái có chuột răng đen miến bắc, chuột lông dài cổ rắn miến nam.

Đẹp nhất là khối chuột cái cứu thương, mượn tên gọi của người là chuột quân y. Con nào cũng ngực vênh mỡ to, rất chi là hấp dẫn. Đẹp nhất là con đi đầu, trông như chuột mẫu chân dài, được bá tánh chuột *chít chít* khen rối rít.

Trời mùa thu êm như ru. Cuộc biểu dương lực lượng chuột

được coi như thành công tốt đẹp. Bá tánh ai cũng hồ hởi phần khởi, đã con mắt, sướng cái bụng. Hết điều binh, còn đốt pháo chuột cho xem.

Sở dĩ bọn chuột lên mặt hợm mình như vậy là vì những con mèo, từ mèo nhà đến mèo hoang, được gọi một cách huy hoàng là tiểu hổ, đã bị tóm vào các quán nhậu trên khắp cả nước. Đó là chưa kể còn lên xuất sang nước bạn mười sáu chữ vàng.

Nhưng, những con chuột già từng trải sự đời, con ở trong tù, con nằm chờ chết thì than thầm: Thằng giặc mèo bên kia đại dương, đó là loại mèo kiểng, mèo quý của các mệnh phụ, chỉ biết ăn thức ăn đóng hộp chứ đâu có thèm thịt chuột. Nó giỡn chơi một hồi cho đỡ cuồng chân rồi bỏ đi chứ làm sao chuột mà thắng được mèo. Ngay cái chuyện đeo chuông vào cổ nó tự cổ chí kim, chưa có con chuột nào dám. Chẳng qua nói cho sướng miệng như cái thằng A.Q vậy thôi, chứ đánh đấm được gì cái lũ lính chuột. Lo là lo cái bọn mèo trắng, mèo đen kia, con nào cũng thèm thịt chuột. Chủ nó mà thả mèo ra là chết cả lũ.

Quả nhiên, có tiếng mèo ngao từ phía đông, rồi từ tây nam, lại có tiếng kêu gầm gừ từ phương bắc, khắp bốn cõi *miao miao* rền vang ầm ĩ. Lũ chuột trong sân nhà tôi với cái bản năng gốc là sợ mèo, từ vua chuột, tướng chuột đến lính chuột đều co giò chạy biến.

Thế là tiêu ma cái cuộc biểu dương lực lượng. Nhiều kẻ chê cười, nhưng già đến như tôi, được xem cái gọi là quốc khánh chuột đó, kể ra sống lâu cũng không uống. Dẫu sao, coi cũng đỡ buồn.

LÊ KÝ THƯƠNG

SÀI GÒN, NHỚ...

Đó là mùa hè năm 1965, năm có nhiều biến động thời cuộc nhất ở miền Nam Việt Nam. Hấn, lần đầu tiên từ quê nhà Nha Trang cùng đoàn Thanh niên – sinh viên – học sinh tình nguyện, bay vô Sài Gòn được mệnh danh là Hòn ngọc Viễn đông, tham dự Trại hè TN-SV-HS toàn quốc, được tổ chức tại Khu Phụng Hoàng, Lái Thiêu, mục đích xây dựng nhà tạm – vách đất, mái lợp lá dừa nước cho đồng bào tị nạn Cộng sản.

Nghe nói Khu Phụng Hoàng do không ảnh chụp giống hình chim phụng hoàng đang sải cánh bay, do bà Ngô Đình Nhu làm chủ. Sau khi “phụng hoàng gãy cánh” năm 1963, bà Nhu sống lưu vong, chính quyền sở tại quản lý, coi như đất công.

Ngõ ngang với đất Phương Nam sáng nắng chiều mưa như bài địa lý thời tiểu học, bất ngờ trước câu thơ tình lãng mạn của Nguyên Sa *nắng Sài Gòn anh đi mà chợt mát, bởi vì em mặc áo lụa Hà Đông*; những cô gái Sài Gòn mặc áo dài quần lụa trắng, đạp xe đạp đàn đằm đi trên những con đường rợp bóng me xanh – quá thơ mộng, hay lâu lâu bắt gặp vài cô mặc quần ống túm chạy vélo-solex – căng tròn sức sống.

Chỉ có *một buổi ban đầu* ngăn ngủi thôi mà Sài Gòn quyến rũ hẳn đến thế! Rồi hẳn từ già Sài Gòn để về Lái Thiêu dự Trại. Nhưng rất may, cơ duyên đến với hẳn, hẳn được sắp xếp vào Ban Báo chí của Trại cùng với một nhà thơ và một cô thư ký. Buổi sáng, hẳn cùng anh bạn nhà thơ có nhiệm vụ lấy tin sinh hoạt của các đội về viết, xong tin nào chuyển ngay cho cô thư ký đánh máy lên stencil. Đúng 6 giờ chiều, sau khi cơm nước, xe đưa chỉ một mình hẳn về trụ sở nằm trên đường Phùng Khắc Khoan, Sài Gòn; ở đó có một anh sinh viên phụ trách in bản tin, còn hẳn chỉ phụ tá xếp đóng 100 bản để sáng sớm hôm sau chở lên Lái Thiêu phát hành. Khâu in, xếp đóng có khi đến hai ba giờ sáng mới xong!

Công việc cứ quay đều như vậy trong nửa tháng thì bế mạc trại. Vài hôm trước khi bế mạc Trại, hấn nhìn thấy cái máy quay ronéo chạy điện và tiếng máy quay đều đều khiến hấn khiếp sợ không dám đến gần! Bù lại, hấn được làm công việc hấn yêu thích.

Trước khi về Nha Trang, hấn được rong chơi vài hôm trên các đường phố chính ở Sài Gòn, nhất là đường Lê Lợi có nhà sách Khai Trí lớn nhất Sài Gòn và nổi tiếng cả miền Nam, nơi mà hấn hằng ao ước được đặt chân đến. Ngoài nhà sách Khai Trí còn có nhà sách Tự Lực, Ngân Thông... Phía bên kia đường, đối diện với nhà sách Khai Trí có những cửa hàng và kiốt sách cũ. Hấn bị hấp hồn giữa một rừng sách mới và cũ – kho tri thức của nhân loại, nhưng hấn chỉ dám lướt nhìn tên sách. Thèm lắm, mà không có tiền mua! Hấn chỉ đủ tiền mua một tập truyện ngắn của một nữ tác giả thời danh mà hấn thích, để kỷ niệm lần đầu đặt chân lên đất Sài Gòn.

Từ đó về sau, hấn có dịp về Sài Gòn nhiều lần, nhưng không được ở lâu.

Đến giữa năm 1970, hấn nộp đơn cầu âu xin đi học một khóa truyền thông ở Mỹ. Không ngờ đầu năm 1971, đơn vị chủ quản gọi về Sài Gòn học bổ túc Anh ngữ ở Trường Sinh ngữ Quân đội. Đây là một dịp may hiếm có. Hấn nghĩ ở Sài Gòn chuyện học hành là chuyện phụ, chuyện chính là trực tiếp giúp Nguyễn Minh làm tạp chí Ý Thức. Được làm báo là điều hấn mơ ước từ lâu.

Trước ngày hấn vô Sài Gòn, tạp chí Ý Thức in ở nhà in Đăng Quang, đối diện với rạp hát Long Vân, trên đường Phan Thanh Giản. Lúc bấy giờ nhà in Thanh Bình mà chủ nhân là chị Mai, chị dâu của Nguyễn Minh, ở 666 Phan Thanh Giản xây chưa xong. Cũng xin nói thêm rằng lúc hấn còn ở Phan Rang, hấn trọ ở nhà Nguyễn Minh và gia đình coi hấn như một thành viên.

Lúc hấn vào Sài Gòn để học bổ túc Anh ngữ thì nhà in Thanh Bình đã thành lập và hấn được chị Mai coi như em, phụ giúp Nguyễn Minh quản lý nhà in. Từ thời điểm này, tạp chí Ý Thức in tại “nhà in nhà”.

Mỗi tuần hấn học sáu buổi chiều, từ 13 giờ đến 18 giờ. Giờ đầu là vào phòng lab nghe băng. Với hấn, giờ này là giờ ngủ ngon nhất, con ma ngủ đến lúc nào không hề hay biết! Mỗi lớp chỉ có hai chục học viên, nên thầy giáo người Mỹ dễ

kiểm soát. Mỗi lần bắt gặp ai úp mặt xuống bàn ngủ thì thầy đến lay nhẹ một cách lịch sự. Hẳn học bao nhiêu thì trả cho thầy ngay tại lớp bấy nhiêu, về nhà hẳn không hề động đến sách vở của trường, chỉ dồn thời gian vào việc làm báo. Có đôi lần hẳn suýt trễ học, nếu không gặp được “quối nơn” là ông thiếu tá đồng môn nhưng khác lớp cho đi nhờ Cub 69, những lần khác từ nhà đến trường mất 45 phút xe lam, còn taxi thì phải chờ đỏ mắt mới đón được, một phần vì giữa trưa giờ ngọ.

Ở tòa soạn tạp chí Ý Thức trước đó có nhà thơ TNS phụ tá cho Nguyên Minh một giai đoạn ngắn, rồi TNS bỏ việc đột ngột, hẳn thế chỗ của TNS. Hẳn cùng NM làm tất cả mọi khâu công việc từ “bếp núc” cho tới khi hình thành một số báo rồi chờ đi gởi *chành* để phát hành về các tỉnh bằng chiếc Suzuki cà tàng của Nguyên Minh mang từ Phan Rang vô. Chiếc xe này, một lần hẳn chạy công việc về gần tới tòa soạn thì bị cảnh sát “vịn”, hỏi bằng số xe. Nhìn xuống, bằng số rớt mất từ bao giờ! Bèn để lại xe về hỏi Nguyên Minh, Nguyên Minh cho biết hôm trước chở báo đi phát hành, gặp ổ gà rớt mất, lỡ trốn chạy luôn, không thèm quay xe lại lượm. *Thôi, bỏ “nó” đi!* Nghe Nguyên Minh phán một câu dứt khoát – tính anh ta là vậy, bèn nhẹ lòng.

Gần nhà in Thanh Bình có một con đường ngắn, rẽ qua thì gặp đường Trần Quốc Toàn. Buổi tối, khi rảnh rỗi, hẳn và Nguyên Minh tới một quán quen nằm trên đường này “làm vài ve” Con Cọp và đổi giấy lau chén đĩa – cắt từ rẻo giấy in báo – để lấy một đĩa đầu vịt nhâm nhi. Sáng chủ nhật thì đón taxi ra phố Lê Lợi, uống cà-phê ở Brodard hay La Pagode, thỉnh thoảng kéo ghế ở nhà hàng Thanh Bạch, rồi đi lên đi xuống đi qua đi lại, (may mà không có *em*), tha hồ “nghĩa” nam thanh nữ tú dạo phố, rồi tạt vô dãy kiốt sách cũ san sát nhau bán đủ loại sách Ta-Tây-Tàu để mua một hai quyển mình thích. Cả Sài Gòn, chiều thứ Bảy và trọn ngày Chủ nhật, chỉ có phố Lê Lợi là nơi phồn hoa đô hội. Tân binh ở Trung tâm Huấn luyện Quang Trung, sinh viên sĩ quan Trường Bộ binh Thủ Đức, rồi những người lính từ mặt trận nghỉ phép về, những khách vắng lai, hòa cùng dân Sài Gòn tạo cảnh “ngựa xe như nước, áo quần như nêm” – một bức tranh hoàn hảo tiêu biểu cho một Sài Gòn năng động, nhộn nhịp mặc dầu trong thời chiến.

Giai đoạn làm tạp chí Ý Thức cũng lắm kỷ niệm không thể

nào quên...

Nhà thơ-nhà giáo Hạc Thành Hoa dạy học ở Sa Đéc, thấp người lại ốm tong teo, cứ cách sáu tháng lại lên Sài Gòn tái khám định kỳ để được đổi giấy miễn dịch (miễn đi lính). Mỗi lần như vậy, anh nghỉ lại tòa soạn ba bốn bữa, nhịn ăn hoàn toàn, chỉ uống nước cầm hơi, với mục đích để giảm cân theo tiêu chuẩn miễn dịch ấn định!

Năm 1970, nhà văn Trần Hoài Thư từ chiến trường Buôn Ma Thuột bất ngờ xuất hiện tại tòa soạn vào một sáng đẹp trời, tuyên bố hùng hồn rằng được đơn vị cho nghỉ phép về Sài Gòn cưới vợ! Bạn bè hết sức ngạc nhiên. Mới cách đó không lâu, anh về Cần Thơ để gặp người yêu, lên lại Sài Gòn gặp bạn bè với vẻ mặt buồn thiu buồn thiu dưới cặp kính cận nặng. Ai cũng biết chuyện gì đã xảy ra cho “cuộc tình văn chương” của anh rồi nên không hỏi tới. Đùng một cái, về lần này anh tuyên bố cưới vợ, và người vợ tương lai của anh không ai khác ngoài *người mê văn Trần Hoài Thư* ở Cần Thơ. Anh nhờ bạn bè Ý Thức tổ chức đám cưới cho anh. Nguyên Minh bèn nhờ chị Mai, chủ nhân nhà in Thanh Bình, làm đại diện họ nhà trai. Đến ngày cưới, họ nhà trai gồm chị Mai, chị Minh Quân (nhà văn), Đỗ Nghê (tức bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc – nhà thơ), Nguyên Minh và hân... xuất phát từ nhà in Thanh Bình và cũng là tòa soạn Ý Thức đến một khách sạn gần đó đón cô dâu cùng thân nhân nhà gái từ Cần Thơ lên, rồi họ nhà trai và nhà gái cùng đến một nhà hàng dự tiệc thân mật để hai họ làm quen. Giống như nhiều đám cưới thời chiến...

Trước khi hân nhận visa du học ngắn hạn ở Mỹ, Linh mục Nguyễn Ngọc Lan – tục gọi Cha Lan – một cây bút chủ lực của tạp chí Đối Diện giới thiệu cho hân gặp nhạc sĩ Phạm Trọng Cầu, nổi tiếng với ca khúc *Trường làng tôi* và *Mùa thu không trở lại*. Thời gian này (12-1971) Phạm Trọng Cầu đang “bí mật” thành lập ban tứ ca gồm các ca sĩ Mai Hương, Kim Tước, Bùi Thiện và Đoàn Chính. Đúng hẹn, hân cùng cô sinh viên ngành báo chí đang thực tập tại tòa soạn Ý Thức đến tư gia của NS Phạm Trọng Cầu cũng nằm trên đường Phan Thanh Giản. Phạm Trọng Cầu tự xưng mình là “Người Việt gốc Voi” vì vóc dáng to cao, tuy bị mất một chân trong thời kỳ chống Pháp, nhưng trông rất “nghệ sĩ” nhờ hàm râu quai nón. Anh rất hiếu khách, dễ gần, nói với người nhà pha cà-phê mời chúng tôi. Rồi Bùi Thiện đến,

người kế tiếp là Đoàn Chính. Tất cả chúng tôi ngồi bên chiếc bàn tròn mà anh gọi đùa chúng mình đang tham dự hội nghị bàn tròn. Anh mở băng nhựa cho chúng tôi nghe bản demo của bốn danh ca trình diễn và hàn huyên tâm sự. Anh cho biết chưa hài lòng về bản demo này, phải thực hiện lại. Đến hơn 10 giờ đêm, khi nghe tiếng chuông reo ngoài cổng, anh vội chồng gậy ra mở như đã hẹn trước với ai đó. Chúng tôi cũng chào từ giã và theo anh ra cổng. Thì ra, anh sinh viên khiêm thị ở Trường Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ Sài Gòn đến chào từ biệt thầy để mai lên đường sang Pháp du học tại Nhạc viện Paris, nơi mà thầy mình đã từng học.

Trên đường về, hân mang theo dư âm giọng hát ngọt ngào sang trọng của ca sĩ Kim Tước: *Em nghe chẳng mùa thu, mùa thu không trở lại...*

LÊ KÝ THƯƠNG

SG, Thu 2015



CAO KIM

VỀ THU XẾP LẠI

“2... - 8: Hôm nay Sài Gòn chỉ mưa có hai mươi phút rồi nắng nóng thật khó chịu...”.

“2... - 8: Đêm qua Sài Gòn mưa lớn quá, mình không ngủ được. Nằm nghe mưa xối xả ngoài trời!!!”

...

Liếc qua những dòng email ngắn ngủi ấy, người đọc dễ hình dung ra một “dân Sài Gòn” nào đó đang tâm tình với bạn ở xa. Nhưng không, chính là một người Sài Gòn nhận email của kẻ đang sống xa Sài Gòn đến nửa vòng trái đất. Đọc thư bạn, lòng cứ rung rung. Bạn yêu nơi này quá, yêu và theo dõi từng đổi thay nhỏ nhặt của thành phố nhiều lần hơn chính những người đang sống tại đây. “Người Sài Gòn” mỗi buổi sáng muốn biết tình hình Sài Gòn chỉ cần mở máy tính, đọc “meo” bạn gửi từ khu Bolsa xa xôi trong lòng nước Mỹ. Có nhiều lý do để bạn ra đi, nhưng có thể còn nhiều lý do hơn nữa để bạn muốn quay về. KHÔNG có lý do nào là đúng hay sai, chỉ tại cuộc đời luôn bắt ta phải chọn lựa, đồng nghĩa với bắt ta phải biết hy sinh. Tôi chưa bao giờ hỏi bạn về những chọn lựa của bạn, như thế khác nào chạm đến một nỗi đau. Tôi chỉ lặng lẽ đọc email bạn gửi, hình dung ra cảnh vợ chồng bạn nằm trong ngôi nhà ẩm cúng tiện nghi trên đất Mỹ mà không ngủ được vì tiếng “mưa Sài Gòn” xối xả ngoài trời!

“... Dù công việc bận rộn thế nào, chỉ chợp nhìn thấy ánh trăng khuya trên nền trời bạc phách của xứ người là tha hồ cho mình nghĩ ngợi, nhớ đến ánh trăng quê nhà và những cảnh, những người thân quen đang sống dưới ánh trăng ấy”...

Bạn đếm từng ngày giữa khoảng cách hai lần xa xứ: “Hai năm chín tháng là một giai đoạn quá chông chênh của đời mình...”, dù bạn cũng không quên kể về những buổi sáng mù sương hay nắng thật đẹp, cảnh những rừng thu lá đỏ không thể tìm thấy ở Việt Nam, những chôn vui chơi hiện đại và những con người cực kỳ lịch sự luôn luôn nở nụ cười

thân thiện trên môi.

Rồi một buổi sáng đẹp trời, hộp thư hiện ra địa chỉ quen thuộc của bạn, nhưng lần này là sự reo vui: “Mình đã lấy vé về và đang thu xếp...”. Bạn đang thu xếp dù còn đến hơn hai tháng nữa mới đặt chân vào khoang máy bay. Có lẽ thời gian thu xếp không cần phải dài đến thế, có lẽ chuyện thu xếp chỉ là cái cớ để bạn có thể tận hưởng cảm giác tuyệt vời khi biết chắc ước mơ của mình sắp trở thành hiện thực, như trẻ con vẫn thường mang cảm giác nôn nao nhất là vào những ngày giáp Tết. Bạn thu xếp hành trang hay bạn đang thu xếp đời mình?

Bạn về, có người sẽ chép miệng: Vậy thì mỗi buổi sáng, ai sẽ nhắc cho mình nhớ Sài Gòn đang chột nắng hay mưa!

CAO KIM

(*): Ca từ của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn.

████████████████████

CÁI TRỌNG TY



Phố Sài Gòn

sơn dầu trên canvas 24 x 30 in
địnhcường

Hương Sài Gòn

đôi khi anh chợt nhớ
giữa một lòng chiều xanh mênh mông
trong đôi mắt có ngấn lệ không tròn
ướt đầm đầy thời gian
mưa mùa tháng sáu
sài gòn của em
những con đường hẻm ẩm lồi về
anh quần quanh kiếm tìm năm tháng cũ
em theo mây
lơ lửng một bước dài
xa mãi nghìn thu

sợi tơ chùng buột lũng
cửa ngõ tình chiếc đỉnh long gỗ mục
chiều Thanh Thế Văn Hoa
ly cà phê giọt dài nhưng nhớ
dấu nụ cười sau tay áo Trung Vương

Hương Dung Hà Nội cũ
bao giờ gặp lại em
anh vuốt mặt mưa dầm ga nhỏ
tiếng còi tàu bơ vợ phố chợ
tay vẫy hoài
dài lê thê đường sắt
bóng tàu trôi chở bóng mây trôi
Sài Gòn ngày tháng đó
một đời chinh chiến bi thương
của trăm nghìn hệ lụy khôn lường
em đứng hiên mưa
quần quai tiêng còi dài
chia ly hót hải
bên dòng kinh Nhiêu Lộc
ấm mục lều bều nhưng nhớ
thấu tình em bất tận
nát tim tôi

Tháng Tám 2015
Cái Trọng Ty

SÀI GÒN VUI TRONG PHÚT GIẤY THÔI (*)

Tản mạn

Huyền Chiêu

Thật lạ. Mỗi khi nhìn vào tấm ảnh của một người đã chết, dù đang được đặt trên bàn thờ hay được treo trên vách, dù đang cười hay đang nghiêm nghị, tôi vẫn thấy đôi mắt của họ nhìn tôi buồn khôn tả. Và mỗi lần bước chân trên đường phố Sài Gòn, thành phố đã qua đời từ năm 1975, tôi cũng có cảm giác như có tiếng thở dài dài đâu đó trên từng phiến đá, từng gốc cây, từng chiếc lá.

Tôi không là người Sài Gòn nhưng cũng đã được nhìn ngắm thành phố này 20 năm, cho đến ngày nằng từ nạn. Cuối tháng Tư năm ấy, nằng đã bị xe tăng húc chết tại cánh cổng sắt của dinh Độc Lập. Có cần phải cư xử còn đồ đến thế, khi Sài Gòn đã đầu hàng, không hề chống cự?

Thuở bé tôi sinh ra và lớn lên ở miền Trung. Tôi không phân biệt được Sài Gòn và những tỉnh miền Tây. Sài Gòn đối với tôi là miền đất cuối cùng của đất nước. Mỗi khi vẽ bản đồ miền Nam Việt Nam tôi vô cùng hài lòng chấm dứt công việc bằng một dấu chấm đen với hai chữ Sài Gòn.

“Sài Gòn đẹp lắm Sài Gòn ơi, Sài Gòn ơi” (Y Vân).

Sài Gòn chắc lạ lắm, nhộn nhịp lắm vì có “đèn ngọn xanh, ngọn đỏ”. Sài Gòn chắc vui lắm nên mới có “ai đang đi trên Cầu Bông, té xuống sông...”

Năm tôi 15 tuổi, sau khi đậu trung học, tôi được đi Sài Gòn lần đầu không phải bằng tàu lửa hay xe đò mà trên chiếc tàu thủy to nhất của Hải Quân VNCH mang số hiệu 500.

Nhờ có quen với hạm trưởng, gia đình đã xin cho các cô cháu gái và tôi được làm một chuyến du lịch Sài Gòn như một phần thưởng.

Sau hai ngày bồng bềnh trên biển, con tàu khổng lồ bắt đầu rẽ vào cửa sông Sài Gòn.

Đứng trên boong, tôi choáng ngợp khi ngắm nhìn dòng sông quá mênh mông bát ngát so với những dòng sông nhỏ bé ở miền Trung. Và tôi không khỏi ngạc nhiên vì dòng nước ở đây không trong trẻo mà ngẫu đục phù sa cùng từng mảng

lục bình trôi nổi dập dềnh.

Sài Gòn đẹp và tráng lệ đến bất ngờ.

Tôi đã tận mắt nhìn thấy Dinh Độc Lập, Dinh Gia Long, nhà thờ Đức Bà, được dạo chơi trong Sở Thú, chợ Bến Thành, đường Catinat.

Trở về làm cô học trò đệ nhị cấp, tôi mơ một ngày được sống và đi học tiếp ở Sài Gòn.

Cô học trò đã đến tuổi mơ mộng. Buổi tối cô mở radio, chờ nghe giọng Bắc ngập ngừng rất hay của nhà văn Nguyễn Đình Toàn trong chương trình Nhạc Chủ Đề từ đài phát thanh Sài Gòn.

Cô cũng chịu khó đọc báo Văn phát hành từ Sài Gòn để mong trở thành người “Ham đọc, hiểu học, ưa suy nghĩ”.

Rồi không biết từ lúc nào, cô nhận ra rằng thành phố Sài Gòn với dòng sông mênh mông bát ngát đã bị “xâm lăng” một cách đáng yêu bởi một tầng lớp người Bắc di cư.

Món phở Bắc chắc chắn đang cạnh tranh không khoan nhượng với món hủ tiếu. Trong những ngôi chợ lớn nhỏ đã xuất hiện màu xanh của rau kinh giới bên cạnh rổ giá sống trắng phau.

Cô cảm thấy yêu tiếng Việt hơn qua các ca khúc của Phạm Duy. Và tiếng hát của Anh Ngọc, Sĩ Phú, Thái Thanh, Lệ Thu đã làm cô không còn mặn mà với những bản vọng cổ rất mùi của Út Trà Ôn mà thuở nhỏ cô rất ưa thích...

Cô tìm đọc các nhà văn, nhà thơ Bắc di cư

Cô rất muốn biết vì sao hàng triệu người miền Bắc đã ghen ngào từ bỏ một miền quê hương yêu dấu đến thế, tươi đẹp đến thế để vào với Sài Gòn xa lạ.

“Nắng Sài Gòn anh đi mà chợt mát

Bởi vì em mặc áo lụa Hà Đông.

(Nguyễn Sa)

Câu thơ ấy sẽ ra sao nếu được viết:

“Nắng Sài Gòn anh đi mà chợt mát

Bởi vì em mặc áo lụa Nam Vang”.

Sài Gòn sau cuộc di cư năm 1954 đã được pha phách như cốc cà phê đen cho thêm chút sữa và một chút bơ Bretagne

để trở nên một hỗn hợp đậm đà hương vị.

Năm 18 tuổi, tôi vào Sài Gòn để ghi danh ở Đại Học Văn Khoa.

Và Sài Gòn dưới mắt cô sinh viên nghèo không hoa mộng như những gì cô đã từng tưởng tượng.

Cô nhận ra Sài Gòn không là Hòn Ngọc Viễn Đông.

Chẳng vinh dự gì để nhận danh hiệu ấy khi những dinh thự, nhà thờ, phố xá, nhà hàng, khách sạn sang trọng của Sài Gòn là do người Pháp xây dựng và để lại.

Và chỉ một số rất ít, rất ít người dân Sài Gòn được sống trong những dinh thự nguy nga ấy, được ngồi uống rượu ở Continental, Givral, hay có đủ tiền mua sắm ở thương xá Tax, Eden...

Người dân Sài Gòn thuở ấy vẫn rất nghèo.

Họ là những công tư chức, thầy giáo và người lao động tự do làm thợ thuyền, làm nghề buôn bán nhỏ, kiếm sống trong những ngôi chợ tồi tàn, hay trên gánh chè, gánh bún...

“Nhớ thuở nào, anh đi làm công, em gánh rong. Đôi ta cùng gặp nhau dưới cầu, bóng mát dưới cầu.” (Phạm Duy).

Đường phố Sài Gòn đông thật nhưng nhìn dòng xe đạp, xe mobillet, xe xích lô máy... chen chúc nhau, người ta vẫn cảm nhận được cái nghèo của thị dân nơi đây.

Chính quyền Sài Gòn thời ấy hầu hết là những công chức xuất thân từ một nền hành chính Pháp thuộc hoặc từ thành phần con cháu quan lại triều Nguyễn. Họ mù tịt với các chiến lược kinh tế, và lơ đãng nhìn gần như toàn bộ nền sản xuất, thương mại nằm trong tay người Tàu ở Chợ Lớn.

Và mấy ông Ba Tàu thì chưa khi nào muốn cho nền kỹ nghệ VN tiến bộ.

Từ bao năm trời, cái hũ đựng chao, cái bóng đèn hột vịt, cái tấm lịch Tam Tông Miếu vẫn thế.

Mà thay đổi làm gì khi người tiêu thụ chẳng đòi hỏi và túi tiền của họ vẫn ngày càng đầy.

Từ lưu xá Phước Hải trên đường Trần Quốc Toản xuống quận 1 đi làm thêm ở văn phòng một hãng sản xuất hóa chất, tôi đã chen chúc cùng người dân Sài Gòn trên những chuyến xe bus chật chội, những chiếc xe lam nặng nề mùi khói...

Ngọc thì không được có tì vết,

Nhưng ngay cạnh vẻ lộng lẫy của trung tâm Sài Gòn là

những con hẻm ngập bùn sau mỗi cơn mưa, là những khu nhà ổ chuột chen chúc trên những dòng kinh nước đen hôi thối, nhớp nhúa.

Sài Gòn theo tôi là một thành phố tự phát trên cái nền sẵn có của người Pháp để lại và rất thiếu vắng sự quản lý của một chính quyền chuyên nghiệp.

Nhưng dầu sao người dân Sài Gòn thuở ấy rất hạnh phúc theo cách của riêng mình.

Họ sống đời thị dân của một thành phố ô hợp một cách hồn nhiên, vui vẻ.

Trẻ con Sài Gòn đã lớn lên, gắn bó với ngõ hẻm thân quen.

Và tôi bắt đầu yêu Sài Gòn với những cơn mưa bất chợt.

Sáng Chủ Nhật tôi đã cho phép mình quên đi nỗi cô đơn trong thành phố quá đông người này, để một mình đặt bước chân ngại ngần trên lề đường Lê Lợi, tìm lấy niềm vui vô định và để thấy cuộc sống thật nhẹ nhàng mỗi khi nhìn ngắm những balcon kiểu Pháp thấp thoáng sau vòm lá me xanh ở khu Nhà Thờ Đức Bà.

Dầu sao người Sài Gòn thuở ấy hoàn toàn tự do trong suy nghĩ, trong cảm xúc.

Sau một ngày cực nhọc, họ có thể chọn lựa đi xem Thanh Nga, Bạch Tuyết ở các rạp cải lương. Họ có thể say mê nghe Hùng Cường, Mai Lệ Huyền hát Túp Lều Lý Tưởng hay vào rạp xem Audrey Hepburn trong *Vacance Romaine*. Họ có thể đọc thơ Quang Dũng, Huy Cận, Xuân Diệu, hát nhạc Đoàn Chuẩn, Văn Cao... chẳng cần biết mấy ông đó đang ở chức vụ nào bên kia chiến tuyến.

Người Sài Gòn không phải hợp hành, hô khẩu hiệu.

Người Sài Gòn có thể đứng nghiêm ngả mũ chào đám tang một người không quen nhưng không khóc tổng thống Mỹ Kennedy khi ông qua đời.

Sài Gòn không có lãnh tụ.

Hầu hết người miền Nam và người Sài Gòn coi cuộc chiến vừa qua là “Tai trời ách nước” (Nguyễn Bắc Sơn)

Đi lính, người Sài Gòn vẫn có thể nói “tôi chán cuộc chiến này” nếu họ thật sự nghĩ thế...

Và ký ức về Sài Gòn vì vậy vẫn còn là những nỗi nhớ ngọt ngào.

Huyền Chiêu
Tháng 9-2015

(*) Mượn ý thơ Nguyễn Đình Toàn.

██████████

ĐÌNH CƯỜNG
Nhớ Xóm Lách và Sài Gòn
hồi nhỏ khi ở Thủ Dầu Một về

Ở Sài Gòn, hồi nhỏ. nghĩ lại tôi nhớ gì anh biết không
đêm khuya vắng người. ra vòi nước phong-tên tắm
mấy ngọn điện đường khuya thu hút rất nhiều con gián
bay quanh và rơi lộp độp đầy đường. bò ngổn ngang...

luôn ở trần trụi trụi và mặc chiếc quần xà-lỏn đen
cũng có khi chạy patin lướt tới lướt lui trên con đường vắng
đường trước Xóm Lách lúc ấy mang tên Charles de Gaulle
một vị tướng rất hách của Pháp. những chiếc phong-tên [1]

cũng là của Pháp làm. nên nước lúc nào cũng chảy mạnh
mấy bà đem thau áo quần ra giặt, thanh niên ra gánh nước
một hai giờ sáng quanh chiếc phong-tên nghe ca cải lương
vui.
đó Sài Gòn ngày nhỏ của tôi. ở Xóm Lách với mùi sinh đen
láy

sau này Thanh Tâm Tuyền có viết *Đêm Xóm Lách Mịt Mùng*.
và có nhiều văn nghệ sĩ trẻ di cư từ Hà Nội vào đến ở. tôi
còn

nhớ Châu Tri một thời viết truyện ngắn. sau này nhập ngũ
lên Pleiku
có mấy cô gái Hà Nội da trắng hồng học trường Trung
Vương
mùa nước lụt phải xắn ống quần cao mà lội, dắt chiếc xe đạp
theo

ở đó nhà tôi. có căn gác gỗ. thời trung học hay họp nhau học
toán
hay học luyện thi tú tài, có mấy cô bạn ở Gia Long học kế.
nay nơi
chân trời góc biển nào. có nhớ những chiều mưa nhìn qua
cửa sổ nhỏ.
hơn nửa thế kỷ rồi. nhớ Sài Gòn là nhớ cái xóm nghèo thân
thiết ấy...

và cả chiếc xe hủ tiếu mì, cà phê bít-tát đổ ra đĩa uống của
Chú Ba
nằm ngay ngã ba trên con đường dốc vào xóm với ngọn đèn
manchon
sáng chói. khuya và sáng tinh mơ là hai niềm vui của người
Xóm Lách
Xóm Lách của tôi ngày nhỏ. khi gia đình dọn từ Thủ Dầu
Một về...

Virginia, Sept 5, 2015
Đình Cường

[1] Fontaine: vòi nước bằng đồng thời 1950 do người Pháp làm
đặt ở những đầu xóm lao động cho công chúng lấy nước.

Trần Thị Nguyệt Mai

Sài Gòn thương nhớ không nguôi



Nguồn: Internet

Mỗi khi có ai hỏi tôi là người miền gì? Thì cả trăm lần như một, tôi không chút ngại ngần mà trả lời rằng: “Em là người Sài Gòn”. Mà thật vậy, tôi được sinh ra, lớn lên, học hành và hít thở không khí của Sài Gòn. (Hầu như tôi chưa bao giờ sống ở vùng nào khác trong một khoảng thời gian dài hơn ba tháng khi chưa rời xa Việt Nam). Được hưởng toàn vẹn 20 năm hạnh phúc trong một miền đất nước dù đang có nội chiến nhưng các quyền tự do tối thiểu của người dân vẫn được tôn trọng. Được bồi đắp trong một nền giáo dục nhân bản “tiên học lễ, hậu học văn”... Thì như vậy, tại sao tôi lại quay lưng với vùng đất đã cưu mang, yêu thương tôi?

Phải xác định là tôi không chối bỏ gốc Bắc của mình, dù tôi chưa một lần đến thăm, và do vậy, chẳng có tí ti kỷ niệm nào ở đó. Đơn giản, chỉ vì Ba Má tôi đều là người Bắc. Nhưng cả hai đều đã xuôi Nam từ rất lâu. Ba mất sớm, nên tôi không rõ ngọn nguồn. Mãi đến sau này, khi gặp lại chú V., người em kế của Ba, thì tôi mới được biết: Năm 15 tuổi,

do Bà Nội tôi mất sớm, Ông Nội lo cho các con không xuể, nên gởi Ba vào Sài Gòn phụ giúp cho một người bạn của Ông đang mở nhà in và cũng để cho Ba có việc làm. Còn Má tôi thì theo Ông Bà Ngoại và gia đình tránh bom của Pháp, từ Bắc qua Trung vùng Nghệ An, Hà Tĩnh rồi xuôi Nam tới tận Mỹ Tho, Cần Thơ. Nước da của Má trắng, thêm sống mũi cao, nên giữa sông nước bao la của miền Nam, nét đẹp Hà Thành nổi bật, đến nỗi một Bà Hội Đồng giàu có, ruộng lúa cò bay thẳng cánh, muốn cưới Má cho con trai của Bà. Lúc đó, Má còn nhỏ lại sợ làm dâu, nên xin Ông Bà Ngoại đừng nhận lời. Rồi chiến tranh cũng đã về làng xóm trong Nam, dân chúng phải tản cư. Sau cùng, Ông Bà Ngoại quyết định đưa gia đình lên Sài Gòn, vì người em gái của Ông theo chồng đã sống và có nhà cửa ở nơi này... Tại đây, Ba đã gặp Má và nên duyên. Có phải đó là do Nguyệt Lão se sợi xích thằng đưa hai người từ cùng một miền quê hương trôi dạt tới tìm đến với nhau?

Như tất cả những người xa quê hương miền Bắc vào sống trong Nam lúc đó, tâm hồn Ba luôn hướng tới một Hà Nội dẫu yêu, ở đó có những người thân ruột thịt cùng bè bạn tuổi ấu thơ:

*Hà Nội ơi, nào biết ra sao bây giờ
Ai đứng trông ai ven hồ khua nước trong như ngày xưa?
(Anh Bằng - Nỗi lòng người đi)*

Những khi chiều xuống, lúc rồi rảnh, đôi khi tôi thấy Ba ôm đàn guitare và hát Giấc mơ hồi hương của Vũ Thành như nghẹn ngào:

*Lìa xa thành đô yêu dấu, một sớm khi heo may về
Lòng khách tha hương vương sầu thương
Nhìn "em" mờ trong mây khói, bước đượm men cay đắng
biệt ly...*

Ba vẫn hẹn một ngày đất nước thống nhất, sẽ đưa tôi ra Hà Nội thăm quê hương, đi dạo khắp 36 phố phường và hai cha con sẽ cùng ăn kem Bờ Hồ. Lúc đó, trong ý nghĩ ngây thơ non nớt của một đứa nhỏ tám tuổi, tôi đoán rằng kem Bờ Hồ chắc là ngon và tuyệt vời lắm, hơn hẳn kem bán tại Sài

Gòn? Nhưng bây giờ tôi biết chắc chắn là không phải. Chẳng qua vị kem đó là dư âm của những ngày hạnh phúc khi Ba còn bên Ông Bà Nội và anh em ở cố hương, gia đình chưa ly tán. Nếu Ba còn sống và đưa tôi về cố xứ, Người cũng sẽ kêu lên một tiếng hỡi ôi, còn đâu là khung cảnh của một “đêm mơ Hà Nội đáng kiêu thơm” trong thơ Quang Dũng, thời trai thanh nữ tú của trước năm 1954. Vì trong hồi ký “Tù binh và hòa bình”, nhà văn Phan Nhật Nam đã ghi lại chuyến viếng thăm Hà Nội vào tháng 3 năm 1973:

Chuyến đi Hà Nội như ánh sáng chói lòa rơi thật rõ vào hệ thống ấn tượng dậy nên từ thơ ấu kéo dài theo đời người.

...

Thành phố đông người sao thấy quá vắng, phải chăng vì người mặc đồng phục nhiều quá, màu xanh ô-liu lẫn át hẳn màu trắng xám và xanh nhạt.

...

Tôi đi giữa lòng Hà Nội mưa bay không thấy phố phường, không thấy người, chỉ thấy thê thiết nào nề dón lên hơi thở... Hà Nội thiêng liêng bí nhiệm vẫn còn nguyên hè xưa phố cũ nhưng đã tan vỡ đến đáy sững sờ... Phải chăng đây là Hà Nội? Câu hỏi vang vọng tội độ đón đau... [1]

Nghe nói hiện giờ ở đó còn có “bún măng, cháo chửi”, thậm chí một số hàng quán ăn nhờ việc “chửi, măng” mà trở thành thương hiệu hút khách [2]. Đó có phải là một biểu hiện không đẹp của thành phố nổi tiếng “ngàn năm văn vật” thuở xa xưa?

Tôi đã có những kỷ niệm gì với Sài Gòn?

Những ngày đi chơi ở bến Bạch Đằng, ăn kem Brodard, uống nước mía Viễn Đông với Ba; hay những đêm đi xem cải lương với Má, khuya về ngủ gục trên xe xích lô mà vẫn cứ thích đi? Những ngày đến trường học hành bên Thầy Cô, bạn bè thật vui? Hay những ngày thật buồn, đổ vỡ khi lịch sử đã lật sang trang? Tất cả đã trở thành một kỷ niệm khó phai...

Nhìn tấm ảnh lầy trên mạng, tôi như thấy cả một trời Sài Gòn xưa: cây xanh, bóng mát, những người Sài Gòn chơn chất, lịch sự. Đây là cô bé con sung sướng theo Cha Mẹ đi

trên những con đường Lê Lợi, Nguyễn Huệ, ghé vào những hàng quán mua sắm, ăn uống thỏa thuê, ... Đây là cô học trò ngồi trên băng ghế trong sân trường chụm đầu cùng bạn, đọc những trang sách báo Tuổi Hoa, Tuổi Ngọc; hoặc nắm tay nhau đi dạo trong những giờ ra chơi dưới hàng phượng đỏ rực cùng tiếng ve râm ran mỗi dịp hè về... Đây là cô thiếu nữ tuổi mới lớn, nhìn đời bằng cặp mắt màu hồng đẹp đẽ, áo dài lụa tươi sáng, bước chân không chút e dè trên đường phố Sài Gòn những ngày cuối tuần; khác hẳn với hình ảnh một cô thiếu nữ Hà Nội của năm 1973 mà nhà văn Phan Nhật Nam đã ghi lại:

Nhưng ở tại cây số bốn trên đường đến Hà Nội, người thiếu nữ của miền Bắc, biểu tượng của ba đảm đang, ba sẵn sàng, có dáng dấp, y phục của những nữ cán bộ vùng Bình Định, Quảng Ngãi ở giai đoạn trước 1954... Dáng dấp thanh lịch đài các của thiếu nữ Hà Nội bị mất hẳn, bị xóa sạch để cảm chiếc tông-đơ đè xuống đầu em nhỏ ngồi trên chiếc ghế gỗ cũ, cũ bằng hoặc hơn thời gian chủ nghĩa xã hội thành hình ở miền Bắc. [1]

Các Thầy Cô ở Sài Gòn, cũng như tất cả các Thầy Cô ở miền Nam, đều rất tận tụy, thương học trò như con em của chính mình. Tôi sẽ không bao giờ quên Thầy Lê Hà Quảng Lan đã nói riêng với từng học sinh mà Thầy biết gia đình côi cút hoặc khó khăn đến nhà Thầy học luyện thi môn Toán Tú tài phần I và không thu tiền học phí (dĩ nhiên, sau này gặp lại bạn bè, nghe kể lại tôi mới biết). Thầy rất tận tâm, không dạy tủ, mà trang bị cho học trò tất cả kiến thức cần thiết trong chương trình học để có thể làm được bài thi cuối năm. Nên đã dịch những bài Toán rất thú vị dành cho lớp luyện thi BAC [3] của Pháp cho chúng tôi làm.

Sài Gòn có sách báo, văn thơ, dịch phẩm đủ mọi thể loại, đủ mọi chánh kiến, những tác phẩm văn học nghệ thuật thật sự vì các tác giả được tự do sáng tác không bị bắt buộc phải mặc bộ đồng phục ca ngợi một cá nhân, một chủ nghĩa hoặc một tập thể nào. Tuy đang trong thời chiến tranh, nhưng Sài Gòn đã bắt kịp văn học thế giới. Những tác phẩm nổi tiếng được dịch và bán đầy trong các tiệm sách như *Khung Cửa Hẹp* (André Gide), *Hoàng Tử Bé* (Antoine de Saint-

Exupéry), *Chuông Gọi Hồn Ai*, *Ngư Ông và Biển Cả* (Hemingway), *Buồn Oi*, *Chào Mi* (Françoise Sagan), *Kẻ xa lạ* (Albert Camus), *Thơ Rabindranath Tagore*, v.v...

Thêm vào đó, còn phải kể đến những sinh hoạt văn học nghệ thuật thường xuyên của Sài Gòn như các phòng triển lãm tranh, những chương trình phát thanh, truyền hình về ca vũ nhạc kịch, các đại nhạc hội... làm cho đời sống người Sài Gòn thêm thăng hoa về tri thức.

Ngoài ra, Sài Gòn còn có những vụ biểu tình, xuống đường của các phong trào Phật Giáo, học sinh, sinh viên, ... và có những tờ báo đối lập nhưng vẫn được phép xuất bản như *Đứng Dậy*, *Đối Diện*... cho thấy dưới chính thể VNCH, người dân có được quyền tự do hội họp, tự do ngôn luận, tự do báo chí.

Và Sài Gòn cũng là nơi lý tưởng để hò hẹn của các cặp tình nhân với những mái hiên trú mưa mà nhà thơ Trần Hoài Thư đã ghi lại:

Saigon buổi chiều trời hay nổi giông
Nên những hiên nhà là những hiên tình hò hẹn
Saigon có những con bồ câu cúc cù trên hàng dây điện
Nên Saigon vẫn là nơi hò hẹn của hai kẻ yêu nhau
(Trần Hoài Thư - Saigon trong trí nhớ)

Sài Gòn của tôi đó, đẹp đẽ và yên bình như vậy đó. Có ai nhớ chăng những người chiến sĩ ngày đêm ngoài mặt trận dầm dãi gió sương, đem mồ hôi và xương máu của mình để giữ cho hậu phương Sài Gòn êm ấm?

Hỡi người chiến sĩ năm xưa, bây giờ Anh ở đâu? Xin Anh hãy nhận nơi đây lời tri ân nồng nhiệt nhất của người Sài Gòn. Tuy em biết rằng ngàn vạn lời tri ân đối với Anh cũng vẫn chưa đủ.

*

* *

Nhưng Sài Gòn đã chết tức tưởi nghẹn ngào vào cuối tháng 4 năm ấy:

Nam Kỳ Khởi Nghĩa tiêu CÔNG LÝ
Đồng Khởi lên rồi mất TỰ DO

Người Sài Gòn (chính gốc) đã bắt đầu thấy thảm họa. Đã bắt đầu hiểu tại sao hơn cả triệu người miền Bắc đã bỏ quê hương di cư vào Nam trong năm 1954.

Bởi vì ngay sau đó, thời Tần Thủy Hoàng đã lại diễn ra ở Sài Gòn và trên khắp miền Nam: sách vở bị đốt và một số văn nghệ sĩ bị bắt.

Trong ngôi nhà cũ ở đường Ngô Tùng Châu, chúng tôi có một thư phòng nhỏ. Trên kệ sách bọc theo tường, ngoài đủ loại linh kinh, có hơn ngàn cuốn sách bìa cứng tương tự như cuốn thơ Quách Thoại. Đêm 3 tháng Tư 1976, khi công an cộng sản phá cổng vào nhà, đây là nơi bị xáo xáo kỹ nhất. Toàn bộ tủ sách cùng tranh ảnh gia đình bị gom lên xe. Một xe, hai xe, ba xe. Va-li thư tình từ thời còn học Đồng Khánh lâu nay nằm yên trên gác tối cũng bị lôi xuống. Tất cả lên xe, không sót một mảnh giấy. Từ nửa đêm tới giữa trưa hôm sau, cuộc lục xét mới ngưng. Đó là lúc Cánh cửa bật khỏi cổng / Nhà bật khỏi người / Trang giấy bật khỏi mặt bàn / Chữ nghĩa bật khỏi sách. Đoàn xe chở “nọc độc văn hoá” quần trên vườn cỏ ra trước. Hai vợ chồng mang công lên chiếc xe cuối cùng. Sau đó từ trong tù, nghe tin ngôi nhà đổi chủ, không biết lũ con thơ dắt dúi nhau đi đâu.

(Nhã Ca - Thơ Có Hồn Thiêng Và Cuốn Sách Có Mắt)

Năm học đầu tiên khi trở lại trường đại học là các cuộc học tập thảo luận về tội ác Mỹ Ngụy [sic], chánh sách thực dân mới của Mỹ và con đường tiến thẳng lên Xã Hội Chủ Nghĩa (hay *Xếp Hàng Cả Ngày? Xuống Hố Cả Nút?*), con đường “Kách Mệnh” của Hồ Chủ Tịch, đảng Cộng Sản Việt Nam bách chiến bách thắng, chủ nghĩa duy vật biện chứng và tư tưởng Marx-Lénin... Cuối ngày phải họp tổ để kiểm điểm và tự kiểm điểm, phê và tự phê, thật mệt và chán chưa từng thấy. Ngoài những đứa bạn đã thân từ trước, bây giờ chúng tôi rất sợ không dám kết thân với ai, vì sợ hiềm họa mà người xưa hay nói: “Chẳng phải đầu lại phải tai”. Còn đâu những ngày cũ êm đềm... Trường học là nơi để nâng cao kiến thức chứ có bao giờ không khí lại nặng nề như vậy. Khi xưa, chúng tôi trao đổi chia sẻ thoải mái

chuyện học cũng như tâm tình mà không sợ gì cả. Nhưng những ngày này ai cũng e dè, nghi kỵ lẫn nhau. Sinh viên không được học một chút gì về chuyên ngành của mình, vì nhà trường mới quan niệm Hồng hơn Chuyên. Nên sẽ không lấy làm lạ, những người nắm giữ những chức vụ quan trọng trong trường chỉ có thâm niên trong Đảng CS nhưng không có trình độ chuyên môn giỏi, học vẫn cao.

Chúng ta hãy nghe nhà văn Nhật Tiến, cũng là giáo sư Vật lý và Hóa học tại các trường trung học Sài Gòn, kể lại:

Nhưng trải gần 4 năm trầy trật dưới một mái nhà trường XHCN, tôi phát giác ra rằng ở đây người ta không những không trang bị điều gì tốt đẹp thêm cho nhận thức của nhà giáo, mà tệ hơn, lại còn không cho phép các thầy các cô được làm trọn vẹn vai trò của một nhà giáo đúng nghĩa. Bởi vì, một nhà giáo đúng nghĩa thì không đối trá với học trò ngay trên bục giảng hay ngay trong bài giảng của mình. Nhà giáo đúng nghĩa cũng không thể tiếp tay với nhà trường để xô đẩy học sinh vào những vùng trời mê muội như lôi kéo, dụ dỗ, nhồi nhét vào đầu óc non nớt của chúng những thứ không nhằm phục vụ cho tương lai của chúng cũng như tương lai của đất nước mà chỉ nhằm phục vụ cho những ý đồ đen tối của guồng máy đang cai trị.
(Nhật Tiến - Nhà giáo một thời nhếch nhác)

Những chiến dịch đổi tiền, đánh tư sản mại bản, chính sách “ngăn sông cấm chợ” ... đã làm người Sài Gòn kiệt quệ. Trước đây, chưa bao giờ dân Sài Gòn bị đói. Vậy mà, vào thời gian cùng khổ đó, chúng tôi phải ăn độn khoai, mì, bo bo... Những thứ ê hề ngày xưa thì bây giờ được phân phối đến dờ khóc, dờ cười như đường, sữa, kem đánh răng... Thời gạo châu củi quế. Nên dân Sài Gòn đã đem ra chợ trời tất cả những thứ trong nhà có thể bán được để có tiền mua gạo. Và đó cũng là thời “miền Nam nhận họ, miền Bắc nhận hàng”... Những toa xe lửa từ Nam trở ra Bắc thì chất đầy hành lý, hàng hóa, quà cáp; trong lúc gia sản của từng gia đình ở miền Nam ngày càng kiệt quệ, đồ đạc như có cánh bay...

Thê thảm hơn, là một cuộc trả thù độc ác, ném đá giấu tay.

Hàng trăm ngàn quân cán chính VNCH bị đưa vào các trại tập trung cải tạo, nói là để học tập tư tưởng tiến bộ theo chủ nghĩa xã hội rồi trở về sinh sống hài hòa trong xã hội mới. Sĩ quan cấp úy được dẫn đem theo 10 ngày tiền ăn, và 1 tháng cho cấp tá trở lên. [4] Thực tế như thế nào, đến nay mọi người cũng đã hiểu. Biết bao sĩ quan VNCH đã chết trong các trại tù, hoặc thân mang bệnh tật suốt đời, gia đình họ bị buộc đi kinh tế mới, con em họ bị đánh rớt đại học...

Sài Gòn đã bị mất tên, lại còn bị “bên thắng cuộc” gán ghép cho tất cả những gì được gọi là xấu xa nhất. Theo nhà thơ Đỗ Trung Quân:

Còn nhớ những năm của thập niên 80, giáo sư Nguyễn Khắc Viện viết một bài danh thép trên báo Sài Gòn Giải Phóng “Sen hay bùn” về danh xưng khi nào thì gọi là thành phố Hồ Chí Minh, khi nào thì gọi là Sài Gòn? Và ông khẳng định cái tốt thì gọi tp HCM, cái tệ nạn, cái xấu, cái “tồn đọng” thì gọi là Sài Gòn. [5]

Sao quá tội nghiệp cho em, người thiếu nữ Sài Gòn!

*

* *

Hôm nay những kỷ niệm về Sài Gòn lại quay quắt trở về trong tôi.

Ước gì tôi được trở về ngày tháng cũ, thăm lại những địa danh xưa: Đa Kao, Tân Định, Phú Nhuận, Thị Nghè, Hàng Xanh, ... đi trên những con đường lá me bay rợp đầy bóng mát như Duy Tân, Nguyễn Du, ngang qua nhà thờ Đức Bà để nghe tiếng chuông vang buổi sáng ngày chủ nhật, thăm lại Bưu Điện, đến đường Lê Lợi ghé vào tiệm sách Khai Trí, rồi qua Tự Do ngồi ở quán Givral mà tưởng tượng như mình đang được ở Paris... Nhưng em không còn nữa, em đã mất tên rồi. Và những con đường ở đó cũng mang những cái tên lạ hoắc, đọc lên chẳng biết là ai. Thành phố có quá nhiều thay đổi. Không còn là nơi chốn địa đàng ngày xưa cũ của bạn, của tôi. Nhưng ít ra, chúng ta đã có Sài Gòn vàng son một thời, tuy ngắn ngủi. Tôi lại nghĩ đến một câu văn mà tôi rất tâm đắc của nhà văn Nguyễn Thị Thanh Sâm:

Chúng ta bị mất tất cả, nhưng chúng ta còn có cái để mà mất mát. Còn những lớp người sau chúng ta, họ sẽ không có gì cả để mà ảo vọng. Và họ vẫn bị mất mát như thường, có lẽ họ sẽ mất ngay chính con người của họ, đó mới chính là điều khủng khiếp. [6]

Trần Thị Nguyệt Mai

9.9.2015

[1] Phan Nhật Nam - Tù binh và hòa bình

[2] Nguồn: <http://www.nguoiduatin.vn/bun-mang-chao-chui-tuyen-chien-lai-ha-noi-a195133.html>

[3] BAC: chữ viết tắt của *le baccalauréat* (kỳ thi tú tài)

[4] Nguồn: http://www.rfa.org/vietnamese/in_depth/re-education-or-hard-labor-sentences-04272015215003.html

[5] Nguồn:

http://poem.tkaaoke.com/16622/Ta_Loi_Truong_Son.html

[6] Nguyễn Thị Thanh Sâm - Cõi Đá Vàng - An Tiêm xuất bản lần thứ nhất tại Sài Gòn tháng 9.1971; Thư Ấn Quán tái bản năm 2012 tại Hoa Kỳ.

Sài Gòn Tôi, Những Ngày Còn Mang Tên

Cam Li Nguyễn Thị Mỹ Thanh

1

Cuối tháng Ba, những cơn gió nóng tràn về thành phố. Một hai trận mưa lác loài đến sớm rồi thôi. Không khí ngột ngạt. Mùi đất nồng khó chịu.

Như một cô gái ủ oải trong cơn bệnh, thành phố trông mệt mỏi, rạc rời.

Đoan đi vào Câu lạc bộ của trường. Bình thường, cứ đến thứ Sáu là không khí chuẩn bị cho chiều văn nghệ thứ Bảy lại nhộn nhịp. Nhưng hôm nay, như có một cái gì kéo mọi thứ chùng xuống.

Chị Thuận, người phụ trách Câu lạc bộ, mỉm cười khi thấy Đoan, nhưng là một nụ cười kém tươi. Chị vẫn câu chào hỏi thường lệ:

“Em uống gì không?”

“Dạ, chị cho em nước chanh.”

Chị Thuận pha ly nước chanh đặc biệt, nóng, ít đường, mang đến để trước mặt Đoan, và kéo ghế ngồi xuống bên Đoan. Hình như không có gì để bắt chuyện, chị Thuận nhìn ra sân, nói nhỏ:

“Trời nóng há em!”

“Dạ, nóng khác thường chị ạ!”

“... Ngày mai em hát bản gì?”

Đoan hơi lạ lùng trước câu hỏi quen thuộc của chị Thuận. Hàng tuần, vào chiều thứ Bảy, Đoan vẫn hát một bản nhạc trên sân khấu nhỏ thân ái này. Nhưng sao bây giờ nghe lạ. Hát gì ư? Đoan chớp mắt, chưa biết trả lời sao...

Hai người nam sinh viên bước vào. Chị Thuận đứng dậy. Đó là hai anh quân được, sinh viên năm cuối. Mọi người

chào nhau. Bỗng dưng cái màu đồng phục ka-ki vàng của họ làm Đoan nghe bồi hồi và liên tưởng. Ngày hôm qua mới nhận được thư của Lưu. Lưu vẫn ở quê nhà Hàm Tân, làm người lính giải ngũ sớm. Một cái chân đã gửi lại trong đất sau ngày ký Hiệp định Paris 1973. Chưa có dịp gặp lại Lưu, Đoan chỉ còn biết viết thư để khích lệ tinh thần người bạn cũ.

Đoan gửi tiền nước cho chị Thuận. Chị dặn với một câu trước khi Đoan rời Câu lạc bộ:

“Đoan nhắn Phước Hương, kỳ này nhớ hát, lâu nay trốn đầu mất.”

Câu nói làm Đoan thấy vui. Đoan “dạ” và chào hai anh quân được, đi về labo.

Muốn tìm Phước Hương không khó, chỉ vào phòng thực tập Sinh Hóa là gặp ngay. Đoan biết như thế vì nhóm của Phước Hương hôm nay làm “T.P. Sinh Hóa”. Đoan hơi mỉm cười vì sự quan tâm đặc biệt của mình đối với Phước Hương. Nhưng không phải là bây giờ, mà từ ngày Đoan làm “lính mới tò te” bước chân vào trường. Đạo đó Phước Hương học năm thứ Hai. Ngày đầu Đoan vào Câu lạc bộ chỉ để nghe nhạc, biết Phước Hương như một ca sĩ của trường. Cái tên như tên con gái làm Đoan để ý xem người này có gì đặc biệt. Một thư sinh nho nhã đúng nghĩa, nhưng có giọng hát mạnh, trầm và buồn. Đặc biệt, Phước Hương chỉ hát một loại nhạc: nhạc tình của Đặng Công Nam, người nhạc sĩ thời danh được ưa thích nhất của giới sinh viên. Và như một sự kết nghĩa, một gắn bó của duyên văn nghệ, Đoan và Phước Hương thường đi hát chung với nhau. Mà họ cũng rất lạ, hơi ngược đời: Đoan đàn guitar, Phước Hương hát.

Chỉ là “duyen văn nghệ”, Đoan mỉm cười.

... Và đã thấy Phước Hương ở trước cửa phòng Sinh Hóa.

“Chào Đoan.”

“Chào anh Phước Hương.”

Họ vẫn khách sáo với nhau như thế.

“Chị Thuận nhắc anh chọn bài cho đêm văn nghệ hàng tuần.”

“Vậy à?”

“Chị nói anh không hát mấy tuần rồi.”

“Tôi không khỏe Doan à. Nhưng đã đỡ hơn rồi. Ngày mai tôi sẽ hát.”

“Anh chọn bài gì?”

“Nhạc tình số 5 của Đặng Công Nam.”

“Dạ.”

“Doan vẫn đàn guitar và hát bè cho tôi chứ?”

“Vâng, như cũ, anh Phước Hương.”

Có người bạn gọi, Phước Hương cáo lỗi Doan và vào phòng. Doan tiếp tục đi, còn nửa tiếng nữa mới đến giờ mình vào làm trong labo Ký Sinh Trùng. Doan muốn dạo một chút trong sân trường. Giờ này không đông lắm, chỉ có một số sinh viên vội vã đi vào Giảng Đường Một. Các khu thực tập đều đóng kín. Những con người cần mẫn nhốt mình trong đó. Doan cũng thế, ngày ngày đến trường cũng nhốt mình trong các labo hay các giảng đường, học hành siêng năng. Có một điều hơi khác một chút, là Doan cùng một nhóm bạn làm việc tự nguyện, thường họp nhau để bàn về những chuyện đi công tác xã hội. Họ không ồn ào, không có danh xưng, nhưng trong lặng lẽ đã làm được khá nhiều việc.

Một chiếc xe hơi chạy vào trường. Trên xe có Mỹ. Mỹ ra dấu chào Doan. Doan chào lại. Từ ngày đám cưới, Mỹ không còn chạy xe gắn máy nữa, mà đi làm bằng xe hơi, do chồng lái. Ở trường này, việc thầy cô hoặc một vài sinh viên đi xe hơi là bình thường. Đó cũng không phải là lý do khiến những người bạn xa lạ với nhau. Nhưng với Mỹ, Mỹ đã tỏ ra xa lạ trong những ngày gần đây. Thái độ của Mỹ hơi thiếu tự nhiên. Trừ những giờ phải thực tập chung với Doan và Xuân, Mỹ không hăng hái gặp gỡ các bạn. Doan lấy làm tiếc, vì Mỹ với Doan rất hợp ý trên nhiều mặt. Xuân thì hơi hợm hơn, mặc dù có tiếng là người mau nước mắt. Trong cái “bộ ba” Bắc Trung Nam này, Doan và Mỹ thường tâm sự với nhau hơn là với Xuân. Có những buổi ngồi ở hàng ghế sau cùng trong giảng đường vắng, Doan lắng người khi nghe những câu chuyện Mỹ kể về những người cô người chú bí ẩn của Mỹ. Doan chỉ biết lắng nghe và không có ý kiến. Nó vượt khỏi sự tưởng tượng của Doan. Ở lứa tuổi này, Doan cảm thấy mình chưa qua khỏi biên giới của tuổi thơ, dù có cái vỏ sinh viên đạo mạo, và làm những công tác

xã hội với cái tâm của mình. Đoan có gặp những vết thương chiến tranh trên những người thương binh về từ chiến trận xa. Đoan có đến với những bà con chạy loạn. Đoan có đến thăm những tù binh được trao trả sau hiệp định Paris 1973. Đoan có chăm sóc, tặng quà những em bé mồ côi sống trong những cô nhi viện. Nhưng Đoan không biết gì đến những lý luận, những chủ nghĩa... Đoan hoàn toàn không biết. Nhưng Mỹ biết. Những cô, chú của Mỹ dạy cho Mỹ nhiều điều.

Mỹ mới lập gia đình hồi đầu năm nay. Chồng Mỹ là con của một ông chủ lớn, có hãng xưởng ở quận Tư. Mỹ không còn đi công tác xã hội chung với Đoan. Có khi, Đoan bán khoán, khi đặt hai hình ảnh của Mỹ cạnh nhau - một khi nói về cô chú của mình, và một khi làm một bà chủ trẻ sang trọng. Đoan không hiểu được.

Mỹ đang đi về phía Đoan, sau khi chào tạm biệt chồng.

Chiếc xe chạy trở ngược ra cổng.

Đoan mỉm cười với Mỹ, nói:

“Mình vào labo đi, sắp tới giờ rồi!”

“Ừ.”

Thầy Tính đã có mặt trước. Đây là một người thầy tận tụy. Lúc nào Thầy cũng đến sớm hơn mọi người. Sau giờ các sinh viên thực tập, Thầy là người ở lại cuối cùng, sau cả các nhân viên. Thầy nhướn mắt sau đôi kính cận dày cộp, nói ngay khi thấy Mỹ và Đoan:

“Chào hai chị. Vào sửa soạn “monter lame” đi!”

“Dạ.”

Hai đứa cùng làm “chức” monitrice, phụ trong phòng thực tập Ký Sinh Trùng của Thầy Tính. Thầy chọn hai bạn này cũng do sự khéo tay và cần mẫn của họ. “Monter lame” là đặt sẵn những tiêu bản – tức là những mẫu vật - lên kính hiển vi, điều chỉnh kính cho thấy rõ để sinh viên đến xem trong giờ học. Tiêu bản trong phòng này là những mẫu ký sinh trùng sốt rét, các mô động vật, các tế bào máu, các mẫu giun sán, muỗi mòng... Ngoài ra hai bạn còn có thêm một nhiệm vụ là vẽ hình cho Thầy Tính làm các poster dạy học. Nhìn tấm gương của Thầy, hai bạn cũng muốn mình trở thành những người thầy tận tụy.

Phước Hương ngân dài chữ cuối của bài hát. Đoàn đi thêm một đoạn nhạc ngắn. Tình khúc chấm dứt. Các khán giả sinh viên vỗ tay khen ngợi. Không khí ấm cúng quen thuộc của Câu lạc bộ trở lại thân mật sau một buổi chiều nóng bức.

Đoàn cùng Phước Hương bước xuống sân khấu - là một sân gỗ lớn, bên trên trang trí thanh nhã. Họ đến ngồi chung bàn với các bạn quen. Đoàn cất cây đàn guitar vào bao. Cây đàn cũ, nhưng tiếng rất tốt. Nó đi theo Đoàn vào trường này, và “lưu diễn” ở một số trường bạn. Chưa hết, còn “lang thang” đến quân y viện nữa. Nghĩ đến đó, tự nhiên Đoàn ôm chặt cây đàn vào lòng. Một cảm giác lạ lùng chợt đến.

Xuân, đến lượt mình, bước lên sân khấu. Giọng hát thoải mái, trong trẻo, Xuân diễn tả trọn vẹn một bản nhạc tiền chiến. Rồi tiếp nối, một số giọng hát của sinh viên các trường bạn cũng góp phần. Và như thế, những bản tình ca làm nên một buổi văn nghệ dễ thương.

Ngôi trường này, hay chính xác hơn là cái Câu lạc bộ này, đã là nơi hẹn của những người yêu văn nghệ trong giới sinh viên. Đôi khi, nơi đây có những buổi nhạc chủ đề. Đặng Công Nam, người nhạc sĩ được mến mộ, thỉnh thoảng cũng đến. Đoàn nhớ có lần ông trình bày nhạc của ông, với một cây guitar, và ông tự diễn tả nỗi lòng. Ông hát cho quê hương. Ông hát về thân phận con người trong chiến tranh. Bao nhiêu giọt nước mắt rơi theo tiếng hát của ông. Nhiều chị sinh viên thổn thức đến xin ông chữ ký. Chị của Đoàn, bên trường Văn Khoa sang dự, xin ông ký tên lên mảnh khăn tay vải đầm ướt nước mắt của chị. Ông ký. Và cái khăn đó chị giữ làm kỷ niệm, không bao giờ chị giặt. Đoàn thì không. Đoàn ngồi ở đằng xa, nhìn về phía ông. Mặc dù Đoàn vẫn thường chọn nhạc của ông để hát cùng Phước Hương, Đoàn vẫn tự cho mình làm người xa lạ. Như vậy tốt hơn. Một phần nào đó, ông cũng là thần tượng ca nhạc của Đoàn.

Đoàn ra khỏi Câu lạc bộ. Đêm, trời đứng gió. Bỗng nhiên một luồng khí nóng ngọt ngào ủa đến. Có cái gì trong mắt

Đoan cay xé. Thời tiết lạ quá! Chắc mình sắp bệnh?

3

Khánh Dương, ngày 22 tháng 3

Đoan thân mến,

Anh đang ở Khánh Dương. Nghĩ rằng muốn viết cho Đoan. Pháo đội rất bên phía rừng, nghe gần lắm Đoan ạ! Đơn vị của anh đã được lệnh “di tản chiến thuật”. Không biết cô bé có nghe từ ngữ này bao giờ chưa nhỉ? Chỉ đêm nay hay ngày mai là tụi anh sẽ lên đường.

Anh nghĩ anh đang về gần Sài Gòn hơn. Anh đang về gần cô bé.

Ngày 23 tháng 3

Đơn vị bạn cho biết có chiến xa của địch. Các đơn vị tiền sát bắt đầu chạm địch với những trận cận chiến. Cận chiến đó cô bé! Nghe sợ quá phải không? Đoan đừng lo lắng nhé! Anh chỉ đang muốn nghĩ về cô bé thôi. Cái sống và cái chết gần nhau quá!

Ngày 28 tháng 3

Anh đang trên Quốc lộ 21. Một đoàn xe tiếp tế bị phục kích đánh tan.

Ngày 29 tháng 3

Phía địch đông lắm, gấp 10 lần. Mình không được bổ sung, không được tiếp tế, không chiến xa, không pháo binh hạng nặng yểm trợ.

... Có chuyến bay tiếp tế trở về Sài Gòn, anh gửi thư đây!..

Một lá thư như những lời tường thuật ngắn quăng như thế, cũng đủ cho Đoan hình dung được tình hình cấp bách nơi Thắng ở. Đầu tháng Tư, thư đến. Còn bây giờ Thắng ra sao, Đoan không biết được. Tự nhiên lòng bồn chồn. Một chút nhưng nhớ mệnh mang trong trí. Đoan gấp lá thư lại, bồi hồi nhìn sách vở, rồi cũng gấp lại luôn. Khánh Dương, địa danh nghe hay nhưng lạ. Đoan nhìn lên tấm bản đồ lớn treo trên tường. Nó đây rồi!..

Vẫn là hành lang trước dãy phòng thực tập Đoàn hay ra đứng khi rảnh rỗi. Từ đây có thể nhìn thấy Cầu lạc bộ, nơi có vẻ đông đúc nhất của trường - đông đúc không ở số lượng, mà ở cảnh người ra kẻ vào, cười cười nói nói. Từ đây mọi người có thể phóng tia mắt nhìn thấy vườn được thảo với muôn sắc hoa. Cũng từ đây, tầm mắt vượt khỏi cổng rào, thấy được cảnh đường sá bên ngoài.

Chiều đã xuống. Bên kia đường là Đại học Văn Khoa. Những dãy lớp khang trang đứng lặng lẽ. Đoàn yêu màu nắng chiều trong khung cảnh bình yên này. Con đường Cường Để nhiều cây to bóng mát, rất sinh động vào buổi sáng, buổi trưa, nhưng đến chiều sẽ dịu dàng trong màu nắng. Xe cộ cũng thưa dần.

Lác đác vài sinh viên quân được chạy xe ra khỏi trường. Màu áo ka-ki vàng lại khiến Đoàn liên tưởng. Hôm qua nhận được thư của Lưu. Lưu cho biết trong tháng Tư Lưu sẽ tìm dịp về thăm lại Sài Gòn. Lưu sẽ vào thăm quân y viện, nơi con đường rợp bóng cây còng, cũng là nơi Lưu đã gặp Đoàn. Đường cây còng, vâng, Sài Gòn có những con đường “hay hay” như thế. Người ta nói nhiều đến những con đường lá me, những con đường hoa phượng. Nhưng Đoàn, và các bạn Đoàn, thân thiết với những con đường cây còng. Loại cây cao như cây me, cây phượng, có tán rộng hình cây dù, quả dài như trái điệp, hoa màu hồng hay tím nhạt. Đoàn còn gọi đó là “cây mưa”. Thật thế, sau những cơn mưa đường cây còng trông thật quyến rũ. Những chiếc lá đọng nước mưa như trĩu xuống. Hoa khép nép buồn buồn.

Khi ý tưởng dần đi xa, Đoàn tưởng tượng ra hình ảnh Thắng ở một nơi Đoàn chưa từng đến, Khánh Dương. Sau những lần “được” làm thương binh, nằm trong bệnh viện nơi đường cây còng, Thắng lại ra mặt trận. Cái nóng ngột ngạt của chiều Sài Gòn khiến Đoàn tưởng tượng cái nóng của Khánh Dương, thật khác. Là cái nóng của lửa đạn, của chiến trường sôi sục.

Đôi mắt bỗng nghe cay. Đoan xoay người lại, tựa lưng vào lan can. Và thấy Phước Hương đang đi đến.

Vẫn với gương mặt có vẻ ơ thờ với những thứ xung quanh, Phước Hương lên tiếng trước:

“Chào Đoan.”

“Chào anh Phước Hương.” Đoan vẫn thích gọi cái tên hai chữ như vậy.

Và chưa thấy Phước Hương nói gì thêm, Đoan hỏi tiếp:

“Anh có giờ thực tập ạ?” – như tự nghĩ rằng Phước Hương tình cờ gặp mình trên đường đi.

“Không.” Phước Hương lắc đầu.

“Dạ.”

Đoan hơi buồn cười chính mình.

“Tôi tìm Đoan.”

Đoan ngạc nhiên, chợt nhớ ra hôm nay là thứ Sáu. Ngày mai sẽ là ngày có văn nghệ ở Câu lạc bộ như lệ thường.

Bỗng dưng Đoan có một cảm giác là lạ, như là uể oải.

Không hiểu sao sự hăng hái say mê âm nhạc lúc này biến đâu mất. Nghĩ đến mình lại lên sân khấu nhỏ, đàn hát, cùng

với Phước Hương. Rồi thì Phước Hương sẽ vẫn chọn hát những bản nhạc tình mơ mộng, lãng đãng. Mà Phước Hương thì chỉ có thể, vì giọng hát của anh chỉ hợp với kiểu cách ấy thôi. Không kèm giữ được, Đoan thờ dãi. Đoan muốn nói một điều gì đó với Phước Hương. Đoan tìm lời.

Nhưng Phước Hương đã nói trước:

“Tôi tìm Đoan để chào tạm biệt.”

Đoan giật mình, hỏi:

“Anh đi đâu ạ?”

Phước Hương mỉm cười thật nhẹ:

“Tôi đi đăng lính Đoan ạ.”

Đoan tưởng mình nghe lầm. Đoan nhìn chăm chăm người con trai trước mặt. Một người “nho nhã”, nói theo kiểu xưa, mà thật thế, có lẽ chỉ phù hợp với không khí trong giảng đường, làm những công việc nhẹ nhàng trong phòng thí nghiệm, và cất tiếng hát trầm buồn trên sân khấu sinh viên. Phước Hương đăng lính. Đoan định thần. Một lời hỏi han thắc mắc trong lúc này chắc là không phù hợp.

Phước Hương cười nhẹ, vẫn là nụ cười nhẹ nhàng cố hữu,

nói:

“Chắc không cần giải thích gì hử Đoan? Ai cũng hiểu.”

“Dạ.”

“Tôi hy vọng có ngày trở lại trường này, học tiếp. Có thể trở thành đàn em của Đoan đấy!”

“Dạ.”

“Nhưng tôi không quên sân khấu nhỏ của mình, ở Câu lạc bộ. Tôi sẽ rất nhớ những chiều thứ Bảy được cùng Đoan hát trên sân khấu đó. Tôi sẽ không quên nhiệm vụ lúc nào cũng mang một cái ghế lên sân khấu cho Đoan ngồi đàn.”

Bỗng nhiên Đoan hỏi như gấp gáp:

“Thế ngày mai, anh Phước Hương cũng sẽ hát chứ?”

“Không, sáng sớm mai tôi đi. Không có dịp hát cho chiều thứ Bảy. Đoan sẽ nói lời tạm biệt các bạn văn nghệ giùm tôi nhé!”

Nắng tắt. Đường sá ngoài kia bớt hẳn xe cộ. Trong này, vườn được thảo bắt đầu khoác chiếc áo bằng lá cây màu xanh thẫm. Đôi bạn từ giã nhau. Đoan nghe một nỗi gì như mất mát đang ùa đến.

Cam Li Nguyễn Thị Mỹ Thanh

Nhập nhòa bóng đổ

Lê Sa

Mỗi con sông mỗi dòng suối dù có bạo dữ đến đâu, êm đềm hiền thực đến đâu, từ mạch nguồn ẩn khuất, từ non cao núi thẳm rồi cũng tìm về với chung cùng biển cả xanh xa.

Đời người cũng vậy. Đi đâu, lạc nẻo về đâu rồi cũng quy cùng cát bụi. Sông có đời sống, người có đời người, cứ thế mà trôi đi trôi đi mãi miết, êm đềm giữa bản tình ca khá định, cùng nỗi đau không bờ. Tôi quờ quạng, tôi mù mị, lập lểnh trôi lạc vào những đêm trăng rằm mờ nơi chòi vắng, cùng tiếng cú rúc lên giữa khuya khoắc như khúc kinh buồn. Tôi sợ phải nghe ai đó nói về định mệnh nhắc về định mệnh như một trốn chạy, một an ủi nhằm quy lỗi đổ thừa cho nhau bằng thứ ngôn ngữ mị lảo,... Nhưng khốn nạn! một hôm vào giữa trưa tôi chứng kiến được định mệnh, tôi đuổi kịp nó, tôi sờ vuốt vào nó mà tin rằng... Định mệnh là có thật. Cộng với lòng nguyên rửa đầy chua chát – Tôi gặp anh.

Vàng trán rộng hằn sâu từng vết cày hoang ải.

Tôi có thói quen là thích nhìn vào bờ râu của một ai đó dù lạ hay quen. Râu của một người huyền hoặc tôi vô cùng, giải giúp tôi suy ra được một phận người. Râu cằm anh Tận tua tủa, rối nhàu như một bờ cỏ lau giữa mùa nắng hạn, vừa chai lì vừa khăng khải. Chỉ có điều, đôi bàn tay mười ngón của anh đối lập đến lạ lùng. Nhìn vào những ngón tay thon gầy mảnh khảnh ấy tôi nhớ về bàn tay hiền thực của một nữ phận. Năm mươi năm trước tôi đã từng ôm bàn tay ấy vào lòng và cúi hôn lên rã rượi rồi nhàu để được nói với em: “Này K.Đ em... với bàn tay em, khiến tôi phải mắc nợ trần, bởi em vẫn còn hiện hữu, mãi mãi ru tôi thiếp ngủ một đời, không để gió cuốn đi”.

Mặt trời đã quá ngọ. Công viên càng tĩnh vắng hơn, không một chút gió thừa thả lạc. Anh Tận nằm co mình trên nệm ghế, chân gác lên càng xe. Thanh càng chiếc cyclo của anh lôm đôm những hạt rỉ sét ăn mòn.

Dường như anh Tận đang thiu thiu cổ nín chút giấc trưa, cách anh khoảng ngắn. Dưới cội si già. Hai anh em bé con nhà ai mà bỏ liều lồng thế này?!... Bé gái lằm chằm cúi nhặt những chiếc lá si vàng xếp thành từng xấp dưới chân anh nó bày trò bán buôn. Thằng anh vẫn ngồi yên đó, đầu cúi sụp xuống hai gối. Con bé cứ lằm chằm từ tàn si này rồi lần dần chui qua đám tơ màn liễu rủ kia.

Đang nằm lơ mơ. Anh Tận chợt nghe tiếng la chói lói: - Ông râu ... ông râu... em con chết hồ. Bằng tất cả hấp lực, thằng bé giật mạnh ống quần anh. Anh Tận ráo tỉnh chụp tay thằng bé.

- Cái gì, cái gì?

- Em chết. Em con chết... em con chết hồ... mất rồi ông râu ông râu. Anh Tận lao sải ra hồ. Đôi mắt xoáy tròn lửa hực quét khắp mặt hồ, vẫn không thấy bé gái đâu. Anh nhón nhác anh lú lú. Cầm anh bệnh ra. Hai bờ râu trên má anh dựng đứng dữ tợn. Chợt nhìn thấy đôi dép của cháu bé nổi đập dềnh sát mí kè với những hạt bong bóng sủi tăm. Anh bứt nhủi xuống vùng sủi tăm ấy.

Nặng mỗi lúc rất hơn tưởng đâu giờ tận thế, nhưng đôi tay đen rắn của anh Tận cứ run lên chầm chậm. Nước rùng rùng chảy từ mái tóc biêng hốt, trông anh như một kiếm khách trong phim võ hiệp kỳ tình.

Cháu bé nấc cụt. Miệng méu máo gọi mẹ... mẹ.... nhẹ nhàng anh Tận đặt cháu xuống nệm cyclo anh. Ngẫu hứng anh dong thẳng hai tay lên trời xung chân đá tạt vào gốc si già. Những chiếc lá si bị bứt bay lá chả như trúng phải luồng gió nghiệt.

Phía cổng chính công viên. Không biết tin dẫn từ đâu... Kẻ chen bộ, kẻ net pô, những cái miệng hốc cười thô bỉ, những ngón tay chỉ trỏ hàm hồ, họ kéo vào công viên mong chứng thị một chuyện “hiếm”. Trông bọn họ như một lũ điên thời hiện đại. Lẫn trong lũ chúng một thiếu phụ xiêu xiển, tóc tai đã dượi. Hai tay chấp chới đưa về phía trước vẫy gọi:

- Con ơi !... mẹ đây mẹ đây... con ơi....

Nhìn thể dáng của thiếu phụ càng đầy tiếng cười của

bọn họ phần khích hơn.

Vâng. Tôi đã từng gặp những hình ảnh dị hợm phần cảm như thế từ một quán café cóc trước nhà tôi mỗi khi có đám tang chậm rãi qua. Họ là những kẻ đủ loại thành phần trong xã hội này. Họ cười họ vỗ tay, tiếng cười hót hồng thâu tục của họ khi nhạc tang trên xe rãi lên khúc buồn từ trombest. Ôi! Tiếng cười nghe bần tạp đến vô chừng. Làm sao bọn họ hiểu kịp cái nhú mày đầy khinh bỉ của bà bán café giành cho họ. Ngày mới học lớp ba lớp nhì ở trường Nam tỉnh, mỗi lần có đám tang qua lũ nhóc chúng tôi đang vui đùa bắt bi bắn đáo ở sân trường. Không ai nhắc ai... tất cả chúng tôi đều đứng dậy in phất tiễn người ra đi.

Người thiếu phụ hồi hã ôm chầm cháu bé đang gói đầu trên vai anh Tân. Anh Tân trợn mắt nhìn bà:

- Bà là ai.
- Sư cha thằng điếm.
- Ai là thằng điếm.
- Thằng điếm xấu xa
- Tôi hỏi bà. Bà... kêu ai là thằng điếm.
- Thằng điếm đại gia.

Bà ta lẩm bẩm nghe mông tang như gợn khói nóng từ mặt hồ khỏa lên:

- Tổ cha nó. Nó nói nó là cháu mấy đời của ông thi sĩ Hiệu thi sư Hạc nào đó bên Tàu. Nó bảo nó cũng “làm nghề” thi sĩ... hôm nay là ngày chết của ông tổ ông tông nó, nó buồn cần uống cần dzui một chút... nó mờ nó mẫm, nó nặn, nó vọt lung tung. Nó biểu ta nằm chờ, nó đi đái rồi bốc hơi – không hiểu nó chui vào lỗ nào, trong khi mặt trời đã gắt bóng... Hai con tao nằm chờ đói ở công viên... Trời ơi! Thằng chó giết con tao. Nếu không có anh... anh râu ...đây.

- Thôi yên tâm. Đùng râu rĩ. Có gì đâu. Quá trưa không thấy mẹ dzề, con bé ôm bụng. Thằng anh cúi gục, ngũ lập lững trên hai đầu gối dưới bóng si. Nguyên hộp giò gà vẫn còn nổi lập trên mặt hồ mà bà đại gia đã ném phứt xuống khi sáng vì bức thằng con bà không chịu ăn giậm chân la hét: - Giò gà giò gà, sáng nào cũng ăn mãi

răng. Thế là con bé lằm chằm tìm cách bề càn liều bên mặt hồ mong khều cho bằng được hộp giò gà ấy mà thành có sự. Thôi yên tâm, lên cyclotuichở ba mẹ con dzề... không lấy tiền.

Gọi là nhà hay chòi cũng được dựa bên doãi đất bờ sông Lu. Chiều xuống, chậm trên mặt sông khan nước. Tôi dõi mắt nhìn cánh cò đơn lẻ đứng một chân bên bờ vững đục. Tôi hỏi cô gái quê đang mót rau càn cua. Cô ta mau mắn vui tính:

- Dạ phải. Nhà vợ chồng bác Tận đó. Sáng nào bác cũng vát chài đi tìm cá, hết cá thì móc lươn chiều tối mới về. Hai con ở học ở trường làng kia kìa. Ông Hiệu Trưởng đuổi lên đuổi xuống do không đủ giấy tờ gì đó, giò chắc cũng theo mẹ bán vé số với mẹ rau mòng toi ở góc chợ Làng... đang nghỉ hè mà. Coi dzậy mà tầm tạt không đói đâu. Bác có phải là cán bộ huyện xuống đuổi vợ chồng bác Tận, không cho vợ chồng bác Tận trồng mấy hàng mòng toi kia kìa phải hôn?

- Không! Không đâu Tôi là bạn... Bác Tận mà.

- Dậy Na. Tưởng đâu bác cùng phe với trường thôn... hôm trước ông trưởng thôn dẫn du kích ra nhổ hết mấy hàng rau mòng toi của vợ chồng bác Tận ném tủa lửa xuống sông. Vợ bác Tận khóc thì cứ khóc, lạy thì cứ lạy. Bác Tận mũi lòng trước hình ảnh của vợ quá thể, rất quá thể, không cầm được... bác xé phanh ngực áo uốn tay toan thui ông trưởng thôn ... nhưng kịp dừng. Bác Tận lặng lẽ quay đi. Cô bé mót rau càn cua nói nhỏ nhỏ đủ tôi nghe: - Ngăn dòng gì trời... ngăn nước nào trời. Ông trưởng thôn cứ nói là vợ chồng bác Tận trồng rau mòng toi là ngăn dòng chảy... phản động, rập tâm phá hoại kinh tế - Hạn hán sông khô vợ chồng bác ấy trồng. Mùa nước về không trồng... có gì đâu hở bác.

Nghe chuyện anh Tận tôi rất lòng quá! Dòng nào bị ngăn đây...?! – Lịch sử, quá khứ, vị lai đã bị băm nát ra từng mảnh. Đạo đức cũng bị vò vụn, tanh tưởi lâu rồi còn

gì. Tôi có thằng bạn...

Vâng. Có thể thằng bạn tôi có lý. Trước đây tôi và nó chung trường chung lớp. Hiện nó là cán bộ lãnh đạo ra bề ra thể. Tình cờ đôi lần nó đái tôi năm ba lon ken. Cái đầu nó cứ gật gật khuyến khích tôi:

- Ngu. Mày thằng ngu bốn mùa. Muốn được xe con, nhà lầu hai mê ba mê như tao đây chả khó đáo gì. Trước bàn tròn bàn vuông, ai tuyên gì huân gì mày cứ gật đầu lia lịa, vỗ tay bôm bốp lia lịa là thỏa re... Tao cũng đã từng áp dụng với mẹ vợ tao chiến pháp thế đấy. Nếu cần. Tao áp dụng luôn chức pháp của ông Việt vương Câu Tiễn thời chiến quốc nữa kìa. - Ừ, mẹ vợ tao... giữa khuya lơ khuya lắc mủ về. Nách mủ nứt mùi nước hoa, miệng mủ khai lét bọt rượu thì tao cứ vỗ tay cứ gật gật cái đầu... là ổn phải không



Giờ này chắc phố cũng đã lát đất lên đèn. Tôi viết ít chữ nhét lên vách lá vợ chồng anh Tận: - “Anh Tận. Khi khác tôi về. Ở cùng anh lâu hơn. Tôi anh làm một châu lửa ra lửa, khói ra khói. Tôi anh cùng mò lươn tìm rắn. Nhất là rắn hổ lục phay món ruột miền sông nước quê anh đã một thời xa ngái. Thôi vậy ghen anh. Định mệnh là có thật mà./.

LƯU TRỌNG TƯỜNG

Con chim lẻ loi.

Con chim lẻ loi
Cất cánh bay đi.

Đôi chim non bay về
Đậu trên cành
Ngắm chồi lá xanh.
Cất tiếng hót.
Gió lặng buồn
Ngỡ ngàng, đôi chim nhìn quanh
Rồi cũng cất cánh bay đi.

Con chim già nua
Bay xa mỗi cánh
Tìm về cành xưa.
Lá đổi màu
Cây lở vò
Cất tiếng hót,
Cổ khan lạc giọng.
Cộng lòng
Theo chiếc lá rơi.
Con chim cất tiếng khóc!

Chiều không về
Gió không thổi
Tình không bay
Tiếng khóc của con chim
Rơi
Vào chiều thu lặng lẽ...

29-8-15

NGUYỄN THANH CHÂU

cho những cơn mưa ở quê nhà

ngồi quán. một đêm mưa

tắt trời. mưa lũ hồn khuya
quán thừa thớt cạn ly bia. ngồi đồng
biệt người ràn rụa mắt trông
tường xa xăm những nụ hồng xé môi
tuyệt âm xưa. giọt buồn tôi
đổ dài đèn phố đã rồi cơn say...

đụt mưa bên hiên nhà cũ

lá tay che mặt trời mù
tôi . co ro đứng bóng gù hiên mưa
giọt dầm dẫm. bật hơi xưa
quỳnh hoa muộn nở người chưa thấy về
thở tàn thuốc lạnh môi tê
tình ơi chưa dứt cơn mê. chẳng đành...

mưa. chiều ở đồng tháp

mưa. trời cho lúa thêm xanh
nhưng. buồn xưa vẫn bạo hành lòng tôi
bởi lâu con sếu bay rồi
đò ngang đã khảm chuyển đời vị vong
tôi về vớt lá trôi sông
chờ nhau bạc mấy thu đông. tóc người...

TRANG LUÂN

đêm

“Sao em thấy khu này ghê quá hờ anh!”

Người đàn ông luống tuổi, đang đứng bên cửa kính, quay lại điềm đạm:

“Em nói không sai! Đây là khu chung cư mà vấn đề an ninh không mấy gì gọi là sáng sủa, khả quan cho lắm! Khu chung cư mà hầu hết người Á châu đều tránh xa, chứ chẳng riêng gì người Việt Nam. Ngoại trừ chỉ có anh mà thôi.

Nhìn ngang, nhìn ngửa chỉ thấy toàn là Mỹ đen và người Mẽ. Chẳng xót đêm nào mà không có xe cảnh sát chạy tuần tiễu ở quanh đây! Cách đây ba hôm, cảnh sát mới hốt ở đây năm, sáu mạng có liên quan đến vấn đề đi điếm và ma túy. Ban đêm, nhất là cuối tuần, em sẽ thấy nhạc rập trối lên đỉnh tai, nhức óc, cùng tiếng vỗ chai ném loảng xoảng ngoài parking. Đôi khi cao hứng, còn lôi cả súng ra bắn chỉ thiên nữa là đằng khác.”

“Biết vậy! Sao anh không dọn đi nơi khác!”

“Đi đâu cũng chẳng bằng ở chỗ này! Vừa rẻ mà lại vừa thoải mái. Đặc biệt nhất, là chẳng khi nào nghe chủ đề cập đến vấn đề tăng tiền nhà! Vả lại, anh cũng chẳng thấy có điều gì đáng tiếc xảy ra! Thú thật, hôm mới dọn đến, anh cũng cảm thấy hơi ớn ớn. Nhưng ở riết rồi cũng thấy quen dần. Anh thì lúc nào cũng chủ trương *dĩ hòa vi quý*. Mình đừng có đụng chạm hoặc xích mích với người ta thì được rồi! Lúc nào anh cũng tỏ ra mềm mỏng. Lúc nào anh cũng cư xử nhã nhặn đối với tất cả mọi người ở chung quanh. Chưa bao giờ anh làm phật ý với bất cứ một người nào khác! Cho dù người đó có khó tính đến cách mấy đi chăng nữa! Luôn luôn anh cân trọng trong từng lời nói. Ý tứ

trong mọi cử chỉ, và lúc nào cũng điềm nụ cười rạng rỡ, cời mở ở trên môi. Anh cho đấy là phương pháp hữu hiệu nhất, là liều thuốc bổ, là bài học thuộc lòng mà anh cần phải ôn đi, ôn lại nhiều lần, đồng thời đem ra áp dụng thường xuyên trong cuộc sống.”

“Từ khi nghe tin anh dọn về đây, mấy ông bạn đều trợn mắt kêu lên: Ông điên rồi hay sao! Thậm chí có ông còn nói: Ông đúng là uống thuốc liều. Có ngày rồi cũng toi mạng đấy ông ạ! Ấy thế mà tám năm trôi qua rồi đấy! Đâu có chuyện gì xảy ra đâu! Anh vẫn bình chân như vại, mà ngược lại, hầu hết mọi người ở quanh đây, đều tỏ ra có cảm tình đặc biệt đối với anh. Thế mới lạ chứ.”

Người đàn bà phá lên tiếng cười dòn:

“Anh thì lúc nào cũng giống như kẻ chán đời.”

Người đàn ông không nói, đứng lặng thinh, đôi mắt nhìn ra bên ngoài. Tiếng gió đập nhẹ ngoài cửa kính. Tiếng rú hót hoảng của chiếc xe vừa chạy vụt qua, kéo theo chuỗi âm thanh rền rã, dài dằng dặc, rồi tuần tự nhỏ dần và lịm tắt ở mãi tận cuối đường.

Dưới ánh sáng mát dịu của ngọn đèn nê ông, người đàn bà ngồi thu mình trên chiếc ghế đệm khổ dài, thô kệch, cũ kỹ đặt ở giữa phòng. Phía trong, sát chân tường, là chiếc TV kích cỡ, lỗi thời, đã ngả màu, hoen ố theo thời gian. Đối diện với bà ta, là chiếc bàn gỗ thấp hình chữ nhật, và trên đó, lè loi có chai rượu chất màu đỏ thẫm cùng hai chiếc ly đặt sẵn ở gần đấy. Người đàn bà đứng tuổi, có mái tóc phủ dài cùng khuôn mặt khả ái, sần muện. Bà ta sửa lại thế ngồi cho ngay ngắn rồi nhỏ nhẹ:

“Em thật không ngờ anh ạ! Cảm giác đầu tiên đến với em là một sự bàng hoàng thì đúng hơn. Làm sao mà không bàng hoàng, sững sốt hờ anh! Trước đây, mọi người ở trong xóm cứ đinh ninh rằng: Gia đình anh gồm anh chị cùng hai cháu, đều có tin ở dưới Rạch Giá nhấc lên, cho hay là mất tích. Nói như thế, có nghĩa là không có người nào sống sót, và tất cả đều bị cuốn trôi trên chiếc ghe định mệnh ấy rồi. Người ta đồn, chuyến anh đi bị bão lớn và cả chiếc ghe bị nhận chìm xuống đáy biển. Thậm chí, ngay đến người bà con xa của anh cũng quả quyết với em là như vậy. Rồi, dùng một cái, thỉnh linh lại gặp anh ở bên đây, thì thử hỏi: Làm sao mà em không khỏi giật mình, sững sốt hờ anh! Vừa thoáng trông thấy anh, tự nhiên em có cảm tưởng, như người em bị

điện giựt anh ạ! Lúc đó, hầu như em chẳng còn quan tâm, để ý gì đến ngoại cảnh ở xung quanh! Em chỉ biết chú tâm, dán mắt, đắm đắm vào từng cử chỉ của người đàn ông đương ngồi làm lì ở hướng trước mặt. Người đàn ông ấy, tuy em không nói ra! Nhưng anh cũng thừa biết, là ai rồi! Phải không anh!

“Lúc này, tôi thấy bà giống y hệt như người bị thôi miên. Ngơ ngĩnh nhất là cái khuôn mặt! Trông nó có vẻ buồn cười lắm cơ! Nó ngu ngơ làm sao ấy! Buồn cười không thể tả được! Nghĩ đến bà, tự nhiên tôi lại liên tưởng đến thân cây mục, đứng ủ rũ, khẳng khiu, thẫm lạng trên đoạn đường vắng vẻ, quanh quẽ tại thành phố xa xôi miền Bắc, mà tôi đã có dịp sống ở đây cách đây vào khoảng chín, mười năm về trước.”

Đó là lời của chị bạn cùng đi chung, nói với em như thế. Có phải là vì quá đột ngột, quá bất ngờ chẳng! Chính vì thế, mà em cảm thấy choáng váng và xây xẩm cả đầu óc. Em không hiểu tại sao, đột nhiên, em lại nhớ tới câu chuyện xảy ra cách đây cả hàng mấy chục năm về trước. Câu chuyện xảy ra ở ngay tại cái xóm nghèo nàn của chúng mình, chứ chẳng phải ở nơi xa lạ nào khác! Nếu em nhớ không lầm, thì năm đó chính là năm 1971 thì phải! Năm mà cường độ chiến tranh bắt đầu gia tăng khốc liệt trên toàn thể lãnh thổ ở miền Nam. Thế anh còn nhớ bà Khoa không! Bà Khoa ở cuối xóm đấy. Bà Khoa chỉ có hai người con duy nhất, gồm 1 trai và 1 gái. Bà Khoa là mẫu người cần cù, làm lụng, tảo tần để nuôi con. Ngày nào cũng giống như ngày nấy. Ngày nào bà cũng dậy sớm. Ngày nào người ta cũng thấy bà bước ra khỏi nhà vào lúc trời chưa sáng hẳn, rồi trở về khi màn đêm chập chùng buông xuống. Đều đặn, cứ như thế, và chẳng bao giờ thay đổi! Nghe đâu, ngày nào bà ta cũng vào Chợ Lớn, để lấy hàng đem xuống Cà Mau, rồi từ ở dưới đó, bà lại bốc hàng, chở ngược về Sài Gòn. Cô con gái có gương mặt giống mẹ, tháo vát, nhanh nhẹn, hiện đang làm công nhân cho hãng dệt lâu đời, nằm trên tuyến đường từ Bà Quẹo chạy đi Hóc Môn. Hãng dệt ấy, tự nhiên em quên khuấy cái tên của nó đi mất! Thế mới biết, trí nhớ của em bây giờ, nó không còn bén nhạy như cái thuở còn thanh xuân nữa! Tuổi đời càng ngày càng chồng chất, thì tất nhiên, con người ta cũng dần dà phải thay đổi. Phải hao mòn, yếu đi, rồi tuần tự tàn phai theo thời gian. Đây là

chuyện đương nhiên rồi! Phải không anh!

“Còn cậu con trai, thì em không biết phải dùng từ ngữ nào cho hợp lý và chính xác hơn! Em thiết nghĩ chỉ có chữ *đoảng* là xúc tích, là sát nghĩa hơn hết. Từ trước tới giờ, em chưa từng thấy ai lại *đoảng* như cậu con trai yêu quý của bà Khoa! Tính nết thì lại ngang ngược, khác hẳn với bản tính nhu mì, hiền hậu của người mẹ! Trong khi bà Khoa cùng cô em gái quần quật, đầu tắt mặt tối bao nhiêu, thì ngược lại, cậu ta lại tỏ ra lười biếng, hư đốn bấy nhiêu! Cậu là biểu tượng cho mẫu người chỉ biết ngồi mát ăn bát vàng. Mẫu người thích phá làng, phá xóm. Thích rượu chè, say sưa, lê lét từ quán này sang đến quán khác! Thích lêu lổng, đàng đúm với bạn bè. Sau mấy tháng gần đây, bà Khoa thường tỏ ra thái độ lo âu, phiền toái về trường hợp xui xẻo của người con trai phong đăng nay. Bao nhiêu năm trốn tránh không sao! Bỗng nhiên, vào đêm tối trời khuya khoắt! Đêm mà bà Khoa thường than vắn, than dài, đó là đêm đen tối nhất đối với gia đình bà kể từ trước tới nay. Đứa con trai thành linh bị lâm nạn! Bị nhân viên công lực chặn lại xét hỏi! Bị chất vấn gay gắt và cuối cùng thì bị bắt. Có nhiều người ở trong xóm thường tỏ ra thái độ bình phẩm, chê trách về trường hợp kể trên: Đi như thế thì làm sao mà không bị bắt! Ai bảo lại đi đứng ngay vào giờ cao điểm! Vào giữa lúc Lực Lượng Cảnh Sát đang ra sức, tiến hành cuộc hành quân tảo thanh, truy quét những phần tử bất hảo đang lẩn trốn quanh quẩn trong thành phố. Cứ theo như lời của bà Khoa, thì nguyên nhân chính, cũng chỉ vì, cậu này không còn để tâm tới lời khuyên của bà như trước đây!

”Khổ nỗi, tôi đã nói với nó rất nhiều lần rồi! Đi đêm rồi cũng sẽ có ngày gặp ma. Nhưng nào nó có nghe tôi đâu! Trước kia, nó còn nghe lọt vào tai, nên suốt ngày cứ quanh quẩn ở trong xóm, thì chẳng có chuyện gì xảy ra cả! Kể từ ngày nó quen với mấy ông làm việc ở trên quận, nó thường đưng ly, đưng đũa với người ta, nên nó ý y, rồi từ đó cứ tưởng rằng, nó có thể nhờ vả và trông cậy vào người ta được! Nhưng nó đâu có ngờ! Ở đời mà! Chưa chắc gì họ đã thật lòng với mình! Trong khi rượu vào, lời ra, thì họ nói với mình trôi chảy, ngon ngọt như thế đấy! Nhưng đến khi đưng chuyện, thì mới biết rõ, thực, hư là thế nào! Bây giờ thì đưng chuyện rồi đấy! Bị bắt, ngồi ở trong đó, nó mới sáng mắt ra, mới vỡ lẽ, mới thấy rõ được, à ra, hai chữ

bằng hữu là như thế! Chúng ta không có thể đánh giá trên bề mặt bằng phẳng ở bên ngoài, mà còn phải nhìn kỹ cả về bề trái, lẫn chiều sâu ở bên trong nữa! Bình thường thì ngày nào mà họ chẳng nhờn nhờ ở trước mặt mình! Tới lúc cần đến, thì chẳng biết tìm họ ở nơi đâu! Tất cả đều bảo nhau trốn tránh, đều lánh mặt, và chẳng có ma nào chịu đứng ra giúp đỡ cho mình cả!”

Nghe nói, cuộc hành quân hôm đó, hoàn toàn được giữ kín, nên số người bị bắt được mô tả là khá đông. Phần lớn, là những thành phần không có giấy tờ hợp lệ về hoãn dịch! Chính vì thế, chỉ trong vòng hai mươi bốn tiếng đồng hồ sau, tất cả đều được chở thẳng lên TTHL Quang Trung. Thụ huấn khóa huấn luyện cấp tốc về quân sự, dành riêng cho tân binh, mới tập tễnh bước chân vào quân đội. Mãn khóa, cũng chỉ vì gia đình quá nghèo! Vì quá nghèo, nên không có khả năng! Không có chỗ dựa, thuốc thang để chữa chạy, nên cậu này đành phải khăn gói quả mướp, lặn lội ra đến tận Vùng I Chiến Thuật, để bổ sung cho đơn vị tác chiến. Nói tới vùng I, thì người ta lại liên tưởng ngay đến hai chữ hỏa tuyến. Chốn địa đầu của giới tuyến. Vùng đất nghiệt ngã, khói lửa của những trận đánh lầy lùm, dữ dội, khốc liệt. Vùng mà ai nấy mới thoát nghe, cũng đều phải lắc đầu, lè lưỡi và nhả mặt. Năm 1971, cậu cùng đơn vị tham dự cuộc hành quân vượt biên, với sự phối hợp chặt chẽ của vài đơn vị lừng danh khác. Cuộc hành quân được đánh bóng bằng các từ ngữ hết sức là cao đẹp. Cuộc hành quân ấy, em nghe mang máng, hình như, có tên là Lam Sơn 719 thì phải! Có nhiều người nhận định, cho rằng: Đây là cuộc hành quân táo bạo, qui mô, nhằm mục đích tìm và tiêu diệt địch, đồng thời phá hủy các cơ sở hậu cần của bộ đội Bắc Việt tại vùng rừng núi Nam Lào. Đạo ấy, hầu như chỗ nào cũng đều thấy người ta bàn tán, xôn xao về cuộc hành quân tệ hại này. Cuộc hành quân đã dẫn tới hậu quả hết sức là tai hại và bi đát, về nhân mạng, cũng như là về vũ khí của quân đội miền Nam lúc bấy giờ. Cậu con trai của bà Khoa được ghi nhận là mất tích, qua một người bạn cùng đơn vị, về đến tận nhà để báo tin. Cứ theo như anh này kể lại, thì đơn vị anh bị tràn ngập vào giữa lúc trời vừa mới nhá nhem tối. Anh không biết đích xác, người con trai của bà Khoa, hiện nay vẫn còn sống hoặc đã vĩnh viễn ra đi. Điều ấy, anh hoàn toàn không biết! Nhưng! Nếu giả sử, hần may mắn

còn sống sót, thì cho dù sớm hay muộn, hẳn ta cũng sẽ bị bắt, rồi trở thành tù binh cho phía bên kia! Anh nói, trận địa lúc bấy giờ, đâu có còn nghe thấy bất cứ thứ tiếng động nào khác! Ngoại trừ, chỉ có tiếng súng nổ! Tiếng đạn réo, cùng tiếng la xung phong của địch quân rộ lên, vang dậy cả bốn phía. Anh mô tả, lực lượng địch, hơn hẳn về phía bên ta rất nhiều. Nói như thế, không có nghĩa là chỉ đề cập đến khả năng về mặt quân số, mà ngay đến cả về vũ khí, họ cũng còn trội hơn ta nữa là đằng khác! Địch tấn công ồ ạt như vũ bão. Như thế nước vỡ bờ. Hết đợt này lại tiếp nối đến đợt khác! Và! Cứ thế! Cứ thế! Xông lên, cuộn cuộn như thác lũ, thì làm sao mà chúng tôi có thể chống đỡ nổi! Dù sao đi chăng nữa, thì sức người cũng chỉ có hạn! Sự chịu đựng của con người ta cũng chỉ có đến thế mà thôi! Hơn nữa, tình trạng đạn dược lại trở nên thiếu thốn trầm trọng. Quân số thì cứ dần dần bị hao mòn, voi đi. Chính vì thế, mà phòng tuyến bị chọc thủng, bị tràn ngập và đành phải thúc thủ. Thế là không có ai bảo ai! Mạnh ai, người nấy chạy! Chạy bán sống, bán chết!”

Ngừng lại vài giây, anh lính buông nhẹ lên tiếng thở dài, rồi đổi giọng trầm xuống:

“Tình thế lúc bấy giờ trở nên bi đát, hỗn loạn lắm rồi! Đơn vị đâu có còn ai ra lệnh, ra lạc gì nữa! Người nào, người nấy chỉ biết cầm đầu, cầm cổ chạy! Bước cả qua xác chết để mà chạy! Chạy túa ra, tứ tán như đàn ong vỡ tổ. Cho đến giờ phút này, anh cho biết, anh vẫn còn cảm thấy rùng mình, ớn lạnh và bị ám ảnh trước trận đánh khủng khiếp, kinh hoàng, tang thương ấy, nhất là vào những đêm tối trời, hoang lạnh, khuya khoắt. Trưa hôm đó, nhà bà Khoa ồn ào, nhốn nháo hẳn lên. Ngươi ta đứng chật ních, lố nhố từ trong nhà cho tới ngoài sân. Chỗ nào cũng chỉ thấy người. Hầu như nhà nào nhà nấy, cũng đều bảo nhau, lũ lượt kéo đến. Họ đến để an ủi, để san sẻ về những mất mát, đau buồn mà gia đình bà Khoa đang phải gánh chịu. Chắc anh còn nhớ! Nhà em chỉ cách nhà bà Khoa có vài ba căn, nên em chạy lại trước tiên và có mặt ở tại đây, ngay từ lúc đầu cho đến phút cuối. Bà Khoa khóc đến khô cả nước mắt, đến khan cả cuống họng. Giọng bà lạc hẳn đi, chứ không còn lạnh lạnh, trong trẻo như mấy ngày hôm trước! Trên khóe mắt đỏ hoe, sâu hút, em đọc thấy được những nét đau khổ, bi thảm hẳn lên ở trong đấy. Tiếng khóc nghe sao mà sâu thẳm, ai oán,

não nề! Tiếng khóc như xoáy vào tim não của tất cả mọi người ở chung quanh, Nó thấm vào từng lớp tế bào, cho đến từng thớ thịt, từng mạch máu ở trong em lúc bấy giờ. Thú thật, hôm đó em xúc động vô ngần! Nhìn bà Khoa lẫn lộn, vật vờ trên chiếc giường gỗ thô kệch, cữ kỹ đặt ở sát chân tường, khiến cho em không khỏi ngậm ngùi, xúc động rồi dơm dóm nước mắt. Bà Khoa hình như có vẻ thấm mệt. Giọng bà trở nên lạc lõng, tròng xuống, nghe như than thở, như trách móc người con trai cả trong gia đình, sao nữ đành đoạn bỏ mẹ cùng em gái ra đi!

Thế mới biết, tình yêu thương của người mẹ, trải ra cho con cái, bao la, dạt dào, lênh láng như biển cả mông mênh. Câu chuyện thương tâm là thế đấy! Gối lại, vuông vức chỉ có bằng đấy! Nhưng nó đã thấp lên ở trong lòng của tất cả người hiện diện trong căn nhà tồi tàn, tấm tối hôm đó, cả nỗi xót xa, bùi ngùi và cảm động.

Rồi! Thời gian cứ lạnh lùng trôi qua, kéo theo sự xụp đổ nhanh chóng của chế độ Cộng Hòa tại miền Nam. Câu chuyện thương tâm của bảy năm về trước, tưởng chừng như đã kết thúc, rồi tuần tự tan đi vào quên lãng. Nào ngờ, vào cuối năm 1978. Gã con trai đột ngột trở về. Em đoán anh biết, hẳn ta về đến nhà vào lúc nào không! Chắc anh cũng không thể nào mà đoán ra được! Gã về vào đúng ngay đêm ba mươi Tết. Vào giữa lúc gia đình bà Khoa đang chuẩn bị để cúng giao thừa. Thì ra, trong trận đánh ác liệt năm nào, anh chàng vẫn còn sống, bị bắt rồi trở thành tù binh. Bảy năm sau, anh ta được phóng thích, trả tự do và trở về đoàn tụ với gia đình. Câu chuyện kể ra, nghe thật là hết sức hi hữu anh nhỉ! Nếu đem đối chiếu giữa hai trường hợp của em với bà Khoa, thì anh sẽ thấy, có sự trùng hợp giống nhau ở trong đấy. Em muốn nhấn mạnh với anh ở đây, về một điểm, đó là sự ngạc nhiên! Một sự ngạc nhiên tột cùng, mà mình không thể nào ngờ được! Bà Khoa cũng thế! Ngược lại, thì em cũng vậy! Nếu không có chị bạn nhanh tay, kịp thời chặn em lại, thì suýt tý nữa, em đã hét lên một tiếng thật to, để bày tỏ sự ngạc nhiên của chính mình! Khổ nỗi, chị bạn đi theo em, cũng chẳng biết tý gì về anh! Về nguyên nhân cùng mọi lý do tiềm ẩn ở trong đó! Em hoàn toàn giữ kín và chẳng nói bất cứ một điều gì cho chị ta biết! Mãi cho đến cả tiếng đồng hồ sau, anh em mới nhận nhau, xong xuôi đâu vào đấy, thì cô nàng mới vỡ lẽ, hiểu ra! Bởi

thế, ngay từ lúc đầu, cô ta đâm ra luống cuống, rồi cứ nắm chặt lấy tay em, khăng khăng kéo em về chỗ ngồi. Kể ra, cô nàng cũng tỉnh thật! Chỉ có chừng dăm phút sau, cô nàng tỏ ra nghi ngờ, rồi đổi giọng thành mày, tao với em:

“Đây là lần đầu tiên, tao thấy mày thay đổi khác thường, chứ không giống như mọi lần khác! Trước kia mày đâu có như vậy! Mày có sao không, hờ Bích! Tao không hiểu tại sao hôm nay, tự dưng, mày lại đốc đời, dở chứng, trông có vẻ kỳ cục làm sao ấy! Mày cứ ngơ ngơ, ngáo ngáo, giống như người bị ma nhập, bị hớp hồn! Thoạt đầu, tao cứ tưởng mày bị trúng gió, nhưng cuối cùng, tao ngẫm nghĩ lại, tao thấy mọi việc đều trái ngược hẳn với nhau, chứ không đúng như điều mà tao đã dự đoán! Chắc chắn, phải có điều gì bí ẩn ở bên trong, mà mày không tiện nói ra với tao! Tao có thể quả quyết với mày là như thế! Đành rằng, tao với mày là chỗ bạn thân với nhau cả hằng bao nhiêu năm trời.

Nhưng tao nhận thấy, hình như hôm nay, mày có chuyện gì hết sức là bí mật muốn giấu tao thì phải!”

Em lắc đầu, không nói, chỉ biết lăm lì, im lặng, rồi thỉnh thoảng lại liếc nhẹ sang bàn anh, ngồn ngàng với những câu hỏi dồn dập đổ về, bủa vây, chất vấn, giăng kín ở trong em! Em lảm nhảm nói thảm: Chẳng có lý nào, anh lại còn sống ở trên cõi đời này hay sao! Chính vì thế, em đâm ra lưỡng lự, hết đắn đo, rồi lại suy nghĩ đến nát óc, mà vẫn chẳng tìm ra được câu trả lời nào thích đáng! Cuối cùng, thì em chẳng còn nghi ngờ gì nữa! Em quả quyết, người đàn ông đang ngồi trầm tư ở trước mặt em, đích thật là anh, chứ còn là ai vào đây nữa! Ngoài anh ra, thì ai có thể thay thế vào đây được! Từ cử chỉ cho tới khuôn mặt. Tướng tá cùng dáng dấp đều giống y như khuôn đúc. Em tự hỏi: Đâu có lý nào, lại có trường hợp giống nhau đến như vậy! Nghĩ tới đó, em mới dám mạnh dạn đứng lên, rồi trực chỉ tiến thẳng sang bàn anh.”

Người đàn ông bóp trán ra chiều suy nghĩ. Mãi sau ông ta mới hạ thấp giọng:

“Nhắc đến cái chuyện đi ấy, cho đến bây giờ, biết bao nhiêu năm tháng trôi qua, thỉnh thoảng, chợt nhớ lại, anh vẫn còn cảm thấy rùng mình, lạnh cả xương sống. Gần ba tuần lễ, thì kể như mất mười ngày không có lương thực và nước uống. Chiếc ghe bị hư máy, thả trôi trên dòng nước, cũng giống như con diều bị đứt giây. Bao nhiêu tàu bè chạy

ngang qua như mắc cửi, mà chẳng có chiếc nào chịu vớt! Mọi người ở trên ghe la riết đến khan cả cuống họng. La chán rồi chẳng còn ai thiết tha gì đến vụ kêu cứu nữa! Mà có còn hơi sức nữa đâu mà kêu! Ai nấy đều rũ ra, mềm nhũn, nằm thiêm thiếp, bất động trông y hệt như những cái xác không hồn. Thế mới biết cơn đói nó hoành hành, đầy đọa, dày vò lên thể xác của con người ta đến chừng nào! Nếu không có cơn bão thì bọn anh cũng chẳng có cơ hội đặt chân lên chiếc tàu buôn của người Đức. Anh vẫn còn nhớ, lúc ấy vào khoảng năm giờ chiều của ngày thứ mười tám. Chỉ cần chậm trễ thêm vài ba tiếng đồng hồ nữa, thì toàn thể năm mươi mấy người, kể cả nam lẫn nữ cùng trẻ em đều trở thành miếng mồi ngon cho cá biển.”

“Sao cơn bão đến nhanh quá anh nhỉ!”

“Nhanh đến nỗi mà anh không thể nào ngờ được! Con giông bão ồ ạt kéo đến thật dữ dội, thật khủng khiếp, thì thử hỏi: Đêm hôm ấy làm sao mà tụi anh có thể chống đỡ nổi!”

Người đàn bà nheo mắt, nhún vai tỏ vẻ sợ hãi:

“Eo ơi! Cũng may anh nhỉ!”

Người đàn ông không nói, dán mắt, dăm dăm nhìn vào khoảng trống vô nghĩa trước mặt.

“Thế thuyền đó có bị mất mát người nào không anh!”

“Có! Rất may là chỉ có một người. Hẳn ta còn rất trẻ. Độ chừng hai mươi hai hoặc hai mươi ba tuổi là cùng. Gương mặt gã lúc nào cũng tỏ ra lầm lì, ít nói. Nguyên nhân cũng chỉ vì quá chán nản, quá tuyệt vọng. Có thể nói một cách tóm tắt, dễ hiểu, thì gã bị hụt hẫng, bị chơi vơi. Bị rơi vào tình trạng khủng hoảng, quẩn trí, để rồi sau đó dẫn đến sự quyết định liều lĩnh và thật điên rồ. Em cứ thử tưởng tượng xem: Với cái can mỏng manh bằng ni lông, hấn ôm cứng ở trên ngực, rồi nhảy xuống biển với hy vọng sẽ được tàu vớt! Trong khi đó, mặt biển vẫn lạnh lùng, nổi sóng, và chẳng có chiếc tàu nào xuất hiện ở đằng xa. Anh tin chắc rằng: Hấn sẽ chết! Sớm muộn gì rồi hẳn cũng sẽ chết! Hấn chết đi là cả một đê tài nóng bỏng, khiến cho ai nấy đều phải xuýt xoa, bàn tán và cho rằng: Nhờ hẳn ta linh thiêng, phù trợ nên mọi người mới được cứu thoát.”

“Cũng có thể lắm chứ anh!”

Người đàn ông trầm ngâm trong giây lát. Mãi sau ông mới lên tiếng:

“Ồ đời đâu có ai biết được chữ ngờ hử em! Ngay như anh

em mình cũng vậy. Có khi nào mà chúng ta nghĩ đến ngày hội ngộ hôm nay. Trước đây, tâm trạng của những kẻ bỏ nước ra đi, chẳng khi nào nghĩ rằng, rồi sẽ có một ngày trở về thăm lại quê hương. Nghĩ lại, thật có nhiều chuyện buồn cười. Như mấy ông Cộng Sản cũng thế. Sau năm bảy mươi lăm, mấy ông ấy cứ gay gắt lên án, kết tội nặng nề đế quốc Mỹ, thì bây giờ, họ lại tỏ ra ve vãn, chào đón giống như một thượng khách. Còn mấy ông tướng, ông tá trước đây thuộc loại ăn trên ngồi chốc ở miền Nam, hót hải bộ cả đơn vị, bỏ cả binh sĩ thuộc quyền, chạy bán sống, bán chết sang bên đây, còn tỏ ra huênh hoang, khoe khoang về thành tích chiến đấu của mình trước kia. Có ông còn hăng say, hô hào đấu tranh để quang phục quê hương. Thế mới lạ chứ!”

Như chợt nhớ ra điều gì, ông ta liền cất cao giọng:

“À! Còn Thoại, chồng em! Anh nghe nói, hình như nó chẳng còn người nào thân thích. Phải không em! Như vậy, thì đâu có ai tới lui thăm viếng, chăm sóc, cũng như lo việc hương khói cho nó!”

Người đàn bà ngước lên:

“Ngoài em ra, chứ còn ai vào đây nữa hở anh!”

“Anh cứ tưởng, thế nào em cũng bước thêm bước nữa! Vả lại, Thoại mất cũng khá lâu. Trong khi đó, em còn quá trẻ, lại còn có nhan sắc, thì làm sao mà có thể ở vậy suốt đời được!”

Người đàn bà mỉm cười, ra chiều đắc ý:

“Ấy thế mà em vẫn chỉ có một mình, chứ đâu có hai ba mình gì đâu!”

“Kể ra cũng lạ thật! Bây giờ em sang đây rồi, thì lấy ai ra mà lo cái công việc ấy!”

“Thì cũng đành vậy thôi! Trước khi đi em có nhờ vài người bạn thân, thỉnh thoảng nhớ ra thấp nhang và dọn dẹp dùm em! Em tính sau này làm lụng có tiền, em sẽ về thuê người ta bốc lên, đem thiêu rồi đưa vào chùa, có hương, có khói và tối sớm còn được nghe kinh kệ nữa! Như vậy, vừa được ấm áp mà lại còn dễ siêu thoát hơn.”

“Em tính như vậy cũng phải!”

Im lặng. Không khí trong phòng chợt chìm xuống sự im lặng lạ thường. Thứ im lặng khô cứng, đặc quánh, giống như không khí trầm mặc của giáo đường vào buổi trưa đầu tuần hoang vắng. Bất chợt, anh liền tưởng đến ngôi mộ vắng chủ, cô quạnh, hiu hắt. Ngôi mộ tẻ nhạt, lạnh lẽo gần

như bị bỏ quên. Nghĩ đến đấy, tự nhiên anh thấy gợn nhần lên nổi xót xa, tê tái ở trong lòng.

“Bích sang đây lâu chưa!” Anh buột miệng.

“Mới đây thôi anh ạ!”

“Em thấy bên này ra sao!”

“Bên đây thì buồn là cái chắc. Nhưng ngược lại, đời sống thì sướng hơn ở Việt Nam rất nhiều.”

“Anh nghe nói, đời sống ở bên đây bây giờ cũng dễ thở lắm cơ mà. Chánh sách mở cửa của nhà nước, đã đưa mức sống của người dân có phần cao hơn trước đây rất nhiều.”

Người đàn bà bật lên tiếng cười khẩy:

“Anh đừng có tin vào mấy ông này, anh Kiệt ạ! Anh nên nhớ rằng: Tuyên truyền là cái ngón nghề của mấy ông ấy hay sao! Em thấy ở ngoài này, vẫn còn rất nhiều người tỏ ra ngây thơ, tin vào những điều mà mấy ông ấy nói. Thế nào gọi là dễ thở! Thế nào gọi là khởi sắc! Dễ thở là đối với giới con ông cháu cha có thể lực kìa! Giới buôn bán hoặc có thân nhân ở nước ngoài cơ. Còn về phía dân nghèo thì vẫn tồi tệ như xưa. Anh cứ thử tưởng tượng xem, đứa con gái mới mười bốn, mười lăm tuổi, chẳng có bà con thân thuộc nào ở trong Nam! Lạc lõng, trôi dạt từ miền Bắc vào Sài Gòn để kiếm sống. Ở vào cái tuổi ấy, thì làm sao mà có đầy đủ trí khôn, đủ bản lĩnh để vượt qua mọi cạm bẫy của những tên ma cô, những bọn đầu nậu, thuộc các tổ chức buôn người từ ở trong nước. Việt Nam bây giờ, được mô tả, là một nước nổi tiếng về xuất khẩu lao động, xuất khẩu gái mãi dâm ra nước ngoài! Sau mấy năm gần đây, người miền Bắc đổ xô vào Sài Gòn lập nghiệp rất đông. Vì thế, mà dân số tại thành phố này gia tăng rất nhanh. Còn mấy ông nhà nước thì chỉ biết hà hiếp, bóc lột, sống trên mồ hôi, xương máu của kẻ khác! Có rất nhiều người phải bán máu, bán con đẻ mà sống. Anh thử hỏi: Cái xã hội như thế thì làm sao mà sống được! Tình trạng luân lý bị đảo lộn, suy đồi. Còn giáo dục thì tụt hậu, đâu có còn tính chất nhân bản, khai phóng như ngày xưa! Người ta bây giờ, chẳng còn ai nghĩ đến hai chữ nhân phẩm cũng như hai chữ sĩ diện nữa! Bây giờ họ chỉ nghĩ đến tiền. Tiền là trên hết! Có tiền là có tất cả! Chung qui cũng chỉ vì đồng tiền, vì miếng ăn mà thôi!”

“Hiện giờ thì em đang sống ở đâu!”

“Tạm thời em đang ở với gia đình của đứa em gái dưới

Pomona. Hôm nay vợ chồng nó đi chơi xa. Còn lại một mình, buồn quá! Nhân tiện có chị bạn lại chơi, rủ em xuống đây đi ăn uống, rồi sau đó chui vào vũ trường nghe nhạc, nào ngờ lại gặp anh ở trong đó. Anh còn nhớ con Thu không! Con nhỏ mũm mĩm để tóc ngắn đấy. Nó vượt biên sang đây lâu lắm rồi. Chính nó đứng ra bảo lãnh cho em. Thoạt đầu, em cứ đắn đo, chần chờ mãi! Bởi vì, như anh cũng biết, mọi chi phí từ vé máy bay cho đến bảo hiểm sức khỏe, nó đều phải đưa vai ra gánh chịu hết. Em trần trọc, suy nghĩ suốt mấy đêm liền. Cuối cùng em mới chột nghĩ lại: Nếu không đi thì sau này lấy ai ra mà lo cho mình! Năm mươi mấy tuổi đầu rồi còn gì nữa! Vả lại, em sống cô quạnh chỉ có một mình. Ở tuổi này hiện giờ, thì khả dĩ còn tự sản sóc cho mình được! Nhưng đến mai mốt thêm dăm ba tuổi nữa, thì biết tính sao! Nghĩ đến đây, em mới giật mình, hoảng hốt, rồi đi đến quyết định dứt khoát, là ra đi! Chỉ có ra đi là thượng sách! Chỉ có ra đi mới trút bỏ được những lam lũ, những khổ cực trong đời sống. Trong khi mình có cơ hội ở trong tay, thì tại sao lại không đi hờ anh! Dù sao đi chăng nữa, đời sống trên đất Mỹ cũng sướng hơn ở Việt Nam gấp bội phần! Thiếu gì người muốn đi mà còn không được! Phải không anh!”

Người đàn ông đi nhẹ gót chân xuống nền nhà.

“Trước đây, anh cứ tưởng em có con với Thoại. Hóa ra em chẳng có đứa nào cả!”

Ngẫm nghĩ giây lát, Bích lên tiếng hỏi:

“Còn anh thì sao!”

“Anh vẫn vậy.”

“Không! Ý của em là muốn hỏi thăm về chị cùng các cháu.”

“À! Em muốn hỏi về chị Loan. Anh và chị ấy đã ly dị ngót sáu năm nay. Còn mấy đứa con, thì đứa nào cũng lớn khôn hết cả rồi. Chúng nó đều lập gia đình và đã ra ở riêng hết. Ở Mỹ mà! Chúng nó có khi nào ở chung với mình đâu! Vì thế, tôi sớm anh chỉ biết lủi thủi có một mình. Lâu lâu hoặc lễ lạy, chúng nó đáo ngang qua thăm bố vài ba tiếng đồng hồ rồi lại đi.”

“Kể ra thì cũng buồn anh nhỉ!”

“Riết rồi cũng thấy quen dần! Vả lại, đời sống ở bên đây cứ quay vù vù chẳng khác nào như cái chong chóng, khiến cho mình nhiều lúc cũng chẳng có thì giờ để mà suy nghĩ!”

“Em thấy ngày xưa anh chị khấn khít với nhau lắm cơ mà!”

“Ngày xưa khác, còn bây giờ khác! Ngày xưa, đời sống bị đóng khung trong bối cảnh của xã hội Việt Nam. Còn sang đến bên đây thì mọi thứ đều thay đổi. Người đàn bà bắt đầu đi làm và giao tế, hòa nhập với xã hội ở bên ngoài. Từ đó, sự suy nghĩ cùng cái nhìn có phần thay đổi, khác hơn!

Chẳng riêng gì gia đình anh, mà phần đông các gia đình khác đều rơi vào cái tình trạng đó. Nhiều người đàn bà trước kia tỏ ra hiền hậu, dịu dàng bao nhiêu! Nhưng sang đến bên đây, thì tự nhiên đâm ra dỗi tính, rồi sinh ra chuyện này, chuyện khác và cuối cùng thì đi tới quyết định là đường ai nấy đi. Xét cho cùng, thì đời người, ai nấy cũng đều có phần số khác nhau. Anh chẳng bao giờ tỏ ra thái độ trách cứ gì Loan cả! Tại cái số của mình như thế, thì mình phải ráng cắn răng chịu đựng, chứ đâu có biết nói gì bây giờ! Chẳng lẽ mình đem ra nói với con cái! Mà có nói ra, thì chúng nó cũng chỉ an ủi mình dăm ba câu, rồi chúng nó còn lo chuyện của gia đình chúng nó nữa chứ! Và lại, chúng nó cũng hiểu và biết cân nhắc kỹ càng, bên nào nặng, bên nào nhẹ! Chúng nó là con, thì dĩ nhiên, chúng nó phải biết!

Nhưng! Có điều, chúng nó kín đáo, không nói ra mà thôi!”

“Từ ngày ấy đến giờ, có khi nào chị về thăm anh không!”

“Chẳng bao giờ! Ly dị xong thì họ cũng giống như con chim xô lông, bay đến một nơi thật xa, chứ đâu có thì giờ, để mà nghĩ đến chuyện thăm hỏi làm gì!”

Kiệt nói xong, cất giọng cười ngất. Nụ cười chua chát, tiềm ẩn nỗi đắng cay, tê tái ở trong lòng. Bích ngược lên thành khăn:

“Anh cho em xin lỗi! Vì quá tò mò nên em lỡ khêu dậy cái chuyện buồn của anh! Mong anh bỏ qua cho em.”

Kiệt xua tay lia lịa, uể oải rời khỏi khung cửa, tiến lại rồi ngồi xuống ở đầu ghế.

“Anh dùng tạm một ly cho khuây khỏa nhé!”

Kiệt lấy giọng tự nhiên:

“Em cho anh một ly. Cả em nữa! Chúng ta mừng gặp lại.”

Bằng động tác thật khoan thai, Bích nâng chai rượu, nhẹ nhàng rót vào hai cái ly thủy tinh trong vắt rồi đẩy sang cho Kiệt:

“Nào! Mời anh! Chúng ta mừng gặp lại nhau trên xứ người.”

Hai người nâng ly rượu lên môi rồi ngửa cổ uống cạn. Chờ

cho hơi men thấm dần vào cơ thể, Kiệt quay sang nhìn đắm đắm vào người Bích:

“Em vẫn còn đẹp như ngày nào.”

Bích hóm hỉnh:

“Anh dạo này lại biết nói đùa nữa cơ à! Già khú rồi còn gì nữa!”

“Già thì già! Nhưng nó vẫn có cái đẹp riêng của nó chứ.”

Bất giác, Kiệt cất nhẹ lên tiếng thờ dài:

“Chóng thật! Mới đây mà bây giờ tất cả đều già hết cả rồi. Thế mới biết đời người chẳng khác nào cơn gió thoảng em nhi! Ngẫm cho kỹ lại thì mấy cụ mình ngày xưa nói chẳng sai tí nào.”

“Ngày xưa mấy cụ đều là nhà nho thâm trầm, uyên bác. Mà nhà nho nói ra thì chẳng khác nào như mũi gươm nhọn khắc hẳn lên phiến đá. Nhắc đến mấy cụ, là nhắc đến tấm gương sáng của người xưa để lại cho đời sau soi mặt. Nhiều lúc nhìn lại, mới thấy nuối tiếc cái tuổi thanh xuân. Em vẫn còn nhớ, dạo ấy anh dạo mạo lăm cơ mà! Đúng là nhà giáo có khác! Mầu mực và nghiêm nghị. Mấy đứa nhỏ ở trong xóm học anh, chúng nó bảo anh khó lăm! Chúng nó còn nói, chẳng thấy khi nào anh cười! Anh có biết, chúng nó đặt cho anh cái danh hiệu gì không!”

Người đàn ông lắc đầu, Bích liền thoáng:

“Chúng nó bảo, anh là thằng cha hắc ám.”

Nghĩ ngợi giây lát, nàng kể lể: Dạo ấy, em với Thoại mới bắt đầu yêu nhau. Yêu say mê. Yêu cuồng nhiệt anh ạ.

Ngày nào mà tụi em chẳng gặp nhau. Ngày nào mà chẳng

hẹn hò. Hẹn hò riết rồi chẳng biết nói gì với nhau! Ngôn

ngữ của tình yêu nhiều khi nó trở thành ngớ ngẩn anh nhi!

Anh không biết đâu! Mẹ em ngăn cấm em nhiều lắm đấy.

Cấm mãi mà vẫn chẳng thấy có kết quả. Mẹ em liền đổi

sang chiến thuật tình cảm. Bà tỏ ra mềm mỏng, dạy dỗ,

khuyên bảo em đủ điều, mà em vẫn chẳng hề lay chuyển!

Tức quá, bà bảo em là đứa con cứng đầu, không biết vâng

lời cha mẹ! Bà còn gán ghép cho em cái tội bất hiếu nữa

chứ! Em thấy mình chẳng có tội tình gì cả! Tính nhảm, có

đến năm, sáu đám, cậy nhờ người mai mối, dẫn đến tận nhà

em, đánh tiếng, dạm hỏi, nhưng em vẫn một mực khẳng

khăng chối từ! Trước thái độ kiên quyết đó, mẹ em lại càng

tức điên lên:

“ Người ta đều là con nhà nề nếp, gia giáo, hiền lành, tử tế mà mày vẫn một mực không chịu! Mày cứ nhất định lấy cho bằng được cái thằng Thoại. Coi cái mã ấy thì nó làm nên được cái tích sự gì, mà mày cứ mê nó như điên đảo, hờ cái con kia!”

Mẹ em day nghiến em suốt từ ngày này sang ngày khác! Bà còn cấm đoán không cho tụi em gặp nhau! Cứ mỗi lần thấy anh ấy đi ngang qua nhà, thì y như rằng, mẹ em lại tỏ ra thái độ giận dữ, tức bực, biểu lộ qua các động tác mạnh bạo như đóng cửa hoặc la rầy con cái chẳng hạn! Ngày đó em đã nảy sinh ra ý định táo bạo, là bỏ nhà ra đi với Thoại. Em tính ra đi thời gian ngắn rồi mới trở về, coi như gạo đã nấu thành cơm, thì dù muốn dù không, buộc lòng mẹ em cũng phải chịu thôi. Nào ngờ, Thoại lại tỏ ra quá nhút nhát, không dám bỏ nhà ra đi với em! Anh ấy cứ bảo: Mình chẳng có cái nghề nào ở trong tay thì biết làm gì để mà sống! Bởi thế, mà ý định ấy bị dẹp bỏ. Em nghĩ nát óc mà vẫn chẳng tìm ra được giải pháp thỏa đáng nào khác! Mãi cho đến năm em thi rớt phần hai. Mẹ em bắt em phải lấy một ông sĩ quan hành chánh quân y. Ông này phục vụ trong ngành quân y, chứ không phải là bác sĩ! Ông ta khá đẹp trai mà gia đình lại giàu có, ở mãi tận ngoài Nha Trang. Tính tình ông này tỏ ra rất lịch thiệp và hào phóng. Kể ra dạo đó mà lấy được ông chồng như thế thì tạm gọi là yên thân. Thời chiến mà có tám chồng phục vụ tại đơn vị ở hậu tuyến, thì kể như là người có diễm phúc. Nhưng em cứ một mực từ chối không chịu! Mẹ em hết mềm dẻo rồi lại chuyển sang cứng rắn. Có thể nói, lần này bà tỏ ra quyết liệt hơn! Nguyên nhân, cũng chỉ vì má ông này là bạn học của mẹ em trước kia! Mẹ em làm dữ lắm. Lúc nào bà cũng tỏ ra hằn học đối với em. Tình trạng căng thẳng ấy kéo dài mãi cho đến khi cô em có dịp từ Đà Lạt về chơi, biết chuyện, mới ngỏ lời khuyên giải mẹ em. Theo lời đưa em gái em nghe lóm được, kể lại:

“ Chị làm riết khiến nó quẫn trí, rồi đâm ra dại dột, liều lĩnh quỵên sinh thì chết. Chớ! Chị đừng có ép nó vào đường cùng thì nguy đấy. Con trai, con gái thời bây giờ thì khác hẳn với cái tuổi của chị em mình trước kia! Ngày xưa, bố mẹ đặt ở đâu, thì mình không được phép cưỡng lại, mà phải ngoan ngoãn ngồi ở vị trí đấy. Còn bây giờ thì không được

đâu chị ạ! Chúng ta không thể áp dụng giống như ngày xưa được! Làm bố mẹ ngày hôm nay, thì khó khăn gấp vạn lần so với ngày trước. Nó đòi hỏi bậc làm cha mẹ phải hiểu được tâm lý của con cái mình muốn gì! Tốt hơn hết, chị cứ để cho cháu có cái quyền tự do định đoạt. Trong thì nó nhờ, mà đục thì nó rảnh chịu! Ngộ nhớ sau này, nếu có chuyện gì xảy ra, thì nó cũng chẳng có lý do gì để oán trách mình được! Cô em nói nhiều lắm, nên mẹ em mới xiêu lòng, chứ không thì bà cứ ghì em mãi! Hôm đám cưới tụi em, bà vẫn tỏ ra vui vẻ với tất cả mọi người ở chung quanh, nhưng nếu nhìn kỹ trên sắc diện của mẹ em, thì sẽ thấy, bà không mấy gì được vui cho lắm! Em biết, mẹ em không ưa gì anh Thoại! Anh ấy chỉ là một anh công chức quèn. Học hành thì xoàng xĩnh chẳng đi tới đâu, mà gia đình thì lại không lấy gì gọi là khá giả cho lắm! Đây chính là hai yếu tố then chốt, khiến cho mẹ em không được hài lòng! Rốt cuộc rồi cũng xong. Tụi em chung sống với nhau tròn trĩnh vừa đúng năm năm, mà chẳng có đứa con nào ra đời. Rồi, đột nhiên Thoại ngã bệnh và ra đi. Em buồn quá, chẳng khác nào như một kẻ chán đời. Mà chán thật chứ anh! Nhiều người cứ tưởng rằng, dần dà rồi thời gian sẽ nguôi ngoai và thể nào em cũng bước thêm bước nữa! Nhưng, thật tình, không ngờ anh ạ! Đến ngay mẹ em cũng phải sốt ruột kêu lên:

“Mày tính ở vậy cho đến mãi đời hay sao, hờ Bích!”

Em chẳng nói gì cả! Tự nhiên em cảm thấy đứng đưng, chẳng còn tha thiết hoặc ham muốn gì nữa! Mặc dù dạo ấy cũng có khối ông theo đuổi, sẵn đón em. Nhưng trước cử chỉ cùng thái độ lạnh nhạt của chính em, khiến cho họ cũng dậm ra chán nản rồi từ từ dần xa dần. Em chẳng hiểu tại sao cả! Ngay chính em cũng chẳng hiểu nổi về con người thật của em! Có thể, theo như anh nói, đời người ai nấy cũng đều có số cả. Căn cứ theo như lời mẹ em thuật lại, thì hồi em còn nhỏ, có ông thầy tướng số coi cho em. Ông ấy bảo: Số con bé này lớn lên sẽ đội tang chồng ở cái tuổi thanh xuân, và càng về già, thì lại cô quạnh chỉ có một mình. Em nghiệm lại thì quả thật thấy đúng một phần rồi đấy anh!”

“Thế em có tính gì không!”

“Em mới sang, nên đường xá còn mù tịt, mà xe cộ thì lại

chưa biết lái! Em chỉ mong rằng, sau khi lấy được cái bằng lái xe, tạm thời, ban ngày em ra shop may làm, để lấy tiền chi dụng cho hàng tháng. Còn ban đêm, em sẽ cố gắng đi học thêm về Anh ngữ để chuẩn bị cho bước đường kế tiếp, đó là giai đoạn học nghề. Em nhất quyết phải học thêm cái nghề để tự nuôi sống lấy bản thân mình. Anh thấy em tính như vậy có được không! Chứ con bạn em thì nó cứ dục:

“Mày nên học cái nghề nail đi, để sau khi có được cái licence ở trong tay, tao với mày sẽ bay sang tiểu bang khác để làm ăn. Nó còn nói: Mình phải ráng chịu khó thêm vài ba năm nữa, để kiếm số vốn khá dẽ rồi hãy quay trở lại đây, chuyển sang nghề khác để làm ăn.”

“Bước đầu thì ai nấy cũng đều khó khăn như vậy. Nhưng dần dà rồi cũng sẽ qua đi. Bên đây thì đời sống khác hẳn với quê nhà. Vì thế, nó đòi hỏi ở nơi mình phải có sự kiên trì ở trong đấy.”

Bên ngoài, gió bắt đầu thổi mạnh hơn. Dự báo thời tiết ngày hôm qua cho biết đêm nay sẽ có bão lớn. Tiếng gió rít xoáy lên từng cơn, quật mạnh trên các tầng cây ngoài hiên nhà, kéo theo những ánh chớp dồn dập lóe lên tận ngoài xa, như báo hiệu cơn mưa sắp kéo đến. Kiệt lẩm bẩm:

“Trời sắp mưa rồi.”

Đáo dác nhìn chung quanh, Bích chợt kêu lên:

“Ấy chết! Gần ba giờ sáng rồi đấy anh!”

Kiệt ôn tồn:

“Thôi! Đi ngủ đi em. Khuya lắm rồi. Mãi nói chuyện nên chẳng để ý gì đến giờ giấc! Sáng mai, anh đưa em đi ăn, rồi đến chiều, anh sẽ chở em về dưới đấy.”

“Em làm phiền anh nhiều quá.”

“Có gì đâu mà phiền! Chỗ anh em với nhau mà!”

Ngừng lại vài giây, anh dơ tay chỉ vào phía trong:

“Em vào phòng anh mà ngủ. Trong ấy có đầy đủ hết. Có rest room và bàn chải đánh răng cùng mấy bộ đồ ngủ còn mới toanh, chưa ai đụng tới! Em cứ tự nhiên coi như ở nhà. Đừng có ngần ngại gì cả!”

“Anh để cho em nằm ở ngoài này cũng được.”

“Em là đàn bà, con gái, đâu có thể để nằm ở ngoài này được! Ngộ nhớ mai một vợ chồng Thu biết chuyện, rồi tội nó sẽ đánh giá thế nào về con người của anh! Thôi! Vào trong ấy ngủ dùm tôi đi cô!”

Bích liếc mắt nhìn sang Kiệt, khẽ mỉm cười, rồi từ từ đứng dậy, khoan thai tiến dần vào phía trong. Tới cửa phòng, nàng còn ngoái lại:

“Gớm! Bao nhiêu năm không gặp, anh bây giờ cũng ghê đáo để.”

Chờ cho Bích vào đến tận bên trong và cánh cửa phòng ngủ từ từ khép lại, Kiệt rướn người, vươn tay bấm nhẹ vào cái công tắc điện gắn ở gần đây. Ánh sáng chợt phụt tắt và bóng tối bắt đầu ngự trị, lên ngôi. Kiệt lưỡng lự giây lát rồi ngã lưng nằm xuống. Có tiếng sấm đi đùng, gầm thét ở đằng xa và cơn mưa bắt đầu ào ạt kéo đến, như muốn cuốn phăng đi mọi rác rưởi, bụi bặm, phiền toái ở tại đời sống này. Kiệt vất lên trán, miên man nghĩ về thân phận, về cuộc đời. Cuộc đời chẳng khác nào như giấc chiêm bao, là cơn gió thoảng, là bóng chim vụt qua khung cửa, để rồi, vào buổi hoàng hôn nào đó, anh đột ngột xuôi tay, giã từ khỏi đời sống tạm bợ, phù phiếm này, để bước sang thế giới huyền ảo, xa xăm. Thế giới của trầm hương, yên tĩnh, của hư vô, của nghìn thu vĩnh biệt. Nghĩ đến đây, tự nhiên anh cảm thấy ngán ngấm, buồn tê tái.

Chán nản, anh uể oải, xoay người, quay mặt vào thành ghế, lim dim đôi mắt tìm giấc ngủ./.

THẰNG CHẢ

Truyện Nguyễn Lê Uyên

(A Madame Phuong Thao
, avec la chanson Aimer à perdre la raison)

“Nè, tao hỏi thiệt. Mày chết dưới bàn tay lão ấy rồi hả...?”
Chị Nhân kéo chữ “hả” dài thượt, rất giống với âm thanh lưỡi sóng trườn vào mép cát đang đuổi sức. Lại thêm cái mặt dài đuồn, miệng há rộng, hai đồng tử mở hết cỡ, trông chị cứ như vừa thấy xác người lạ trên vệ đường, khiến nàng muốn cười thật to, dấu cho giọng cười lúc đó có thể ướt nhẹp, khai khai mùi nước tiêu trẻ con đái dầm.

Tại sao người lớn, ý nàng muốn nói là người có vai vế, tuổi tác thường hay nhìn kẻ dưới với đôi mắt kẻ cả, bộ tịch bề trên.

Giọng điệu của chị Nhân nghe y chang giọng mẹ. Cũng xằng lết, chua lôm. Cũng bối tận gốc ngọn, thiếu điều bút trụi cả lá mà không cần động tới tay chân. Thiệt buồn cười. Người lớn bao giờ cũng cho rằng mình đúng. Người càng có nhiều quyền thì càng chứng tỏ mình là đáng toàn năng, luôn luôn chính xác hơn kẻ dưới từng ly mét, mặc dù những suy nghĩ và hành động thì sai ngoắt, trật lất.

Độc đoán, cố chấp, bảo thủ, nàng lắm bầm.

Mà mẹ mình nói gì nhi? Phải, nhớ rồi. Mày điên hay sao mà phải ra chỗ ấy, một khu mồ mả vừa san lấp. Oan hồn nằm dưới nền đất sẽ bóp họng tụi bay. Đâu có mẹ, nàng ôm hai vai xương xẩu bà cụ. Đâu có đụng chạm gì, bóp là bóp tụi móc ngoặc làm dự án, thâm định rồi giao cho lũ đầu tư. Con chỉ mua thôi, đâu có phá phách, xua đuổi người chết đi chỗ

khác để giành đất, nàng đông dài. Mẹ nhượng cặp mắt hom hem nhìn nàng như kẻ lạ. Nhưng tại sao nhà cửa rộng thênh thang không ở, lại mò ra chỗ mồ mả ấy, hay có thằng nào rù quén? Mẹ day day dấu hỏi như thể bà cụ đang ngoáy trầu. Nàng chụp lấy tay mẹ. Ai rù được con, mẹ khéo lo. Chẳng ai có thể quén được con đâu. Mẹ giật tay lại. Ăn nói kiêu đó đó, con với cái. Tao nói để coi, một mẹ một con thể nào “đi đêm cũng có ngày gặp ma”, làm sao mà cái bọn đàn ông như lũ sói ấy, thấy đàn bà cô thân đơn độc lại không rắp tâm rình nhử này nọ. Cục mỡ tránh sao nổi miệng mèo, hả con? Thêm một cú hạ giọng nữa của mẹ, lúc đó giống sao giống lạ giống lòng giọng anh kép tuồng đóng vai tướng xuống xề bi ai với người đẹp từ chối mối tình đầy nặng như trái núi của mình khiến nàng bật cười lớn. Mẹ nàng kêu: Con điên!

...

Lúc dọn đến nhà mới, việc đầu tiên là nàng đến chùa xin thầy trụ trì trì chú cho tấm gương bát quái. Nàng không tin lắm, nhưng cả khu phố mới ai ai cũng “thỉnh” về, treo lủng lẳng trước hiên tấm kính bát quái trừ tà ma đuổi quỷ khiến nàng không thể dửng dưng.

Kệ. Treo lên chẳng chết ai, đôi khi buồn ngược dờn hẫng cũng sẽ thấy vui mắt. Mà cũng rất có thể, nếu có ma quỷ thật, chúng sẽ phải lộn vòng vòng trong lương cực không thể chạy ra phá phách? Ủa, mà sao lương cực lại có hai cái hột nhỏ xíu y như tinh trùng và trứng tung tung nhìn nhau, chực chập lại? Ý nghĩ này bất ngờ nhảy xộc vô đầu khi nàng thấy thầy, cũng trạc tuổi nàng, vừa gõ mõ, điểm chuông, đọc trì chú vừa liếc nhìn vào chỗ hõm trên cổ áo khoét rộng. Nàng kéo cổ áo lên, giữ chỗ ngực bằng hai tay chắp lại, mà nghe như mùi nhang khói dậy lên từ nịt áo muốn bứt tung ra.

Khi cầm tấm kính “chiếu yêu” bước lui khỏi chánh điện, thầy dặn với:

- Con cần gì cứ tới thầy giúp.

- Mô Phật, con cảm ơn thầy – Nàng đáp. Thầy ngó xoắn chỗ vết cong trên ngực. Hai con mắt cha này dâm vô độ. Không rõ kinh kệ có làm xẹp xuống phần nào chẳng, nàng tự hỏi khi bước gần tới cổng tam quan.

Có xẹp xuống hay phồng lên là việc của thầy. Nàng không phải quan tâm, bởi từ bữa hôm đó, nàng không quay lại cổng chùa lần nữa, mặc dù tấm kính bát quái chỉ bốn tháng

sau, bị gió bão đập cho rơi xuống nền gạch hoa, răn nứt nhiều mảnh.

Phải công nhận, những đêm đầu tiên ngủ trong căn nhà mới, thiệt sợ. Hai mẹ con nàng ôm cứng lấy nhau khi nghe tiếng rú rít trong hàng dương phía bên kia đường. Tiếng rít nghe như tiếng mài gươm trên tảng đá, như âm thanh luyện đao của Bát Lê (*) sau vườn chuối dinh quan Tổng Đốc. Lạnh cả gáy.

Kinh khủng hơn, khi quán mở, độ hai tuần sau, đêm, hai mẹ con nàng lại phải ôm nhau, kéo mền trùm kín, vì lũ chuột xộc vào nhà chí chóc suốt đêm. Ban đầu là những cảm giác sợ đến sồn đái. Hết sợ chuyển sang bức bối rồi quen dần thời gian không lâu sau đó, nhưng chẳng dễ chịu chút nào. Đôi lúc nàng nghĩ vẫn vợ, hay ta kiếm quách một tay vệ sĩ. Chí ít nó cũng linh nghiệm hơn tấm kính bát quái răn nứt kia?

Chị Nhân tới thăm, lại ồ ồ lớn giọng: “Tao thấy nhiều thằng xứng đáng hơn, mắc chứng ôn dịch gì lại nhào vô thằng chả”?

Nàng xâu chuỗi lại cấp thứ của nhân vật có gai nhọn hoắt này. Lúc đầu là “lão”, nay chuyển sang “thằng chả”, có nghĩa rằng trong mắt chị Nhân, nhân vật làm cho nàng “chết” và “nhào” đang nhích gần hơn, thu hẹp dần khoảng cách về tuổi tác. Mà có khi nào chị hạ thấp hơn nữa không nhỉ, như “nó” hay “anh ta” chẳng hạn? Vì ít ra, theo suy nghĩ của nàng, chị không còn coi trọng chuyện cách biệt tuổi tác quá lớn đến độ dị hợm; nhưng đằng nào, lớn nhỏ gì cũng vẫn là nguyên nhân gây ra sự không hài lòng đối với những người lớn, trải đời như chị; lại nữa có rất nhiều nguy cơ làm cho em gái chị phải biến thành “cục mỡ” như mẹ đã cảnh báo.

Nhiều khi đứng trước gương soi, nàng xoay qua bên này, ẹo chút bên kia, đưa tay véo vào hông, nắn ngực, xoa xoa lên mặt, nắn chóp mũi... Đẹp. Nàng cười rung rinh và thừa nhận mình đẹp từ đầu đến chân ngay tại thời điểm “gái một con” (nàng thâm cảm ơn tạo hóa đã tặng cho nàng chút nhan sắc, và rồi tự hỏi tại sao Tùng lại bỏ mẹ con nàng để chạy theo cô nàng ca sĩ cà tong cà teo gần giống que nhang?). Tự nhiên cái xộc xệch, vợ vẫn lại chun vô đầu. Gái một con. Ở thì một. Hơi đúng đúng, dù rằng trước đó nàng không mấy

tin tưởng nhan sắc tùy thuộc vào vấn đề sinh học cùng đất tay đi theo chiều dọc thời gian, tồn tại ở thời điểm “một con”. Hai, ba... hay một bảy lúc nhúc của mẹ Âu Cơ thì sao nào? Mấy ngàn năm rồi, mẹ vẫn đẹp trong mắt dân Việt kia mà?

Hay mẹ hoặc chị Nhân thử đứng ra giả bộ tổ chức kén chồng lần nữa cho nàng, đảm chắc rằng không chỉ có hai anh Sơn Tinh và Thủy Tinh, mà sẽ có nhiều chàng sắp hàng từ đại lộ vua Hùng chạy vào đích là cái quán này. Kề chiến thắng sẽ bế xốc nàng lên giống như mấy tay *coureur* về đích ôm bó hoa tươi trước bục. Rồi sau đó... Hoang tưởng. Bậy bạ.

Ý tưởng về chuyện đua xe đạp, đua *marathon* dậy lên trong đầu như khối chiều vương vất trên đọt cau. Nàng nghĩ vụ này sẽ hấp dẫn như một tuồng cải lương mùi và liền sắp xếp mọi diễn biến của từng nhân vật, theo thứ tự thời gian các anh chàng tới quán cà phê buổi sáng và bia bọt buổi chiều.

Đầu tiên là anh chàng sĩ quan mang quân hàm cấp tá, đang còn tại vị, vợ chết ba năm, có đứa con gái duy nhất lên bốn, tính theo tuổi bà mụ. Anh chàng đến quán uống cà phê tám lần. Lần thứ chín, quán vắng, chàng nhìn nàng đắm đuối, mở lời. Chàng khai vắn tắt lý lịch rồi nói tôi yêu em. Nếu em đồng ý, tôi sẽ cưới em và chỉ cần sinh cho tôi đứa con trai. Lương hiện tại của tôi mười mấy triệu. Nhà cửa vật chất đầy đủ. Chỉ cần em sinh cho tôi đứa con trai, em sẽ không thiếu thứ gì trên đời này. Giọng chàng diễn tả thiếu chút gia vị mùi mẫn, nhưng mang nhiều cân đong đo đếm như đang đối mặt với đối phương ngoài chiến trường. Dòm bộ dạng, chàng có vẻ là một kịch sĩ hơn là một chiến binh, bởi chàng đang tập diễn hài kịch trên sân khấu nhỏ!

Nàng áp tay mình lên mu bàn tay chàng, như thầy lang vườn mới học nghề, bắt mạch cho bệnh nhân. Nàng nhỏ nhẹ: Em cảm ơn anh. Nhưng em sợ cái “không thiếu thứ gì trên đời này”. Bộ anh tính thật kết hay ăn chặn của lính sao? Không. Em sợ cảnh tù tội. Thứ đến vụ “sinh cho tôi đứa con trai”. Lại tra ỏ khóa, điều khiển tôi như cái máy đẻ sao? Cảm ơn anh. Tôi không thể đẻ được. Chắc chắn tôi không đẻ được nữa đâu.

Chàng chết lặng. Sau đó biến mất. Không bao giờ thấy tới quán nữa. Ồ, giặc đến chàng đánh đấm ra sao nhỉ? Nàng

mất đi một khách hàng nhưng bù lại, những lúc buồn buồn, nhớ chuyện cũ, nàng bật cười đến nước mắt chảy ràn rụa. Chàng thứ hai là một giảng viên khoa tiểu học. Chàng tầm thước. Bụng to hơn ngực, thuộc loại “mày râu nhẵn nhụi áo quần bảnh bao”. Giọng nói thì luôn dính cục như những viên kẹo ướm phoi ngoài nắng, có biệt tài nói bất cứ đề tài gì, từ thượng vàng đến hạ cám theo kiểu suy diễn của “giai cấp bản cổ nông” làm nên lịch sử, đang ở tầm cao thời đại. Chàng khai trước “tòa” rằng vợ sắp hưu, bị bệnh gì đó bằng tiếng tây, nàng không nhớ, không còn chức năng đàn bà. Chàng nói tôi thương em. Chúng ta hãy đến với nhau. Nhà ai nấy ở. Anh sẽ lo chu đáo cho mẹ con em.

Lần này nàng không xem mạch vì tay đang bận ghi hóa đơn tính tiền cho khách nhậu. Đến khi chàng hỏi lại: Em đồng ý chứ? Nàng giật mình, hỏi cái gì đồng ý. Chàng nhắc lại đúng lúc ông khách bước tới xìa hóa đơn kêu ghi nợ. Tâm trạng nàng đang như vừa bị con kiến cắn, tiếp liền sau đó là con ong đốt, đau ngứa rất tạt, khiến nàng xằng giọng: Bộ anh tưởng tôi là gái gọi sao? Ông khách cầm hóa đơn khất nợ la lên: Thì ghi nợ một lần cuối tháng lãnh lương trả. Làm gì âm ỉ gái gọi ở trong. Này, cầm cái này vậy. Vừa nói khách vừa tháo chiếc nhẫn trên ngón áp út đặt xuống bàn, hằm hằm quay ra. Tai họa. Mồ hôi nhiều lộp độp và hơi thở hắt lên đè cứng ngực bay vọt ra cả miệng cả mũi, thiếu điều nhắc bổng mấy cái ly trên bàn lên không trung. Nàng vội vã cùng với mồ hôi, hơi thở gắt, nhồm dầy cầm chiếc nhẫn lao ra cửa đuổi theo ông khách...

Chàng thứ ba là anh nhà báo tính, có mái tóc nghệ sĩ, kính mát luôn gắn lên mắt dù đang ngồi trong nhà. Vợ chàng là đốc-tò tại chức, trường khoa sinh đẻ bệnh viện địa phương. Chị bác sĩ bốn bảy này chưa một lần sinh nở, không biết lỗi do ai bởi cả hai đều khẳng khẳng đối phương mới là thủ phạm chính. Chén đũa rỗng rỗng, lọc cọc suốt. Chàng buồn tình chề chèn và quán nàng là địa điểm lý tưởng để trút bầu tâm sự. Nàng chia sẻ nỗi đau và cảm thông hoàn cảnh. Bà bác sĩ được điệp báo cung cấp thông tin, bỏ sở, phóng xe máy tới xách tai chồng như xách con thú cưng và buông tuồng những ngôn ngữ chưa hề ghi trong từ điển, đầu là từ điển bách khoa toàn thư do các viện sĩ, giáo sư tiến sĩ lỗi lạc ở nước ta biên soạn!

Nàng thở dốc. Đếm ra chắc còn dài ngoằng. Tụ trung là

chàng nào cũng có cặp mắt và ý nghĩ và một vài hành vi rất kém vệ sinh.

Nàng gạt tất qua một bên.

Và như vậy, nàng chưa là cục mớ, chưa kẻ nào rù quên được nàng như mẹ nghĩ.

Vậy mà mấy tháng sau, sau những “cuộc tấn công thần tốc” lớn nhỏ, thân cây chỉ một người ôm lỏng là nàng đang bắt đầu có dấu hiệu rung rinh run rẩy; không vì bão tố, không vì sấm sét mưa giông, mà chỉ là những cơn gió thoảng, hiu hiu nhẹ.

Nàng cố xua đuổi hình ảnh “những ngọn gió” bằng nhiều cách khác nhau trong mọi sinh hoạt hàng ngày: Bấm dao xuống thớt mạnh hơn. Những con mực ống bị nhồi thịt băm quá mức, đến nỗi con mực phình chướng như thẳng chết trôi, rồi tưởng tượng thẳng đó đã chết thật, chỉ ít đang sặc nước, đang ngáp ngáp gần chết. Nàng lại hả hê khi miết đầu bút vào các chữ số tờ hóa đơn, xé cái roet, dứt khoát như thể đang xé nát thẳng chả ra làm nhiều mảnh. Lại hả hê. Nàng bắt đầu cự nự, đốp chát tay đôi với khách, trái với bản tính dịu dàng, đôi khi phải đóng kịch trước mặt các thượng đế. Thói xấu này rõ ràng có duyên cớ, duyên cớ tù mù rồi như nùi rơm quán quanh nọc!

Cả hai tháng nay thẳng chả lặn đâu mất tăm, trong khi nàng vẫn tiếp tục miết mạnh đầu bút bi vào các chữ số; tiếp tục xé roet những tờ hóa đơn mỗi lúc nghe chuông to hơn, nhưng không biết để làm gì.

Ủa, liên quan gì vậy cà?

Mắc mớ chi vậy cà? Thật thảm hại!

...

Nàng không nhớ thẳng chả đến quán vào lúc nào, nhưng thường có nhiều người, ít nhất bốn người cùng đến quán. Hai người là công chức địa phương. Người thứ ba là thầu khoán. Người cuối nghề tự do, hình như có trang trại cà phê đầu đó trên Lâm Đồng. Không biết thẳng chả nghề gì. Mù tịt. Nhưng xem ra, trong lúc chuyện trò, cả bốn người đều tỏ ra kính trọng rất mực. Trong quán ồn ào, những người bạn ồn ào thì thẳng chả ngồi im, góp chuyện bằng những nụ cười, hiếm khi nghe tiếng tranh biện. Thẳng chả chỉ có cười, nụ cười như đứa con nít còn ẵm ngửa. Đẹp lạ.

Nàng ra tay khai thác bạn đi cùng thằng chả: Ông sống độc thân một mình trong ngôi nhà cổ cách phố chừng mười phút chạy xe máy. Đó là lời anh công chúc. Anh thầu khoán thì thêm: Suốt ngày giam mình trong nhà, vẽ và chép tranh thuê cho người khác. Mấy cha đầu nậu lợi dụng chả mang tranh qua bên kia kiếm bộn xu.

Té ra thằng chả là thợ vẽ, họa sĩ vườn. Nàng khoái trá khi tưởng tượng thằng chả là tay thợ vẽ trong trạng thái đứt dây, bị chạm, tâng tâng các thứ...

Mà thằng chả đứt dây thiệt. Thử tưởng tượng, trong tiết trời tháng Chạp. Lạnh cắt da. Gió bắc từ biển thổi ào ạt, lạnh đến ngứa rần rần mang tai, ngón tay... thì thằng chả bất ngờ đề nghị với đám bạn bốn tên: Mang tất ra bãi ngồi nghe biển và hàng dương hát. Cả bọn hào hứng lên đồng với chả, bước ra khỏi quán với vẻ mặt lũ trẻ con chính hiệu. Tất nhiên nàng phải tò mò, bám theo như công an theo dõi bọn tội phạm hoặc chuẩn bị thành tội phạm.

Thùng bia lật úp làm bàn. Món nhậu trong túi nylon. Bia trên tay mỗi người. Cả bọn cười nói gì đó vang động một góc bãi vắng. Mây vùn vù tối sầm trên đầu. Biển đập âm âm, bọt sóng tung tóe lên gần sát chỗ thùng bia lật úp.

Những đợt dương như muốn ngã chúi vào đường lớn. Gió quật nghiêng ngã. Nàng tựa người khuất vào gốc dương lắm bầm: Đây mà gọi là biển hát, dương hát. Đồ khùng! Nàng muốn chạy lại và gào lớn lên. Nhưng nàng không chạy, bước chậm về phía chiếc thùng giấy lật ngược, vây quanh bởi năm con người như cây cau cảnh che chắn chiếc thùng không để gió thổi bay đi. Cát ướt miết trong lòng bàn chân. Gió thổi dạt mái tóc nàng ra sau, tóc vạt áo choàng đen, muốn bứt tung hàng cúc cài kín. Mọi người cùng ô lên: Em ra chi đây, gió lạnh lắm. Riêng chả không hề mở miệng, cho đến khi nàng đứng tựa vào thân cây dương trụi lá, chả mới ngước lên, nói với gió gào: Nhìn cô chủ nhỏ như đang bay. Mái tóc ngược gió và hát kìa. Tuyệt vời...

Thằng chả lại mất tăm đến bốn tháng trước và sau tết. Một bữa chả đột ngột xuất hiện, tóc tai rối nùi, áo quần xộc xệch. Chả chào nàng bằng nụ cười nửa miệng, từ tốn kéo ghế ngồi xuống, từ tốn rút máy gọi bạn. Không đủ, nhưng cũng có anh công chúc trốn sở và anh chủ trang trại cùng mấy người khác nàng chưa gặp bao giờ.

Thằng chả nói: Bữa nay tôi dãi mấy chú, nhưng không phải ngồi đây. Mang tất lên tôi, mừng bức tranh vừa xong? Hai người kia kêu ô-kê. Khi mọi thứ đã đặt vào túi nylon, vào thùng. Thằng chả ngược cặp mắt như thỏ nam châm quay về phía nàng: Mời cô. Cô sẽ ngạc nhiên vì nó đó. Nàng tỉnh queo: Cảm ơn, tôi bận khách. Thằng chả cười cười: Cô sẽ hối tiếc giây phút đây đây. Giây phút nào, hối tiếc cái gì? Nàng bĩu môi thăm thẳm trong đầu. Nhưng sau đó, khi mọi người chuẩn bị ra xe, nàng đổi ý. Có lẽ thằng chả nói không quá. Có điều gì đó mà linh cảm đàn bà trong nàng trỗi dậy gây chút bứt rứt, chút háo hức, tò mò... không thể hiểu, không thể giải thích.

Căn nhà cổ kính nằm sâu trong khu vườn cây um tùm. Mái ngói âm dương rêu mốc. Hàng hiên rộng, kê chiếc bàn nước và nhiều ghế đầu kiêu cổ. Gian thờ chính giữa với câu đối, hoành phi, tủ cảnh xà cừ, bộ trường kỷ. Bên phải là phòng ngủ, bên trái la liệt vải toan, ống màu, giá vẽ. Tranh dựng vào tường, treo trên vách, lộn xộn như gánh hàng xén ở chợ quê...

Nàng tò mò bước vào, xán lại gần những bức tranh đầy sắc màu mà không mấy hiểu. Một bức khác nằm trên giá, phủ tấm voan màu xanh nhạt. Trong khi mấy người bạn bày biện lên bàn, chả xộc vô miệng nói mời cô, tay đưa ra phía hàng hiên. Chà, có đầu kiêu mời mọc trịch thượng, kém lịch sự như vậy? Tự ái lẫn tẩn trong đầu, phập phều trong bụng. Nàng chưa chịu nhúc nhích. Còn thằng chả thì đưa đôi cánh tay rắn chắc bê nguyên giá vẽ phủ tấm voan xanh... bước đi với điệu bộ của một kẻ hãnh tiến, phách lối, chẳng coi ai ra gì!

Nàng còn lơ ngơ ngó cái hóc xó lộn xộn thì bên ngoài, mọi người cùng ồ lên một lượt. Nghe động, nàng quay ra cũng một cách bước tới như hồi ở dưới bãi bước nhẹ về phía chiếc thùng giấy lật ngược.

Bức tranh hiện ra trước mắt. Thiếu nữ bước trên cồn cát. Gió thổi lật mái tóc ra sau chẻ thành trăm, ngàn sợi bay rối cọ vào nhau và phát ra âm thanh. Chiếc khăn choàng và vạt áo cũng bay ngược. Cả khối hình chính trên khung vải như đang bay lên không trung, bên dưới là bãi cát mịn, là gốc dương trụ lá, sóng biển vòng cuộn xa xa. Nàng há hốc mồm nhìn chăm chăm. Người thiếu nữ trong tranh là nàng, cả mái

tóc, khăn choàng kẻ ô vuông đen trắng và tấm áo màu xanh lá cây. Tất cả như đang cùng với sóng cuộn, với hàng dương ngân lên những khúc nhạc bất tận của đại dương...
Thằng chả cầm lon bia trong tay trái, nói tôi vẽ bức này để tặng cô chủ nhỏ hôm ra bãi với chúng ta.
Cái đẹp chỉ xuất hiện bất thần trong tích tắc, chả thêm.
Cảm ơn cô. Bức tranh tên Giấc Mơ Bay.
Nàng đứng chết trân. Tâm thần bấn loạn.

Nguyễn Lệ Uyên
(tháng 9/2015)

(*) Bát Lê: nhân vật trong truyện *Chém Treo Ngành* (Vang Bóng Một Thời – Nguyễn Tuân)

DUYÊN

Chuyến tàu đêm nay...

Gửi anh Trần Hoài Thư & chị Yến với lòng quý mến.



Sketch trên Starbucks' napkin.
Đình Cường.

lại trở về trong chuyến tàu đêm.
sân ga buồn, đòi thêm hiu quạnh.
có ai về cùng, một chuyến tàu đêm?
giòng người, đêm nay...
không thấy có ai...quen.

đòi hiu hắt. lòng cùng hiu hắt.
đòi quạnh hiu. sao tránh khỏi nỗi sầu.
sầu trong lòng. sầu ly biệt?
có sầu nào. không nhuộm, hắt hiu xưa.

những sân ga nhỏ, buồn. im lặng.
có kẻ chờ. tiễn nhau, trong đêm.
ánh đèn leo lét, không tỏ mặt.
không biết ai buồn. vui. đêm nay?

trên đường xa, hàng cây khô trụi lá.
tại vì, chờ mong, hay chia xa?
tiếng còi tàu. đêm, đêm. dẫn lối.
vòng xe lăn. đường sắt cũ. quay về.

ai kia. lạc bước, sân ga nhỏ.
bỏ. sân ga tối, thiếu bóng người.

duyên.
August 11. 2015.

Lê Văn Trung

TA VỀ MỘT BÓNG BÊN ĐƯỜNG



Phác thảo của Thân Trọng Minh

Ta về
Hiu hắt con đường cũ
Hàng phượng buồn
Quên chưa trở bóng
Mưa tạt qua sông rờn rợn sóng
Gió oan khiên buốt lạnh trong hồn

Ta về
Ga vắng
Con tàu nhớ
Nét chữ ai đề loang vết rêu
Ta đọc như kinh
Bàn nổi nhớ
Niềm đau dẫu biển nửa câu Kiều

Ta về
Hiên vắng
Nhà hoang

Gọi
Tên người
Nghe vọng tiếng buồn phai
Ta gom hết lá vàng năm cũ
Mới thấy lòng xưa cũng đổi mùa

Ta về
Quên
Nhớ
Thôi đành vậy
Áo bạc màu theo cuộc nhiều nhưng
Em còn đâu đó
Phương trời lạ
Ru giùm ta mấy khúc đoạn trường

Ta về
Một bóng
Sôi bờ nước
Thấy đời mình chao một thoáng mây
Tay mỗi vỗ buồn thanh gươm rỉ
Đời người như sợi tóc tàn phai.

Lê Văn Trung

Hội An tháng 5/15 với H.L

Tổn Thất Của Thường Dân Trong Chiến Tranh Việt Nam Qua Thơ Trần Hoài Thư

***Tản mạn của Nguyễn Âu Hồng**



*Cầu Bồng Sơn cũ nay chỉ còn vài nhịp
(Ảnh Báo Bình Định)*

Bài một: Cây Đa Bên Cầu

Cây đa bên cầu Bồng Sơn ấy từng được nhiều nhà văn nhà báo biết đến. Do vị trí không thể loại trừ khi chụp ảnh chiếc cầu trên QLI qua sông Lại Giang bị giật sập một nhịp sát bờ bắc, cây đa mặc nhiên xuất hiện trong ảnh, không hậu cảnh là tiền cảnh. Ký giả Lê Minh đã nhiều lần cho đăng những bức ảnh chụp chiếc cầu có cây đa này trên nhật báo Tự Do, Quyết Tiến những tháng cuối năm 1966 đầu năm 1967 kèm theo ký sự của Lê Ký, Chàng Âu, Kim Hùng, Văn Phúc.

Nhưng phải đợi đến khi gặp mặt với Trần Hoài Thư cây đa bên cầu ấy mới đi vào trong thơ, bật lên thành thơ.

Cây đa đứng bên trái QLI, bờ bắc sông Lại Giang cuối thị trấn Bồng Sơn, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.
Thị trấn Bồng Sơn thời điểm ấy buồn thảm như thế này đây:

*Thị trấn nằm hai bờ quốc lộ
Vĩa hè loang lổ đường mương con
Những quán bên đường nghèo trống gió
Những cô hàng buồn như tản cư*

Làm sao thị trấn trung tâm có được chút sinh khí khi mà tình hình chung trong cả quận Hoài Nhơn không có gì sáng sủa:

*Bồng Sơn mùa nước dâng sông Lại
Ngày sũng loang trên những mảng dừa
Mặt trận đổ theo bìa Đệ Đức
Nghe cận kề lửa hướng Tam Quan*

*Bồng Sơn, mây ám toàn tin dữ
Chiều chưa buông, quận đóng năm giờ
Giặc chiếm cận sơn, người chạy loạn
Còn lại bên cầu, tro troi cây đa.*

Cây đa đứng tro troi một mình bên cầu, đối diện với quận đường quận Hoài Nhơn. Do tình hình căng thẳng, vừa hết giờ hành chánh, năm giờ chiều là quận đóng cửa. “Quận đóng năm giờ” không đơn giản chỉ là đóng cửa không tiếp dân mà đóng cổng vào bằng những khung sắt căng thép gai và cả một hệ thống phòng thủ, mìn claymore quay mặt ra ngoài.

Chỉ với tám câu thơ thôi mà tường trình chi tiết tình hình của cả một quận cực bắc tỉnh Bình Định thời chiến tranh ác liệt. Cái hay xuất thần trong hai khổ thơ này là sự xuất hiện của cây đa với vị trí và dáng vẻ đặc biệt của nó: Đứng một mình bên dòng Lại Giang, ngay nơi đầu cầu trông trái, không đình miếu, đến cái thủ kỳ cũng không, nhưng bên gốc vẫn có ông táo, bếp lò, tro than, bình vôi, lư hương tàn lạnh như những cây đa thường thấy ở đầu

làng quê Việt Nam. Cây đa cao lớn nhưng không rậm rạp
cành nhánh này theo phát hiện của thi sĩ vừa là chứng
nhân của chiến cuộc vừa là niềm an ủi, là chỗ dựa tâm
linh của những người dân đang khốn đốn.

Họ là những thường dân, phần lớn là ông già bà cả, đàn
bà trẻ con, nạn nhân chính của chiến cuộc. Đã đành, họ ở
giữa làn tên mũi đạn mà còn là đối tượng giành giật của
cả đôi bên. Họ luôn được khuyến dụ “một tác không đi,
một ly không rời” hoặc “về với tình thương, về với quốc
gia”.

*Cây đa. Có mặt khi nào nhỉ
Có phải nơi này là quê hương
Có phải mỗi con người trôi dạt
Cất trong tim: bóng mát thiên đường.*

Tình hình như dầu sôi lửa bỏng, dân chúng tối tăm mặt
mũi dấp dứu nhau chạy loạn, không biết nương tựa vào
đâu thì cây đa xuất hiện: bóng mát thiên đường.

Cái hay của bài thơ còn ở chỗ: khổ sau bổ nghĩa cho khổ
trước, khổ trước đẩy cảm xúc dồn nén xuống khổ sau.

“*Giặc chiếm cận sơn người chạy loạn*” ở khổ thứ ba giúp
các bạn đọc chưa trải qua chiến tranh hiểu được câu cuối
của khổ đầu: “*Những cô hàng buồn như tản cư*”.

Rồi toàn bộ tình hình căng thẳng, sục sôi lửa đạn, cuối
cùng ập lên số phận của một người phụ nữ:

*Cây đa. Vươn giữa trời bi lụy
Những thổ thần hoang lạnh lư nhang
Lửa cháy Trường Lưu, đò đã chặn
Chị ra sông, ời ời đoạn trường.*



*Sông Lai Giang nhìn từ cầu Bồng Sơn cũ về phía hạ lưu
(Ảnh Báo Bình Định))*

Trên kia tôi có dùng chữ “tường trình” tuy phục tài thi sĩ làm thơ với cái nhìn sắc sảo của người viết văn xuôi, nhưng cũng có ý nói: tác giả tuy nhập cuộc nhưng chưa thực sự là người trong cuộc. Tới đây, với tiếng “chị” thân thương thì thi sĩ đã là người trong cuộc. Thi sĩ cùng đau với cái đau của chị mình, của đồng bào mình ruột thịt. Với tiếng “chị” thân thương, bài thơ đã mang tính nhân bản rộng lớn.

Cây đa tuy trơ trọi nhưng vươn cao, đứng sừng sững bên kia quốc lộ trước quận đường. Tuy quận đường và chi khu ở hầu hết các quận thời chiến cùng đặt chung trong một khuôn viên, nhưng chi khu là quân sự, quận là đơn vị hành chánh. “Quận đóng năm giờ” cũng có nghĩa là chi khu bắt đầu phòng thủ trước khi trời tối, và đây cũng là khía cạnh tế nhị của bài thơ.

Cây đa đứng trước quận (chi khu), vươn cao nên “chứng kiến” mọi diễn biến tình hình chiến sự đang căng thẳng sục sôi và cảnh ngộ khốn cùng của những thường dân (civilians).

Những thường dân nạn nhân chiến cuộc này phải rời bỏ nhà cửa ruộng vườn chạy loạn, những “*cô hàng buồn như tản cư*” và cuối cùng là:

*Lửa cháy Trường Lưu, đò đã chặn
Chị ra sông, ời ời đoạn trường.*

Đây chính là đỉnh điểm của bi kịch, là hình ảnh đau thương, là tiếng kêu thống thiết làm nên cái đẹp nghẹn ngào của toàn bài thơ, một bài thơ đáng ra đã đi vào lòng nhân loại vì tính nghệ thuật và tính nhân bản của nó.

Nguyễn Âu Hồng

May 2013 - Feb 2015

Đón đọc phần hai: Đêm Tiếp Cứu Chợ Huyện

Cây Đa Bên Cầu

*Thị trấn nằm hai bờ quốc lộ
Vía hè loang lổ đường mương cong
Những quán bên đường nghèo trống gió
Những cô hàng buồn như tản cư*

*Bồng Sơn mùa nước dâng sông Lại
Ngày sững loang trên những mảng dừa
Mặt trận đổ theo bìa Đệ Đức
Nghe cận kề lửa hướng Tam Quan*

*Bồng Sơn, mây ám toàn tin dữ
Chiều chưa buông, quận đóng năm giờ
Giặc chiếm cận sông, người chạy loạn
Còn bên cầu trợ trọi cây đa
Cây đa, có mặt khi nào nhỉ
Có phải nơi này là quê hương
Có phải mỗi con người trôi dạt
Cất trong tim: bóng mát thiên đường.*

*Cây đa vươn giữa trời bi lụy
Những thổ thân hoang lạnh lư nhang
Lửa cháy Trường Lưu, đò đã chặn
Chị ra sông, ời ời đoạn trường*

*Cây đa. Ngàn rễ đâm lòng đất
Như tấm lòng người với Bồng Sơn
Đa bám làng, tôi đi bám đất
Đất và làng, thương quá quê hương.*

Trần Hoài Thư

(Ô CỬA - Thi tuyển toàn tập, Thư Ấn Quán tái bản, 2011)

Bài hai: Đêm Tiếp Cứu Chợ Huyện



Tháp Bánh Ít (Tháp Bạc) huyện Tuy Phước tỉnh Bình Định - Ảnh Wikimapia

(Doanh trại đơn vị Thám kích của Trần Quý Sách nằm phía sau tháp chính)

Trong một bài tự thuật kể lại những ngày cảm sung ngủ bờ ngũ bụi ở tỉnh Bình Định, nhà văn Trần Hoài Thư có nêu tên các thi sĩ gốc tỉnh này, nhưng không thấy nói đến hai câu thơ gọi đồ nổi tiếng của Quách Tấn và hai câu thơ về

người chị gánh thóc dọc bờ sông của Hàn Mặc Tử:

*Nửa đời khói mây chìm bóng mộng
Gọi đồ một tiếng lạnh hư không*

Hai câu thơ mà âm vang còn vọng mãi trong thi ca Việt Nam này của thi sĩ Quách Tấn, trong cảnh chiến tranh ác liệt, đã trở thành huyền mộng, khi mà:

*Lửa cháy Trường Lưu, đồ đã chặn
Chị ra sông, ời ời đoạn trường*

Gần gũi chẳng là hai câu thơ về người chị gánh thóc của Hàn Mặc Tử:

*Chị ấy năm nay còn gánh thóc
Dọc bờ sông trắng, nắng chang chang.*

Cho dầu Trần Hoài Thư không đề cập thì hai câu thơ về người chị “*ời ời đoạn trường*” ở bến đồ Trường Lưu sông Lại Giang vẫn được xem như là câu trả lời. Trả lời cho cả Quách Tấn lẫn Hàn Mặc Tử.

Nhưng, điều đáng nói ở đây là: người chị nạn nhân chiến cuộc của thi sĩ Trần Hoài Thư và người chị gánh thóc trong thời bình của thi sĩ Hàn Mặc Tử đều là một người phụ nữ Bình Định. Phải chăng đây là cuộc hội ngộ kỳ diệu của định mệnh?

Mà cần gì phải viện đến Quách Tấn, Hàn Mặc Tử. Sao không dẫn chính thơ Trần Hoài Thư. Tiếng kêu đoạn trường của người chị ở bến đồ Trường Lưu làm nhớ đến người chị trong “*Khi Chị Về*” để rồi hai hình ảnh đối lập làm ta đau nhói tâm can:

*...Chị có về trắng mười sáu trăng lên
Một giọt sương cũng lạnh mình lóng lánh
Hay giọt lệ của một thời con gái
Hay giọt vui của tuổi chớm hoa xuân
Mười sáu trăng tròn hồn chị băng khuâng
Đêm ra tắm ngoài bến sông im vắng
Chiếc gáo dừa múc trăng. Trăng động*

*Dòng suối trắng lai láng cả bình nguyên
Ai khỏa thân lồ lộ cả trăm miền
Chị có thẹn khi trắng nhìn trên lá
Khi chị về gió len bờ khe hạ
Mơ man từng nụ thắm. Mơ man
Khi chị về em quá ngẩn ngơ
Cho em gửi theo vầng trăng kỷ niệm.*

Chao ôi, những câu thơ vừa lung linh diễm tuyệt vừa gợi cảm đến mê hồn. Dù là “*khỏa thân lồ lộ cả trăm miền*” mà vẫn trinh bạch, tinh khiết *không chút bợn xác thịt*. (Mượn nhóm từ Bửu Ý - Đỗ Long Vân tặng cho tranh lữa thể của Đinh Cường.)

Đã có thi sĩ nào viết về “*bờ khe hạ*”, viết về “*nụ thắm*” của con gái tuổi chớm xuân mà hồn nhiên, trong sáng và vô vị lợi như Trần Hoài Thư chưa?

*Khi chị về gió len bờ khe hạ
Mơ man từng nụ thắm. Mơ man.*

Sao gọi là vô vị lợi? Thi sĩ nhà ta cận thị nặng, từ bờ nhìn ra chỉ thấy bao la trắng động, lóng lánh trắng xao, có thấy gì cho rõ đâu? Vô vị lợi vì chỉ là tưởng tượng, không mang tội nhìn trộm con gái tắm truồng! Tưởng tượng thôi đã đủ ngẩn ngơ:

*Khi chị về em quá ngẩn ngơ
Cho em gửi theo vầng trăng kỷ niệm.*

Rõ ràng chỉ là trăng gió mộng lung, đến kỷ niệm cũng mơ hồ.

Mà nào chỉ riêng một mình thi sĩ ngẩn ngơ. Đã nói “*trăng nhìn trên lá*” thì cây cỏ cũng ngẩn ngơ. Biết đâu chừng chim đêm cũng ngừng bay, cá sông ngừng lội, chim te te im tiếng, bìm bịp ngưng kêu dù con nước đương ròng, vì tất cả đều ngẩn ngơ. Hãy cứ ngẩn ngơ mà bồi đắp niềm đam mê cho thêm phong phú tâm hồn.

Tiền đây lan man một chút. Không biết Trần Hoài Thư và Lưu Nguyễn có quen nhau không, nhưng thấy hai thi sĩ có những mối rung cảm gần như trùng hợp:

*Muốn là gió len qua từng sợi tóc
Nhè nhẹ mơn man phiến má hồng
(Lưu Nguyễn - Bài Thơ Cho Em)*

*Khi chị về gió len bờ khe hạ
Mơn man từng nụ thắm. Mơn man.
(Trần Hoài Thư - Khi Chị Về)*

Biết đâu chẳng có mối quan hệ nào mà chỉ là sự gặp gỡ của hai tâm hồn mẫn cảm để cùng cống hiến cho thi ca Việt Nam những câu thơ trữ tình ướm át và mê đắm. Nhưng, đau thương xiết bao khi những nhan sắc mà các thi sĩ ngưỡng mộ đã hoặc đang đứng trước nguy cơ bị chiến tranh và bạo lực bức hại. Không riêng gì người chị “gánh thóc” của Hàn Mặc Tử, người chị tắm sông trong đêm trăng huyền hoặc của Trần Hoài Thư hay người em với “phiến má hồng” của Lưu Nguyễn mà biết bao người phụ nữ xinh đẹp nhưng yếu đuối đều rất dễ đẩy vào cảnh ngộ thương tâm của người chị trong “Cây Đa Bên Cầu”:

*Lửa cháy Trường Lưu, đò đã chặn
Chị ra sông, ời ời đoạn trường*

Phải gấp lên. Phải dóng lên tiếng nói cảnh báo bằng những dòng thơ vừa mượt mà nhan sắc phụ nữ vừa thấm đẫm tình người, những dòng thơ tuy không phải là lá chắn che chở trực tiếp những người chị, người em yếu đuối, nạn nhân của chiến tranh và bạo lực, nhưng là một trong những cách thể phòng vệ từ xa, là tiếng chuông đánh động lương tâm nhân loại.

Phải gấp lên, đừng để thảm cảnh ở Chợ Huyện xảy ra lần thứ hai:

*Ta đã về nhìn bầy chim nhỏ cút côi
Chúng ủ rũ, như lòng ta ủ rũ
Lũ bé quỳ bên xác người cô trẻ
Đặt chùm hoa, méu máu gọi cô về
Cô không về, cô bỏ dạy, cô đi
Cô bỏ chúng con cô về xứ khác
Ta cắn bầm môi, em ơi, ta khóc
Em không về em cũng bỏ thanh xuân*

*Em bé quê ơi, cho ta nhành bông
Một nhành bông quỳ vàng như màu áo
Ta đặt lên em. Trống trường ảo não
Như những hồi mặc niệm em tôi
Ta đã về, và đã trở, em ơi...*
(Đêm tiếp chợ Huyện - Ô CỬA, Thi tuyển toàn tập -
Thư Ấn Quán tái bản 2011)

Chưa từng có bài thơ nào mà khi đọc tim tôi nhói đau, lòng tôi quặn thắt như bài thơ đầm nước mắt này của Trần Hoài Thư. Khi biết cô giáo trẻ chết thảm ấy là một nữ giáo sinh Sư phạm Quy Nhơn về huyện Tuy Phước - Bình Định thực tập, ngủ nhờ trong khuôn viên quận đường và bị bức hại, tôi cũng “*cấn bầm môi*” và tôi nhận được thông điệp toát ra từ nội dung bài thơ. Thông điệp khá rành mạch: đừng để bị trể. Đừng chậm trễ! Hãy cứu lấy những cô gái, cô giáo trinh trắng, những em bé và những thường dân không có khả năng tự vệ. Đừng để bị chậm trễ!

Làm sao để không phải thốt lên tiếng kêu tuyệt vọng: “*Ta đã về, và đã trở, em ơi!*”.

May 2013 - Feb 2015

Nguyễn Âu Hồng

PHẠM VĂN NHÀN

Hai bài viết cho hai người bạn

Phạm Cao Hoàng, giấc mơ vẫn còn nguyên

Nhiều người đã viết về Phạm Cao Hoàng, nhưng với tôi, viết về Phạm Cao Hoàng có lẽ khác với những người đã viết về nhà thơ này. Bởi vì, Phạm Cao Hoàng với tôi có một mối thâm tình vừa là bạn, vừa là em cũng có thể. Với tôi, Phạm Cao Hoàng gần gũi không phải mới ngày hôm nay mà gần gũi vào những năm tháng thật xa, có thể trên 40 năm rồi cũng phải.

Ngày đó, do chiến tranh đưa đẩy, thành phố Qui Nhơn là nơi lưu dấu những bước chân từ phương xa đến. Và cũng từ cuộc chiến này, nơi thành phố Qui Nhơn này, tôi có những người bạn văn nghệ thật tình quý mến. Những người bạn mà cho mãi đến hôm nay vẫn còn giữ nguyên. Nói đến Qui Nhơn tôi không thể nào quên những người bạn "chí cốt" thật dễ thương trong đời sống hằng ngày của tôi, cho dù cuộc sống có đổi thay vì tình hình đất nước.

Khi nói đến Phạm Cao Hoàng tôi lại nghĩ đến hai người bạn khác nữa, đó là Trần Hoài Thư và Lê Văn Trung. Đúng vậy, khi viết về Phạm Cao Hoàng mà không nói đến hai người bạn Trần Hoài Thư và Lê Văn Trung là một thiếu sót trong tôi. Hình như năm 1968 thì phải, Phạm Cao Hoàng, Lê Văn Trung đến Qui Nhơn theo học ngành Sư Phạm để sau này ra trường làm thầy giáo. Còn tôi, sau những năm lội ở phía Bắc Bình Định từ cuối năm 1965, có biết Qui Nhơn là gì đâu. Thành phố đó như một lần mơ ước để về, mà nào

có được. Bỗng dưng tôi cũng về và sống nơi thành phố này mấy năm. Trong mấy năm đó, từ năm 1968, 1969, Trần Hoài Thư, Phạm Cao Hoàng, Lê Văn Trung và tôi thường xuyên gặp nhau. Cái duyên văn nghệ, văn gừng ấy đã kết chặt chúng tôi lại cho mãi đến hôm nay.

Mà nghĩ cũng lạ, sau khi tôi được điều về hậu cứ, trước trận Mậu Thân, làm một anh chàng dạy lính học thì chuyện đánh đấm ngoài mặt trận tôi không màng đến nữa. Thế mà, nơi nào cần thì cấp trên lại điều tôi đi. Như khi quận Tuy Phước bị đột kích, thiếu tá Tùng quận trưởng chết. Hai giờ sáng, lệnh trên bắt tôi phải thành lập đơn vị đưa toán quân lên quận Tuy Phước gấp để giữ an ninh. Đến nơi, một quận trưởng chết, một cô giáo sinh Sư Phạm chết, một cô bị thương nặng. Hình như cô giáo sinh Sư Phạm này cùng khóa với Phạm Cao Hoàng, Lê Văn Trung thì phải? Thế rồi Trần Hoài Thư cũng đưa quân có mặt bên ngoài quận. Gặp nhau trên máy, tôi mừng vì có bạn tôi an ninh mặt ngoài. Sau quận Tuy Phước lại đến Mậu Thân năm 1968, cái duyên thật kỳ cục, tôi lại bị chỉ định dẫn đơn vị ra giữ an ninh tuyến đường chỗ cây xăng Ông Tề trên đường Gia Long, mấy ngày ở trên đoạn đường đó chẳng sao. Sáng 29 tết. Có lệnh rút để đơn vị bộ binh vào thay thế. Hóa ra lại là đơn vị của bạn tôi – Trần Hoài Thư. Đêm 30 tết Mậu Thân, Trần Hoài Thư bị thương nơi chính cây xăng Ông Tề này mà tôi giữ an ninh đêm 29 tết.

Qui Nhơn qui tụ nhiều anh em cầm bút, lính có, dân sự có, trốn lính cũng có. Những cây bút thành danh một thời trước 1975. Ngày đó, Trần Hoài Thư mỗi lần rảnh rỗi, không bận việc quân hành là từ cầu Bà Di dù về với ba anh em chúng tôi trong căn nhà thuê ở Khu Sáu, gần Ghềnh Ráng. Ngày đó, với tôi, Phạm Cao Hoàng và Lê Văn Trung rất dễ thương. Lúc đó, Phạm Cao Hoàng là một giáo sinh nhưng xem ra cũng "bụi" lắm như tôi với Thư. Chỉ có Lê Văn Trung là có dáng dấp "đạo mạo chính tề" của một ông thầy trong tương lai. Ngày đó, Hoàng có một nụ cười mà ngay chính chúng tôi cũng còn mến hướng hồ đắm con gái. Nụ cười ấy, đôi kính cận ấy làm sao chúng tôi quên được phải không Lê Văn Trung và Trần Hoài Thư?



Phạm Cao Hoàng (1969)

Càng ngày cuộc chiến càng khốc liệt. Những người bạn của chúng tôi cũng đã nằm xuống, như nhà thơ Nguyễn Phương Loan trên Pleiku. Ai cũng nhìn thấy rõ chiến tranh, nhất là nơi thành phố Qui Nhơn này. Phạm Cao Hoàng cũng đã nhìn thấy, cũng đã trải qua:

...

*đường tôi đi có bom và đạn
có hận thù trên mỗi dấu chân
ai thả vào hồn tôi mới lớn
những mùa xương máu ngập tang thương*

(ĐI GIỮA CHIẾN TRANH – 1969)

Nỗi âu lo trên từng gương mặt. Sự nhạy cảm qua những con chữ để thơ của Hoàng bay bổng. Bài Hành Phương Đông của Hoàng là bài thơ tôi rất thích. Trong cuộc chiến tranh này, thiên hạ đang chơi trò chơi "xanh đỏ" trên quê hương chúng tôi mà nhiều lần tôi thường nói đến. Chúng tôi những thanh niên thời ấy, cũng âu lo:

...

*thời bây giờ ta như chim bị đạn
kêu đau thương nay đã suốt bao chiều
bay lảo đảo dưới trời hiu quạnh
đợi tan tành cùng mặt đất buồn thiu*

thời bây giờ, của những giọt nước mắt

*uớt đầm khăn hồng người con gái năm xưa
thời của những khăn tang chút vội
thời ruột đau như cắt nỗi chia lìa*

*thời huy hoàng của những bầy quạ đen
bay phơi phới giữa phương đông hực lửa
thời của những người đã đánh mất trái tim
chỉ còn bóng hận thù vây mọi phía*

(HÀNH PHƯƠNG ĐÔNG – 1971)

Có những đêm trong căn nhà ở Khu Sáu, nhìn ngọn hỏa châu trên đỉnh núi Ghềnh Ráng, Trần Hoài Thu không về. Mặt trận nơi nào nữa đây đến với Thu?

Viết về Phạm Cao Hoàng. Mà tại sao phải viết về thơ? Có nhiều kỷ niệm với bốn anh em chúng tôi lắm mà. Viết bao nhiêu giấy cho đủ. Bốn người: ba người định cư ở Mỹ. Một người còn lằm lũi sống ở khu kinh tế mới Đồng Nai ngày hôm nay. Tháng 4 năm 2014, tôi về nước, trong dịp giỗ anh Từ Thế Mộng, vợ chồng Lê Văn Trung từ kinh tế mới Đồng Nai ra thăm. Hai chúng tôi ngồi trong ngôi nhà của tôi ở Phan Thiết, ngôi nhà có tới 100 tuổi, mà Phạm Cao Hoàng và Trần Hoài Thu đâu? Lê Văn Trung hỏi. Một nỗi buồn xen lẫn nỗi vui tôi gặp lại Trung. Nhắc đến những tháng năm khi còn ở Qui Nhơn, nay mỗi người mỗi ngả. Nhìn Trung, già và ốm. Không như ngày xưa. Hình Lê Văn Trung đây. Phạm Cao Hoàng và Trần Hoài Thu xem hình và hai bạn còn nhớ những câu thơ của Lê Văn Trung viết trên tường nhà trong Khu Sáu Qui Nhơn: ..." *Em nào hiểu giữa cơn say/ta chiêm bao thấy một ngày rất xa/tình không không cửa không nhà/ lòng như mây trắng bay qua biển chiều...*" . Cúc Hoa ơi! Chị Yên ơi! Thu của tôi ơi! Hiệp ơi! Ngày đó, bốn đứa chúng tôi "bụi" lắm. Tình không. Tiền không. Mà người vẫn nói: tiền lính tính liền đấy nhé.



Lê Văn Trung - April 2014 (Ảnh PVN)

Vâng, phải viết, viết về những kỷ niệm thời còn rất trẻ.

T

ôi kèm theo đây một tấm hình chụp vào giữa năm 1969.

Tấm hình chụp như một kỷ niệm khi tôi với Trần Hoài Thu về thăm Tuy Hòa. Hai người lính lấy phép sao không về thăm quê nhà, mà lang thang thăm những người bạn? Thôi thì tạm mượn mấy dòng thơ của Thâm Tâm để trải lòng:

...

Người đi? Ừ nhỉ, người đi thực!

Mẹ thì coi như chiếc lá bay

Chị thì coi như là hạt bụi

Em thì coi như hơi rượu say...

(TỔNG BIỆT HÀNH – Thâm Tâm)



Phạm Ngọc Lư Trần Hoài Thư Nguyễn Lê Uyên
Phạm Văn Phạm Văn Nhân Tuy Hòa 1969 (Photo by PCH)

Hình này chụp trước ngôi nhà nhỏ của Ba Mẹ Phạm Cao Hoàng, người chụp là Hoàng. Phạm Cao Hoàng có còn nhớ không? Phải chỉ ngày hôm đó có ai chụp dùm cho thì đủ năm anh em. Tôi nhớ chiếc áo mà Trần Hoài Thư mặc trên người ngày hôm đó là chiếc áo pull của Phạm Cao Hoàng.

Gần đây, đọc được bài thơ CHA TÔI của Phạm Cao Hoàng viết về người cha đã qua đời cách đây 40 năm, tôi vô cùng xúc động.

...

*ông qua đời khi chiến tranh kết thúc
để lại trần gian nỗi nhớ khôn nguôi
để lại đàn con trên quê hương tan tác
để lại trong tôi vết thương mang theo suốt cuộc đời*

*bốn mươi năm rồi con vẫn nhớ, cha ơi!
ngày mùa đông cha mặc áo tơ ra ruộng
ngày nắng lửa cha gò mình đập lúa
những sớm tinh mơ cùng đàn bò lẫm lũi đi về phía
bờ mương*

...

Đạo ấy, mỗi lần ghé Tuy Hòa, tôi ở lại cùng Phạm Cao Hoàng trong căn nhà nhỏ của gia đình Hoàng. Đọc bài thơ

CHA TÔI, tôi nhớ đến ngôi nhà và hình ảnh của bác trai. Bác cao, hơi gầy và da ngăm đen. Cái đen của nắng và gió, của một người nông dân thuần chất. Hiền và độ lượng. Ngôi nhà có cái chái bếp nấu ăn bằng những thanh củi. Ngôi nhà có bộ ván ngựa mà tôi với Trần Hoài Thư thường nằm ngủ. Ngôi nhà với lối đi từ đường Nguyễn Huệ vào với những thửa ruộng nhỏ như vương chiếu nằm, đầy ắp tình yêu thương. Đọc bài thơ, hình ảnh bác trai lại hiện ra trước mắt. Sao bác lại qua đời khi chiến tranh kết thúc vậy bác? Còn nỗi buồn nào hơn khi chiến tranh đã chấm dứt trên quê hương mà bác lại ra đi? Sao bác không ở lại để nhìn thấy các con của bác và bạn bè không còn phải sống trong cảnh mịt mù khói lửa của cuộc chiến tranh này?

Và khi đọc bài thơ MÂY KHÓI QUÊ NHÀ, tôi muốn viết một chút về Phú Thứ, quê hương của Phạm Cao Hoàng.

...
*mùi hương của đất làm con nhớ
những giọt mồ hôi những nhọc nhằn
cha đã vì con mà nhỏ xuống
cho giấc mơ đời con thêm xanh
mùi hương của đất làm con tiếc
những ngày hoa mộng thuở bình yên
nổi cá rô thơm mùa lúa mới
và tiếng cười vui của mẹ hiền*

...
(MÂY KHÓI QUÊ NHÀ – 1999)



ĐƯỜNG VỀ PHÚ THỨ

Photo by Phạm Cao Hoàng - 2012

Bài thơ làm tôi nhớ đến con đường dọc theo mương dẫn thủy nhập điền từ đập Đồng Cam về tưới tiêu cho những cánh đồng rộng lớn. Tôi đã từng đi trên con đường này. Tôi lại nhớ đến năm tháng ở trại A.30 và ngày được thả cho về trên chuyến xe lam chạy trên con đường ấy dọc theo những cánh đồng xanh màu xanh của lúa, Tôi xuống xe tìm đến một gia đình quen: cô Mẫn, ngày xưa là y tá ở Bệnh Viện Đa Khoa Nha Trang, làm chung một phòng với vợ tôi, có người em trai tên Khang cũng ở chung với tôi trong trại A.30. Ngày tôi về, Khang nhờ tôi ghé Phú Thứ thăm chị. Tôi tìm được cô Mẫn khi cô đang làm cỏ lúa ngoài ruộng. Cô đưa tôi về nhà. Làng toàn tre xanh, mát rượi trên con đường quê đầy bóng mát. Những cây cau cao vút đang trở buồng. Đêm đó tôi ngủ lại Phú Thứ. Rất rõ và thêm: *nỗi cá rô thơm mùa lúa mới* như trong thơ Phạm Cao Hoàng.

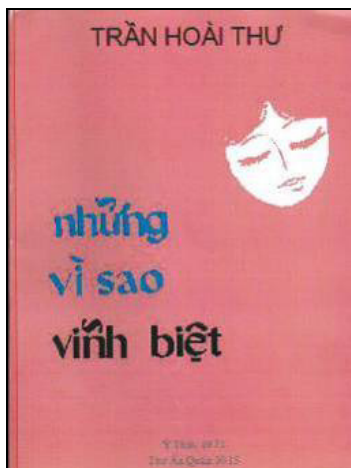
Năm 1969, tôi ra khỏi Qui Nhơn. Đồi về Tháp Chàm, một thị trấn nhỏ của Tỉnh Ninh Thuận. Ngày đầu về Tháp Chàm, đi qua Cầu Móng, gặp một người dừng xe lại hỏi tôi có phải Phạm Văn Nhân không? Và người bạn giới thiệu cho tôi biết là nhà thơ Võ Tấn Khanh. Hỏi ra mới biết Phạm Cao Hoàng nói trước với Võ Tấn Khanh tôi về đây. Năm đó, Phạm Cao Hoàng ra trường đổi về Bình Thuận, Lê văn

Trung ra Quảng Ngãi. Rồi Trần Hoài Thư cũng rời khỏi Bình Định về cao nguyên rồi vô Nam. Bốn chúng tôi cũng không còn ai ở lại Qui Nhơn và căn nhà trong Khu Sáu nữa. Chỉ có Thịnh thoảng tôi còn gặp Phạm Cao Hoàng ở Phan Rí Cửa, khi Hoàng dạy học ở Duồng. Sau đó Hoàng lên Đà Lạt, vừa dạy học vừa tiếp tục theo học tại trường Đại Học Đà Lạt rồi lấy vợ lập cư trên đó.

Viết về người bạn ngày nào, với những kỷ niệm một thời sao mà nhớ quá đỗi. Viết về những kỷ niệm. Những kỷ niệm vẫn còn nguyên đó, mỗi lần nói đến, những hình ảnh ngày xưa của những bạn tôi vẫn còn y nguyên. Như giấc mơ của Hoàng vẫn còn nguyên với Cúc Hoa và bạn bè. Rất tiếc, dù ở cùng một quốc gia, mà sao thấy xa vời vợi. Ước gì, gặp lại, ngồi với nhau bên tách trà nóng để nghe Phạm Cao Hoàng ngâm thơ. Với ai tôi không biết, chứ với Phạm Cao Hoàng có một giọng ngâm thơ tuyệt vời như một người nghệ sĩ diễn ngâm thực thụ. Giọng ngâm thơ đã ghi dấu những kỷ niệm trong căn nhà Khu Sáu không có ánh điện mà chỉ có ánh đèn dầu lửa. Có phải thế không Trần Hoài Thư?

Houston, May 10, 2015

Trần Hoài Thu: Những Vì Sao Vĩnh Biệt Vẫn Còn Nguyên Trong Tâm Thức Tôi



Vào ngày 28 tháng 5 năm 2013, email của người bạn thơ, anh Lê Ký Thương từ Sài Gòn gửi qua cho tôi hay là đã tìm được tập thơ: ***Tiếng Thơ Miền Trung*** trong một chồng báo cũ ẩm mốc mà bà chủ cửa hàng sách cũ trên đường Trần Huy Liệu đang chờ xe rác tới là vứt bỏ ngay. Tập thơ vẫn còn nguyên vẹn. Chỉ có bìa sách là cũ và rách. Anh đã giữ tập thơ này đã 20 năm, anh mới có dịp gửi qua cho tôi. Anh Lê Ký Thương, một thành viên trong nhóm Ý Thức của anh Nguyễn Minh ngày nào khi còn ở Phan Rang. Bìa tập thơ rách, cho nên anh đóng lại thành bìa cứng. Nhận tập thơ tôi vui lắm. Nhưng niềm vui cũng chưa trọn vẹn. Phải chi, khi anh TTM còn sống, lúc nào anh cũng ao ước là mong sao tìm lại tập thơ này. Đến lúc anh mất, : Tiếng Thơ Miền Trung lại đến với chúng tôi. Mà, theo như anh Lê Ký Thương nói: *về tập TTMT chỉ có bạn và anh THT thực hiện thì quý vô cùng và lại mang một ý nghĩa chính đáng nữa.* Với tôi, tập thơ TTMT trên 55 tìm lại được. Vui có mà buồn cũng có. Vui là tập thơ không còn bị thất lạc. Và, buồn khi anh TTM đã nằm xuống chưa thấy lại được đưa con đầu tay của mình.

Tuy nhiên, hôm nay, **ngày 18 tháng 8 năm 2015** lại một niềm vui khác lại đến với tôi lần thứ hai. Khi tôi nhận được tập truyện ngắn của bạn tôi, nhà văn Trần Hoài Thư. Tập truyện **Những Vì Sao Vĩnh Biệt** do Ý Thức in và xuất bản năm 1971. Với thời điểm này, tôi không còn ở Tháp Chàm mà dời ra Dục Mỹ cuối năm 1969 đầu năm 1970. Và, cũng từ năm 1970, tôi với Trần Hoài Thư không còn gặp nhau, ngay cả liên lạc thư từ vì không biết KBC của nhau. Sau khi tôi đưa anh ra Nha trang để dời lên vùng cao BMT.

44 năm đã trôi qua. Những Vì Sao Vĩnh Biệt không có nghĩa là vĩnh viễn biệt tăm. Đối với anh Trần Hoài Thư, anh cũng nghĩ là đứa con tinh thần của anh cũng chỉ còn chẳng là trong kỷ niệm của anh và bạn bè một thời. Cũng như anh Từ Thế Mộng cũng nghĩ là tập thơ đầu tay của anh và bạn bè sẽ không bao giờ tìm thấy lại. Nay, Tiếng Thơ Miền Trung anh TTM không thấy, nhưng vợ con anh đã thấy. Còn Những Vì Sao Vĩnh Biệt của anh Trần Hoài Thư thì ngày hôm nay, anh nhận được cũng qua công sức của những người bạn trong và ngoài nước bỏ công tìm kiếm, sưu tầm để cho đứa con tinh thần của người bạn tôi sau 44 năm lưu lạc lại về trong tủ sách truyện ngắn của anh.

Còn với riêng tôi. Hai tập: TTMT và tập truyện NVSVB đều đem đến cho tôi một niềm vui rất lớn; vì đó là hai tác phẩm rất thân với tôi của những tác giả mà một thời tôi quen biết. Chỉ riêng tập truyện Những Vì Sao Vĩnh Biệt, anh THT thường hay nói chuyện với tôi là chắc không bao giờ tìm thấy lại được. Ngay cả tập truyện đầu tay của anh: Nỗi Bơ Vơ Của Bầy Ngựa Hoang cũng do Ý Thức xuất bản khi cơ sở Ý Thức còn ở Phan Rang. Khi tôi về Việt Nam, ngồi nói chuyện với các anh Nguyễn Minh, Nguyễn Lê Uyên và Lê Ký Thương cũng như nhiều người bạn khác trong Ý Thức ngày nào, không ai còn giữ tập truyện này.

44 năm trôi qua. 44 năm hình ảnh và những nhân vật trong những truyện ngắn Những Vì Sao Vĩnh Biệt đã làm sống lại trong tôi nhiều kỷ niệm khó quên. Đối với độc giả đọc truyện của anh THT với một cảm nhận trên văn chương, trên từng con chữ, trên mỗi truyện của anh đi trên các tạp chí. Khen hay chê là cảm nhận của từng người. Còn đối với

tôi, ngoài văn chương chữ nghĩa ra, tôi còn cảm nhận được cái tình bạn gắn bó một cách lạ lùng qua những tình tiết trong mỗi truyện ngắn của anh sáng tác, với cuộc sống đời thường của hai chúng tôi.

Tập truyện ngắn: Những Vì Sao Vĩnh Biệt. Nhận được tôi đọc ngay trong đêm. Từng truyện ngắn anh viết, tôi lại nhớ mấy tháng anh về sống với tôi ở Tháp Chàm, trong căn phòng tôi thuê hoàn toàn bằng tôn. Mái nhà cũng bằng tôn. Trần nhà được phủ một lớp carton, nhưng hơi nóng thì như lò bánh mì. Nhà trên một ngọn đồi nhỏ, bên cạnh đường xe lửa. Chung quanh là những động đỉ, rất nham nhở và dơ dáy. Ngày tôi đi làm. Anh ở nhà ngồi viết trên cái bàn ộp ẹp đọc nhật trong căn phòng thuê. Anh viết ngày , viết đêm, viết không mệt mỏi. Thịnh thoảng vào giờ nghỉ dạy có Võ Tấn Khanh lên thăm chơi. Hơn hai tháng ở Tháp Chàm, anh cầm cúi viết. Những ngày nghỉ hai chúng tôi rủ nhau ra sông Dinh bắt cá về nấu ăn. Cuộc sống rất ư là thoải mái. Cho nên khi đọc lại cái truyện "Cuộc Sống Tôi", gồm ba nhân vật: hai còn sống (tôi và anh), một đã chết trong đói nghèo ở Đà Lạt hay Tháp Chàm gì đó? sau tháng 4/1975 tôi không liên lạc được. Sau này tôi mới biết qua cháu gái con của Minh (nhân vật trong truyện. Tên thật Lê Minh) nói lại. Còn chiếc xe Honda mà hai tên lính mượn chạy trong đêm giới nghiêm ở Nha Trang, trời mưa như trút nước là xe của họa sĩ Thanh Hồ. Còn ngôi nhà gạch trong xóm Rộc Rau Muống, ấp Hà Thanh, nơi anh đã lớn lên. Anh đưa tôi đến, ký ức tuổi thơ anh lại hiện về trong anh. Nhìn anh bề ngoài, tưởng anh là một sĩ quan sống rất bụi, chẳng ai nghĩ anh là một giáo sư dạy học ở Quảng Ngãi. Nhưng, bên trong con người anh chứa đựng nhiều tình cảm, anh rất yếu mềm khi bắt gặp lại những hình ảnh của tuổi thơ ngày nào. Sống nội tâm. Người lính THT trở về ngôi nhà ở Rộc Rau Muống trong nỗi cô đơn, có tôi bên cạnh. Anh gục đầu trước khung cửa ngõ bằng gỗ. Tuổi thơ anh ở đó. Buồn, rồi đi. Con dốc nhỏ đưa chúng tôi ra đường Sinh Trung, về xóm Bống. Qua bên kia cầu là ngọn đồi với những ngôi nhà Tây đồ xộ. Ngôi giáo đường và tu viện. Tuổi thơ anh lại về. Như những ngày anh sống ở Tháp Chàm, chiều nhìn về hướng Đồn Dương anh nghe tiếng còi xe lửa từ ga Tháp Chàm chạy qua. Nỗi buồn của tuổi thơ lại về. Tôi im lặng nhìn nỗi buồn của người bạn. Tối đó, đi hoan cho hết đêm không về ngủ trên

căn gác nhà anh Huy Hoàng trong xóm Rộc Rau Muống ấp Hà Thanh. Mà rủ nhau về ngủ trong chuồng ngựa viện Pasteur Nha Trang cùng với Minh. Ba con ngựa hoang. Ba cái chuồng với những tên con ngựa được đánh dấu treo trên tấm bảng trước chuồng. Bên ngoài giới nghiêm. Hai tên lính không có giấy tờ gì cứ phóng xe mà chạy. Ừ nhỉ! sao tôi với bạn ngày đó sống liêu và sống bụi quá. Người ta cũng sĩ quan như chúng tôi nhưng sao họ sống rất đàng hoàng, có gia đình, còn tôi với bạn thì buông thả. Cô đơn! Đòi lính trận mà: sống hôm nay chết ngày mai.

Còn nữa, cũng trong Những Vì Sao Vĩnh Biệt, biết bao kỷ niệm lại ùa về trong ký ức của tôi. Như hai nhân vật " My và Đắc " . Cô nữ sinh Nha Trang ngày ấy, đẹp và đã có chồng. Có cô em gái là một nhà thơ nữ nổi tiếng trước 1975. Hai vợ chồng lại là quen với tôi. Ông giáo nhà văn Trần Hoài Thư ngày ấy tôi chưa quen, vì những tháng năm ấy tôi chưa vào lính. Nhưng đến khi anh viết cái truyện : Cuộc Sống Tôi, vô tình nhân vật My đọc được, trong căn nhà thuê của hai vợ chồng ở Phú Nhuận, trên đường Chi Lăng. Tôi như bị cái búa bổ vào đầu. Những tiếng chì tiếng bắt tôi gánh hết. Trong khi đó, Trần Hoài Thư ơi, bạn lúc đó đang ở BMT Cần Thơ ? Còn tôi thì như một anh chàng "ngổ" cứ ngổ mà chịu những lời "đay nghiến". Chỉ có anh chàng Đắc, chồng My là ngổ cười. (Nhà văn, nhà thơ mà, bà trách làm chi). 44 năm qua, tôi nhớ như in trong đầu.

Tập truyện: Những Vì Sao Vĩnh Biệt. Ngắn. Chỉ có 8 truyện không dài lắm. Nhưng với tôi, sau 44 năm, đứa con tinh thần của anh lại trở về với anh, như trở về mái nhà xưa. Và, với tôi, lại là khoảng thời gian dài biết bao kỷ niệm của hai anh em một đời gắn bó trong lớp áo nhà binh 44 năm về trước.

Cám ơn tất cả mọi người đã tìm lại cho người bạn tôi đứa con thất lạc sau 44 năm. Cảm ơn tình bạn gắn bó ngày nào vẫn còn y nguyên của một thời làm tên lính "lăng tữ".

Houston, 19 tháng 8 năm 2015

THÔI THUA

Truyện dài của Lan Chi

Lan Chi là bút hiệu khi viết văn của nhà nghiên cứu và nhận định văn học Thái Kim Lan.

Đây là truyện dài đầu tay của chị đặc biệt dành riêng cho TQBT. (THT)



Tranh của Trần quý Thoại

Chương I

THÔI THUA!

Tốt* đang đi ở phố Marienplatz, trên khu vực dành cho người đi bộ. Anh bước cà nhổng, nếu không nói là lệch xệch, cặp giò hơi khuynh trong cái quần bò màu xanh bạc thếp, đũng quần trệ xuống, ống quần dài hơn người nên đến cuối chân xếp nhiều lớp trên đôi giày ống màu nâu không kéo hần “fệt-ma-tua” trông luộm thuộm cầu thả.

Quần túm nên thấy hai vai anh chênh vênh trong chiếc áo khoác vải ni-lông độn bông dày cộm màu xanh đậm, cánh tay áo phồng bóp lại ở cườm tay. Tóc anh đen, hình như hơn cả mấy tuần không cắt nên dài thông sau ốt, đằng trước dựng đứng trong gió lạnh ngược chiều. Tốt có một gương mặt sáng sủa bất ngờ đối với những ai vừa nhìn anh từ sau lưng. Chỉ phải đôi mắt hơi nhỏ xếch, nhưng mũi anh thẳng, lông mày đậm, da mặt láng khỏe mạnh, miệng rõ nét với đôi môi dày đầy, nhưng nứt nẻ vì khô, mặt anh chất phác nửa ngờ nghệch nửa ngây thơ nên nhìn có thiện cảm. Phở xá buổi xế chiều tấp nập người đi. Người ta đi nhanh, hối hả như tranh nhau với ánh sáng cuối cùng lấp lánh trên đỉnh lầu tòa thị sảnh vào ngày cuối thu. Còn Tốt thì đi lơ lơ thong thả, trong dòng người cuộn cuộn trông anh giống như đi thụt lùi. Anh cầm trong tay một tờ giấy nhỏ, vừa đi vừa nhìn từng số nhà, miệng lầm nhảm đọc tên đường “*Noi-hau- xờ em*” (Neuhausser 11). Vừa đọc xong số 11 (elf) bằng tiếng Đức là “*em*” vì không phát âm được chữ “*l*” hóc búa nằm giữa hai chữ e và f, bỗng anh thấy nhột nhột ở ngón chân cái bên chân phải, anh nhúc nhích ngón chân nọ cọ vào ngón chân kia để gãi. Bỗng thấy ngứa luôn cả bàn chân trong chiếc vớ len. Tốt chứa ghét mang vớ chân, nó bịt bùng khó chịu, hay làm chân đổ mồ hôi. Ở Việt Nam cả ngày để chân trần, mặc quần xà lỏn, mát rượi, qua xứ lạnh này cứ phải nai nịt áo quần vớ giày đủ thứ trên người nên hay ngứa ngáy. Anh cũng chứa lười rửa chân trước khi đi ngủ, trời lạnh tuốt giày xong là phốc vào giường, trùm mền. Mấy ngày liền không rửa, cái chân đang đi bỗng nhiên ngứa phùng lên như bị kiến đốt. Tốt ngo ngoáy ngón chân vào cái nhưng ngứa chịu không nổi anh vụt cúi xuống thò tay vào chiếc giày ông chưa gài định lôi ngón chân ra gãi một phát cho đã ngứa. Bỗng anh bị xô chúi mũi ra đằng trước, anh chàng người Tây đi sau bị cú dừng lại bất thành linh nên vấp vào cái dít đang chống hông của anh. Tốt chúi mũi ra đằng trước, ngã dúi vào người bộ hành phía trước, may anh gượng dậy được, cả đám nháo nhào xin lỗi nhau, còn Tốt thì nhe răng cười, lí nhí mấy chữ tiếng Đức mà lần đầu tiên đến Đức anh học được: *bít-tờ, đăng-cờ* (xin mời, cảm ơn). Mấy người Đức nhìn bờ ngỡ một thoáng vì không hiểu Tốt *bít-tờ* cái gì và *đăng-cờ* cái chi rồi tiếp tục bước đi. Anh phui quần, lượm tờ giấy rơi trên đất, con ngứa bỗng biến mất,

anh đảo mắt nhìn. Thấy mình đang đứng trước tiệm bán kính đeo mắt, anh sực nhớ trong điện thoại chị thông dịch có bảo văn phòng luật sư nằm trên một cửa hàng bán kính. Anh lẩm bẩm: “*Noi- hau- xờ em* đây rồi !” Anh thập thò bước gần đến lối vào căn nhà mấy tầng cao ngất sang trọng, nhìn dáo dác và bỗng reo lên mừng rỡ:

- Chị Chi, may quá, tưởng chị chưa đến!

Cô thông dịch viên, người nhỏ nhắn trong chiếc áo măng tô màu nâu, dáng dấp lịch sự với đôi bốt ống cao gót, cười tủm tỉm tiến đến gần Tốt, đưa tay bắt tự nhiên, trong lúc Tốt lúng túng đưa cả hai tay nắm chặt lấy tay cô như gặp vị cứu tinh, đến nỗi cô ta phải rút tay ra, rồi khoát tay nhanh nhẹn: “Anh theo tôi, ông luật sư đang chờ trên tầng hai !”

Cả hai bước vào thang máy. Tốt rùn vai lè lưỡi như một đứa học trò lớp năm sắp lên trả bài:

- Lát nữa chị giúp em nghe chị! Lần đầu tiên em đến luật sư! Mà lại luật sư tiếng Đức! Chẳng hiểu khi mốc gì cả chị ạ! Trăm sự nhờ chị, chị nhé.

Cô thông dịch viên cười thông cảm:

- Thì anh cứ trình bày sự việc cho rõ, rồi tôi dịch cho, chẳng có gì mà anh phải sợ.

Chưa hết câu thang máy đã mở. Cô thư ký đón hai người, mời vào phòng tiếp khách. Ông luật sư vừa tiễn một thân chủ ra cửa, tươi cười quay lại. Người cao, mặt trắng hồng, mũi cao vồng lên đột ngột, môi mỏng dính đỏ như có thoa son, áo sơ mi xanh, cà vạt đỏ, quần nỉ len cao cấp màu xám ửng nếp thẳng tưng, giày đánh bóng loáng, dáng điệu trí thức với mái tóc vàng hơi hói ở đằng trước, ông đưa tay bắt tay Tốt và tự giới thiệu:

- Luật sư Lohn!

Tốt ập ứng:

- *Bít-tờ đăng-cờ*!!

Khóe mắt ông luật sư nhếch lên một chút ngạc nhiên theo với tiếng “*da*” cao giọng như một câu hỏi chờ đợi: *Ja... ?* (vâng và... ?)

Bối rối anh lấp bắp quay sang cô thông dịch cầu cứu. Cô thông dịch nhanh nhẩu:

- Anh cứ ngồi xuống, để làm việc.

Ông luật sư nói một tràng dài với cô, trong lúc ông xoay xoay cây viết sẵn sàng ghi chép. Cô thông dịch quay sang Tốt:

- Luật sư bảo anh hãy trình bày chi tiết sự việc cho ông nghe, rồi ông xem có thể bảo vệ anh thắng kiện được không. Kể từ đầu đến cuối của câu chuyện, anh nhớ nghe! Rồi, anh nói đi để tôi dịch.

Tốt vịn tréo hai tay quấn vào nhau, anh mím môi mắt mở lớn nhìn vào khoảng không, rồi bỗng bật ra như một phát súng:

- Đ. M. con đi nhà nó chứ ! Chị...

Cô thông dịch đỏ bừng cả mặt, vội vàng ngắt lời :

- Này này anh Tốt, tôi nói cho anh nghe, anh đang ở trong phòng luật sư, chứ không phải ở nhà anh hay ở Việt Nam, tôi không dịch những chữ đó được, có dính líu chi đến chuyện người ta, thưa anh!

Tốt cười nhăn nhó :

- Xin lỗi chị! Nhưng tức hộc máu chị ạ. Đéo mẹ cái con đàn bà!

Cô thông dịch kéo cái váy phủ quá đầu gối, ngồi thẳng lưng, hất mái tóc ra sau, quay sang xin lỗi người luật sư đang gõ gõ cây viết có vẻ chờ đợi và ngạc nhiên tại sao những câu đối thoại chưa được dịch sang tiếng Đức, rồi không nhìn Tốt, cô nói từng tiếng như đinh đóng cột:

- Này, tôi đã nói rồi, anh mà không dẹp mấy cái chữ đó thì tôi đi về, anh nghe chưa?

Ông luật sư giật mình vì âm thanh kèn kẹt rít giữa hai hàm răng của cô thông dịch, và thấy ngộ nghĩnh với phản ứng co rúm của anh chàng ngồi trước mặt, đây là lần đầu tiên ông có một thân chủ người Á-đông, mà cả hai trông giống trẻ con, nên tất cả đối với ông lạ lùng, nếu không nói là kích thích.

Tốt vội vàng:

- Được rồi, được rồi, thì em xin kể.

Rồi xúc động run giọng:

- Chị nghĩ xem, có ai đòi cái con vợ của em! Vợ chồng vượt biên qua đây hơn một năm, có con đã 9 tuổi. Em đi làm phụ bếp, còn nó ở nhà. Thế là mấy con mẹ với mấy cái thằng ăn không ngồi rồi trong trại cứ rủ rê nhau đàn đúm, ăn nhậu, xướng hát. Tối đó em đi làm về thì thấy hai đứa nó ôm nhau, em tức quá em đập cái thằng mất dạy đó mấy đập, rồi em vảy tóc con đàn bà hư thân mất nết, tát mấy tát tai...

Cô thông dịch vội đưa tay:

- Hãy hượm, để tôi dịch đoạn này cho ông ta nghe...

Cô quay qua ông luật sư nói một tràng như bắp rang, như pháo nổ, đôi lúc như khắc nhỏ khoanh khoách, nhưng miệng cô có duyên nghe ngổ ngộ nên Tốt cứ há hốc mồm hết nhìn cô lại đến nhìn ông luật sư. Ông luật sư nghiêm mặt vừa ghi chép vừa hỏi:

- Anh chỉ đánh mấy bạt tai mà sao trong lời khai người vợ bị thương ở trán và gãy răng? Và đánh lúc nào, lúc mấy giờ, có ai ở đó không?

- Thì tại em tát nó, nó bỏ trốn nên chạy đụng vào cửa phòng ngủ đấy chứ. Lúc đó thì thằng Đ. M. chó chết bỏ chạy rồi, còn con bé Thi ở đó. Đờ cái thứ đi. Cho nó chết chứ! Đ.M. nó!

Cô thông dịch trùng anh một cái đến đứng trông, rít lên nhỏ nhỏ trước khi dịch cho ông luật sư, dĩ nhiên cô không dịch mấy chữ cuối ra tiếng Đức:

- Đã dặn lần này là thứ mấy rồi! Cái anh này!

Ông luật sư có cảm tưởng đang ở trong một xen kịch toàn âm thanh khó hiểu với độ cao của giọng nói cô thông dịch người Bắc và giọng trầm vẹt đục của người thân chủ ngoại quốc của mình. Về nghiêm trọng biến mất nơi gương mặt, không nhận được ông cười khẽ một tiếng làm Tốt cũng cười hềnh hếch phụ họa theo để khỏi xin lỗi cô thông dịch. Bỗng người luật sư nghiêm giọng bảo:

- Ông có biết hành hung phụ nữ ở bên này sẽ bị tòa án trừng phạt không? Bà ấy có đi bác sĩ đây và có giấy bác sĩ chứng nhận các thương tích trong hồ sơ.

Tốt :

- Ui chao thứ đàn bà đó thì phải gọt gáy bôi vôi thả bè trôi sông! Mà vợ chồng đóng cửa dạy nhau là chuyện thường, ở Việt Nam là cơm bữa mà chị!

Cô thông dịch bỗng nhiên lúng túng với bốn chữ “gọt gáy trôi sông”, nổi quạu với Tốt:

- Cái anh này nói nghe hủ lậu! Người Đức nghe người ta cười cho! Lúc này mà còn nói như vậy nữa! Từ đền nơi rồi đó chứ không phải chơi đâu.

Tốt cãi :

- Bỏ tù thì vô lý quá ! Chồng thì phải dạy vợ đến nơi đến chốn, mà em chưa kịp ra tay thì con đi đã bỏ trốn rồi.

Bỗng anh hạ giọng với một chút thiết tha:

- Nói vậy chứ em thương mẹ con nó bỏ mẹ.

Cô thông dịch không trả lời mà vội vàng giải thích cho người luật sư càng lúc càng thấy phức tạp với cuộc nói chuyện tay đôi bằng tiếng Việt giữa hai người khách, hình như chẳng dính líu chi đến đề tài nêu ra.

Ông chỉ ồ một tiếng khi nghe thành ngữ “gọt gáy trôi sông”, nét mặt bỗng nhiên trầm trọng:

- Có thể sao ? Ồ ! Ồ ! Ông Luật sư mím đôi môi mỏng dính lại thành một đường chỉ, đôi lông mày của ông nhúu lại xem bộ suy nghĩ lung, ông chép miệng:

- Như vậy thì chúng ta phải yêu cầu Tòa xét đến cái nền tảng truyền thống văn hóa của người Việt Nam. Điểm này quan trọng lắm đây. Nhưng điều này khổ thay tôi không rành. Chắc phải nhờ đến một thẩm định viên chuyên môn về văn hóa người Việt Nam, tôi sẽ đề nghị với tòa án. Như thế thì phải xin hoãn ngày xử.

Tốt :

- Vậy thì em có bị tòa làm khó dễ không chị, phải đợi sao chị ? Nhờ chị giải thích thêm cho ông, ở xóm em, những thứ đàn bà như thế là phải dạy bằng roi, phải dẫn cho nó một trận để nó biết thân, rồi trói lại giam đói ba ngày ! Đến khi nó lạy nó xin lỗi và thề trước bàn thờ gia tiên không làm nữa mới tha, chị ạ.

Chị thông dịch lắc đầu:

- Anh nói nghe ghê thấy mồ. Thời đại văn minh này, nhất là ở xứ Âu châu này, ai mà người ta tin như thế.

Ông luật sư vẫn từ tốn vì không có cách nào khác hơn trước cuộc đối thoại với một thứ tiếng nghe như “chim hót” giữa hai nhân vật tóc đen , ông nhìn vào tấm lịch để trên bàn:

- Hai tuần nữa ông sẽ ra tòa, ông Tốt ạ. Từ đây đến đó tôi sẽ tìm cách thương lượng với tòa án và nêu lên sự khác biệt văn hóa và quan niệm sống của người Việt Nam về phụ nữ. Đây là một điểm quan trọng cho sự bào chữa của tôi. Cảm ơn ông, cảm ơn cô.

Trước khi chia tay nơi cầu thang cô thông dịch - đã ngán cái anh chàng đồng hương nói năng thẳng tuột như súng cà nông - vội vàng chào anh rồi ngoáy người đi nhanh. Được mấy bước bỗng ngoái đầu lại, hình như thương hại hoàn cảnh tiếng tăm không rành nơi xứ người của anh, cô dặn với:

- Này anh Tốt, đến ngày hầu tòa anh phải ăn mặc tử tế, đi hót tóc cho đàng hoàng và ăn nói từ tốn nghe !

Hai tuần sau Tốt ra tòa. Anh đến với đầu tóc hót tém lên cao trông chẳng giống ai! Hôm qua anh phải nhờ đứa bạn trong trại xung phong làm thợ hót tóc. Hấn cao hứng vừa cầm kéo phạt mớ tóc rể tre lia lịa vừa hát i ôi: “Hôm qua em mơ gặp cao bồi...”, lỗ tay cắt cha một mớ tóc bên trái, hấn vội vàng đưa kéo xén cao phía bên phải, và sẽ tiếp tục tém hai bên cho bằng nhau theo với bài hát,... nếu Tốt không giữ mình sức nhớ tính bốc đồng của người bạn mà vội vàng ngăn lại thì e cả đầu tóc anh đã cao hứng theo bài hát bay luôn. Anh xốc cổ áo cao lên che cái gáy trống trơn và mon men đến gần cửa vào tòa, thấy hai người bảo vệ mặc áo kaki xanh, nai nịt và dắt súng bên hông, anh hơi tái mặt, không dám bước tới, lảng xa cửa ra vào mấy thước chờ cô thông dịch như đã hẹn.

Tốt đi theo cô thông dịch vào phòng xử với cảm giác của người đi chân không chầm đất, hồn vía anh như bay bổng theo từng bước đi. Anh có cảm giác đang lạc vào một thế giới khác, thiên đường cũng không mà địa ngục cũng không. Phòng xử trang hoàng lạnh lùng trơ trọi, khung cửa và màn cửa màu cứng ngựa, bàn ghế màu nâu hạt dẻ, nền gạch màu gan gà, nhưng ghế ngồi lại lót nệm màu hổ hoàng chói lói. Anh được cô thông dịch cùng đến một lần với ông luật sư đưa vào ngồi ở dãy ghế bị cáo đối diện với một ông tây mặc áo đen, tóc quăn xoắn vàng bản. Cô thông dịch khều anh bảo, đó là ông luật sư công tố. Tốt chưa kịp hỏi ông ta tố cái gì thì nghe chuông reo, cô thông dịch vội vàng kéo anh đứng lên và bảo: ông chánh án đến! Tốt hướng mặt nhìn lên bục cao có bàn chánh án. Từ cửa hông ông chánh án lù lù đi ra, oai vệ và to đùng, mặc áo đen, tóc hói, mũi cà chua, lông mày dài uốn cong đến màng tang, miệng rộng. Ông ra hiệu mọi người an tọa và mở tập hồ sơ. Ông nói một thôi tiếng Đức về phía cô thư ký rồi nhìn xuống phía Tốt, giương đôi mắt qua gọng kính, ông lại nói một thôi tiếng Đức nữa, cô thông dịch cũng nói một thôi tiếng Việt. Nhưng nào Tốt có hiểu mô tê gì, cả tiếng Đức lẫn tiếng Việt, toàn thứ chữ trời đánh đầu đầu, không ăn nhằm gì đến anh cả. Cô thông dịch giải thích, anh mới mờ mờ hiểu là ông chánh án hướng dẫn bị cáo về pháp lý, rằng anh với tư cách bị cáo anh phải có bốn phạm khai lý lịch nhưng có quyền phát biểu hay không phát biểu về những lời công tố viện gán tội cho

anh.

Thật ra Tốt không hiểu hết nhưng anh đưa bộ mặt làm như đã hiểu - cái bộ mặt mà từ khi đến nước Đức anh thường có trong những buổi gặp gỡ người Đức - và ông chánh án tưởng rằng anh đã hiểu như chính ông thông hiểu bộ luật của nhà nước ông. Ông cười thỏa mãn và tuyên bố phiên xử bắt đầu, nhưng chưa kịp cao giọng theo thói quen ông đã méo miệng đánh vắn:

- Ngài tên... Ngo... u... y...en, phải không ?

Sau cái gật đầu mà như không gật của mình, Tốt nghe cô thông dịch trả lời “phải.”

- Còn tên gọi của ngài?

- Này anh Tốt anh nói to tên anh cho tòa nghe đi, này, anh phải nói rồi tôi mới dịch được đó nghe, đừng có lắc đầu rồi gật đầu trống không!

Cô thông dịch nhắc chừng, giọng cô đã bắt đầu gây gổ.

Tốt giật mình như người vừa tỉnh ngủ, anh nói to lên:

- Dạ tên Tốt !

Đến phiên ông quan tòa giật mình :

- TOD? (Chết ?!)

Cả phòng xử bỗng im lặng. Mỗi người một ý nghĩ, ông chánh án theo ông chánh án, ông công tố theo ông công tố,... nhưng có lẽ cùng chung một nghi vấn trong đầu “người xứ nào lạ nhỉ, ai đời mới đẻ mà đã khai tử cho con!”

Biết ý, cô thông dịch vội vàng giải thích, với một nụ cười làm duyên:

- Dạ thưa, Tốt chứ không phải “Tod” ạ. Tốt có nghĩa là GUT (hay, giỏi, tốt) đó ạ, không phải là CHẾT đâu ạ !

Rồi cô đánh vắn ra về thông thạo :

- Tốt viết là: Tê như “tê-ô-đo” (Theodor), Ô như “ót-tô” (Otto) và Tê như “tê-ô-đo” (Theodor) chứ không phải Ê như “ê-ra” (Dora) ** đâu!

Tốt nghe lung bùng trong lỗ tai không hiểu sao tên mình gọn gàng và đẹp như thế lại được đánh vắn dài thòng thành những bốn tên Tây, nghe phát mệt.

- Ô, ờ ờ ra thế!

Mọi người cười mà không ai dám cười to, thở phào nhẹ nhõm. Hai cánh mũi sư tử của ông chánh án phập phồng ra vẻ thú vị vì sự hiểu lầm oái ăm ngộ ngộ. Ông gật gù cái đầu rồi nhìn Tốt với chút thiện cảm *exotique*:

- Ngài có quốc tịch Việt Nam?

Tốt:

- Dạ người Việt mà chị !

Ông chánh án:

- Trình độ học vấn của ngài như thế nào? Có chức vị hàn lâm gì không?

Tốt, sau khi hỏi nhỏ cô thông dịch: “Hàn lâm là cái đeo gì thế chị?” và được cô trả lời: “Họ hỏi anh học lớp mấy?”:

- Dạ lớp năm chị ạ !

Rồi bỗng như sực nhớ điều chi, Tốt quay sang cô thông dịch ngồi bên cạnh nói tay đôi:

- Này chị Chi, vợ em hôm nay có đến đây không, mấy tháng nay nó trốn biệt em rồi! Nó dọa ly dị em, có ngược đời chưa?

Cô thông dịch há hốc mồm chưa kịp phản ứng thì đã nghe tiếng gõ bàn của ông chánh án:

- Ở đây không được phép nói tay đôi. Bà Chi, bà phải dịch hết những lời của bị cáo nói với bà. Còn ông Ngu... en, ông không được phát biểu trước khi tòa đặt câu hỏi!

Nói xong ông đưa tay ra hiệu cho luật sư công tố đứng lên đọc bản cáo trạng. Trong lúc cô thông dịch miệng nói lia lịa, Tốt ngồi yên, lúc đầu anh lắng tai nghe, đến đoạn tả anh đánh vợ, anh chợt xen vào:

- Tại vì nó tăng tịu với cái thằng mất dạy em mới đánh nó chứ chị, sao không thấy họ nói điểm ấy !“

Ông chánh án lại cảnh cáo:

- Ông Ngu-en! ông chưa được phép phát biểu!

Cô thông dịch đỏ mặt vì anh chàng đồng hương tung tung hay xía ngang phe, nhưng trước mọi người cô ráng giữ tự nhiên, không nhìn anh nhưng giọng cô cay xè hơn ớt bột cao sắng:

- Này, anh Tốt, anh làm ơn nghe lời ông chánh án cho tôi nhờ!

Tốt ngồi tiu nghỉu, anh ráng làm mặt chú ý nghe nhưng không lâu, anh bắt đầu lo ra, mặc cho cô thông dịch nói lỏp bốp như bấp rang theo sau lời của ông công tố viện, anh vợ vẫn nhìn quanh, hết nhìn cái mũi to của ông chánh án, đến mái tóc vàng của cô thư ký, rồi ông công tố viện cao lêu nghêu trong bộ áo đen lưng thùng, chợt anh có cảm tưởng anh đang ở trong một giấc mơ, mọi vật diễn biến chung quanh hình như không phải ở trên thềm đất chắc chắn và chẳng dính líu chi đến con người anh, với cảm giác hiện tại

của anh, ví dụ anh đang thèm thuốc hút dữ dội và ngứa lỗ mũi, chỉ muốn đưa tay lên ngoáy cho đã ghiền, nhưng nếu anh nói điều này ra thì cô thông dịch lại sẽ sùng sộ với anh. Chợt anh cười hích một tiếng nhỏ trong cổ thích thú với ý tưởng ngộ nghĩnh: “Nếu ông chánh án này là Bao Công, nhưng cái mặt ông này trắng quá, không tin tưởng được, mặt trắng hay phản! Nếu có Bao Công chắc anh sẽ gặp may!” Anh kết luận: “Mặt trắng là xúi quẩy rồi, mặt đen mới hên, cá mập cũng ăn!” Anh chợt buồn buồn khi nghĩ đến mẹ vợ tự nhiên đi mê trai, bỏ anh mấy tháng nay. Còn nhớ ngày nào vượt biên mười phần chết chín không rời nhau nửa bước, qua đến xứ người bỗng nhiên tính nết thay đổi lạ thường, hết ham làm ham ăn mà lại đi tùm năm tùm bảy đàn đúm, đánh bạc, ăn nhậu. Anh giật mình khi cô thông dịch thúc vào hông:

- Ông chánh án hỏi anh kìa!

- Ông Ngu-en, ông nói sao về những điều trong bản cáo trạng, có đúng như vậy không? Anh có đánh vợ không? Tốt quay sang cô thông dịch:

- Thì em có đánh nó vì nó lẳng lơ. Đánh là phải chứ không đánh là em bậy đó chị Chi ạ, người ta sẽ cười em không biết dạy vợ!

Ông chánh án hình như không để ý đến nguyên do tại sao Tốt đánh vợ, hỏi thêm:

- Và bà ấy bị vỡ môi, u trán, gãy hai cái răng?

- Em chỉ tát nó thôi chị, như em đã nói rồi!

Cô thông dịch khổ sở:

- Anh nói với tòa chứ sao lại cứ đem tôi ra mà nói?

Ông chánh án:

- Bị cáo công nhận là có đánh vợ, bị cáo đã nhận lỗi của mình, vậy ta không cần nhân chứng. Xin mời ông luật sư biện hộ!

Kết quả cuộc xử chuyện Tốt đánh vợ – theo lời của luật sư biện hộ – là anh gặp may, nên anh chỉ bị phạt 20 ngày tù, quy ra tiền phạt, mỗi ngày 10 đồng, vị chi là 200 đồng. Tiền ấy sở xã hội Đức sẽ đóng cho anh, vì anh đang hưởng trợ cấp xã hội.

Tốt không hiểu tại sao anh bị phạt mà bảo là may, anh càng không hiểu tại sao anh “dạy vợ” chưa đến nơi đến chốn thì bị kết án đánh vợ và tòa cảnh cáo là nếu anh còn đánh vợ nữa thì sẽ bỏ tù.

Anh ra khỏi tòa với một cảm giác mây mù... và một câu hỏi lớn.

Mấy tháng sau Tốt lại được tòa án gia đình mời ra về vụ ly dị. Chị vợ anh nhất định không về nhà. Tốt ra tòa lần này với một cảm giác bất cần đời. Phiên tòa dân sự đơn giản hơn phiên tòa hình sự. Chỉ có ông chánh án, bà thư ký và cô thông dịch quen thuộc như mọi khi. Tốt ngồi uể oải nghe ông người Đức nói một tràng rồi cô thông dịch nói một tràng. Đại khái, bên phía thừa là vợ anh nộp đơn xin ly dị, tòa mời anh ra để hỏi ý của anh, tuy nhiên lý do xin ly dị rất rõ ràng, thứ nhất anh đã hành hung vợ anh nhiều lần, thứ hai hai người không hợp nhau về tính tình, thứ ba anh không biết dạy con, thứ tư kinh tế gia đình tài chánh không rõ ràng... Ôi chao nghe mà nộ khí xung thiên cái con vợ lão lếu, nhưng Tốt biết nói với lũ chánh án Đức thì như nước đổ đầu vịt, nếu muốn xử kiện thì phải có Bao Công thông thiên quán địa mới hiểu được sự tình và sẽ cho âm binh đến bắt vợ anh về, chứ mấy ông mặt trắng ba bì như thế này chỉ chuyên luôn tròn vợ mà thôi, mà vợ sống chuồng rồi thì chỉ có nước ngồi khóc tỉ tê.

Ông chánh án vừa nói xong, với bộ mặt trí thức dân chủ, ông hỏi Tốt:

- Ý kiến của anh ra sao? Anh có muốn chống lại đơn thưa này không? Nếu muốn anh nên nhờ một luật sư đại diện cho anh.

Tốt đứng lên mỉm cười, lễ phép:

- Thừa ông, dạ em....xin... thôi thưa cho rồi!

Rồi quay qua chị thông dịch đang ngó người ngạc nhiên về sự đầu hàng vô điều kiện của anh chàng thường cô vũ lý thuyết dạy vợ hùng hồn:

- Chị xem, bên này đồ cái tội Đức có tật bệnh đàn bà thấy mò tỏ đi. Thôi thưa!

Thế là anh Tốt mất vợ.

Nhưng người đọc đừng buồn. mấy tháng sau ở phố Marienplatz, người ta thấy Tốt đi cà nhổng, nhưng lần này lại lè kè bên cạnh một cô người Việt, hình như mới nhập trại... nũng nịu riu riu nín tay anh. Ai có hỏi thì Tốt chỉ cười và bảo anh đưa cô đi làm giấy tờ và... với một chút hãnh diện... đi phiên dịch hộ (!!).

Muenchen ngày cuối năm 2003

Lan Chi

* Tất cả tên tuổi đều không có thật, nếu có trùng hợp thì chỉ do tình cờ.

** Tên gọi của người Đức.

(còn tiếp)

THƯ MỤC TÁC PHẨM DO THƯ ÁN QUÁN XUẤT BẢN

(In theo yêu cầu – book on demand)

Giám đốc kiêm luôn thợ in, thợ đóng: Trần Hoài Thư



Nhà văn THT đang xử dụng máy cắt tay

Tủ Sách Di Sản Văn Chương miền Nam

- *Cõi đá vàng - truyện dài của Nguyễn thị Thanh Sâm (2011)*
- *Bộ Văn miền Nam (4 tập, tổng cộng 2200 trang)*
- *Bộ Thơ miền Nam (5 tập, tổng cộng khoảng 3000 trang)*
gồm: *Thơ miền Nam thời chiến (tập I & II), Thơ tình miền Nam, Lục bát miền Nam, Thơ tự do miền Nam.*
- *Chiến tranh Việt Nam & Tôi (thơ Nguyễn Bắc Sơn)*
- *Thơ Vũ Hữu Định toàn tập*
- *Kỷ vật cho em (thơ Linh Phương)*
- *Túy ca (thơ Hoàng Hương Trang)*
- *Thơ Hoài Khanh (3 tập):*
1. Thân phận (xb trước 1975, tái bản) 2. Lục bát (xb trước 1975, tái bản) 3. Gió bắc, trẻ nhỏ, đóa hồng và dế (xb trước 1975, tái bản)
- *Tuyển truyện Sáng Tạo*
- *Thảo luận Sáng Tạo*
- *Thơ từ Sáng Tạo*
- *Tạp chí Sáng Tạo toàn bộ 40 tập (cũ và mới) chụp và đóng thành bốn bộ.*

- Văn các số 121, 125, 132, 181, 210, giai phẩm Văn tháng 10-1973, giai phẩm Văn tháng 3-1975, số chủ đề Thanh Tâm Tuyền, số chủ đề Hội Họa.
- Tạp chí Vấn Đề số 62 (số bị tịch thu)
- Tạp chí Hiện Đại (số 4 tháng 7-1960) chủ đề Saigon ban đêm
- Văn Hóa Nguyệt San chủ đề Nguyễn Du (Bộ văn hóa xã hội, năm 1963, sách dày trên 360 trang khổ lớn)
- tạp chí Sóng số ra mắt 1973.
- tạp chí Thế Đứng số 2 Xuân Canh Tuất khổ tabloid
- Sao em không về làm chim thành phố (thơ của Lâm Vĩ Thủy)
- Vàng lạnh (thơ Nguyễn Nho Sa Mạc)
- Tuyển truyện Một Thời Ý Thức
- Cúi mặt (truyện dài của Bùi Đăng, do Thái Phương xuất bản năm 1969)
- Đốt tuổi (thơ Phan Nhự Thức)
- Một mình như cánh lá (thơ Hạc Thành Hoa)
- Điệp khúc tình yêu & trái phá (thơ Kiệt Tấn)
- Tuyển truyện Y Uyên
- Lẽo đẽo một phương quì (thơ Từ Thế Mộng)
- Vũ trụ thơ I & II (tiểu luận của Đặng Tiến)
- Truyện ngắn Lê văn Thiện.
- Những cơn mưa mùa đông truyện dài của Lữ Quỳnh
- Kẻ lạ ở thiên đường (Phùng Thăng dịch từ tác phẩm Simone Well)
- Lược đồ văn học VN (quyển Hạ và Thượng) của Thanh Lăng (chụp lại - đóng bìa cứng) dày gần 1800 trang.
- . Truyện Trần Hoài Thư từ Văn
- Truyện Trần Hoài Thư từ Bách Khoa
- Truyện Trần Hoài Thư từ Vấn Đề
- Truyện Trần Hoài Thư từ Trình Bày, Văn Học, Nghiên Cứu văn Học, Thời Tập...
- Những vì sao vĩnh biệt (Tập truyện của Trần Hoài Thư, Ý Thức xb lần đầu 1971, Thư Ấn quán tái bản 2015)
- Tiếng thơ miền Trung (tập thơ xb năm 1958 tái Huế)

Tác phẩm của bằng hữu

- *Mây khói quê nhà* (thơ của Phạm Cao Hoàng)
- *Lục bát* (thơ Hoàng Xuân Sơn)
- *Hương Sắc mong manh* (thơ Hoài Khanh xb sau năm 1975)
- *Những tháng năm cuồng nộ* (truyện dài của Khuất Đầu)
- *Người giữ nhà thờ họ* (tập truyện của Khuất Đầu)
- *Người tử tù và Những truyện khác* (Khuất Đầu)
- *Màu Thời Gian* (tập truyện Phạm Văn Nhân)
- *Vùng Đồi* (tập truyện Phạm Văn Nhân)
- *Giờn bóng chiêm bao* (thơ Trần Phù Thế)
- *Gọi khan giọng tình* (thơ Trần Phù Thế)
- *Đời thủy thủ* (truyện dài của Vũ Thất)
- *Nghề Thầy* (tập văn Cao Vị Khanh)
- *Lệ từ Nét Ngang* (thơ Cao Vị Khanh)
- *Quá Giang Thuyền Ngược* (thơ Lâm Anh)
- *Bi khúc* (thơ Lê Văn Trung)
- *Chân dung tự vệ* (tập truyện của Nguyễn Lệ Uyên)
- *Sông chảy về núi* (tập truyện của Nguyễn Lệ Uyên)
- *Mưa trên sông Dakbla* (tập truyện của Nguyễn Lệ Uyên)
- *Nhật Ký thăng điên* (truyện dài của Nguyễn Lệ Uyên)
- *Trang sách và những giấc mơ bay quển 1 và 2* (nhận định văn học miền Nam của Nguyễn Lệ Uyên)
- *Biển của hai người* (tập truyện Mang Viên Long)
- *Tháng tư, lính không cần hớt tóc* (thơ Nguyễn Phúc Sông Hương)
- *Để trăng khuya kịp rót đầy sớm mai* (thơ Đặng Kim Côn)
- *Dưới trời dạ ngọc* (thơ Đặng Kim Côn)
- *Một ngày, một ngàn ngày* (tập truyện Đặng Kim Côn)
- *Ca nguyện, gọi cây xương rồng trong gió* (thơ Nguyễn Thanh Châu)
- *Ca oán, đến với mùa giải oan* (thơ Nguyễn Thanh Châu)
- *Đan tâm* (thơ Phạm Ngọc Lư)
- *Thơ từ cõi nhiều nhưong* (Nhận định thi ca thời chiến – nhiều tác giả)
- *Bốn ngàn năm chen lán* (tập truyện của Hoài Ziang Duy)
- *Nửa khuôn mặt* (thơ Khoa Hữu)
- *Chàng Nho sinh dưới gốc tùng* (thủ bút của Lữ Kiều)
- *Thanh thi* (thi phẩm của Luân Hoán)
- *Đọc 12 tác phẩm văn chương VN* (Hoàng Ngọc Hiến)
- *Thơ Viêm Tịnh*
- *Lá Daffodil thất bím* (truyện Nguyễn Âu Hồng)

- *Đêm ôm đàn uống rượu một mình* (thơ Nguyễn Dương Quang)
- *Cào lá ngoài sân đêm* (thơ Đinh Cường)

Tác phẩm của Trần Hoài Thư **Văn**

1. Ra biển gọi thăm (tập truyện)
2. Mặc niệm chiến tranh (tập truyện)
3. Thế hệ chiến tranh (tập truyện)
4. Đêm Rừng Tràm (Tập truyện)
5. Đại Đội Cũ, Trang Sách Cũ (tập văn)
6. Thủ Đức Gọi Ta Về (Tập văn)
7. Hành trình của một cô trắng (truyện vừa)
8. Ở Một Nơi Trên Trường Sơn (tập truyện)
9. Về hướng mặt trời lặn (Tập truyện)
10. Truyện từ Văn
11. Truyện từ Bách Khoa
12. Truyện từ Văn Đề
13. Truyện từ Trình Bày, Văn Học, Nghiên Cứu văn Học, Thời Tập...
14. Những vì sao vĩnh biệt (Ấy Thức xb lần đầu 1971, Thư Ấn quán tái bản 2015)

Thơ:

- Thơ Trần Hoài Thư (tuyệt bản)
- Ô Cửa (thi tuyển toàn tập – 2004)
- Xa xứ (2011)

TẠP CHÍ THƯ QUÁN BẢN THẢO

- Tạp chí Thư Quán Bản Thảo. Tạp chí ra 2 tháng ra một số, hiện nay đã vào năm thứ 15. Một số chủ đề tiêu biểu viết về:
- Y Uyên, Nguyễn Bắc Sơn, Vũ Hữu Định, Nguyễn Nho Sa Mạc, Nguyễn Lệ Uyên, Hạc Thành Hoa, Trần Dạ Lữ, Khoa Hữu, Lâm Anh, Luân Hoán, Khuất Đầu
- số đặc biệt về Phùng Thăng, Hoàng Ngọc Hiến
- Số chủ đề đặc biệt về Sáng Tạo, Trình Bày, Văn Đề, Thời Tập, Bách Khoa, Văn, Hiện Đại
- v.v...**

GIỮA THÂN HỮU VÀ TÒA SỌAN

Nhắn tin

Tủ sách di sản văn chương Việt Nam

Bảng Lược đồ Văn học VN (Thượng và Hạ) của Thanh Lăng gồm 2 quyển. Mỗi quyển dày gần 900 trang. Đây là bộ nghiên cứu văn học VN mà tác giả đã dùng để dạy tại trường đại học Văn Khoa Sài Gòn. Chúng tôi đã trả một lệ phí khá cao để sưu tập từ chụp bản (Giá khoảng 15 cent 1 trang) đến lệ phí mượn cũng như bỏ ra rất nhiều tâm huyết.

Toàn bộ bản chụp được chỉnh trang lại hoàn toàn, sửa chữa những chỗ bị lem lấm hay không đọc được, dùng kỹ thuật photoshop để tăng Resolution (độ rõ) đối với những chữ lu mờ. Cả hai quyển Thượng và Hạ chúng tôi dự trù sẽ đóng thành sách với bìa cứng nếu quý bạn nào cần.

Giá tượng trưng \$100 cho mỗi quyển.. Nếu có thể được gởi tem càng tốt, còn không thì thôi. Nếu ủng hộ cao hơn để tiếp trợ TQBT, chúng tôi rất cảm ơn. Xin vui lòng cho chúng tôi biết để chúng tôi khởi công. Lúc này còn mạnh, Nay mai không biết còn dịp để còn: "lão ngồi khâu di sản/kim đâm mà không hay" nữa hay không. (THT)



